

Vietsub By 8xTRADING

RUBÉN VILLAHERMOSA CHAVES

Wyckoff 2.0

**Structures, Volume Profile
and Order Flow**



**COMBINING THE LOGIC OF THE WYCKOFF
METHODOLOGY AND THE OBJECTIVITY
OF THE VOLUME PROFILE**

Converted By NordiC Hunter

MỤC LỤC

Chương 1, Các Khái Niệm Nâng Cao Của Phương Pháp Wyckoff	1
1.1 The Labels	2
1.2 Price & Volume	3
1.3 Advanced Chart Types	4
1.3.1 Tick charts.....	4
1.3.2 Volume charts.....	4
1.3.3 Range charts	4
1.4 Accumulation Or Distribution Failure.....	5
1.5 Structural Failure.....	8
1.5.1 Weakness.....	9
1.5.2 Strength.....	9
1.6 Shortening Of The Thrust (SOT)	10
1.7 Other Types Of Structures	13
1.7.1 Cấu Trúc Có Độ Dốc	14
1.7.2 Các Cấu Trúc Bất Thường.....	28
Chương 2, Giải Đáp Các Nghi Vấn Thường Sảy Ra Trong Thị Trường	31
2.1 Efficient Use Of Lines	31
2.1.1 Tầm Quan Trọng Của Bối Cảnh	33
2.2 Thay Đổi Nhấn Và Lập Kịch Bản.....	34
2.3 Cách Phân Biệt Giữa Tích Lũy Và Phân Phối	37
2.3.1 Type Of Test In Phase A.....	38
2.3.2 Type Of Phase B Test And Reaction.....	39
2.3.3 The Shake In Phase C	41
2.3.4 Price And Volume Action In Phase D	43
2.3.5 The Overall Volume During The Development Of The Range	45
2.3.6 The Weis Wave Indicator Analysis	46
2.4 Cách Phân Tích Một Biểu Đồ Từ Con Số 0	49
2.4.1 Structures	50
2.4.2 Vùng Hoạt Động.....	51
2.4.3 Giảm Khung Thời Gian.....	52
2.4.4 Tăng Khung Thời Gian	54

2.5 Làm Gì Khi Bối Cảnh Không Rõ Ràng ?.....	56
2.5.1 Người Kiểm Soát.....	57
Chương 3, Hệ Sinh Thái Trading Hiện Nay	58
3.1 Những Đối Tượng Tham Gia Thị Trường Tài Chính	59
3.1.1 Hedgers - Người Phòng Hộ.....	60
3.1.2 Speculators - Nhà Đầu Cơ	60
3.1.3 Arbitrage - Nhóm Kinh Doanh Chênh Lệch Giá.....	61
3.2 Electronic Markets - Thị Trường Giao Dịch Điện Tử.....	62
3.2.1 Algorithmic Trading	63
3.2.2 High Frequency Trading - Giao Dịch Tần Suất Cao	64
3.2.3 Tác Động Của Thuật Toán Tần Suất Cao Đối Với Chúng Ta.....	66
3.3 Over The Counter Markets (OTC).....	66
3.3.1 Tác Động Của Thị Trường OTC Đối Với Chúng Ta.....	68
3.4 Dark Pools	69
3.4.1 Tác Động Của Dark Pool Đối Với Chúng Ta	71
3.5 Thị Trường Mang Tính Ngẫu Nhiên Hay Có Thể Xác Định ?	72
3.5.1 The Adaptive Market Hypothesis	74
3.5.2 Phương Pháp Wyckoff Phù Hợp Trong Trường Hợp Nào?	75
Chương 4, Tầm Quan Trọng Của Khối Lượng	76
4.1 Thuyết Đấu Giá	77
4.1.1 Các Biến.....	79
4.1.2 Nhận Thức Về Giá Trị	81
4.1.3 Bốn Giai Đoạn Vận Động Của Thị Trường.....	84
4.2 Quy Luật Cung Cầu	86
4.2.1 Các Sai Lầm Thường Gặp.....	87
4.2.2 BID/ASK, Spread And Liquidity	88
4.2.3 Phân Loại Các Nhà Giao Dịch Dựa Trên Hành Vi.....	90
4.2.4 Điều Gì Khiến Giá Di Chuyển	91
4.2.5 Diễn Biến Của Thị Trường.....	93
4.3 Order Types- Các Loại lệnh.....	95
4.3.1. Các Loại Lệnh.....	95
4.4 Công Cụ Phân Tích Khối Lượng	98
4.4.1 Order Book.....	99

4.4.2 Time & Sells	102
4.4.3 Footprint	103
4.4 Delta	104
4.5 The Order Flow Problem.....	105
4.5.1 Vấn Đề #1 Price Divergence	109
4.5.2 Vấn Đề #2 Delta Divergence	111
4.5.3 Price & Volume Operator.....	112
4.5.4 Kết Luận.....	113
Chương 5, Volume Profile	115
5.1 Thuyết Đầu Giá + Volume Profile	116
5.2 Cấu Tạo Của Volume Profile	117
5.3 Các Loại Profile	128
5.4 Sự Khác Biệt Giữa Khối Lượng Theo Chiều Dọc Và Chiều Ngang.....	133
5.5 Sự Khác Biệt Giữa Volume Profile Và Market Profile	134
5.6 Dạng Hồ Sơ	137
5.6.1 p-shape Profile	139
5.6.2 b-shape Profile	141
5.7 Ứng Dụng Volume Profile	142
5.7.1 Xác Định Cấu Trúc	142
5.7.2 Xác Định Bias Thị Trường	145
5.7.3 Thông Qua Phân Tích Các Mốc Hoạt Động (Operative Levels).....	147
5.7.4 Phân Tích Sức Mạnh Xu Hướng.....	151
5.7.5 Sự Dịch Chuyển Của VPOC	154
5.7.6 Tìm Kiếm Và Hiệu Chính Các Vị Trí	160
5.8 Nguyên Tắc Hoạt Động Với Vùng Giá Trị.....	161
5.8.1 Nguyên Tắc Của Trading Range	161
5.8.2 Nguyên Tắc Của Sự Đảo Chiều.....	163
5.8.3 Nguyên Tắc Tiếp Diễn.....	165
5.8.4 Nguyên Tắc Đảo Chiều Không Thành Công	167
5.8.5 Bảng Tóm Tắt Các Nguyên Tắc Hoạt Động Với Các Vùng Giá Trị.....	169

Chương 6, Order Flow	170
6.1 Đọc Footprint.....	171
6.2 Sự Mất Cân Bằng	172
6.3 Rotation Pattern	174
6.3.1 Mô Hình Đảo Chiều Giảm: Sự Hấp Thụ Mua Và Khởi Đầu Của Xu Hướng Giảm.....	177
6.3.2 Mô Hình Đảo Chiều Tăng: Sự Hấp Thụ Lực Bán Và Khởi Đầu Trend Tăng	179
6.4 Mô Hình Tiếp Diễn.....	181
6.5 Fractality	185
Chương 7, Wyckoff 2.0	188
7.1 Phân Tích Bối Cảnh	194
7.1.1 Bối Cảnh Giá Trong Trading Range	195
7.1.2 Bối Cảnh Giá Trong Xu Hướng	196
7.1.3 Giao Dịch Trong Trading Range.....	197
7.1.4 Khi Giá Đang Trong Xu Hướng	199
7.2 Xác Định Các Vùng Và Mốc Hoạt Động.....	202
7.3 Xây Dựng Các Kịch Bản.....	206
7.4 Quản Lý Vị Thế	209
7.4.1 Entry.....	209
7.4.2 Stop Loss	213
7.4.3 Take Profit	216
7.4.4 Phải Làm Gì Khi Giá Rời Đi Mà Chưa Kịp Vào Lệnh ?	219
Chương 8, Case Studies	220
8.1 Cặp Euro/Dollar (\$6E).....	220
8.2 Cặp Pound/Dollar (\$6B)	223
8.3 Cặp S&P500 Index (\$ES).....	225
8.4 Cặp US Dollar/Canadian Dollar (\$6C).....	228
8.5 Cặp Pound/Dollar Cross (\$6B).....	230
8.6 Cặp Euro/Dollar (\$6E).....	233

WYCKOFF 2.0-Vietsub by 8xTRADING

Chương 1, Các Khái Niệm Nâng Cao Của Phương Pháp Wyckoff

Cả cuốn sách trước " The Wyckoff Methodology in Depth " và cuốn sách này không có ý định tiết lộ cách tiếp cận phương pháp luận Wyckoff từ quan điểm thuần túy sơ khai nhất của nó. Có thể vẫn có các nhà khai thác Wyckoff theo phương pháp cổ truyền trên thị trường nhưng chúng tôi hiểu rằng thị trường ngày nay đã thay đổi đáng kể từ những nghiên cứu được Richard Wyckoff nghiên cứu và nhiệm vụ của chúng tôi là phải biết cách thích ứng với những thay đổi này.

Nhưng có một thứ là bất biến và lợi thế của nó chính là những nguyên tắc mà giáo lý của ông dựa trên. Bất kể thị trường và các nhà khai thác của họ đã thay đổi như thế nào, mọi thứ tiếp tục được điều chỉnh bởi quy luật chung về cung và nhu cầu; và đây là nền tảng của phương pháp luận. Cách mới tôi đề xuất để phân tích thị trường này là do sự đúc kết khi tôi trao đổi, thảo luận với những nhà giao dịch theo Wyckoff thuần túy, những người đã biết về phương pháp này từ trước đó.

Như tôi đã nói, mục tiêu không phải là dạy hình thức sơ khai nhất của phương pháp luận, mà là thực hiện các nguyên tắc mà tôi cho là hợp lệ và nâng cao chúng cùng với các công cụ hiện đại nhất của phân tích khối lượng. Trên thực tế, tôi tin rằng việc truyền bá thật giống những lời dạy của Richard Wyckoff như ông ấy đã chia sẻ chúng với mọi người là không thể.

Cuối cùng, mỗi người dạy quan điểm của mình về phương pháp luận cùng với các công cụ giúp họ tự tin hơn. Điều quan trọng là thu được lợi nhuận từ thị trường bất kể cách tiếp cận được sử dụng. Đã nói rằng, tôi chắc chắn rằng nếu Richard Wyckoff còn sống đến ngày hôm nay, ông ấy sẽ quan tâm đến việc phát triển các giáo lý của mình để chúng phù hợp hơn với thị trường. Như khi ông còn sống, ông ấy vẫn còn đang nghiên cứu về khối lượng, và nếu còn sống tới bây giờ chắc chắn ông ấy sẽ nghiên cứu sâu hơn về các công cụ như Khối lượng, Hồ sơ và Dòng đặt hàng.

Và đây chính xác là những gì chúng tôi đã làm và những gì tôi sẽ trình bày với bạn thông qua quyển sách; tập hợp các nguyên tắc vững chắc nhất của thị trường phân tích với các công cụ tiên tiến nhất của phân tích khối lượng. Nhưng trước khi chúng ta đi đến điểm đó, hãy thêm một số khái niệm nâng cao mà bạn nên biết và làm rõ một số nghi vấn thường xuyên xảy ra trong thị trường.

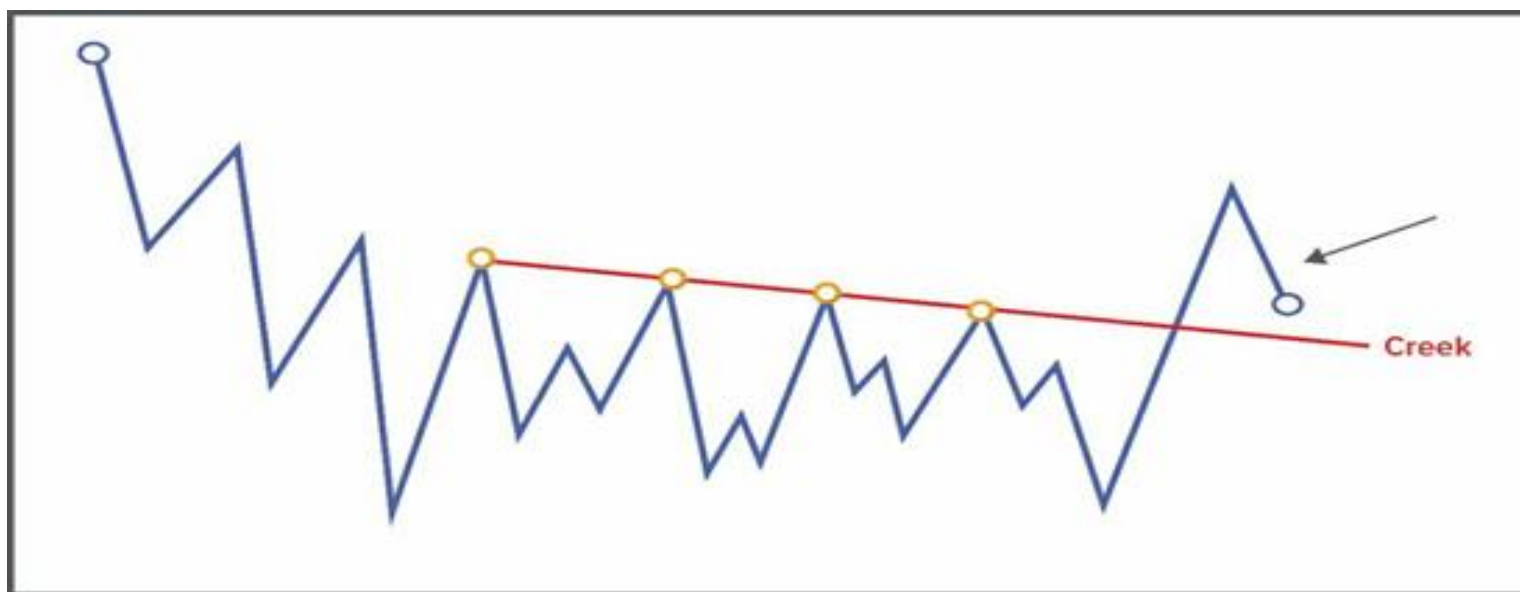
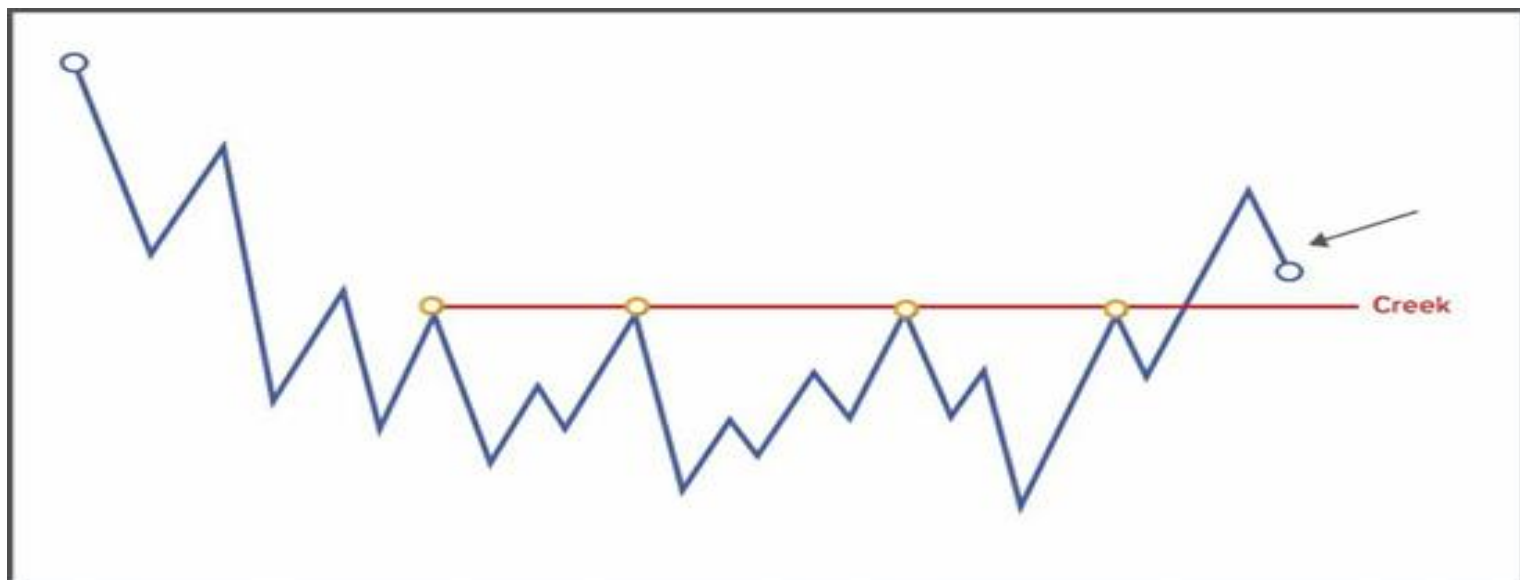
1.1 The Labels

Thị trường có thể di chuyển theo nhiều hình thái, không nhất thiết phải xác định và gắn nhãn cho từng sự kiện (Climax, Reaction, Test..).

Nếu cứ cố gắng chúng ta vẫn có thể gắn nhãn cho từng sự kiện nhưng điều đó không quan trọng. Quan trọng là logic đằng sau nó: Để giá tăng thì trước đó phải có quá trình tích lũy, và để giảm thì trước đó phải có quá trình phân phối. Cách thức hoặc hình thái mà quá trình này phát triển không phải là yếu tố quyết định.

Thay vì nghĩ cách gán nhãn cho từng biến đổi, thì hãy tập trung vào các dấu vết mà ta quan sát được để thấy được ai đang giành quyền kiểm soát thị trường.

Ví dụ: Một vài hình thái mà khó xác định rõ các sự kiện.



1.2 Price & Volume

Dữ liệu về giá chắc chắn là thích đáng (chính xác) hơn khối lượng.

- Khối lượng có thể bị sai lệch do chênh lệch múi giờ giữa giờ địa phương và giờ giao dịch thông thường (RTH).

Ví dụ: Biểu đồ S&P500 khối lượng và giá biến động cao nhất là trong phiên Mỹ, vì vậy việc phân tích dữ liệu giá và khối lượng ngoài phiên Mỹ sẽ dễ dẫn tới nhầm lẫn. Điều tương tự cũng xảy ra khi sắp dừng giữa, hoặc cuối ngày.

- Cách giải quyết là vừa quan sát theo giờ địa phương vừa quan sát theo giờ giao dịch thông thường (RTH) hoặc quan sát dữ liệu theo khung D.

- Ngoài ra khối lượng còn bị sai lệch do các giao dịch OTC và giao dịch chợ đen.

Giá phản ánh tất cả thông tin, hành động giá sẽ phản ánh tất cả 1 cách trung thực mà không cần quan tâm về thời gian của phiên. (Đây không phải là lời khuyên từ bỏ phân tích khối lượng, mà chỉ làm rõ mức độ phổ biến của giá so với khối lượng).

1.3 Advanced Chart Types

Hiện nay có 3 loại biểu đồ phổ biến là Ticks chart, Volume Chart, và Range Chart. Ưu điểm của cả 3 loại này là loại bỏ được biến thời gian nên giảm được các tín hiệu gây nhiễu trong time chart.

1.3.1 Tick charts

Mỗi tick đại diện cho 1 giao dịch, do đó biểu đồ sẽ được cập nhật (nến cũ đóng lại, nến mới được mở ra) khi một số lượng giao dịch nhất định đã diễn ra.

Hình thái của biểu đồ sẽ khác nhau giữa các thị trường. Ví dụ chart được setup 1000 tick = 1 nến, nhưng số lượng giao dịch ở 1000 tick đó ở các thị trường sẽ khác nhau.

Nói chung các biểu đồ (của các thị trường) sẽ khá giống nhau, nhưng sẽ có các khác biệt nhỏ, nhưng khác biệt này sẽ cung cấp cho ta các thông tin thú vị vì loại biểu đồ này chỉ đo lường số lượng giao dịch mà ko tính đến khối lượng giao dịch.

1.3.2 Volume charts

Nếu Tick charts vẽ nến mới sau một số lượng nhất định, thì Volume chart sẽ vẽ nến mới sau mỗi khối lượng giao dịch nhất định. Ví dụ: Một chart được đặt khối lượng là 1000 sẽ tạo ra 1 thanh nến mới khi số tiền đó được giao dịch, bất kể số lượng giao dịch được yêu cầu để hoàn thành khối lượng này.

1.3.3 Range charts

Trong khi 2 loại trên dựa trên sự mô tả về dữ liệu khối lượng thì range chart dựa trên dữ liệu giá. Tất cả các thanh nến đều hiển thị cùng 1 kích thước, bất kể mất bao lâu thời gian để hình thành dc thanh nến đó. Trong môi trường có độ biến động cao, sẽ có nhiều nến dc hình thành và ngược lại với môi trường có độ biến động thấp.

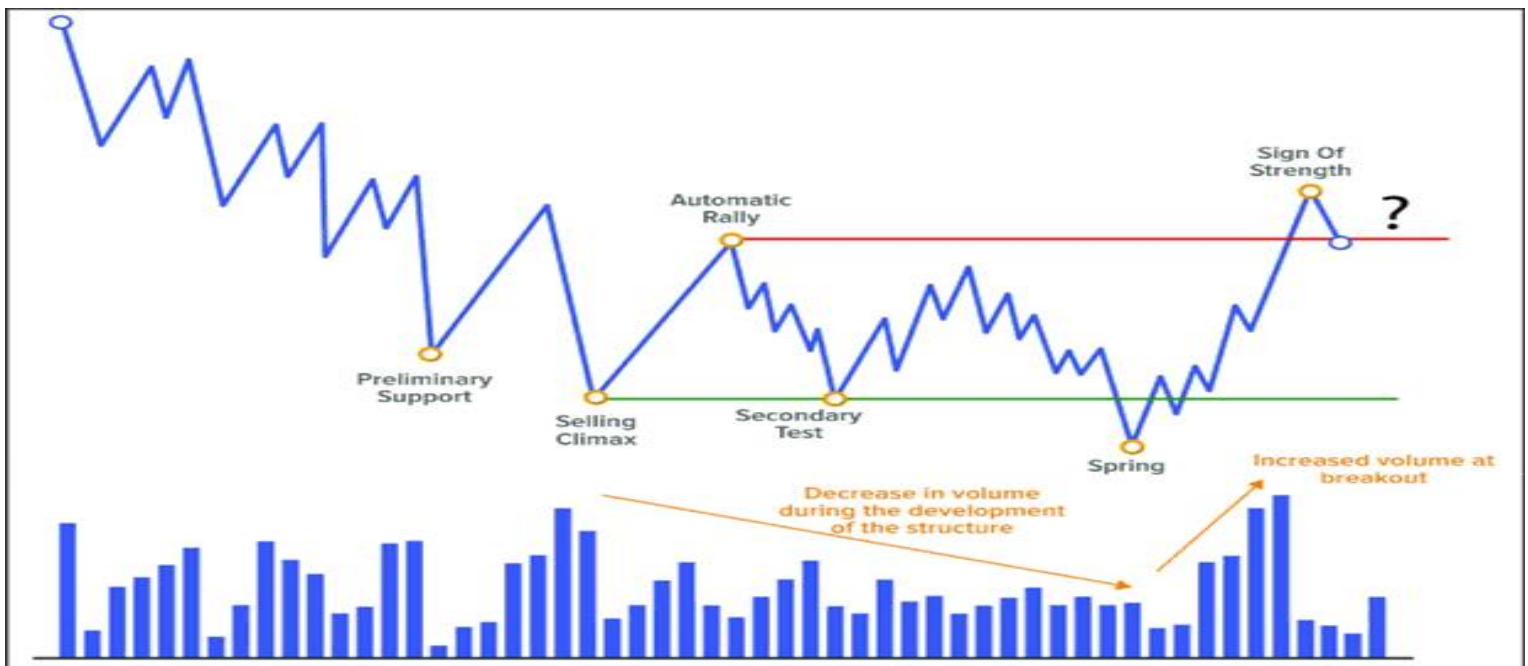
Ví dụ: Nếu cài đặt phạm vi là 15, thì các thanh nến mới sẽ xuất hiện khi giá di chuyển 15 đơn vị (bất kể tăng hoặc giảm).

1.4 Accumulation Or Distribution Failure

Khi phân tích các dấu vết quan sát được trên biểu đồ cho thấy sự mất cân bằng đang nghiêng về phía bên này, nhưng sau đó thực tế lại cho thấy phe đối diện mới là bên gây sức ép mạnh mẽ hơn thì ta gọi đó là 1 cấu trúc thất bại.

Trong quá trình phát triển của cấu trúc, vị thế của các bên có thể liên tục thay đổi (phe mua mạnh hơn hay phe bán mạnh hơn) tùy thuộc vào các kiểu của người giao dịch và định giá mà họ đưa ra cho tài sản.

Cho đến khi ảnh hưởng của một nguyên nhân được thấy rõ, chúng ta không thể biết được cấu trúc đó là gì (tích lũy hay phân phối) vì thế nên hạn chế sử dụng thuật ngữ này, bởi một sự tích lũy thất bại sẽ luôn là phân phối và ngược lại.



Khi giá tạo ra 1 Spring tiềm năng, và từ đó giá đi vào lại vùng thanh khoản phía trên. Rõ ràng là ở phía dưới phe mua đã nhập cuộc với một nỗ lực nhất định. Nhưng chúng ta không biết được khi nào thì những người đã mua ở đó sẽ đóng vị thế.

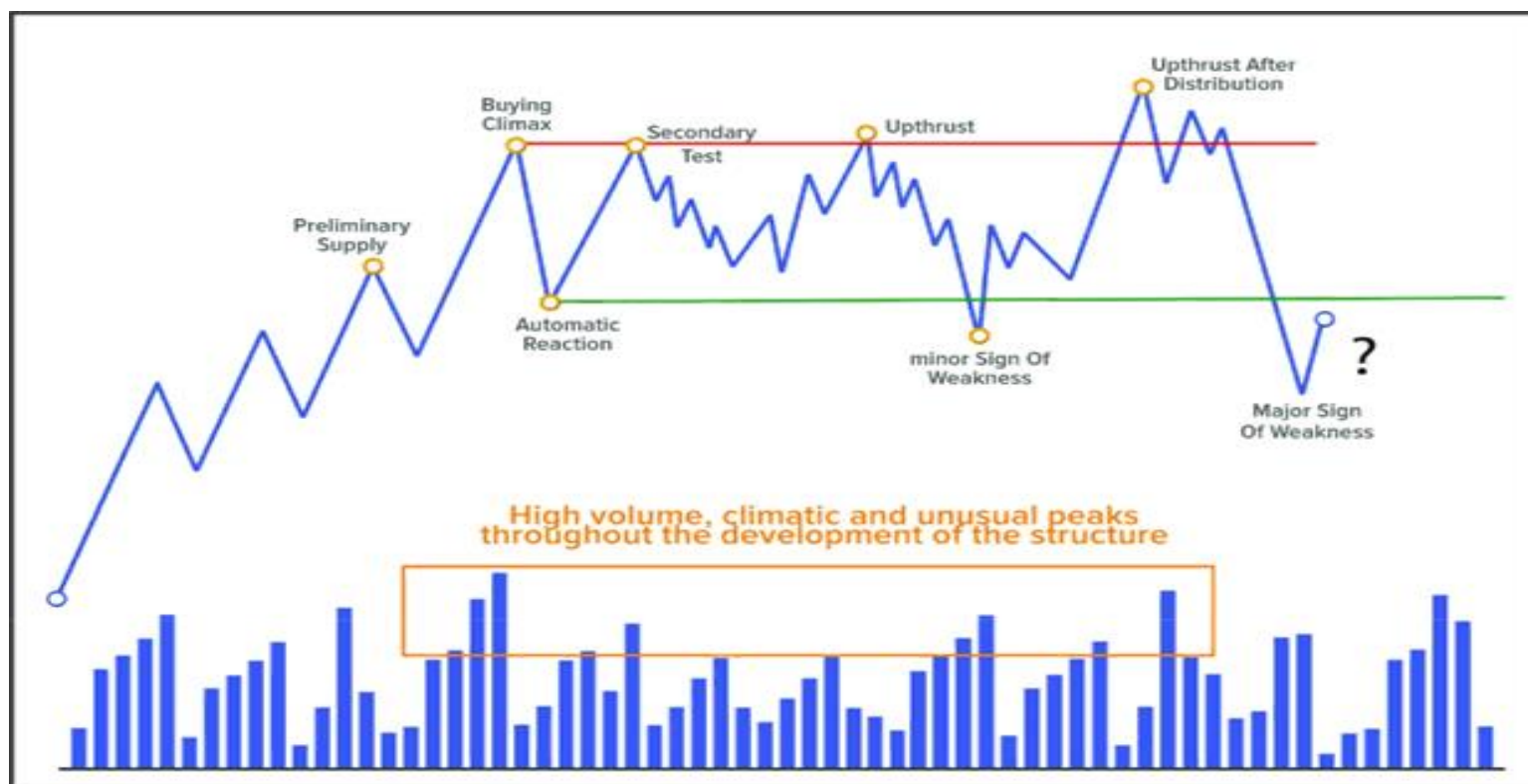
- Họ có thể là những nhà giao dịch Short term sẽ đóng vị thế khi giá đi lên vùng thanh khoản phía trên điều này sẽ làm cho giá đi xuống.
- Hoặc có thể là những nhà giao dịch Long term khi đã mua được ở spring, họ sẽ cố gắng hết sức để bảo vệ vị thế của mình nếu cần, điều này sẽ xây dựng sự hình thành của việc tăng giá.

- Ngoài ra ta cũng không biết được liệu trong khi chờ xây dựng sự tăng giá sẽ có các nhà giao dịch dài hạn hơn, lớn hơn sẽ nhảy vào tận dụng sự xây dựng tăng giá để vào lệnh short sell hay không ?

- Chúng ta phải nhớ rằng không phải Bigboy lúc nào cũng thắng một cách có hệ thống và lặp đi lặp lại theo thời gian. Cấu trúc thất bại này là 1 ví dụ hoàn hảo cho việc đó (bigboy đang tích lũy thì bị bigboy khác to hơn nhảy vào bán => tích lũy bị biến thành phân phối).

Chìa khóa để xác định cấu trúc thất bại là khi thấy tất cả dấu hiệu đều nghiêng về một phía nhưng tại thời điểm quyết định (test sau khi break) nó lại không thành công và bị mất cân bằng theo hướng ngược lại.

Ví dụ: Sự tích lũy thất bại là khi tất cả các dấu vết đều cho thấy rằng phe mua đang chiếm ưu thế, ngoài ra còn có 1 spring tiềm năng, sự bứt phá đi lên từ spring là hợp lý xét theo quan điểm về hành động giá và khối lượng. Nhưng ở vị trí quyết định BUEC (có thể hiểu là vị trí test lại sau khi bứt phá) giá lại không thể tiếp tục tăng, sự mất cân bằng xuất hiện nghiêng về phe bán nghĩa là đây thực ra là cấu trúc của quá trình phân phối.



- Tương tự như vậy, đối với qua trình phân phối thất bại: Dấu vết có lợi cho phe bán, hình thành upthrust tiềm năng, sự phá vỡ đi xuống thực sự là ở vị trí test sau khi break, lúc này sức mua mạnh mẽ hình thành cấu trúc của quá trình tích lũy.

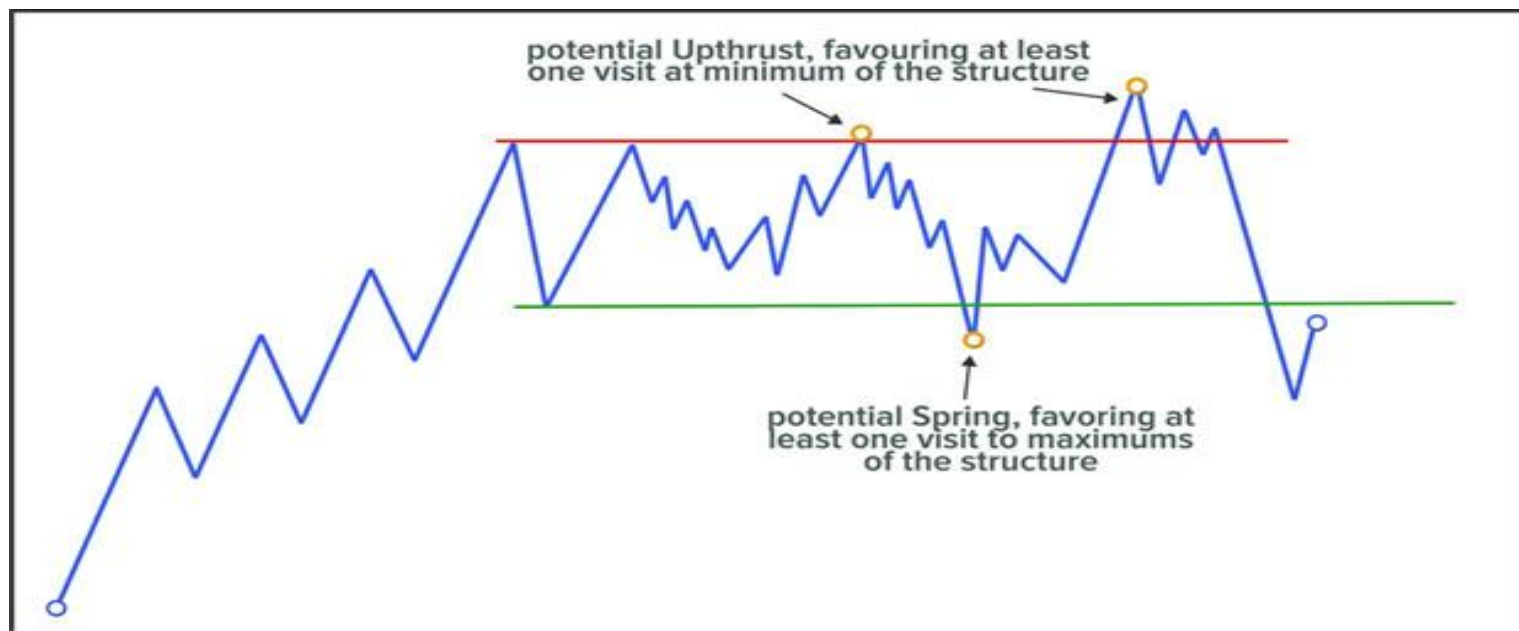
Có 2 điều quan trọng rút ra :

- Chúng ta không thể biết được ý đồ của các nhà giao dịch đang tạo nên chuyển động của thị trường (họ sẽ đóng vị thế ở vùng thanh khoản tiếp theo hay sẽ có tầm nhìn dài hạn hơn và tiếp tục cho đến khi cấu trúc được phát triển hoàn thiện).

- Chúng ta không thể biết được liệu các nhà giao dịch có năng lực cao hơn có can thiệp hay không. Các nhà giao dịch hiệu chiến, với tiềm lực lớn hơn có thể xuất hiện để chèn ép thị trường đi theo hướng ngược lại vì trong dài hạn họ có quan điểm khác.

=>> Đây là những khó khăn mà ta luôn gặp phải, nhưng ta có lợi thế là có thể hoạt động nương theo sự mất cân bằng cuối cùng vì thế điều quan trọng nhất là phải xác định được sự kiện chi phối: cú shock.

Cú shock đề cập ở trên là hành động mang tính quyết định nhất của toàn bộ thị trường. Logic của nó mạnh đến mức chúng ta luôn luôn có thiên hướng nương theo nó. Vì vậy nếu phần còn lại của dấu hiệu tương thích với nó ta sẽ ưu tiên vào lệnh theo thiên hướng của cú rung lắc cuối cùng. Nghĩa là rất lâu sau khi thấy cú spring tiềm năng, và một thời gian ngắn sau cú upthrust.



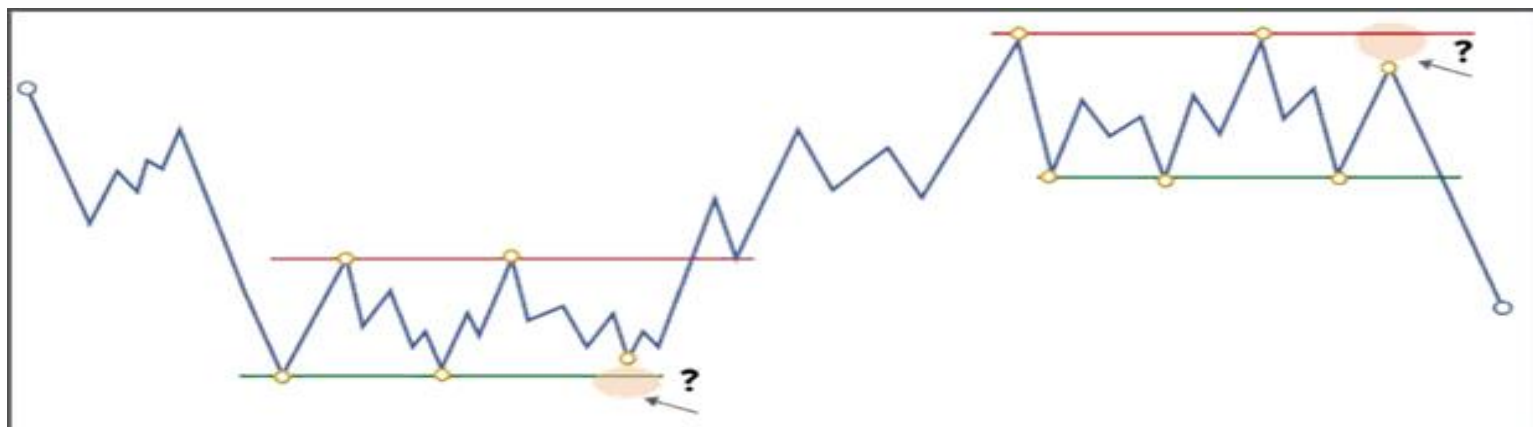
Một số người có thể cho rằng để đơn giản hóa việc phân tích thì chỉ việc chờ giá xuất hiện các tình huống uptrust / spring tiềm năng: Điều này không hẳn là ko có lý. Điểm hay của phương pháp Wyckoff là thông qua việc đưa ra cái nhìn khách quan về cách vận động của thị trường, các nhà giao dịch có thể thông qua các nguyên tắc của nó để tự xây dựng lên chiến lược của riêng mình.

Tuy nhiên những dấu vết trong sự phát triển cấu trúc cũng rất quan trọng. Nó giúp ta thiết lập các kích bản với xác suất đúng cao hơn.

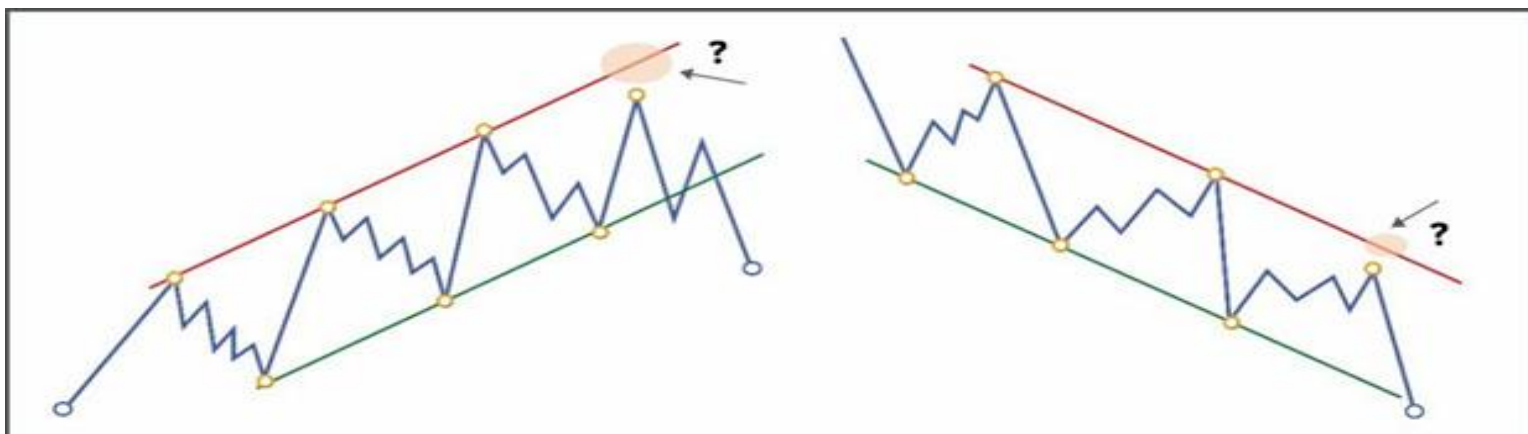
Ví dụ: Nếu thấy một số dấu vết của sự phân phối trong quá trình phát triển cấu trúc. Sau đó giá ở vị trí của sự phá vỡ xu hướng giảm tiềm năng và spring tiềm năng, thì việc phân tích toàn bộ bối cảnh sẽ ủng hộ sự phá vỡ theo xu hướng giảm trong khi các nhà phân tích chỉ chú ý đến “cú shock” sẽ có kết luận ngược lại. và (trong ví dụ này) thị trường sẽ phát triển theo hướng tiếp tục phân phối, vì sự mất cân bằng tiềm ẩn đã được thể hiện rõ trong quá trình phát triển của cấu trúc.

1.5 Structural Failure

Đầu tiên là xác định logic của cấu trúc, điều này được thể hiện bằng những “lần chạm” thành công khẳng định cấu trúc được hình thành bởi xu hướng cũng và cầu. Càng có nhiều lần chạm, ta càng có thể tin tưởng vào cấu trúc đó. Tại thời điểm đó có thể suy luận rằng giá sẽ tiếp tục đi theo logic đó từ đầu đến cuối. Nếu giá không cố gắng thực hiện cú test tiếp theo thì ta có thể nói rằng nó đã hình thành 1 cấu trúc thất bại vì nó không tuân theo logic trước đó. Tín hiệu này củng cố thêm cho kịch bản thiên về đó là sự xoay chuyển giá cuối cùng (the last turn).



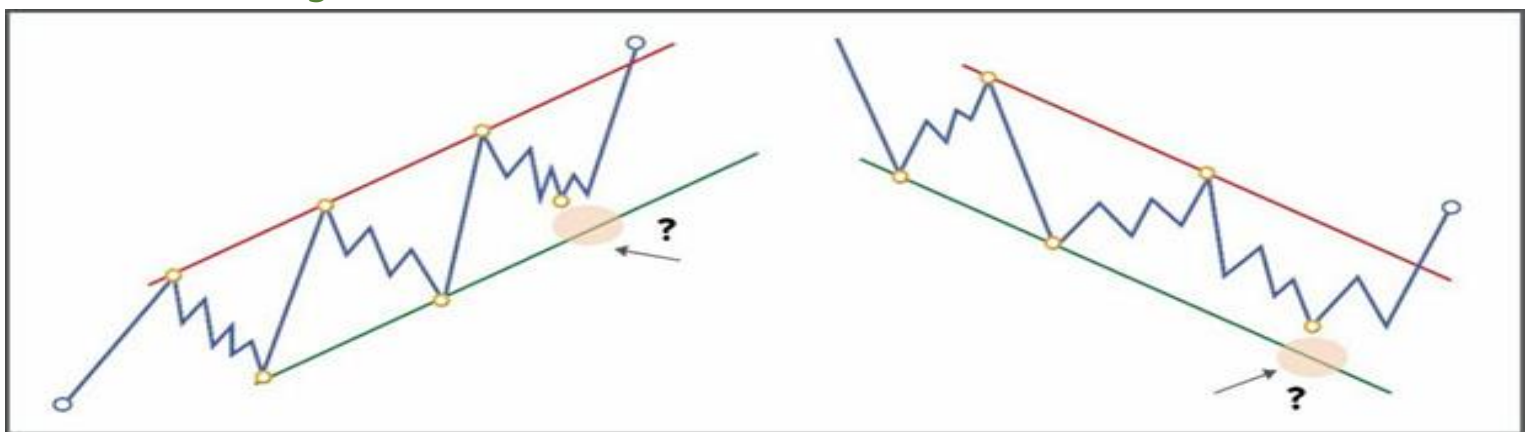
1.5.1 Weakness



Trong ví dụ trên: Giá sau nhiều lần xác nhận cấu trúc (các cú test) đã thất bại trong việc di chuyển theo logic trước đó (không test được nữa). Tính đến thời điểm đó thì đây là 1 điểm Weakness tiềm ẩn cho thấy người mua không còn kiểm soát được nữa và người bán ngày càng xuất hiện nhiều hơn.

Đây không phải là dấu hiệu của sự đảo chiều ngay lập tức, nó chỉ là 1 điểm ta cần lưu ý khi quan sát cấu trúc. Đó có thể chỉ là 1 điểm dừng tạm thời để từ đó củng cố, tích lũy và tiếp tục tăng.

1.5.2 Strength



Trong ví dụ trên: Giá không thể chạm tới biên dưới của cấu trúc. Nói cách khác, nếu giá liên tục thực hiện các cú test ở biên trên và dưới, chúng ta sẽ khuyến khích thị trường tiếp tục phát triển theo logic đó. Nếu giá vừa thực hiện 1 cú test ở biên trên thì theo logic trước đó, giá nên thực hiện 1 cú test mới ở biên dưới. Nếu trong quá trình chuyển động tiếp diễn mà giá quay đầu, không thực hiện được cú test mới

đó thì ta có thể nói rằng đã có 1 sự thất bại về cấu trúc và đó là một dấu hiệu của “Strength” vì người mua không cho phép giá xuống thấp hơn nữa.

Nếu giá đi ra khỏi biên độ này, sau đó cố gắng quay lại biên dưới, chúng ta sẽ có 1 điểm spring tiềm năng do thực tế là nó đồng thuận với sự thất bại của cấu trúc. Lý do đằng sau hành động này là phe mua đã nhảy vào ngăn không cho giá giảm. Họ có tầm nhìn và lợi ích cao hơn để ngăn không cho giá giảm tiếp và họ không muốn bất kì ai có thể can thiệp vào xu hướng tăng.

Đây không phải là dấu hiệu cho sự đảo chiều ngay lập tức, mà nó chỉ là 1 yếu tố ta nên chú ý đi phân tích bối cảnh thị trường.

1.6 Shortening Of The Thrust (SOT)

Đây là một mô hình đảo chiều. Nó là 1 công cụ mà bản đầu được Wyckoff dùng để đo lường sự mất động lượng của một xu hướng hoặc một sóng. Cách nhận biết là khi quan sát thấy điểm dừng mới (đỉnh/đáy) có biên độ ngắn hơn điểm dừng cũ, qua đó ta có thể thấy động lượng của giá đã giảm.

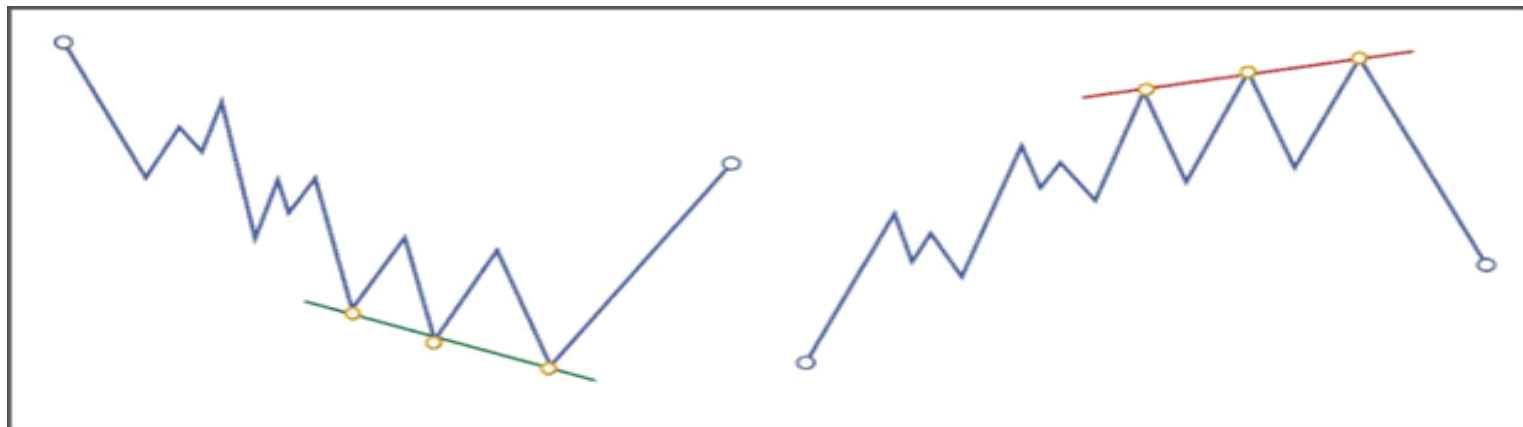
Ví dụ:

+ Đối với trend tăng nếu thấy đỉnh mới di chuyển một khoảng cách ngắn hơn đỉnh cũ thì điều này cho thấy nhu cầu đã giảm và báo hiệu sự đảo chiều có thể xảy ra.

+ Đối với trend giảm nếu thấy đáy mới có biên độ nhỏ hơn đáy cũ cho thấy nguồn cung đã giảm và báo hiệu sự đảo chiều đi lên.

Ý tưởng của mô hình này là sự suy giảm của các lực lượng đang kiểm soát thị trường ở thời điểm quan sát. Việc mất động lượng dự đoán một sự đảo chiều mạnh, thậm chí đảo chiều cả xu hướng.

Để mô hình này có hiệu lực, cần tối thiểu 3 lần đẩy theo chiều (tăng/giảm) của xu hướng. khi có từ 3 - 4 lần đẩy, sẽ rất hữu ích khi tìm kiếm mô hình này trong lần đẩy cuối cùng.

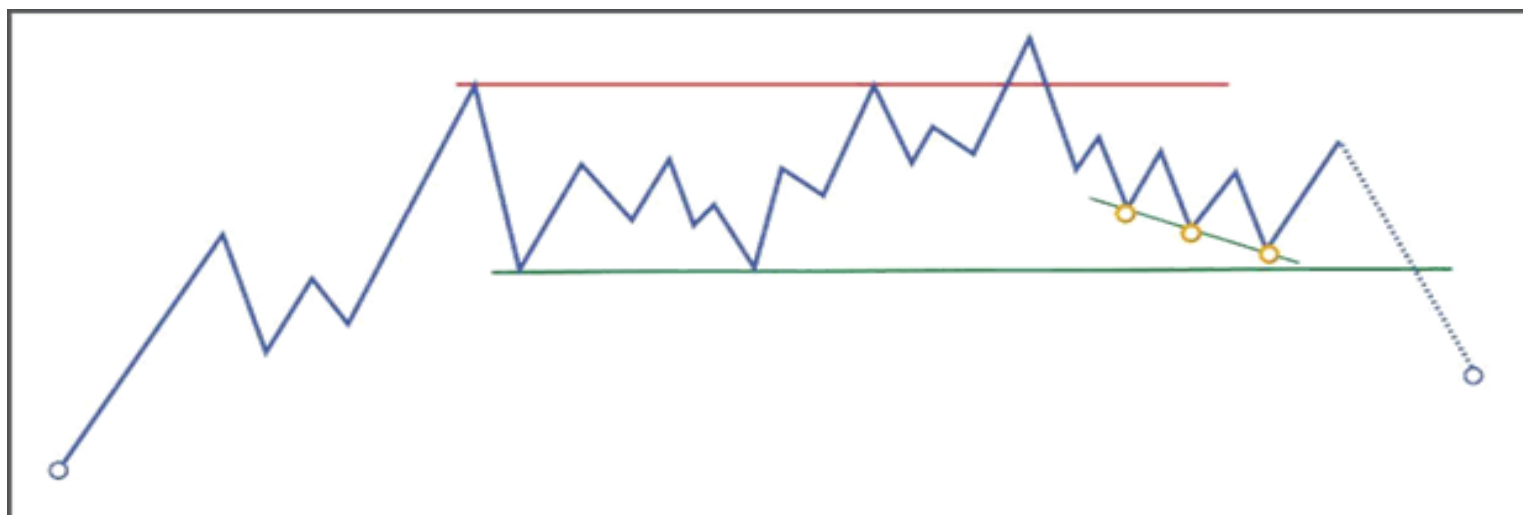


Khi động lực giảm nhưng vol lớn nghĩa là nỗ lực lớn nhưng kết quả nhỏ (phân kì). Trong trường hợp giá đang giảm, thì cầu sẽ xuất hiện, và trong trường hợp giá đang tăng thì cung sẽ xuất hiện.

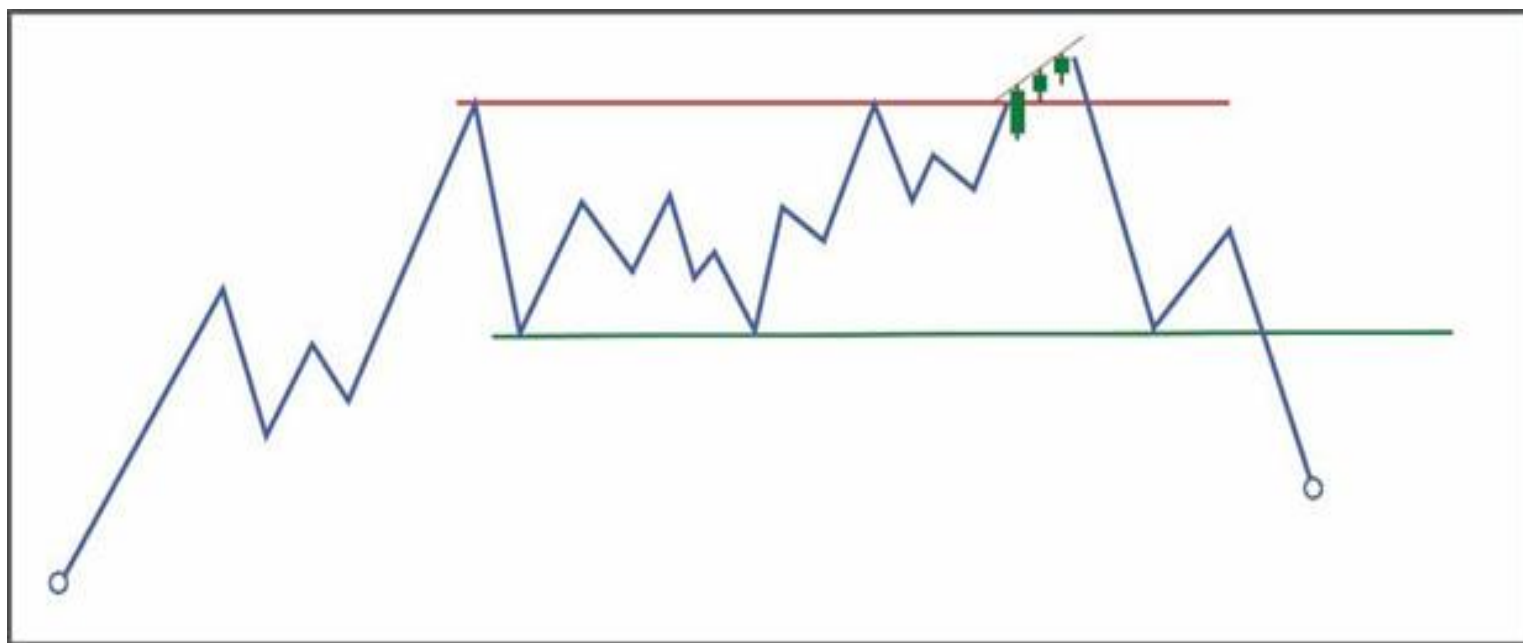
Khi động lực giảm đồng thời vol giảm có nghĩa là đang diễn ra sự cạn kiệt. Trong trường hợp giá đang giảm, nguồn cung sẽ giảm (cạn cung => trend giảm ko bền vững) Trong trường hợp giá đang tăng, nguồn cầu sẽ giảm (hết lực cầu => trend tăng ko bền vững).

Khi có nhiều hơn 4 lần đẩy mà động lực vẫn tiếp tục giảm thì có thể xu hướng đó quá mạnh để bị chống lại. Điều xác nhận sự thay đổi trong xu hướng sẽ là 1 cú đẩy mạnh theo hướng ngược lại. Sau khi giảm động lực, chúng ta muốn thấy một cú đẩy mới theo hướng ngược lại có khối lượng lớn, biểu thị ý định rõ ràng. Sau cú đổi hướng này, chúng ta có thể chờ một cú chuyển hướng ngược lại và tìm cách nương theo sóng đẩy mới này.

Phải luôn ghi nhớ bối cảnh của việc suy giảm động lực.



Nếu giá phá vỡ biên trên của một Trading Range và đảo chiều thì hành động đó là một upthrust tiềm năng. Nếu sau một vài sóng giảm mà thấy có sự suy giảm động lực (momentum) thì nó là gợi ý cho một lệnh Buy. Nhưng phải biết rằng giá đến từ việc hình thành upthrust và nó có thể tiếp tục giảm. Vì vậy nên tránh việc thực hiện bất kì lệnh Buy nào, nếu có thì hãy cân nhắc đóng vị thế ngay khi thấy tín hiệu phản hồi yếu. Tương tự như vậy, khi quan sát một cấu trúc giảm sau cú Spring, xu hướng (the directional bias) sẽ được đánh dấu bằng một cú shock vì vậy ý tưởng tranh thủ vào lệnh trong ngắn hạn (the short operating) của sự suy giảm động lực cần phải được cân nhắc cẩn thận.



Mô hình giảm động lực cũng có thể áp dụng cho các cây nến riêng lẻ. Trong trường hợp này người ta sẽ quan sát những cây nến có biên độ ngày càng nhỏ dần. Nếu nó trùng hợp với một khu vực mà bối cảnh ủng hộ cho việc vào lệnh thì đây là một tình huống lý tưởng (để tối ưu R:R).

1.7 Other Types Of Structures

Phần trước đã trình bày về cấu trúc phát triển theo chiều ngang và các dạng của nó (không gắn thẻ được các sự kiện/pha). Chúng thuộc dạng dễ nhận biết nhất, đối với những người mới tiếp cận với phương pháp Wyckoff thì chỉ nên sử dụng cấu trúc này.

Thị trường là một thực thể sống động luôn thay đổi do sự tương tác liên tục giữa cung và cầu, sự tương tác đó là nguyên nhân tạo ra các cấu trúc và vì thế chúng có thể phát triển theo nhiều cách khác nhau.

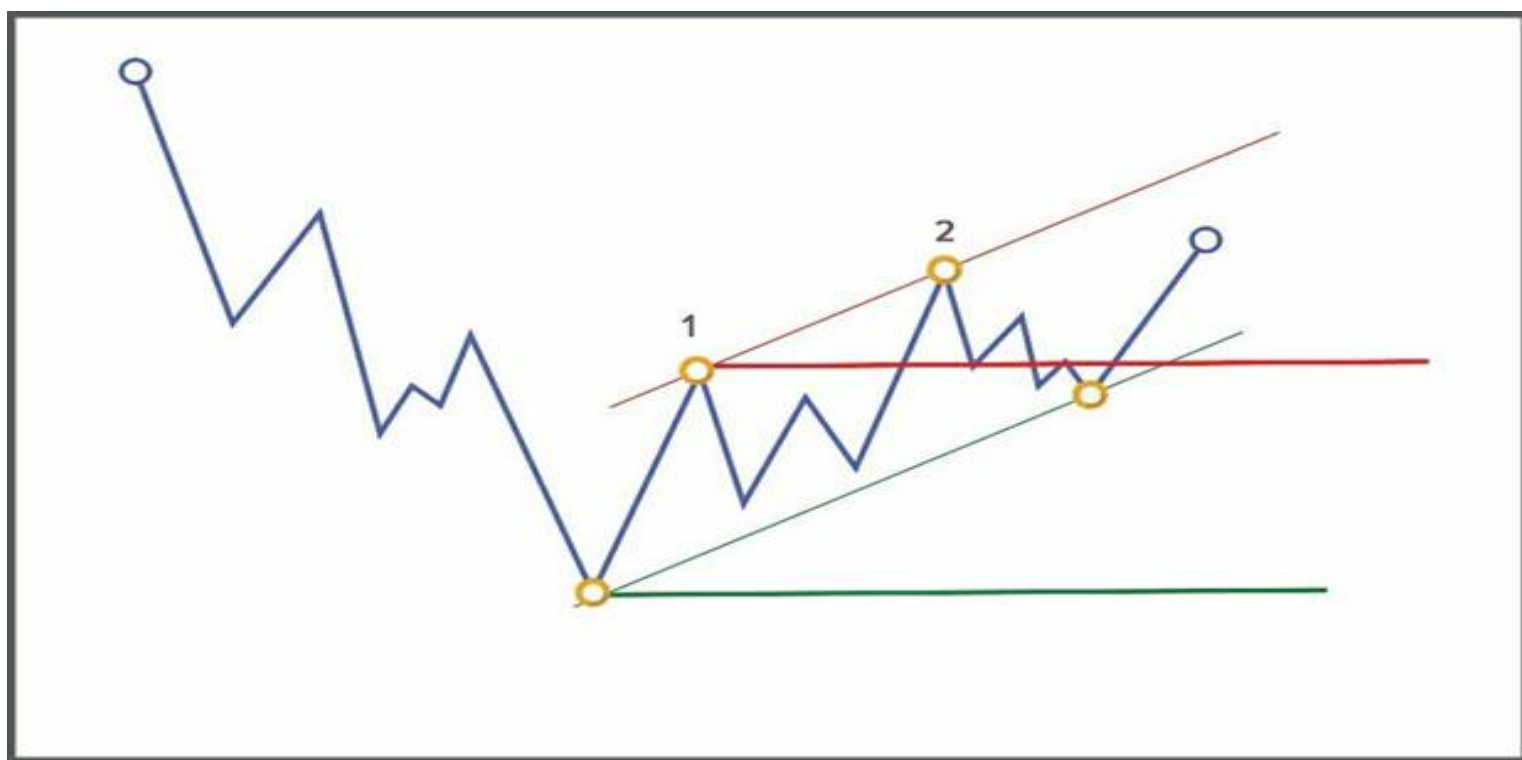
Việc tiếp cận thị trường theo cách suy nghĩ rằng nó sẽ hoạt động theo các kịch bản đã nghiên cứu trước sẽ không đem lại kết quả gì cả. Thị trường tại mỗi khoảnh khắc luôn luôn là duy nhất, sẽ không bao giờ có 2 tính hướng giống nhau ở 2 thời điểm khác nhau. Bởi vì để có 2 tình hình giống nhau, tất cả những người tham gia thị trường ở 2 thời điểm phải hành xử theo cùng 1 cách, điều này là ko thể.

Đó là lý do tại sao phải có một góc nhìn cởi mở và cố gắng tiến thêm 1 bước trong việc tìm hiểu sâu hơn về phương pháp này. Wyckoff đã cung cấp cho ta các chỉ dẫn để tuân theo, nổi bật trong số đó là : cách thị trường vận động, các quá trình tích lũy, phân phối, và 3 quy luật cơ bản. Đó là khung lý thuyết hỗ trợ của phương pháp này. Các trader (wyckoffian) sử dụng những công cụ đó để cố gắng làm sáng tỏ xem ai là người đang kiểm soát thị trường (phe mua/phe bán) và từ đó đưa ra các kịch bản phù hợp.

Bước tiếp theo là có thể xác định sự phát triển của cấu trúc ngay cả khi nó không lý tưởng. Trong thực tế nhiều trường hợp ta có thể bắt gặp các cấu trúc giống như lý tưởng nhưng đồng thời cũng sẽ có những cấu trúc không giống như vậy. Và đó không phải là điều đáng thất vọng, một trader giỏi (sử dụng Wyckoff) phải hiểu rằng, quá trình tích lũy và phân phối có thể được trình bày theo nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào mức độ cân bằng, hay ko cân bằng của thị trường đang có lợi cho phe mua hay phe bán. Đó là chìa khóa cho tất cả. Căn cứ vào tình hình của thị trường vào thời điểm đó (phe nào đang chiếm quyền kiểm soát) giá cả sẽ phát triển theo cấu trúc này hoặc cấu trúc khác. Sau đây là một số kiểu cấu trúc đặc biệt :

1.7.1 Cấu Trúc Có Độ Dốc

Mặc dù hơi khó để nhận diện, nhưng trong thực tế cách nó phát triển cũng tương tự như cấu trúc nằm ngang. Ví dụ tìm một cấu trúc có độ dốc rồi thử xoay ngang nó, ta sẽ thấy hành vi, sự kiện và các pha đều phù hợp như thể nó thực sự là cấu trúc nằm ngang. Điều khác biệt duy nhất là hoàn cảnh của thị trường, đó là tình huống mà phe mua hay phe bán đang có nhiều quyền kiểm soát hơn. Nói chung, nếu cấu trúc có độ dốc tăng (dốc lên) cho thấy phe mua đang kiểm soát nhiều hơn, nếu cấu trúc có độ dốc giảm (dốc xuống) thì cho thấy phe bán đang kiểm soát nhiều hơn.



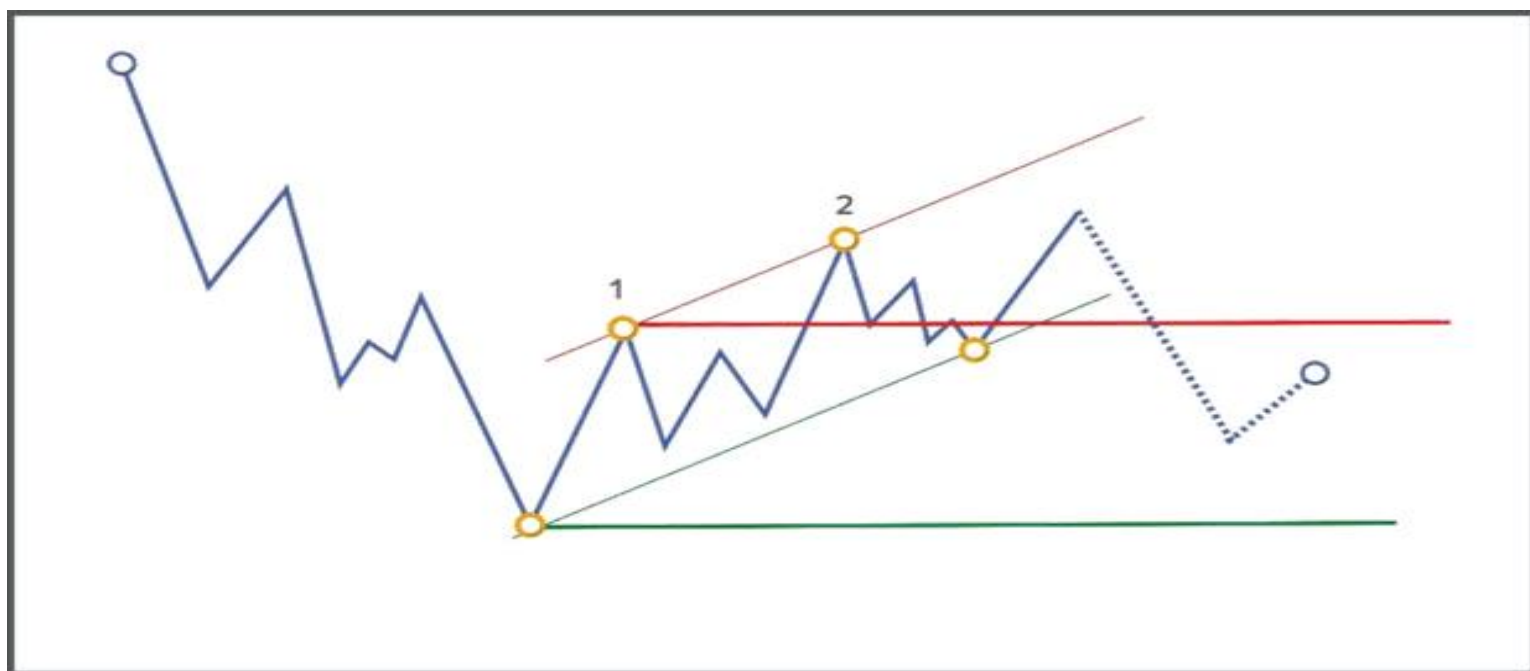
Giả sử ban đầu, ta mới chỉ xác định được sự Stop phase A, thì trước tiên thông qua các điểm cực trị (đỉnh, đáy) ta sẽ tiến hành kẻ các đường giới hạn theo cấu trúc nằm ngang. Nếu quan sát thấy rằng trong phase B giá vượt ra khỏi các đường giới hạn đó thì đó có thể là dự báo cho việc hình thành một cấu trúc có độ dốc. Chúng ta sẽ thử nối các điểm cực lại xem giá có tôn trọng các đường giới hạn này không.

Trong trường hợp khi vừa mở chart ta đã thấy giá đã tôn trọng các điểm cực trị của một cấu trúc có độ dốc thì ta chỉ việc nối các đỉnh/đáy của các pha A, B, C. Có thể nối các đỉnh trước đó copy đường thẳng đó cho các đáy (mục đích là để tạo 2 đường song song) . Quan trọng là kênh giá này phải chứa hầu như toàn bộ các sự

kiện bên trong nó. Đường giới hạn càng có nhiều điểm chạm thì cấu trúc càng bền vững (được tôn trọng).

Lưu ý là đường biên không nhất thiết phải đi qua tất cả các đỉnh/đáy. Quan trọng là nó cho phép ta liên kết các điểm lại kể cả phải coi đó như 1 vùng, thay vì 1 đường thẳng.

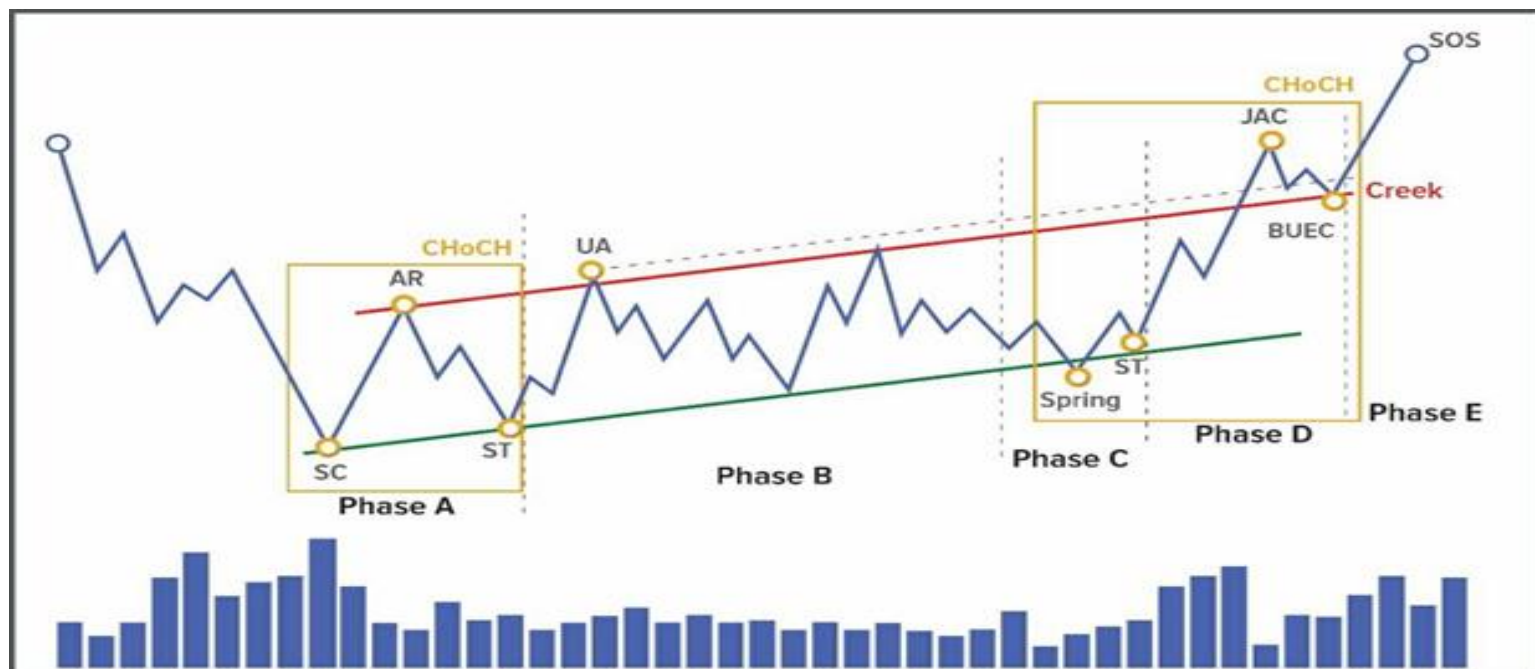
Tương tự như vậy, không nên vội vàng loại bỏ cấu trúc nằm ngang ra khỏi đầu. Mặc dù giá đã vượt qua nhưng rất có thể nó sẽ quay lại và tiếp tục phát triển theo cấu trúc nằm ngang như hình bên dưới.



Có 4 loại cấu trúc có độ dốc:

- Tích lũy dốc lên (Accumulation structure with an upward slope).
- Tích lũy dốc xuống (Accumulation structure with a downward slope).
- Phân phối dốc lên (Distribution structure with a downward slope).
- Phân phối dốc xuống (Distribution structure with an upward slope).

A. Tích lũy dốc lên



- Đây là một biến thể cho thấy sức mạnh nền tảng lớn nhất (the greatest background strength). Sau khi kết thúc phase A, trong quá trình phát triển cấu trúc, giá tạo thành các đỉnh đáy mới cao hơn đỉnh đáy trước. Điều này cho thấy phe mua có một sự quyết liệt nhất định, định giá của tài sản liên tục được đẩy lên mức cao hơn và phe mua không cho phép nó rơi vào vùng quá bán để bảo toàn vị thế của họ.

- Đây là một cấu trúc không dễ vận dụng vì ngay khi một đỉnh mới bị vượt qua ta phải đối mặt với một cú shock tiềm ẩn có thể đẩy thị trường đi xuống. Nhưng trên thực tế đó lại là bản chất của sự vận động : đẩy lên rồi hồi lại. Và dấu vết này sẽ còn xuất hiện nhiều hơn trong vùng BUEC tiềm năng (back up to the edge creek = quay lại biên của trading range). Mặc dù đây là điểm vào lệnh có vẻ là thận trọng và mang lại cho ta sự an toàn nhất, nhưng khi quan sát lại biểu đồ giá đã được niêm yết ở một mức khá cao và nó dường như lại không phải là 1 điểm vào lệnh tối ưu. Thị trường thì chẳng thêm để ý tới điều đó, nó sẽ tự tuân theo quy trình của mình. Nếu đó thực sự là một cấu trúc tích lũy, nó sẽ di chuyển khỏi trading range và đi tới vùng có thanh khoản cao hơn.

Ví dụ:



Đây là một ví dụ điển hình về sự thất bại trong cấu trúc sức mạnh. (the structural failure of strength).

Sau khi giá giảm đột ngột, nó nhanh chóng tích lũy (trong hộp xanh) để bắt đầu đi lên một cấu trúc mới. Điều này cho thấy sức mạnh nội tại của giá. Ta có thể thấy rằng sự kiện giảm giá có khối lượng giao dịch rất lớn. Tuy nhiên khi quan sát các phản ứng tiếp theo của giá đối với sự gia tăng khối lượng giúp ta thấy rằng, ít nhất về mặt nguyên tắc nó đã dự báo xu hướng tăng giá (khối lượng tăng, nhưng giá ko tiếp tục giảm mà đi ngang). Về mặt bối cảnh ta có thể giải thích rằng, việc tăng khối lượng nhưng giá ko tiếp tục giảm là bởi vì tại thời điểm đó người mua đã tích cực nhập cuộc (nếu ko phải vậy thì giá đã ko đi lên).

Các dấu hiệu khác cho thấy sự tích lũy là: Khối lượng giảm trong quá trình phát triển cấu trúc và chỉ báo Weis đi lên.

Ngoài ra, yếu tố quyết định đánh dấu việc trước/sau khi nhận diện được phe 'nào đang kiểm soát cấu trúc nằm trong giai đoạn Upthrust action. Ở phần trên của cấu trúc, nó đã hình thành một quá trình phân phối nhỏ. Quá trình này có thể đã diễn ra ở UTAD (upthrust after distribution) và gây ra sự giảm giá (ý nói toàn bộ quá trình trước đó là phân phối, sau khi upthrust để test thì giá sẽ giảm mạnh). Đây là hành vi mà chúng ta nghĩ rằng nó sẽ xảy ra sau một cú shock (cú upthrust),

nhưng những gì diễn ra lại cho thấy giá lại không thể giảm xuống. Sau quá trình phân phối nhỏ đó, giá thậm chí còn không thể giảm xuống biên dưới của trading range mà lại tiếp tục tăng. Và đây chính là một sự thất bại của cấu trúc sức mạnh (the structural failure of strength).

Sau đó, nó tiến hành một cú rũ bỏ (shakeout) như một cú test (test cung) ở phase C (điểm màu hồng) gây ra sự mất cân bằng cuối cùng, rồi sau đó giá tăng.

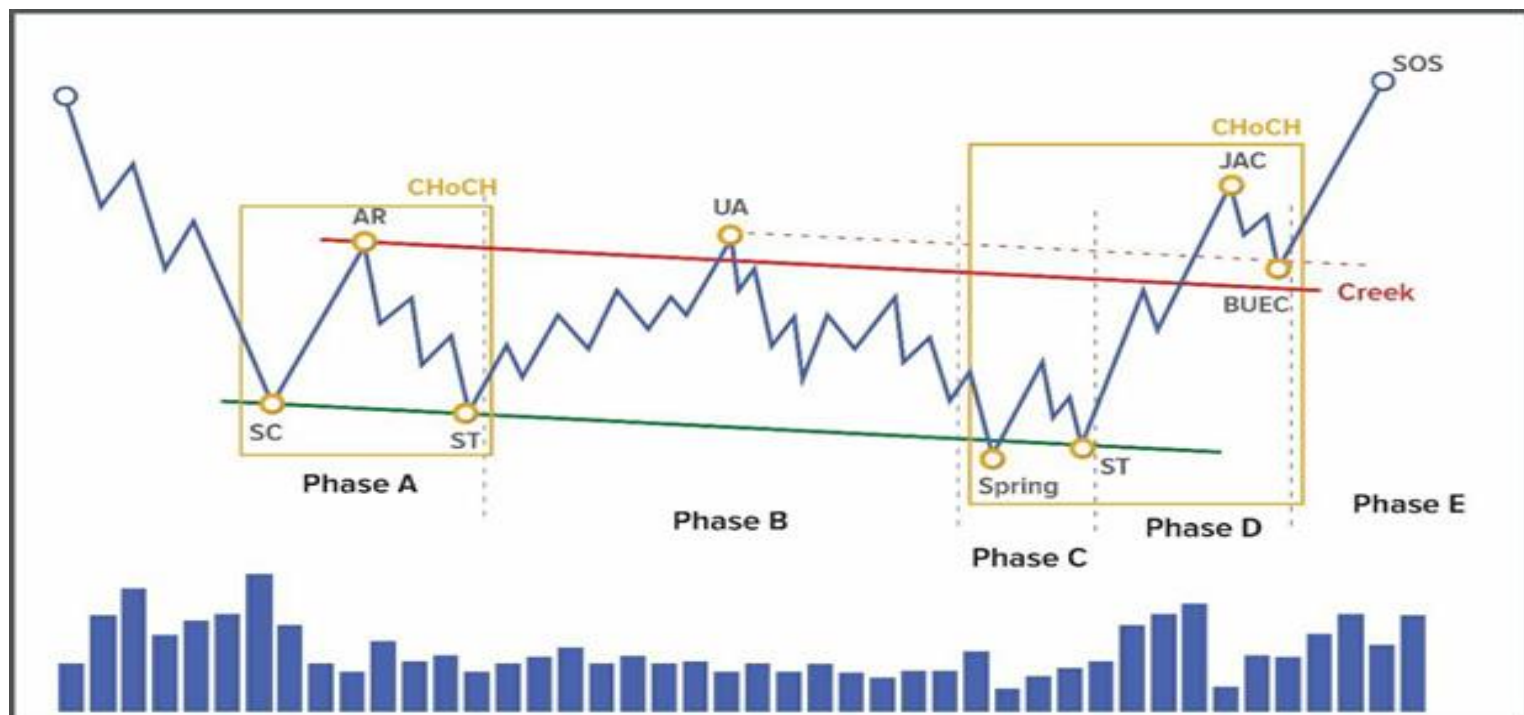
Cũng cần lưu ý vị trí của vùng thanh khoản cao (High Volume Node) và đường VPOC. Bằng cách nào mà giá không thể vượt lên phía trên của vùng giao dịch (high trading zone). Các vùng của Volume profile sẽ được bàn đến sau.



Đây là một ví dụ khác về mô hình tích lũy dốc lên. Trong trường hợp này độ dốc khá lớn không ám chỉ rằng trạng thái hiện tại của thị trường là khá mạnh.

Chúng ta thấy cú dừng cuối cùng (của sóng giảm) bị thiếu climatic volume (cạn cung) và cách mà từ đó giá tiếp diễn bằng các đỉnh/đáy mới, cao hơn đỉnh/đáy cũ (cấu trúc dốc lên). Sự sụt giảm khối lượng trong quá trình hình thành pha A, B cho thấy sự hấp thụ (absorption). Giá gặp khó khăn khi định vị mình ở vùng thanh khoản cao (HVN) nhưng một khi đã làm được điều đó sau quá trình rung lắc (shackeout) nó tiếp tục thể hiện sức mạnh và sự kiểm soát để vượt lên với các thanh nến xanh lớn ((SOSbar). Cách hình thành Backup hợp lưu với mức khối lượng hoạt động (operative volume level) (weekly VWAP).

B. Tích lũy dốc xuống



Đây là một biến thể tích lũy yếu nhất. Độ dốc đi xuống, đỉnh đáy mới thấp hơn đỉnh đáy cũ cho thấy sự kiểm soát của phe bán. Sự giảm giá là nguy cơ tiềm tàng nhưng cuối cùng phe mua xuất hiện và đẩy giá đi lên, xác nhận quá trình tích lũy.

Sau khi quan sát các sự kiện dừng và đẩy (stop - and - go event) đầu tiên của xu hướng, phe bán mạnh tới mức thị trường không thể duy trì sự phát triển theo cấu trúc nằm ngang và thay vào đó là các dấu hiệu của phe bán, thứ làm cho đáy thấp dần.

Về mặt cấu trúc, giá sẽ đi theo cấu trúc dốc xuống của kênh. Các đáy mới sẽ có biên độ ngày càng ngắn và dần tiết lộ mô hình sụt giảm lực đẩy (shortening of the thrust).

Hơn nữa, rất có thể thị trường sẽ hình thành một số cấu trúc thất bại nơi mà tại một thời điểm, giá từ bỏ động lực, mà có thể đẩy nó xuống phần dưới của cấu trúc (kênh giá) thay vào đó nó lại tìm được một vùng hỗ trợ. Rất có thể ta đã tạo được một vùng đáy (Ground) và từ đó giá sẵn sàng đi lên. Điều sẽ xác nhận mô hình SOT (suy giảm lực đẩy) và sự thất bại của cấu trúc là một cú đẩy lên mạnh. Chúng ta muốn thấy cú đẩy này phá vỡ trend giảm bằng cách thay đổi lực đẩy của thị

trường. Bây giờ là lúc chúng ta chờ đợi sự đảo ngược xu hướng giảm gây ra do sự mất cân bằng được tạo ra bởi phe mua.



Trong ví dụ này, chúng ta thấy giá liên tục chạm các vùng biên của cấu trúc bằng các lượt tăng/giảm. Như đã nói, việc xác định cấu trúc này rất dễ bị ảnh hưởng bởi tính chủ quan, vì vậy các cấu trúc phải thật rõ ràng và không được gượng ép. Ý tưởng là nó phải có đủ hết các hành động giá.

Một chi tiết cần làm rõ trong chart này là cách hoạt động của “monthly VWAP” (đường giá trung bình khối lượng giao dịch có trọng số). Đây là mức động lực “tối nhất” và như bạn thấy, giá phản ứng trên đó mỗi khi chúng tiếp xúc. Kể từ lần tiếp xúc đầu tiên trong Secondary Test (ST) giá vẫn liên tục cao hơn nó, một dấu hiệu cho thấy sự kiểm soát đã thuộc về phe mua.

Như thường lệ, sự kiện quan trọng là cú shock tổng thể (the total shock ? = ST?) tạo ra kết quả được xây dựng trên nguyên nhân đó. Sau cú shock này, giá hình thành LPS ở phía trên đường VPOC của cấu trúc. Sau đó các sự kiện JAC (jump across the Creek) và Backup nơi mà một lần nữa tìm kiếm vùng hợp lưu (giữa weekly VWAP và VAH) để tiếp tục xây dựng phase E bên ngoài trading range.

Các khu vực (sự kiện) đó và mức khối lượng sẽ được thảo luận chi tiết ngay sau đây :

+ Ở đây chúng ta quan sát một cấu trúc dốc xuống với đầy đủ các chi tiết cho thấy sự tích lũy rõ ràng.

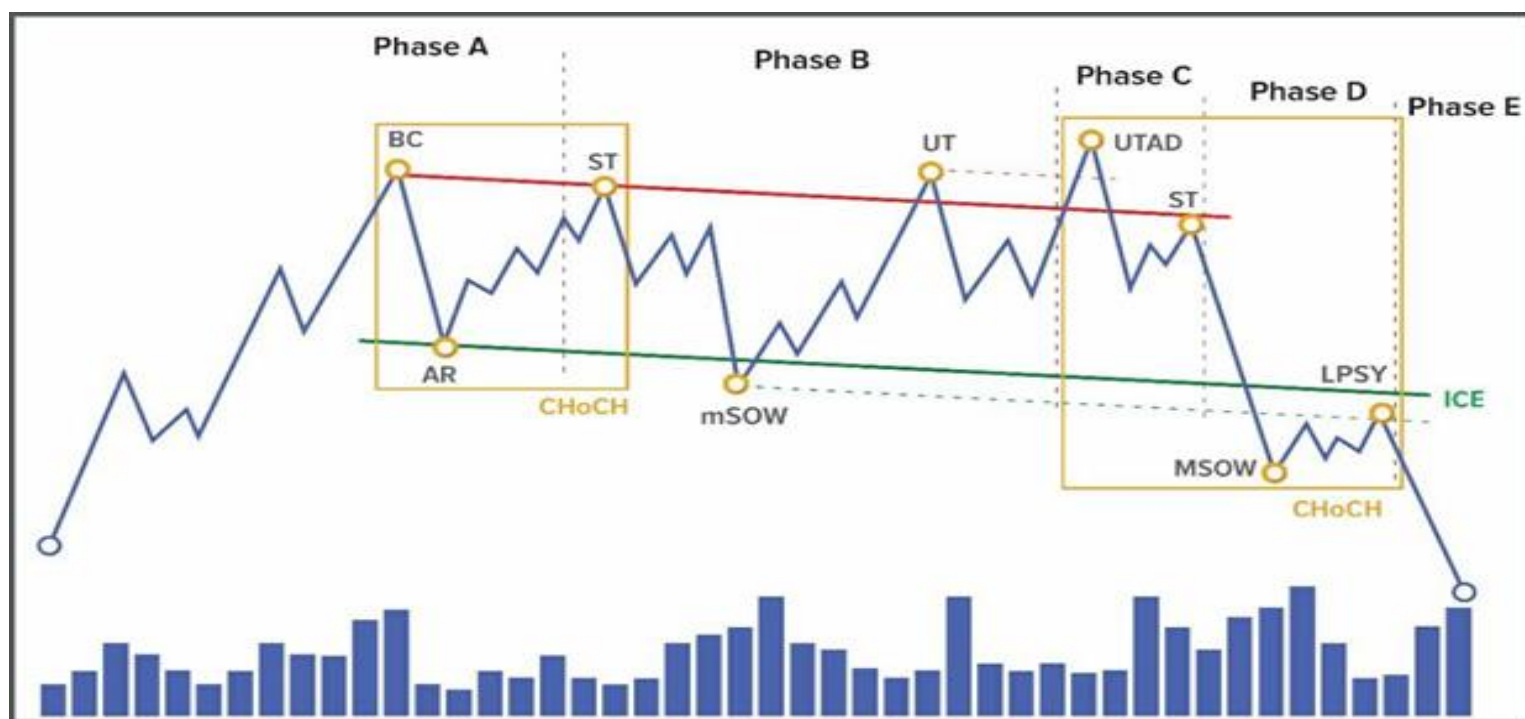


+ Sau khi dừng ở phase A, giá tiếp tục di chuyển ở nửa dưới của cấu trúc (kênh giá) cho thấy sự suy yếu của nền tảng (back ground). Khối lượng giảm dần so với khối lượng ở SC và Shackeout như một sức mạnh đưa giá lên vùng cao hơn của cấu trúc (minor Sign Of Strenght).

Tại thời điểm đó, chúng ta có thể thấy quãng đường giá di chuyển một cách lồ bịch ở nửa dưới cấu trúc trong pha A, B, C cho thấy mô hình suy giảm động lực (shortering of the thrust) và hàm ý rằng, giá có thể tăng trong ví dụ này. Mặc dù cú đẩy đầu tiên không đủ mạnh để phá vỡ cấu trúc (biên trên của kênh giá) nhưng nó như một bài test và chắc chắn đã thay đổi đại diện của sự kiểm soát (phe mua/bán). Tại thời điểm đó, giá tạo nên một cú shock bên trong trước khi đạt cực đại và hợp lưu với “weekly VWAP”. Nhưng lần này thị trường không thể test cạnh dưới của cấu trúc mà lại hình thành nên mô hình thất bại của sức mạnh (Structural failure of strenght) (xem lại phần 1.5) được chứng minh trong sự kiện LPS. Về mặt khách quan, chúng ta đã có sự rũ bỏ (shakeout), dấu hiệu của sức mạnh (the strength sample) và mô hình thất bại của sức mạnh (Structural failure of strength) =>> tức là sự mất cân bằng đã tiềm ẩn có lợi cho phe mua.

+ Từ đó và bằng 2 dấu hiệu của sức mạnh, giá phá ra khỏi cấu trúc và chúng ta thấy cách giá tìm kiếm vùng hợp lưu để hình thành cú test sau khi break (gọi là backup). Vùng này bao gồm biên trên (creek) của cấu trúc đã bị phá, VWAP tuần (đường màu xanh lá cây) và vùn VAH của volume profile. Một ví dụ khác về chức năng của dạng này là bối cảnh hỗ trợ các mức hoạt động (context-supported operating levels).

C. Phân phối dốc xuống



Đây là cấu trúc thể hiện rõ sự phân phối nhất . Sau khi xác nhận xác nhận các dấu hiệu cho thấy sự dừng lại của xu hướng trước đó, các điều kiện tạo thuận lợi cho sự đi xuống tràn ngập thị trường thể gây ra cấu trúc đỉnh, đáy thấp dần.

Bảng mắt thường có thể quan sát thấy một kênh giá có độ dốc hướng xuống.

Điều quan trọng, như mọi khi vẫn là việc xác định sự kiện test phase C gây lên sự phá vỡ cấu trúc và bắt đầu trend giảm. Chúng ta nên tập trung tìm kiếm pha test đó ở dạng shakedown (trong trường hợp này là UTAD - Upthrust After Distribution). Nhiều ý kiến cho rằng sự kiện này làm tăng thêm tự tin cho các nhà giao dịch khi thiết lập kịch bản do đó chúng ta nên chờ đợi sự xuất hiện của nó.

Cú shock cuối này có thể xảy ra dưới dạng đỉnh nhô lên khỏi biên trên cho thấy sự quá mua hoặc như một sự phá lên khỏi các đỉnh trước đó. Cú shock càng lớn và càng rõ ràng thì càng khẳng định là nó đã chiếm được sự thanh khoản lớn và do đó cú đẩy tiếp theo sẽ có lực hơn.

Sự khác biệt chính đối với cấu trúc tích lũy dốc xuống là trong trường hợp này chúng ta sẽ không thấy mô hình suy giảm động lượng cũng như sự thất bại trong cấu trúc “mạnh” nào (Structural failure of strong - phần 1.5).

Kịch bản này chắc chắn khó giao dịch vì dưới góc nhìn chủ quan trader sẽ thấy giá lúc này là tương đối thấp và họ cho rằng như vậy sẽ phù hợp để vào lệnh sell. Nhưng chúng ta phải cố gắng để loại bỏ những suy nghĩ chủ quan, và giữ lại những tín hiệu khách quan mà dạng cấu trúc này đem lại.

Do người bán có quyền kiểm soát hoàn toàn nên giá sẽ di chuyển rất nhanh. chúng ta phải hết sức tập trung để không bị bỏ lỡ kèo. Đây không phải là tin xấu, vì nếu ta có thể đọc thấy rằng sự mất cân bằng đang có lợi cho phía người bán thì mặc dù có thể ta bị lỡ kèo nhưng ít nhất ta sẽ không chọn nhầm phe (phe mua) và bị thua lỗ.



Trong ví dụ về sự tái phân phối trên, ta thấy rằng, tại điểm dừng và toàn bộ quá trình phát triển phase A,B có khối lượng lớn và tạo thành các đỉnh tăng đột biến, đây là dấu hiệu đặc trưng của cấu trúc phân phối. Ngoài ra còn có Weis waves giảm trong suốt quá trình (hình thành 2 pha A,B) :

+ Giá cố gắng định vị mình ở phía dưới điểm HVN (the high volume node) sau đó hồi lại để test vùng này (tạo thành sự kiện LPS). Từ LPS giá đi xuống tạo thành dấu hiệu của brearish (SOW - Sign of weakest). Khi giá đã phá xuống dưới cấu trúc nó quay lại test 1 lần nữa và từ đó giá tiếp tục giảm.

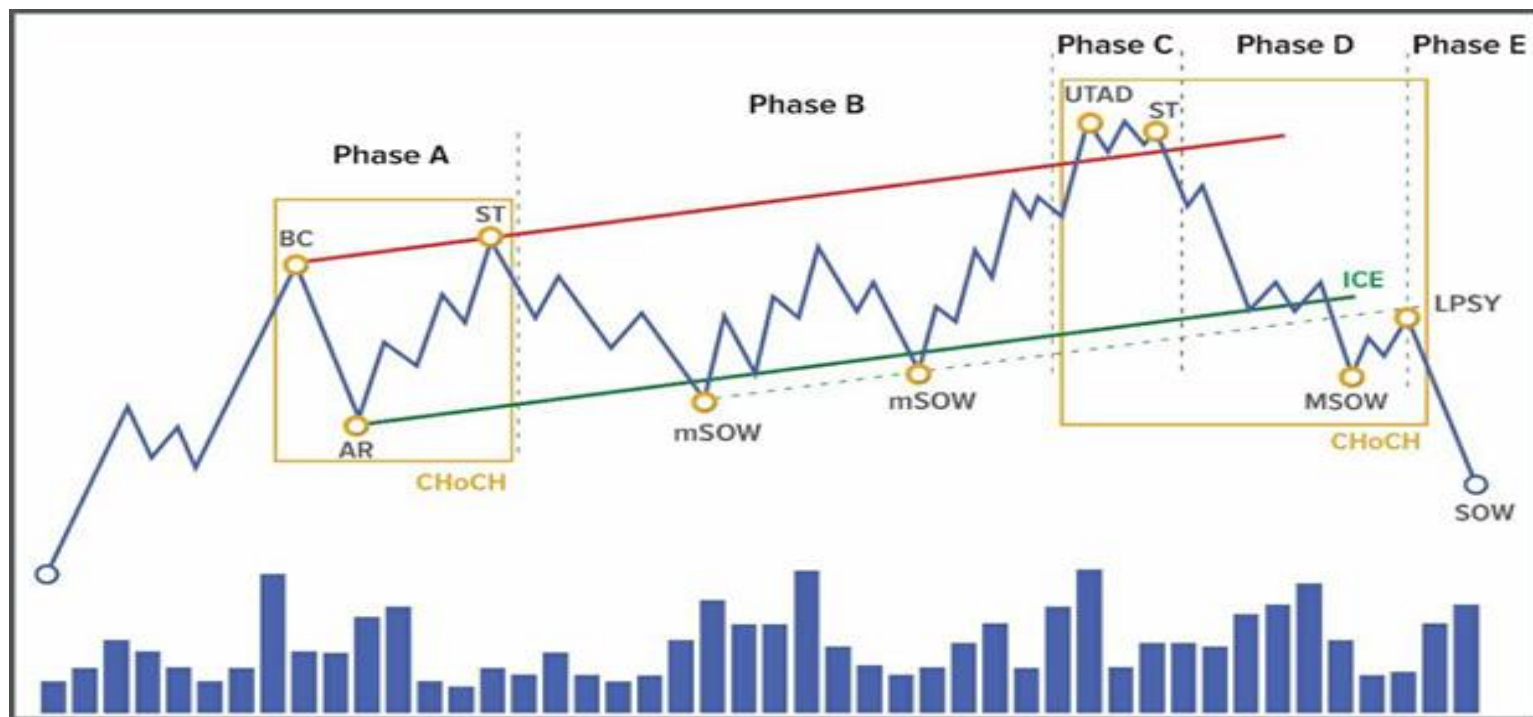
+ Một trader không xem xét toàn bộ diễn biến hình thành cấu trúc và không biết phân tích các dấu hiệu diễn ra bên trong nó sẽ chỉ thấy: “giá đang giảm, cách xa VWAP, trong tình trạng quá bán và có thể cho rằng sẽ diễn ra xu hướng tăng. Nhưng thực ra thị trường đã luôn bị phe bán kiểm soát và điều này đã được phản ánh trong hành động giá và khối lượng”.

Dưới đây là 1 ví dụ khác về sơ đồ phân phối với các dấu vết đặc trưng. Các đỉnh của volume, Weis Wave chiếm ưu thế (predominant) , và sự rũ bỏ trong phase C (shakeout) bắt nguồn cho xu hướng giảm:



Việc test UTAD xảy ra ở 1 vị trí rất quan trọng, trong phạm vi VPOC. Đây là vùng giá có sự thanh khoản cao nhất, ngoài ra nó hội tụ với nửa trên của cấu trúc. Đây là vị trí lý tưởng để tìm kiếm lệnh sell . Đó là 1 ví dụ mới về cách Volume Profile có thể giúp chúng ta phân tích bối cảnh thị trường tốt hơn. Đây cũng là 1 mô hình cơ bản về việc không có LPSY (last poin of suply) test khi giá đã phá vỡ biên dưới của cấu trúc.

D. Phân phối dốc lên



Loại hình thái này ban đầu thể hiện một sức mua nhất định, bằng chứng là liên tiếp có các đỉnh đáy mới cao hơn đỉnh đáy cũ cho đến khi trong bước cuối cùng sự quyết liệt của người bán được thể hiện rõ ràng bằng cách chuyển cấu trúc thành quá trình phân phối.

Như đã nhận xét trước đó, một công cụ hữu ích để nhận ra nó, đó là mô hình suy giảm động lực (shorteing of the thrust). Trong trường hợp này, mặc dù giá tạo thành các đỉnh mới nhưng biên độ ngày càng ngắn so với các đỉnh trước đó.

Nếu nó cũng để lại các dấu vết cho thấy cấu trúc structural failure of weakness thì đây là một dấu hiệu nữa cho thấy quyền kiểm soát đang nghiêng về phía phe bán.

Như mọi khi sự đánh giá sẽ được nâng cao hơn bằng cách quan sát cú shake (UTAD) ở phần đỉnh nhô ra khỏi biên trên của cấu trúc như một sự quá mua, hoặc như một số đỉnh trước.

Đừng quên sử dụng các công cụ phân tích khối lượng như Volume profile và sóng Weis.

Vị trí các vùng của Volume Profile sẽ luôn giúp ta trong quá trình ra quyết định. Trong khi phân tích sóng sẽ giúp chúng ta cân nhắc về lợi nhuận trong khi giá di chuyển, và đôi khi nó là chìa khóa để phân tích chính xác.

Dưới đây là ví dụ cho mô hình phân phối dốc lên và không có cú shock (UTAD). Một chỉ báo quan trọng khác là climatic volume nằm ở giữa kênh giá, đó là 1 tín hiệu cảnh báo vì thông thường trong quá trình tích lũy nó sẽ nằm ở đó. Và do đó, đây có thể là một dấu hiệu ủng hộ cho quan điểm phe bán đang kiểm soát cấu trúc.



Một điều dễ thấy khác là mô hình suy giảm lực đẩy (shortening of thrust) giữa các đỉnh RA trong phase A, UT trong phase B và UTAD trong phase C. Các đỉnh mới này có độ chênh lệch thấp, cho thấy sự mất động lượng.

Trong cú UTAD ở phase C, chúng ta thấy giá cố gắng rời khỏi vùng giá trị của composite profile (volume profile ???) và bị từ chối, điều này cho thấy thị trường không quan tâm đến việc giao dịch ở mức giá cao hơn, đây được tính là một dấu hiệu có lợi cho phe bán.

Sau chuyển động đầu tiên của phe bán, giá cố gắng tự định vị mình ở dưới VPOC, hành động này đi kèm một sóng giảm lớn của chỉ báo Weis. Tại thời điểm đó xu hướng (mang tính chủ quan) đã khá rõ ràng, và chúng ta đã sẵn sàng cho một lệnh sell.

Một lần nữa, chúng ta thấy tầm quan trọng của việc phân tích volume profile và chỉ báo weis. Cú test LPSY sẽ tìm kiếm vùng hợp lưu giữa phần vừa phá khỏi cấu trúc và vùng dưới của VPOC để từ đó sẽ bắt đầu sự giảm giá trong phase E.



Trong ví dụ khác, cú test ở phase C (UTAD) đạt tới đỉnh của cấu trúc bằng cách rung (shaking) tất cả các đỉnh cũ của cấu trúc. Như chúng ta đã biết, hành động này tiếp thêm sức mạnh cho kịch bản giảm giá.

Độ dốc tăng rất rõ ràng, cho thấy lúc đầu sức mua rất lớn, nhưng sức mạnh này đã bị chặn lại khi khối lượng đạt đỉnh ở phase C.

Dấu hiệu rõ ràng này của phe bán đưa giá quay lại RA (range area) và hình thành nên một xu hướng giảm mới. Không phải trước khi giá 2 lần test VPOC và từ đó tiếp diễn xu hướng giảm. Đây một lần nữa là minh chứng rõ ràng cho sự hiệu quả của Volume Profile.

1.7.2 Các Cấu Trúc Bất Thường

Nếu muốn, chúng ta có thể quy chụp mô hình Wyckoff cho tất cả các cấu trúc tích lũy, phân phối mà xuất hiện trên thực tế, bao gồm cả các cấu trúc truyền thông như vai đầu vai, mô hình tam giác, mô hình nêm....

Tuy nhiên việc cố gắng chứng minh tất cả chuyển động và quá trình (tích lũy/phân phối) của giá theo cách tiếp cận của Wyckoff sẽ không mang lại lợi ích gì cả. Wyckoff không liên quan nhiều tới các mô hình có tính máy móc đó. Nghiên cứu của ông sâu hơn nhiều, nên điều thông minh nên làm là phải phân biệt rạch ròi giữa các mô hình cổ điển và phương pháp Wyckoff hoặc mối liên kết giữa chúng.

Nhìn lại, bất kì “vùng giá” nào cũng có thể được gán nhãn này hoặc nhãn khác. Nhưng điều này không đem lại giá trị gì cho hoạt động giao dịch. Gắn mác các biểu đồ trong quá khứ là một bài tập thú vị cho các trader mới với mục tiêu giúp họ lĩnh hội kiến thức mang tính thực hành và nuôi dưỡng tiềm thức để chuẩn bị cho các giao dịch trong thực tế. Nhưng khi đã đạt được một mức độ nghiên cứu nhất định, thì việc gắn mác sẽ không còn cần thiết nữa. Điều quan trọng là, với bất kì cấu trúc nào, nếu gượng ép 1 chút chúng ta đều có thể biến nó thành 1 cấu trúc đẹp, và phù hợp hoàn hảo với các sự kiện và giai đoạn đúng như phương pháp Wyckoff. Nhưng đây không phải là vấn đề trọng tâm. Việc gán nhãn chính xác cho các sự kiện thì có ích gì nếu ta không thể áp dụng nó cho các giao dịch của mình.

Như đã nói, thật lãng phí thời gian và công sức để nghiên cứu các cấu trúc bất thường, vì ngay như tên gọi, chúng bất thường và không thường xuyên xuất hiện. Cơ hội kiếm lợi nhuận của chúng ta nằm ở các cấu trúc thông thường.

Cấu trúc thông thường, với sự phát triển chặt chẽ của các sự kiện và giai đoạn, nhưng đồng thời vẫn mang tính linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện của thị trường. Ví dụ điển hình cho điều này chính là các cấu trúc (tích lũy/phân phối) có độ dốc: Các cấu trúc thông thường, nơi xuất hiện đầy đủ các sự kiện và giai đoạn được nhận diện một cách trọn vẹn, đồng thời điều kiện thị trường điều chỉnh một chút tạo nên độ dốc cho toàn bộ cấu trúc.



Chart FDAX này chính là ví dụ rõ ràng cho những gì đã được nói bên trên. Sau khi cấu trúc hoàn thành, ta có thể quay lại và dán nhãn cho từng sự kiện nếu muốn, nhưng thực tế là ta không thể giao dịch vào thời điểm mà các sự kiện đó diễn ra. Một cấu trúc mà đã giảm bị chặn lại ở các đáy nhưng đồng thời các đỉnh lại cao dần. Chả có gì để tập trung vào đây cả. Bên cạnh các cấu trúc vô nghĩa (ko áp dụng vào giao dịch này), đây là thời gian tốt để chúng ta nhận ra rằng lý thuyết và thực tế không thể hoàn toàn giống nhau. Vì vậy cần phải có góc nhìn cởi mở khi quan sát thị trường.



Trong chart S&P500 này, mặc dù có một cấu trúc rất chính xác ở cuối chart nhưng nhiều người, trong thực tế quan sát lại khó xác định được phase A.



Giá đã tăng lên, sau đó hình thành một sóng giảm có biên độ rộng và từ đó có một sóng tăng khác vượt qua đỉnh trước đó. Sự kế thừa này có phải là BT, AR, ST không? Câu trả lời là có, nhưng đây không phải là điểm cần quan tâm. Điều cần quan tâm ở đây là , giá đã chuyển đổi trạng thái, từ trạng thái có xu hướng sang trạng thái dừng. Và đó là 1 nguyên nhân đã được hình thành và tạo ra ảnh hưởng. Đây là điều quan trọng nhất, bối cảnh phía sau hành động giá.

Nhiều người vẫn có thể tiếp tục chỉ tìm những cấu trúc có trong sách, mặc dù chúng cũng thường xuyên xuất hiện, nhưng việc đọc hiểu cấu trúc theo phương pháp này sẽ cho ta thấy sự thú vị hơn nhiều so với việc chỉ đứng nhìn các cấu trúc.

Khi một nhà giao dịch đạt được sự hiểu biết nhất định về phương pháp luận, anh ta nên tập trung vào việc quan sát thị trường theo diễn biến giá chứ không phải là theo cách gán nhãn.

Chương 2, Giải Đáp Các Nghi Vấn Thường Sảy Ra Trong Thị Trường

2.1 Efficient Use Of Lines

Thị trường không quan tâm bạn đã vẽ bao nhiêu đường chỉ báo, chủng loại, màu sắc của chúng. Trong mọi trường hợp, không nên mua hoặc bán đơn giản chỉ vì giá chạm một đường chỉ báo nào đó.

Thông tin mà các đường chỉ báo đem lại giúp chúng ta biết ai là người đang nắm quyền kiểm soát thị trường.

Nếu chúng ta quan sát một thị trường tăng giá, nếu các đường hoặc kênh giá tăng được vẽ rõ ràng thì theo đánh giá khách quan, phe mua đang nắm quyền kiểm soát.

Nếu những gì chúng ta có thể quan sát, là giá di chuyển ở giữa kênh giá mà đỉnh, đáy giảm dần thì đó là dấu hiệu cho thấy phe bán đang nắm quyền kiểm soát.

Và cuối cùng, nếu kênh giá đi ngang, thì thị trường đang cân bằng giữa phe mua và phe bán.

Do đó, mục đích vẽ các đường chỉ báo, hoặc là để xây dựng các kênh giá, hoặc để vẽ một trendline đơn giản mà ta nhắm vào để:

- Có thêm một dấu vết về tâm lý thị trường.
- Cung cấp một dấu mốc (interesting location) để định hướng xu hướng.
- Tiếp tục tư duy theo logic. Nếu ta vừa lý luận rằng, một trendline, hoặc 1 kênh giá dốc lên cho thấy phe mua đang kiểm soát thì điều hợp lý cần làm lúc này là :
 - + Tìm kiếm lệnh mua.
 - + Chỉ vào lệnh bán khi quan sát thấy sự phá vỡ của các đường đó (của trend tăng).

Ở đây ta cần làm rõ rằng trong thực tế, thị trường đang tăng không có nghĩa ta phải vạch ra một chiến lược thuận theo xu hướng (tìm lệnh mua). Một chiến lược ngược lại với xu hướng nhưng đem lại lợi nhuận tốt hơn cũng là rất cần thiết. Vấn đề ở đây chỉ đơn giản là xác định xem chiến lược nào sẽ ít trở ngại nhất (thông qua lực mua/ bán). Việc xác định các tín hiệu đồng thuận với nhau sẽ cung cấp cho

chúng ta các kịch bản với cơ hội thành công cao hơn (vì ta sẽ nương theo phe nắm quyền kiểm soát thị trường).

Trong cả 2 trường hợp khi bạn muốn mua hoặc bán thì đâu sẽ là điểm phù hợp nhất để vào lệnh. Không có gì phải nghi ngờ khi khẳng định rằng tốt nhất là nên chờ tín hiệu ở các vùng đỉnh, đáy.

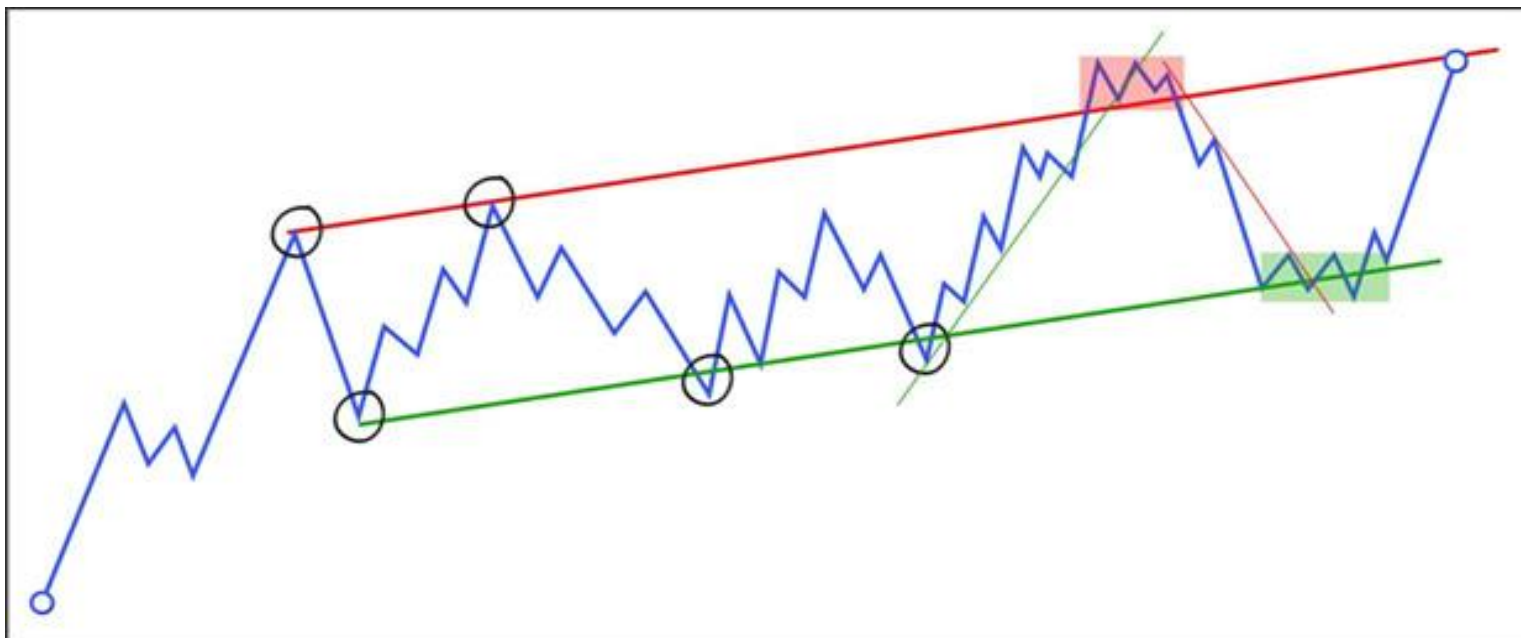
Nếu bạn đang cố gắng xác định sự đảo chiều của thị trường (ko khuyến khích) ít nhất hãy chờ đợi sự phá vỡ trendline để xác định động lực cuối cùng mà giá đi theo. Đó có thể là một dấu hiệu của sự mất động lượng nhưng nếu không cân nhắc các yếu tố khác thì việc thực hiện giao dịch để cố gắng nắm bắt sự đảo chiều xu hướng là quá rủi ro. Tuy nhiên giả sử đang quan sát một xu hướng tăng. Nếu giá hồi về đáy của kênh giá hoặc đường trendline thì đó có phải là lý do đủ và phù hợp để vào lệnh buy hay không. Hoàn toàn không nên trừ trường hợp đã nêu ở trên.

Cách tốt nhất là kết hợp các đường chỉ báo với những công cụ khác, chẳng hạn như phương pháp luận Wyckoff. Nếu ta xác định một mức giá đáng để mua, thay vì mua ngay lập tức thì làm cách nào để có thể chờ đợi giá xây dựng các mô hình tích lũy trong vùng giá đó ? Đây chính là công dụng hữu ích của các đường chỉ báo:

- + Xác định diễn biến.
- + Chờ giá đạt đến các điểm đỉnh đáy để xác định xu hướng.
- + Tìm các cấu trúc tích lũy, phân phối được hình thành.

2.1.1 Tầm Quan Trọng Của Bối Cảnh

Nếu các đường chỉ báo, trend line, hoặc kênh giá giúp ta xác định được giá đang ở vùng đang lưu tâm thì tại thời điểm đó, các nhà giao dịch có thể quyết định nhìn vào khung thời gian nhỏ hơn, để tìm kiếm tại vị trí đó một cấu trúc tích lũy/phân phối nhỏ hơn.



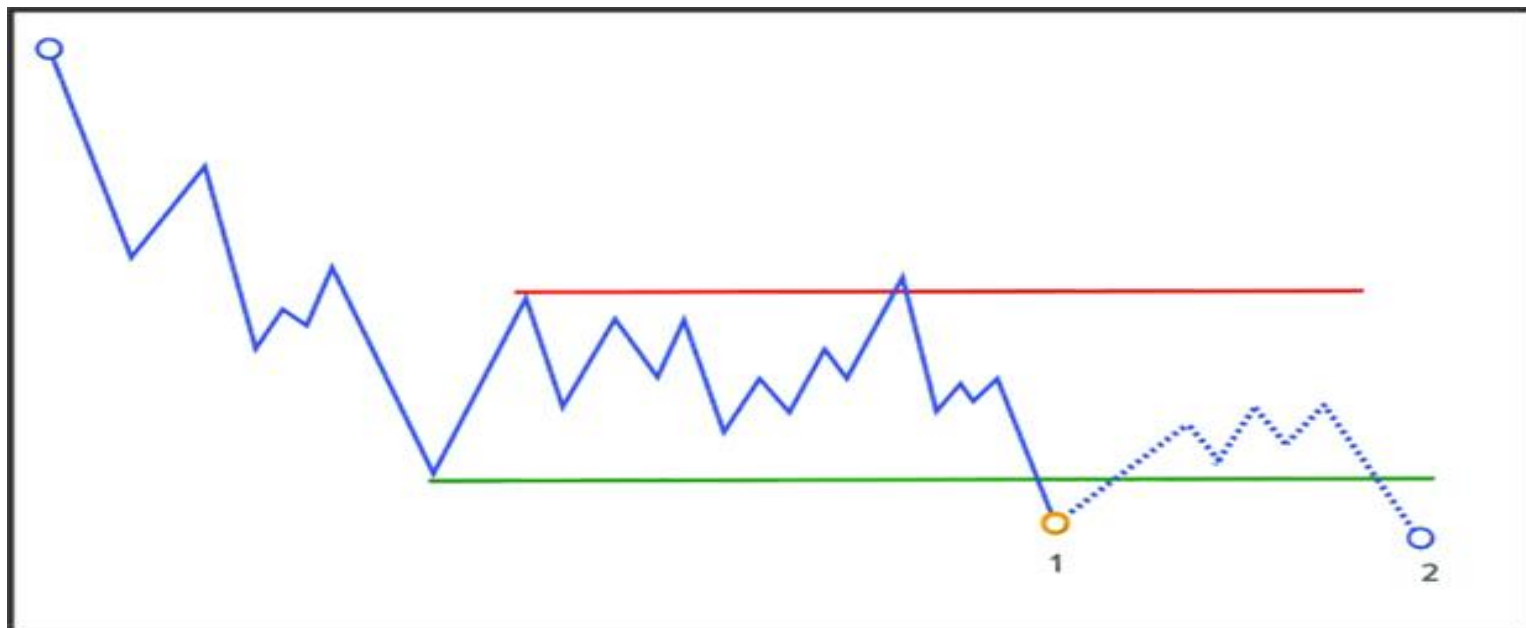
Việc phân tích biểu đồ ở một khung thời gian nhỏ, cho chúng ta một vị thế tốt trong một khu vực có khả năng cao giá sẽ đảo chiều di chuyển về cạnh đối diện (của kênh giá). Do đó, việc sử dụng hiệu quả bối cảnh sẽ là nhìn vào khung thời gian nhỏ hơn để lợi dụng cấu trúc nhỏ đó, điều này sẽ tạo ra lợi nhuận.

Như ta thấy, việc dùng các đường chỉ báo để dự đoán xu hướng của thị trường sẽ không thuyết phục lắm, nhưng khi sử dụng chúng cùng với các công cụ khác nó có thể cung cấp cho ta nhiều ý nghĩa thực tế.

2.2 Thay Đổi Nhân Và Lập Kịch Bản

Vì việc kiểm soát thị trường có thể liên tục thay đổi trong quá trình hình thành cấu trúc, nên chúng ta cần đánh giá liên tục hành động giá và khối lượng khi có thêm thông tin mới xuất hiện và được thể hiện trên chart. Khi hình dung ra một kịch bản, ta dựa vào các thông tin tại thời điểm đó. Thời điểm hiện tại là thứ quan trọng nhất, xếp thứ 2 là thời điểm ngay trước đó. Đây là lý do tại sao những thông tin ban đầu gợi ý 1 kịch bản, nhưng sau đó nó lại thay đổi, gợi ý kịch bản khác. Vì tất cả các hành động giá đều cần phải được xác nhận hoặc phủ nhận bằng hành động giá tiếp theo.

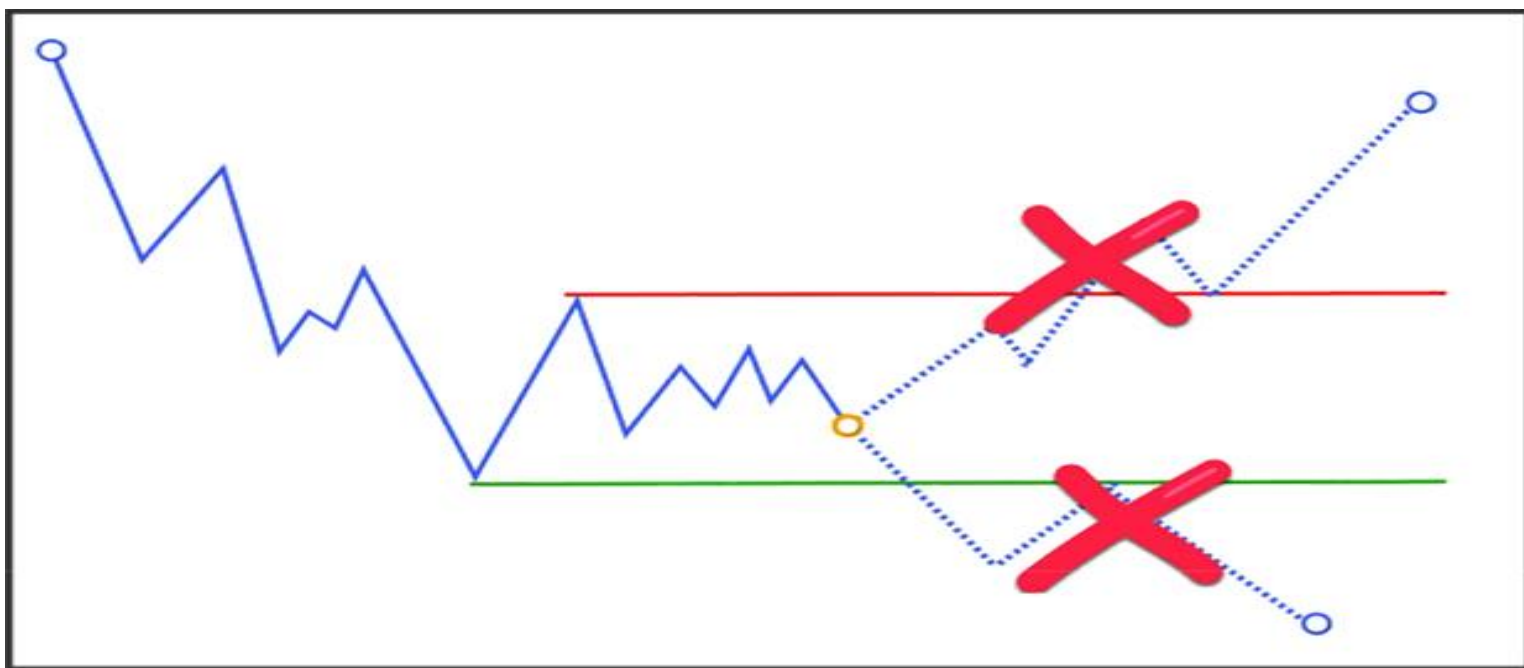
Không có ích lợi gì khi giữ một kịch bản vĩnh viễn. Nhiều người không thích PTKT sử dụng chính điều này để làm luận điểm chống lại nó. Họ xem 1 kịch bản mà không ý thức được rằng, kịch bản đó có thể bị thay đổi. Thực tế là thị trường luôn vận động và mỗi thời điểm trên thị trường là duy nhất, các dữ liệu mới sẽ luôn xuất hiện. Đó là lý do đôi khi chúng ta phải thay đổi cảm nhận về thị trường và kéo theo đó phải thay đổi các tên nhân mà ta đã gán lúc ban đầu. Như đã nói, việc gán nhãn không quan trọng, quan trọng là hành động phía sau dẫn tới các tín hiệu đó. Và những tín hiệu đó sẽ được xác nhận bởi những chuyển động kế tiếp.



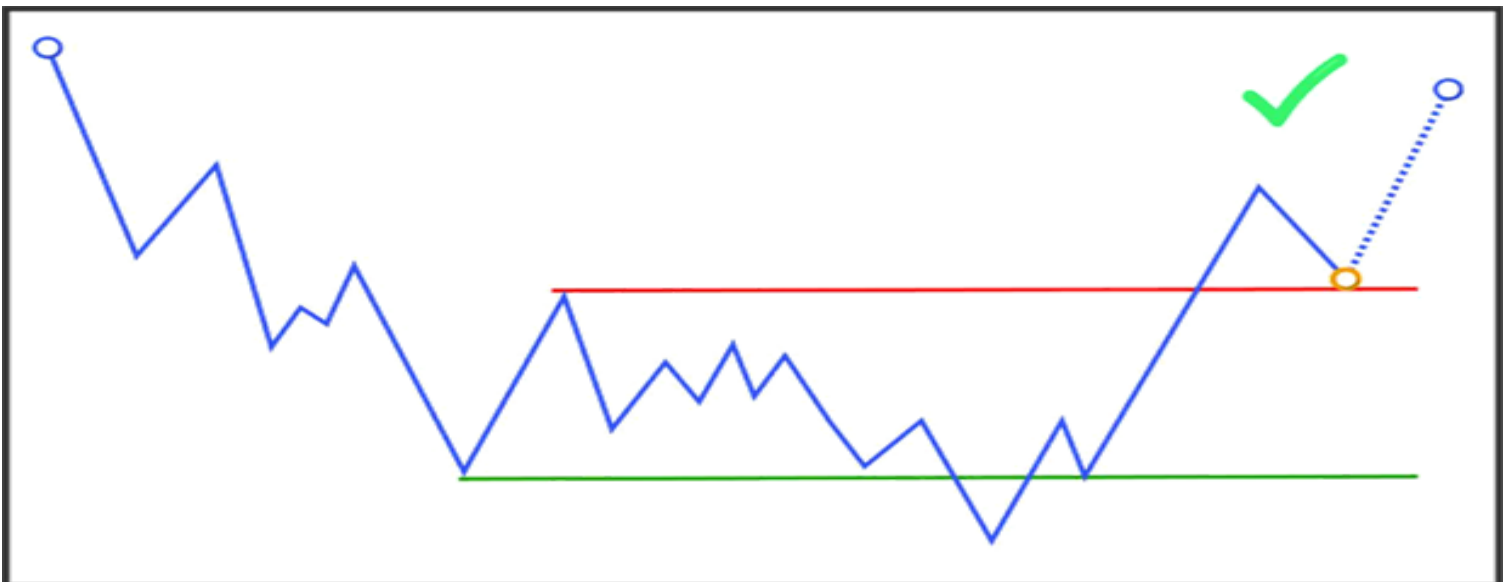
Về mặt nguyên tắc, đối với chúng ta có vẻ như sự rung lắc có tác dụng như một pha test ở phase C (bắt đầu phá qua và tiếp diễn bên ngoài kênh giá), đó chỉ là 1 cú test thể hiện sự cố ý đi theo hướng đó của giá. Nhưng chúng ta chỉ có thể đánh

giá điều này sau khi quan sát hành động giá tiếp theo. Ví dụ: Nếu một spring tiềm năng thất bại trong việc hình thành một xu hướng đi lên với một sức mạnh nhất định (ít nhất là một SOS nhỏ) thì spring đã thay đổi đặc tính của nó, thay vì coi đó là 1 cú shock định hướng chúng ta cho kịch bản tăng, thì hãy coi nó như một dấu hiệu của xu hướng giảm.

Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng, chúng ta chỉ có thể đặt ra các kịch bản về hành động của giá cho một bước tiếp theo, không bao giờ được phép đi xa hơn. Dựa trên những dấu hiệu đã có, ta đưa ra xác suất cho sự phát triển của một chuyển động nhất định kế tiếp. Và khi bước đó hoàn thành ta lại có thể thực hiện bước tiếp theo. Chẳng hạn, ta đang ở phase B mà đã đề xuất khả năng có 1 sơ đồ tích lũy hoặc phân phối thì điều này hoàn toàn không có ý nghĩa, cách làm như vậy là không hợp lý.



Và đây là một trong những lợi ích của phương pháp Wyckoff, nó cung cấp cho ta một lộ trình rõ ràng, mỗi bối cảnh để dự báo chuyển động giá. Khi giá ở vị trí có thể xuất hiện sóng giảm (ngắn hạn) (Spring) và phân tích của chúng ta xác nhận điều này, thì chúng ta sẽ chờ đợi chuyển động bứt phá đi lên tiếp theo. Và khi điều này phát triển theo cách mà ta mong đợi (giá và khối lượng ngày càng tăng) thì chúng ta có thể đề xuất chuyển động tiếp theo là giá sẽ quay trở lại mức mà ở đó, cấu trúc sẽ bị phá vỡ. Và khi chúng ta ở chính xác vị trí đó của BUEC chúng ta có thể đánh giá để đưa ra kịch bản tiếp theo là giá sẽ tăng vượt ra khỏi cấu trúc.



Đây là diễn biến thay đổi, không phải là phát minh ra thứ gì ghê gớm. Chỉ đơn giản là theo dõi, đánh giá hành động giá và khối lượng trong thực tế để dự báo chuyển động tiếp theo mà có xác suất cao sẽ xảy ra.

Tại sao lại đơn giản như vậy: Lý do một lần nữa nằm ở sự thành công hay thất bại của các mô hình failed schemes trước đó.

Chúng ta không thể biết được ý định của các nhà giao dịch, cho dù họ là những nhà giao dịch ngắn hạn, người mà sẽ đóng vị thế khi giá đi vào vùng thanh khoản tiếp theo hay họ là nhà giao dịch dài hạn có tầm nhìn xa hơn và sẽ tiếp tục cho đến khi hoàn thành cấu trúc.

Chúng ta không biết các nhà giao dịch có năng lực cao hơn có nhảy vào can thiệp hay không. Tại thời điểm quyết định, trong cú breakout test xác nhận xu hướng của cấu trúc, các cá voi lớn hơn có thể xuất hiện, gây áp lực khiến giá di chuyển theo hướng ngược lại.

2.3 Cách Phân Biệt Giữa Tích Lũy Và Phân Phối

Đây là vướng mắc thường gặp nhất, và nó hoàn toàn hợp lý vì nếu chúng ta tìm được câu trả lời khách quan thì đồng nghĩa với việc chúng ta đã có chiến lược rõ ràng để giao dịch.

Nhưng đáng tiếc là không phải như vậy. Trong diễn biến thực tế của thị trường, chúng ta không thể thực sự biết đó là tích lũy hay phân phối. Thời điểm suy nhất chúng ta có thể xác định được điều gì đã diễn ra trong cấu trúc đó là khi sự phát triển tổng thể của cấu trúc diễn ra, khi chúng ta đã có nguyên nhân và kết quả phát triển đầy đủ.

Khi mọi thứ đã rõ ràng, nghĩa là không còn gì cho chúng ta, đã quá muộn để tận dụng thị trường. Chúng ta cần phải tham gia vào thị trường trước khi kết quả (được xây dựng bởi nguyên nhân) phát triển đầy đủ.

Khi xây dựng kịch bản, chúng ta luôn nói về những điều có thể xảy ra bằng những từ tiềm năng/có thể vì không có gì là chắc chắn. Thị trường vốn là môi trường hoàn toàn không chắc chắn và chúng ta nên tập trung vào phân tích các dấu vết đã có để cố gắng xác định thời điểm mà sự mất cân bằng xảy ra.

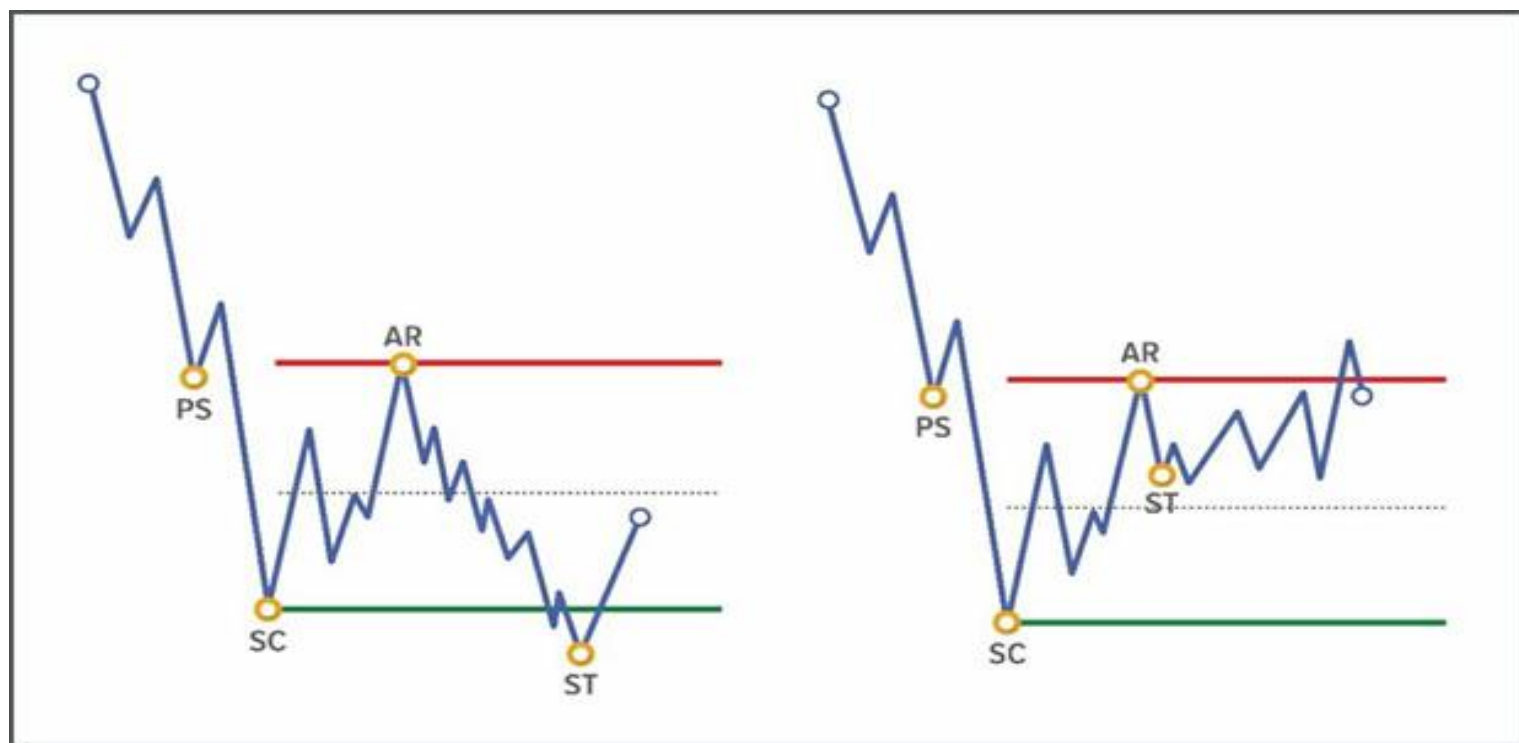
Bây giờ chúng ta sẽ tóm tắt những điểm quan trọng nhất khi đánh giá thị trường.

2.3.1 Type Of Test In Phase A

Đây là dấu hiệu đầu tiên được đánh giá của cấu trúc. Nguyên tắc rất đơn giản, chia biên độ của cấu trúc thành 3 phần và tùy thuộc vào nơi hình thành ST, nó sẽ cung cấp cho ta 1 vài thông tin về thị trường tại thời điểm đó.

Nếu ST ở $\frac{1}{3}$ của nửa dưới, hoặc thậm chí ở bên ngoài range thì nó cho thấy có 1 lực bán nhất định.

Nếu ST nằm ở nửa $\frac{1}{3}$ của nửa trên hoặc bía bên trên range thì nó cho thấy phe mua đang rất mạnh.



2.3.2 Type Of Phase B Test And Reaction

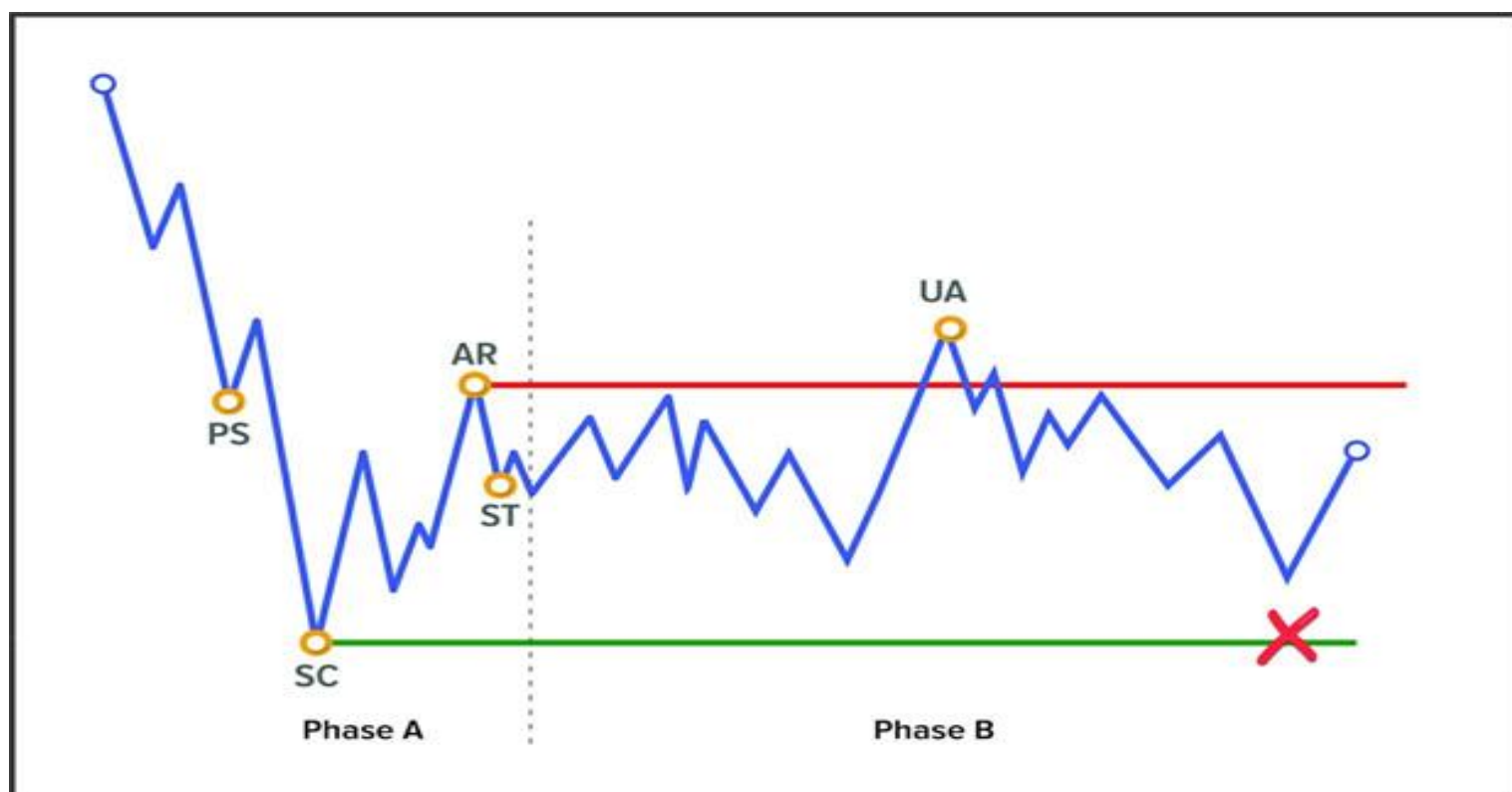
Đây là dấu hiệu thứ 2 trong số các dấu hiệu để chúng ta có thể đánh giá sức mạnh của 2 phe trong thị trường.

Từ quan điểm chung chúng ta có thể rút ra 2 kết luận rõ ràng:

- Test phía trên thể hiện phe mua mạnh, phe bán yếu.
- Test phía dưới sẽ thể hiện phe bán mạnh, phe mua yếu.

Logic đằng sau kết luận này là giá không thể di chuyển đến phần cuối của cấu trúc và gây ra một số sự xuyên phá nếu không có các nhà giao dịch lớn hơn hỗ trợ cho các chuyển động đó. Điều này giúp ta có thêm tự tin trong việc xác định xem một chuyển động có hài hòa trong quá trình phát triển của nó ko.

Nói chung vì nó xảy ra ở giai đoạn rất sớm trong quá trình phát triển cấu trúc nên loại test này sẽ biểu thị một sự ham muốn nhất định trong xu hướng mà nó đã diễn ra. Test ở đỉnh cho thấy lực mua, test ở đáy cho thấy lực bán.



Đánh giá sau đó về hành động giá nhằm mục đích xem chuyển động đó có phục vụ cho việc rũ bỏ các nhà giao dịch ở phe đối diện (stop hunt), hoặc nếu không phải vậy, chuyển động giá được sử dụng để đảo chiều xu hướng một cách

manh mẽ. Nói cách khác, khi giá test và cố gắng phá vỡ biên của cấu trúc dù chỉ 1 chút và có sự thanh khoản ở đó, thì có 2 trường hợp xảy ra.

Một mặt chuyển động này có thể giúp hấp thụ hết các lệnh cắt lỗ của những người bán khổng (stop hunt). Bằng cách này họ cố gắng loại bỏ áp lực giảm giá và sau đó họ sẽ bắt đầu một xu hướng tăng với chi phí thấp hơn. Hành động này có thể được xác nhận sau đó, khi thấy giá có 1 vùng hỗ trợ, và không thể tiếp tục giảm.

Mặt khác, các cá voi khác có thể lợi dụng chuyển động đó và vào lệnh bán ở đỉnh. Hành động đó sẽ được xác nhận khi giá đi tới đáy của cấu trúc, một dấu hiệu rõ ràng của lực bán.

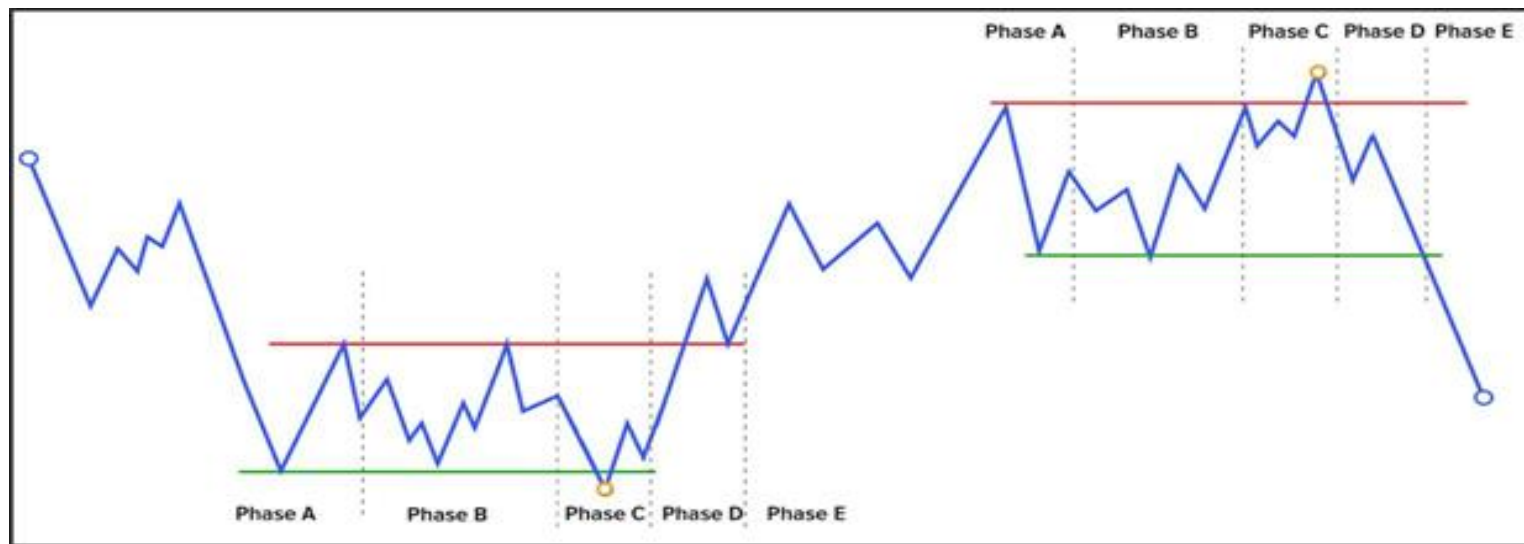
Do đó, diễn biến tiếp theo sau cú test sẽ rất hữu ích cho việc phân tích. Chúng ta thậm chí có thể đang xem xét cú test ở phase C, cũng như tầm quan trọng của việc đánh giá phản ứng tiếp theo. Việc giá không thể đi tới phía đối diện của range sẽ cảnh báo chúng ta về sự thất bại của cấu trúc (structural failure - mục 1.5), điều này làm tăng sức mạnh cho hướng ngược lại. Vì nếu nó là cú shock hình C thì giá phải bật ngược lại cạnh đối diện của range gần như ngay lập tức. Loại hành vi này cùng với việc cú test xảy ra ở một đầu sau đó sự thất bại về cấu trúc xảy ra ở đầu đối diện là đặc trưng của hình thái giá có thể vượt ra ngoài cấu trúc mà không cần có sự rũ bỏ ở biên của range.

Đối với trường hợp tích lũy, test ở đỉnh (UA) cộng với việc không có khả năng chạm tới đáy cho thấy rằng có lực mua rất lớn ở đáy, và rất có thể thị trường sẽ bứt phá đi lên từ một số điểm ở khu vực giữa cấu trúc (LPS) mà không cần phát triển spring ở phần đáy.

Đối với trường hợp phân phối, test ở đáy ST (dưới dạng SOW) sau đó là việc giá không có khả năng chạm tới đỉnh cho thấy có rất nhiều lực bán ở phía trên đỉnh và có thể thị trường sẽ hình thành LPSY như một cú test ở trong phase C.

2.3.3 The Shake In Phase C

Chỉ báo thứ 3 và quan trọng nhất. Đây là sự kiện chi phối phân tích và góc nhìn của chúng ta.



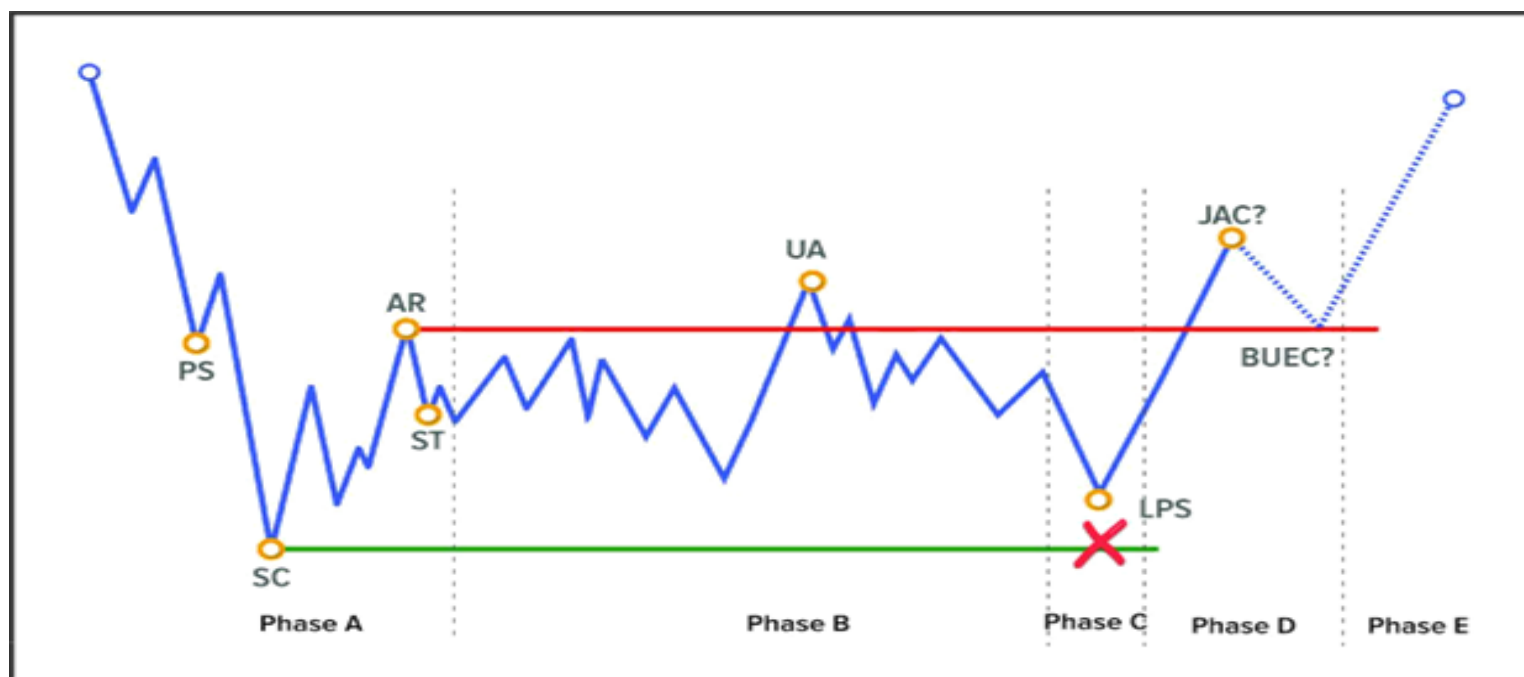
Hành vi này tạo cho chúng ta sự tự tin nhất khi hoạt động. Một cú shock giá khi tiến tới vùng thanh khoản cộng với việc quay lại kênh giá, thể hiện sự từ chối mạnh mẽ của giá để tiếp tục di chuyển theo hướng hiện tại. Và tại thời điểm đó, con đường có ít cản trở hơn là ở phía đối diện. Mục tiêu tối thiểu của cú shock là giá chạm tới biên đối diện của cấu trúc. Và nếu chúng ta đang có một cú test trong phase C, nó sẽ gây ra sự phá vỡ và hình thành xu hướng tiếp theo đi ra khỏi cấu trúc.

Điều quan trọng nhất khi phân tích biểu đồ là thời điểm hiện tại là điều gì đã tạo nên mức giá như bây giờ sau những gì mà nó đã làm trong quá khứ. Và điều quan trọng thứ hai là nó đã làm gì ngay trước thời điểm hiện tại. Có nghĩa là nếu mức giá hiện tại được tạo ra bởi một cú shock thì cú shock đó chính là thứ định hướng cho tín hiệu của chúng ta.

Vì sự kiểm soát của thị trường có thể bị thay đổi trong quá trình phát triển cấu trúc, nên ta cần phải liên tục đánh giá những thông tin mới xuất hiện trên thị trường. Sau đó ta sẽ phân tích những thông tin mới nhất mà có sự ảnh hưởng nhiều hơn tới thị trường. Điều này có nghĩa là, cú shock có tầm ảnh hưởng nhiều hơn bất kì hành động nào khác đã xảy ra trước đó trong cấu trúc.

Theo bản chất của chuyển động giá, bản thân cú shock phải đủ giá trị để ta nghiêng theo định hướng của nó.

Vậy có nên loại bỏ toàn bộ các dấu vết trước đó không ? Tùy vào quan điểm của mỗi người. Theo tác giả, những dấu vết nhỏ cũng góp phần tạo nên bức tranh tổng thể. Đó là việc phân tích một cách khách quan và bổ xung những bằng chứng có lợi cho bên mua hoặc bên bán. Và phải nhớ rằng không phải lúc nào cũng có cú rung lắc như vậy khi kết thúc (cấu trúc). Như chúng ta đã thấy ở phần trước, biết cách đọc các dấu hiệu giúp ta dự báo được sự phát triển kế tiếp của kết quả.

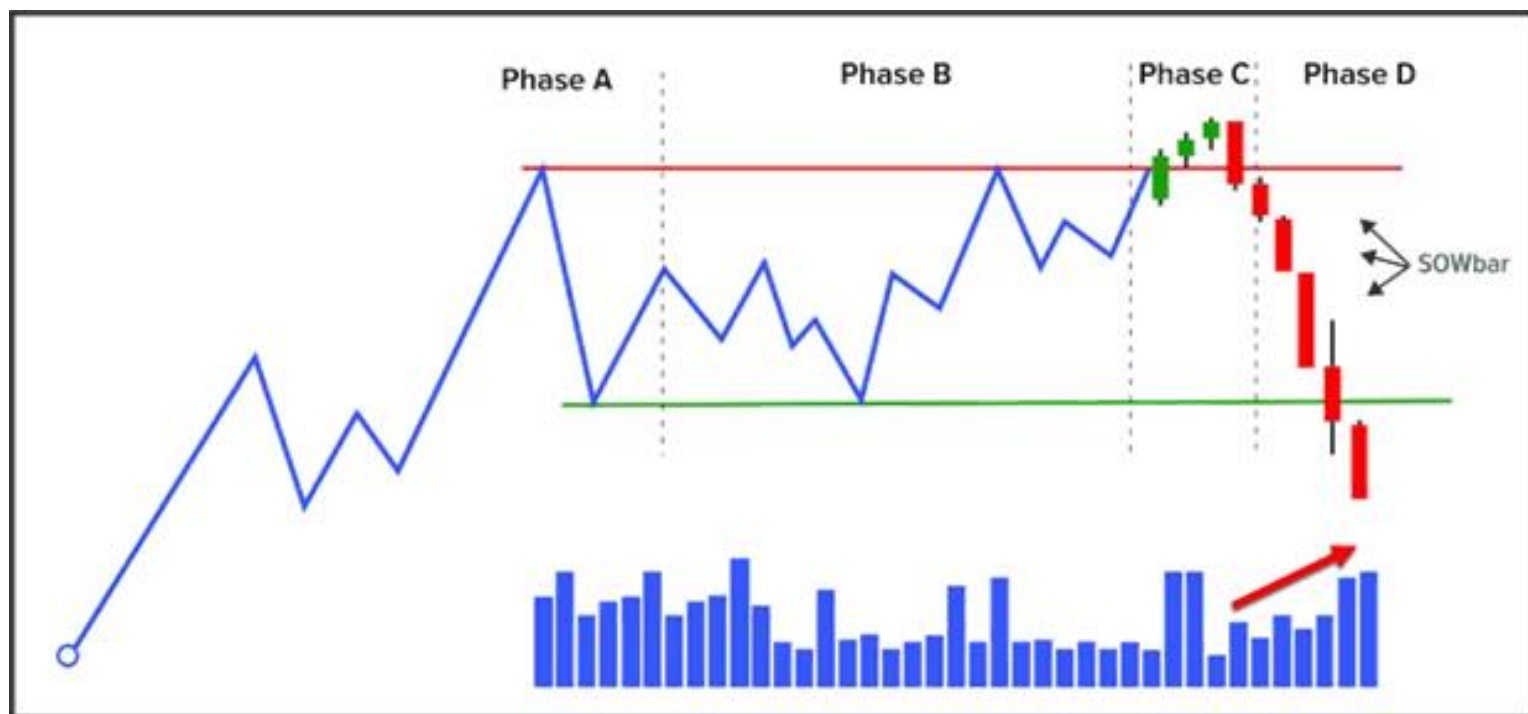


Nếu chúng ta đang ở trong một tính huống mà có khả năng giá sẽ break và đi lên nhưng trước đó giá chưa thực hiện được cú test và spring ở phía cạnh dưới và sau đó là mô hình thất bại về mặt cấu trúc ở đáy (phần 1.5) thì phải nhớ rằng đó là đặc điểm của quá trình tích lũy với sự kiện test trong phase C chỉ là một LPS đơn giản và do đó, ta có vị thế tương đương (với cấu trúc có spring) trong việc ủng hộ BUEC và tiếp diễn xu hướng tăng.

2.3.4 Price And Volume Action In Phase D

Dấu vết này chỉ đơn giản là áp dụng quy luật nỗ lực và kết quả cho giá và khối lượng.

Chúng ta mong đợi các thanh nến thể hiện sự chủ động ủng hộ cho xu hướng sau cú shock, sự ủng hộ này được thể hiện bằng biên độ rộng và khối lượng lớn (SOW, SOS).



Giá trị thực sự của một pha rung lắc, được thể hiện ở việc nó có tiếp diễn hay không. Như đã đề cập, tất cả các hành động phải được xác nhận hoặc từ chối sau đó. Chúng ta có thể đang ở vị trí của một cú shock tiềm năng, nhưng nếu chuyển động tiếp theo là sự phá vỡ cấu trúc không được hình thành, thì tâm lý thị trường sẽ thay đổi.

Cú shock là một cuộc tìm kiếm sự thanh khoản nhưng sau đó nó cũng phải có khả năng tạo ra một chuyển động với động lượng nhất định mà ít nhất phải đạt đến biên đối diện của range và hoàn hảo hơn nữa là gây ra sự phá vỡ cấu trúc.

Ví dụ: Nếu ta quan sát một cú UTAD tiềm năng, điều chúng ta mong đợi là sau đó nó sẽ diễn ra một sóng giảm mạnh mẽ, cố gắng phá vỡ biên dưới của cấu trúc, để từ đó hình thành quá trình phân phối. Nếu do điều kiện thị trường, nó không thể phá vỡ hoặc tiếp cận được cạnh dưới của range và cho thấy dấu hiệu của lực bán (mSOW) thì thị trường đang cho ta thấy một lực mua tiềm ẩn và câu hỏi được đặt ra ở đây là, liệu rằng đó có thực sự là một cú shock hay không.

Việc gia di chuyển với biên độ rộng, khối lượng tăng là dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy sự xuất hiện của bigboy. Thị trường không thể diễn biến như vậy nếu không có sự can thiệp của họ. Trong các khung thời gian rõ hơn, chuyển động có chủ đích như vậy sẽ được thể hiện bằng các đỉnh, đáy thấp/cao dần diễn ra liên tiếp, biểu thị rõ ràng cho xu hướng.

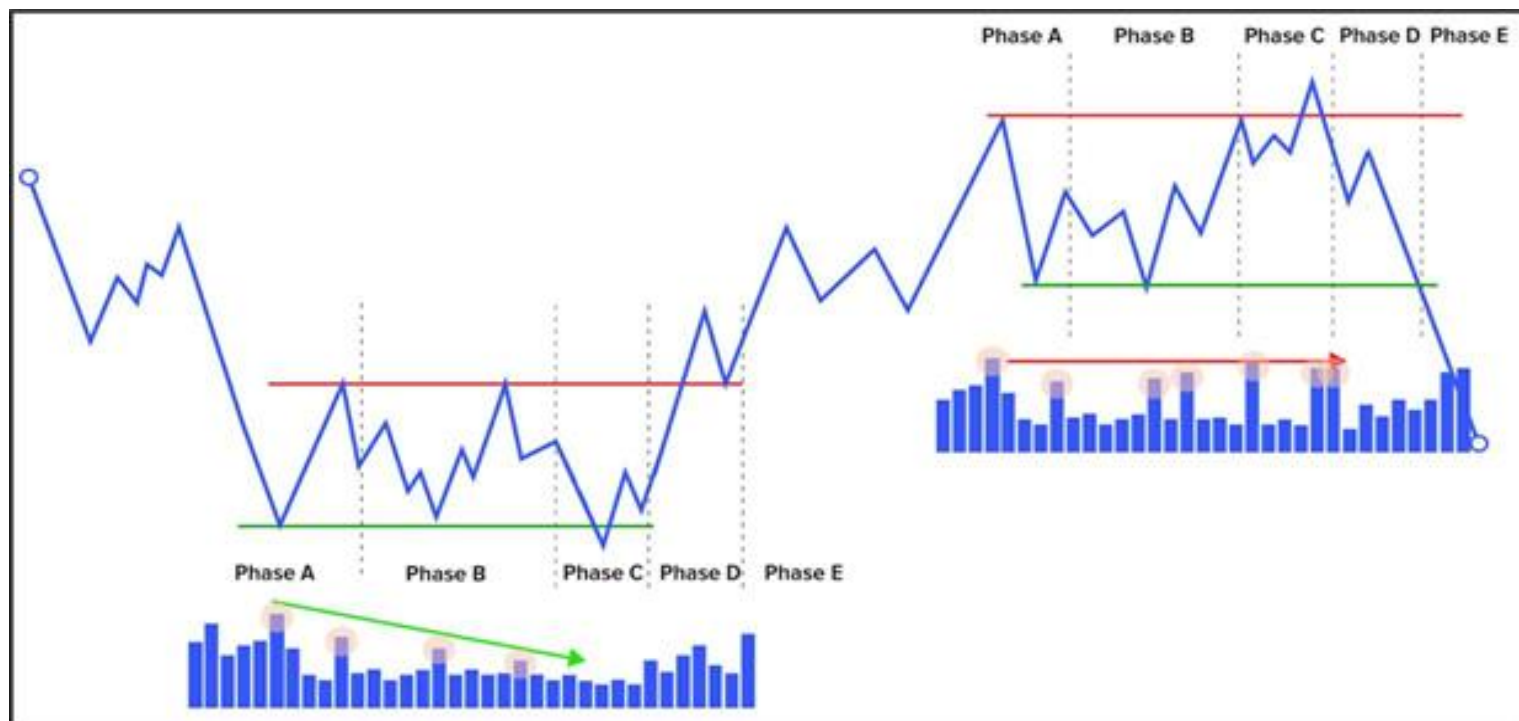
Trong hành động cụ thể của sự phá vỡ, chúng ta muốn thấy sự xuất hiện của một khối lượng lớn, cho thấy sự chủ động, và sự hấp thụ tất cả các lệnh thụ động (stop lost) nằm trong vùng thanh khoản đó. Đôi khi một thanh nến có thể xuất hiện với thân lớn, nhưng sau đó lại rút râu. Ví dụ: trong một nỗ lực phá lên, loại nến có râu trên dài thoát nhìn sẽ gợi ý cho một cú shock tiềm năng vì một râu nến như vậy là đại diện cho lực bán. Nhưng hãy nhớ rằng ta đang ở vùng thanh khoản, và việc có lực bán ở đây là điều hoàn toàn nằm trong dự kiến. Điều quan trọng là phe mua sẽ hấp thụ hết lực bán này, và đẩy giá đi lên, không cho nó quay trở lại.

Mặc dù đúng là ta vẫn có thể thấy một sự phá vỡ thực sự với khối lượng thấp (do không có sự quan tâm từ phe đối diện), trong điều kiện thông thường, việc không có khối lượng trong một hành vi như vậy ban đầu sẽ khiến ta phải coi đó như một cú shock tiềm năng. Hiển nhiên là chúng ta vẫn phải đợi phản ứng tiếp theo của giá.

Do đó, dấu hiệu trực quan nhất của sự phá vỡ thực sự sẽ là khi ta thấy một thanh nến có biên độ lớn (tính cả râu) đóng cửa ở trên biên của cấu trúc, đi kèm là một khối lượng lớn. Và ta hoàn toàn có thể nói rằng đây là dấu hiệu quan trọng thứ 2, chỉ sau cú shock.

2.3.5 The Overall Volume During The Development Of The Range

Đây là dấu hiệu quan trọng thứ 5. Theo nguyên tắc chung, chỉ cần xét riêng khối lượng giao dịch cũng có thể giúp nhận biết một số cấu trúc:



Quá trình tích lũy sẽ được biểu thị bằng khối lượng giảm dần trong quá trình hình thành cấu trúc.

Quá trình phân phối, khối lượng sẽ được biểu thị bằng các cột cao hoặc bất thường trong quá trình hình thành cấu trúc.

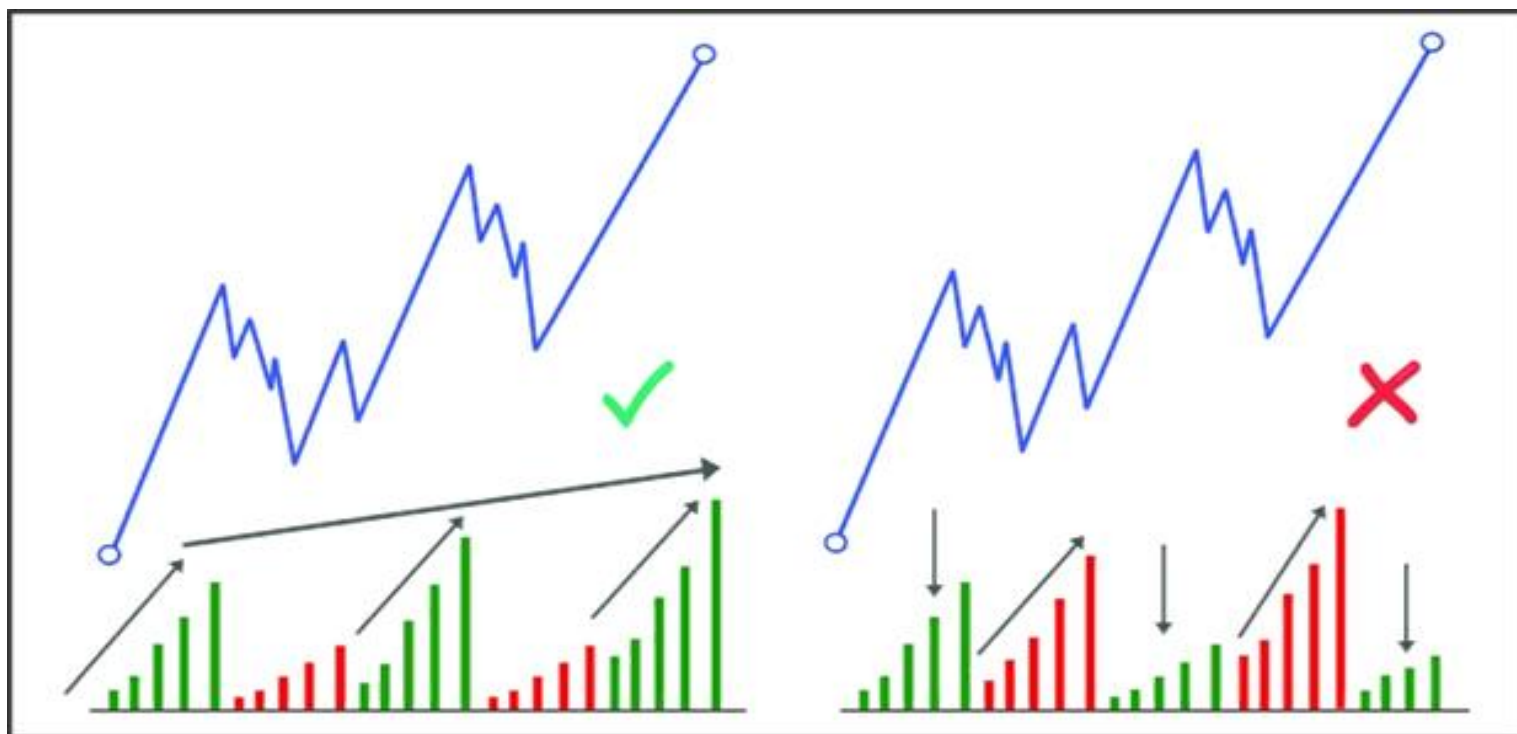
Rõ ràng đây là 1 tín hiệu chung chung, có nghĩa là không phải lúc nào nó cũng như vậy.

- Đối với ví dụ về cấu trúc tích lũy, khối lượng giảm cho thấy quá trình hấp thụ các lệnh sell thụ động đang diễn ra. Vì ban đầu, có nhiều nhà giao dịch sẵn sàng bán, tạo nên khối lượng giao dịch lớn. Qua thời gian, hoạt động khớp lệnh mua bán vẫn diễn ra, nhưng rõ ràng là với cường độ ít hơn, điều này được biểu thị dưới dạng khối lượng giảm dần. Vào thời điểm hình thành spring ở phase C, trên thực tế tất cả lệnh bán thụ động đã bị loại bỏ.

- Quá trình phân phối thì diễn ra khác hoàn toàn. Một đặc điểm quan trọng của quá trình này là nó có xu hướng phát triển nhanh hơn nhiều so với quá trình tích lũy. Và đây là lý do tạo sao bạn thấy sự biến động lớn về giá nhưng khối lượng lại ít thay đổi. Trong khoảng thời gian ngắn này các giao dịch buộc phải diễn ra với một tốc độ nhất định. (bot tạo lệnh bán ???) Trong khi ở quá trình tích lũy, thời gian có thể từ từ cho đến khi lực cung cạn kiệt. Trong quá trình phân phối, tính cấp thiết phải bán ra tạo nên sự hình thành (lệnh) nhanh chóng và đi kèm với đó là sự biến động lớn.

2.3.6 The Weis Wave Indicator Analysis

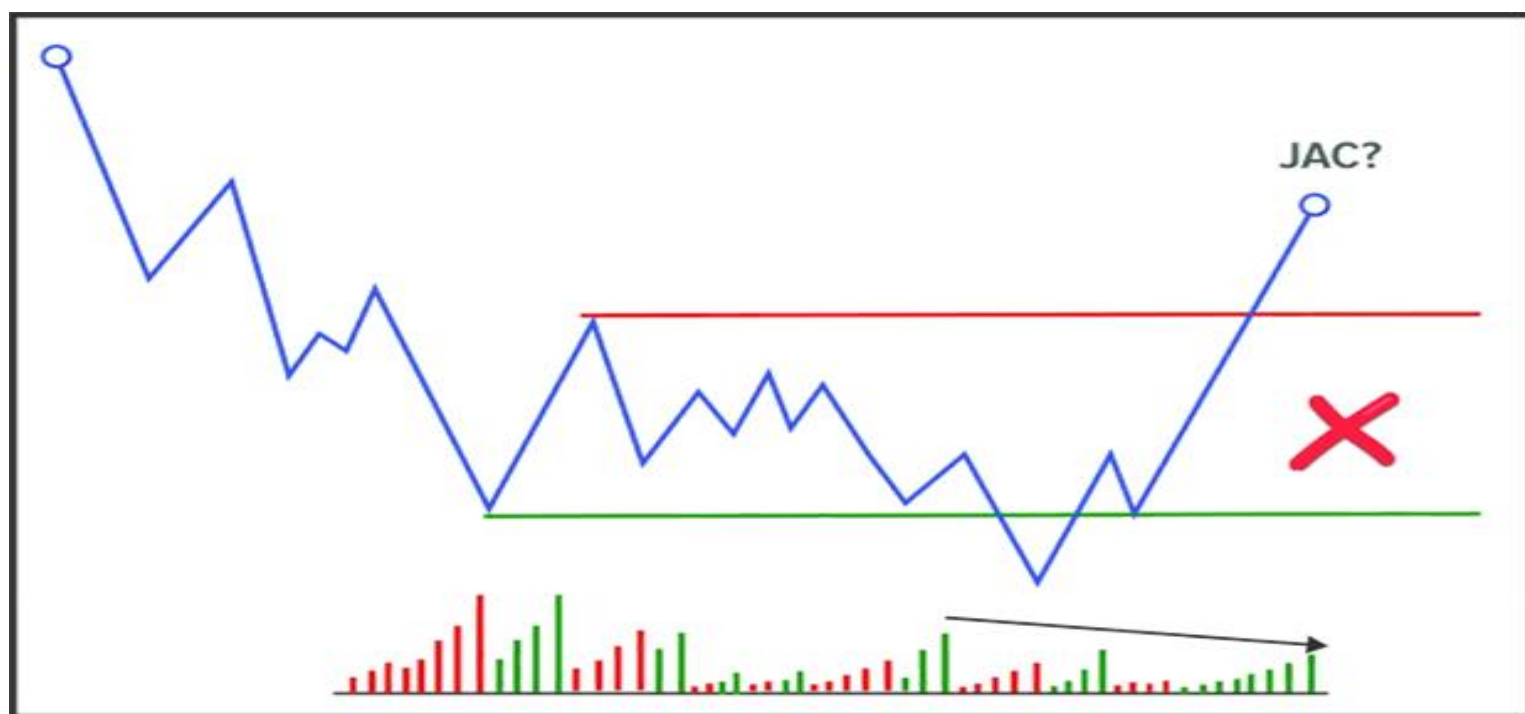
Chỉ báo Weis thu thập và phân tích các dữ liệu khối lượng để mô tả sự tích lũy trong các giao dịch do biến động giá tạo thành. Có nghĩa là tùy thuộc vào cài đặt mà ta chỉ định cho nó, đầu tiên nó sẽ xác định điểm bắt đầu và kết thúc của một chuyển động giá (sóng). Sau khi điều này được thực hiện, nó sẽ cộng tất cả khối lượng lại, và thể hiện lại dưới dạng sóng.



Như có thể thấy, tất cả sóng đều được bắt đầu từ số 0 (giống như volume at time)

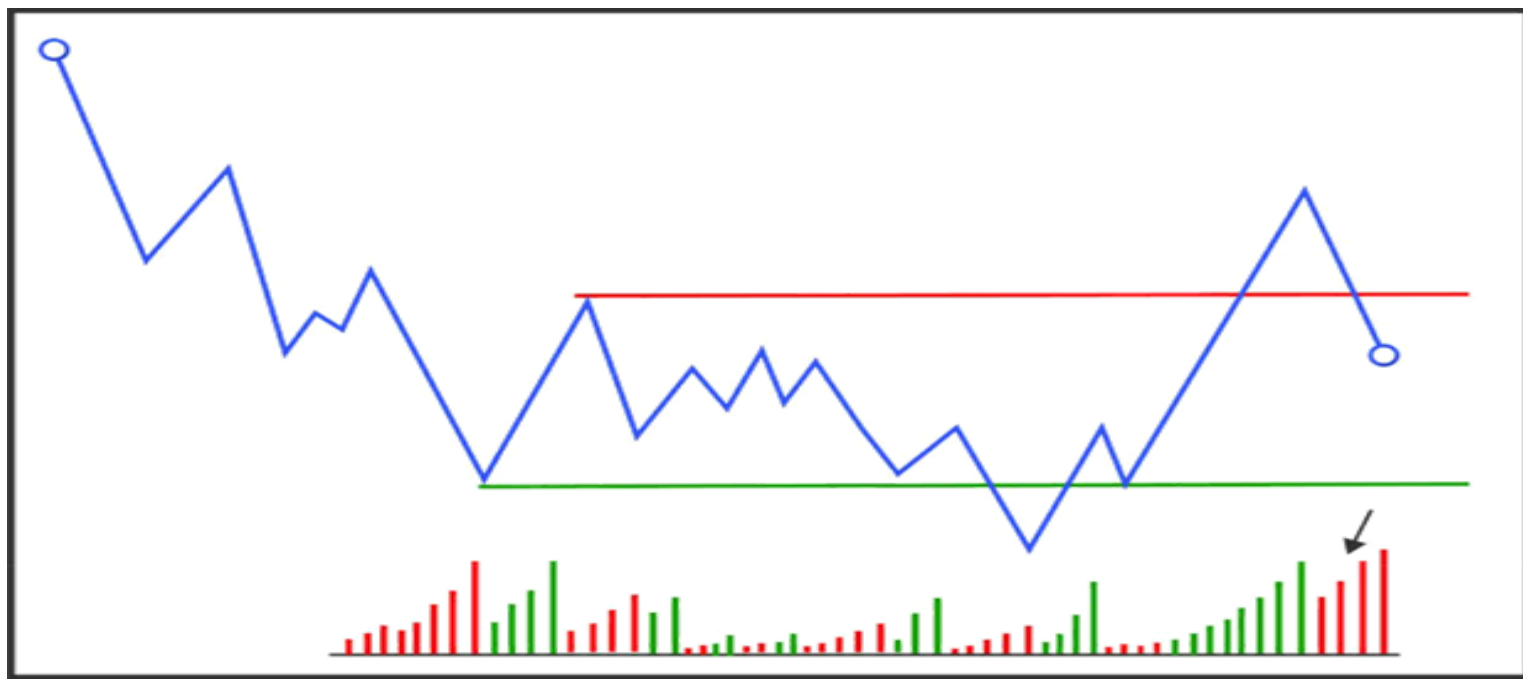
Công cụ này về cơ bản được dùng để phân tích theo quy luật nỗ lực, kết quả. Tại thời điểm xây dựng cách phân tích này, chúng ta sẽ có thể tập trung nó theo những cách sau.

Khi tiếp cận vùng hoạt động hiệu quả: Một sự hoà hòa sẽ được thể hiện bằng cách quan sát thấy một sóng Weis lớn, đi kèm với đó là giá xoay sở để phá vỡ một vùng kháng cự. Điều này chỉ ra rằng, sóng đẩy này đã đạt được sự phá vỡ hiệu quả. Đối với sự phân kì, nó sẽ được thể hiện rằng, mặc dù cùng một chuyển động phá vỡ vùng kháng cự, nhưng sóng Weis lại rất nhỏ, cho thấy rất ít khối lượng được giao dịch, và nó gợi ý rằng các nhà giao dịch lớn không ủng hộ xu hướng này. (hình minh họa bên dưới).



Quan sát hình bên dưới. Một lần nữa chúng ta phải nhắc lại tầm quan trọng của việc phân tích liên tục các tín hiệu. Ta có thể thấy một spring tiềm năng, sau đó là một sóng tăng mạnh, đi kèm với một sóng weis lớn có thể phá vỡ biên trên của cấu trúc. (cho đến nay đây là một kịch bản lý tưởng). Tại thời điểm đó, chúng ta sẽ ủng hộ sự tiếp diễn của xu hướng tăng (BUEC) tiềm năng. Nhưng cũng có thể, có

một khối lượng giao dịch lớn được tạo ra, đẩy giá quay trở lại biên của cấu trúc, và một sóng giảm lớn xuất hiện, dự báo pha phá vỡ vừa rồi chỉ là một upthrust tiềm năng.



Cần lưu ý là cho dù có các dấu hiệu ủng hộ cho kịch bản ban đầu, thì cũng không cần thiết phải làm rõ ngay là kịch bản đó có xảy ra hay không. Như đã nói trước đó, thông tin mới liên tục xuất hiện trên thị trường và chúng ta phải nhận thức được điều này. Trong ví dụ trên, khi đã thấy một BUEC tiềm năng, chúng ta cần thấy các sóng giảm có khối lượng nhỏ thể hiện sự thiếu quan tâm của các nhà giao dịch lớn để ủng hộ cho kịch bản tăng giá và làm cho nó có độ tin cậy lớn hơn.

2.4 Cách Phân Tích Một Biểu Đồ Từ Con Số 0

Điều đầu tiên phải làm rõ là, một biểu đồ càng đơn giản càng tốt. Chẳng có ích gì khi có cả trăm chỉ báo được vẽ trên biểu đồ. Điều duy nhất chúng ta nhận được từ một biểu đồ như vậy là nó đã che giấu đi thông tin thực sự quan trọng: “Giá”. Đó là lý do tại sao ngay khi một cấu trúc được hình thành đầy đủ thì nên loại bỏ hoàn toàn các nhãn đã được vẽ. Bằng cách này chúng ta loại bỏ khả năng những thứ được vẽ ra sẽ gây trở ngại cho việc phân tích sâu hơn. Hầu hết chỉ nên để lại các đường biên của cấu trúc để có thể nhanh chóng xác định được vị thế của mình.

Trong cách phân tích này việc bắt đầu phân tích từ các khung thời gian lớn và đi vào các khung nhỏ hơn là điều không thể thiếu.

Khi một biểu đồ được mở ra, điều đầu tiên chúng ta tìm kiếm là sự kiện kết thúc một xu hướng và quá trình mà nó chậm lại (cấu trúc tích lũy / phân phối). Về mặt ứng dụng, điều chúng ta quan tâm là thấy rằng, thị trường đang xây dựng nguyên nhân cho chuyển động tiếp theo: nghĩa là nó phải đang ở phase B.

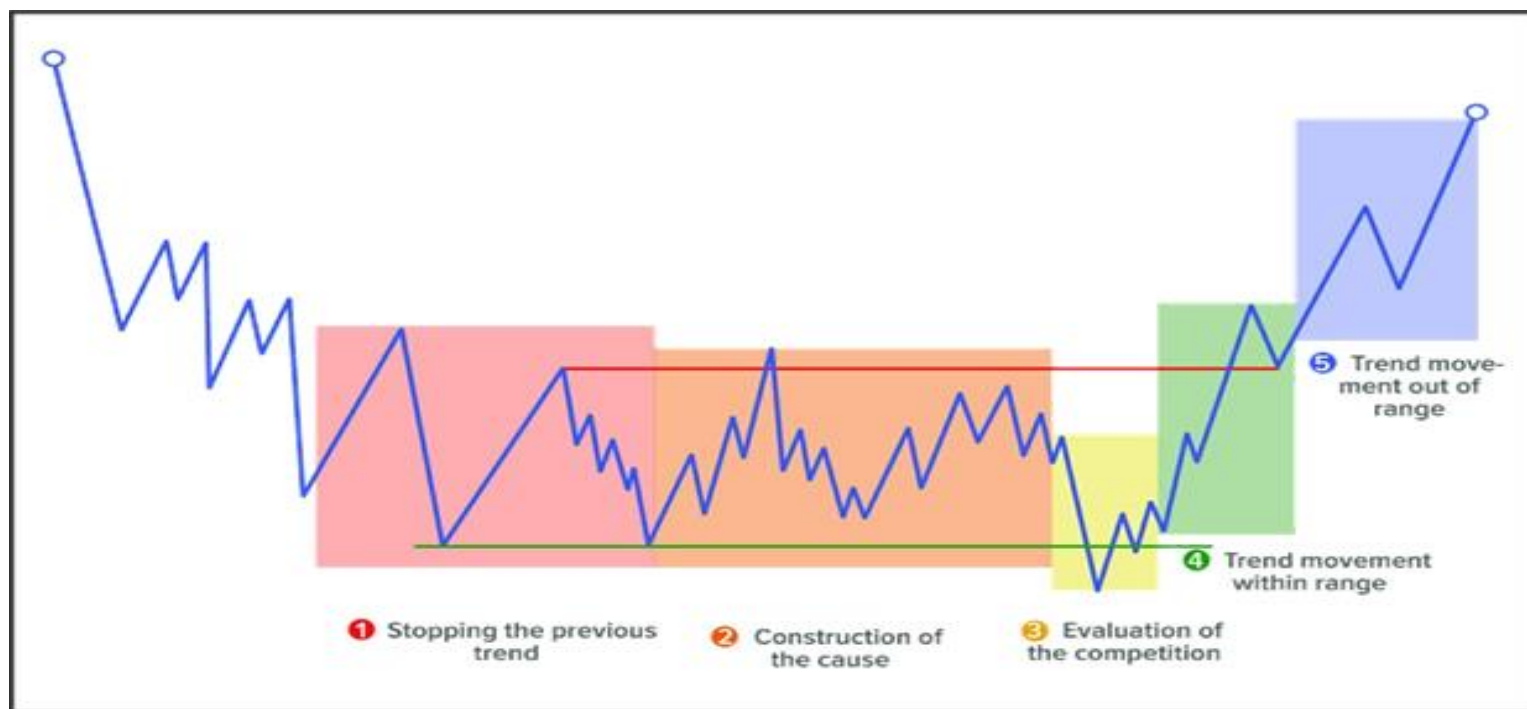
Rõ ràng trong nhiều trường hợp khi mở chart ra và ta không thấy điều gì rõ ràng cả, hoặc nó vẫn đang trong một xu hướng. Lúc này ta chẳng thể làm gì khác ngoài việc tiếp tục quan sát cho đến khi có sự thay đổi về tính chất, dẫn đến sự hình thành của phase A.

Trong những trường hợp khác, ta sẽ xác định được phase A cộng với sự phát sinh nguyên nhân nào đó trong phase B và thị trường có thể có sự phá vỡ hoặc rung lắc tiềm năng. Đó là bối cảnh lý tưởng để hạ xuống khung thời gian nhỏ hơn để phân tích. Việc cần làm là xác định bối cảnh chung trong khung thời gian lớn này, để xác định xem kịch bản nào sẽ đáng để thực hiện, dự kiến lệnh buy hay sell. Nói tóm lại việc phân tích vị thế của ta ở khung lớn, sẽ có vai trò định hướng cho các kịch bản mà ta sẽ vạch ra. Cho đến khi ta rõ ràng về bối cảnh của biểu đồ trên, ta không thể đi xuống quan sát ở khung nhỏ hơn.

2.4.1 Structures

Các cấu trúc cung cấp cho ta một lộ trình rõ ràng, hướng dẫn các phương pháp tiếp cận kịch bản mà ta đã vạch ra. Ví dụ:

- Nếu ta đang ở phase B xây dựng nguyên nhân thì ta sẽ đợi giá tới cuối cấu trúc để có hành động phá vỡ.
- Nếu ta đang ở vị thế xác nhận một cú shock, ta sẽ chờ đợi giá bật lại cạnh đối diện của cấu trúc.
- Nếu ta đang ở vị trí có khả năng phá vỡ thực sự, ta sẽ đợi một số hành động test lại cấu trúc, để tiếp tục di chuyển bên ngoài kênh giá.
- Nếu khi quan sát cấu trúc mà ta không biết thị trường đang thực sự vận động như thế nào, thì ta sẽ không thể đưa ra kịch bản sáng suốt. Đó là lý do tại sao điều đầu tiên là phải xác định cách thức hình thành của quá trình tích lũy/ phân phối này.



- + Dừng xu hướng trước đó.
- + Xây dựng nguyên nhân.
- + Đánh giá khả năng cạnh tranh.
- + Xu hướng phát triển trong phạm vi.
- + Xu hướng phát triển ra ngoài phạm vi.

2.4.2 Vùng Hoạt Động

Mục tiêu là xác định vị trí của khu vực giao dịch theo các mức giá. Để làm được điều này chúng ta cần dùng Volume Profile.

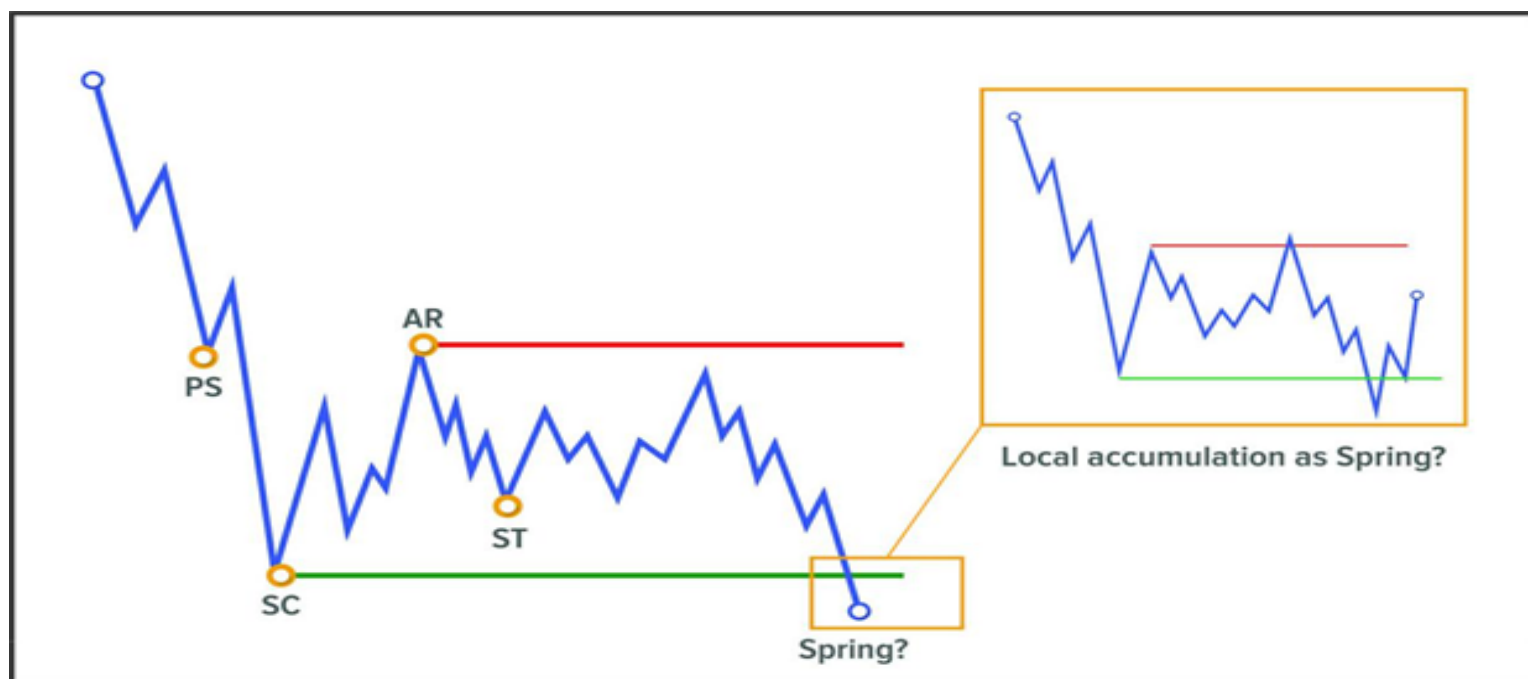
Khi thị trường chuyển từ vùng cân bằng này sang vùng cân bằng khác, chúng ta phải biết vị thế của mình đang ở đâu tại thời điểm hiện tại, đâu là đỉnh, đáy của trading zone để tính đến các mục tiêu có thể tiếp cận.



Volume profile là một công cụ bổ xung tính khách quan cho việc phân tích của chúng ta và phù hợp với việc đọc hiểu thị trường theo phương pháp Wyckoff, cho phép ta xác định rõ ràng hơn ai đang là người kiểm soát thị trường.

2.4.3 Giảm Khung Thời Gian

Một khi bối cảnh chung được quan sát rõ ràng dựa trên vị trí của giá ở sát biên hoặc bên ngoài biên của biểu đồ chúng ta sẽ thấy quan tâm hơn tới việc vào lệnh buy or sell. Và vì đã xác định được vùng BU, ta có thể đi vào khung nhỏ hơn và bắt đầu một phân tích mới ở đó.



Ví dụ:

- Nếu ta đang ở vị trí spring tiềm năng (phase C) của khung thời gian trên, việc quan sát các dấu vết trong một khung thời gian nhỏ hơn mà cho thấy có dấu hiệu phe mua đang gia nhập thị trường thì đó sẽ là một tình huống lý tưởng. Một mặt ta đang ở tình huống spring tiềm năng của khung lớn, mặt khác ta cũng có một tình huống tích lũy tiềm năng ở khung nhỏ, điều này nếu được xác nhận thì nó sẽ đồng thuận với cú spring tiềm năng ở khung thời gian chính.

- Nếu chúng ta đang ở trong một tình huống BUEC tiềm năng (phase D) sau khi kết thúc sóng tăng và việc phân tích các dấu vết đồng thuận với giả thiết đó thì ở vị trí này, chúng ta nên ủng hộ sự tiếp diễn của cấu trúc đang được hình thành và do đó,ta nên tìm kiếm một cấu trúc tái tích lũy ở khung thời gian nhỏ hơn trong quá trình test lại cấu trúc để giá tiếp tục giảm.

- Nếu chúng ta nhận thấy mình đang trong quá trình hình thành một xu hướng tăng (phase E) ta sẽ ủng hộ cấu trúc tái tích lũy nhỏ để tìm kiếm lệnh long ngược

theo xu hướng chính. Chúng ta không biết thị trường sẽ di chuyển theo hướng đó với động lượng như thế nào, nhưng sự mất cân bằng sẽ khiến trường nghiêng theo hướng đó, sự khẩn trương này sẽ hình thành các cấu trúc và đó là thứ chúng ta đang tìm kiếm.

Đây là lý do vì sao chúng ta nên quan sát khung nhỏ hơn: Tìm kiếm các cấu trúc nhỏ đồng thuận với bối cảnh và phân tích ở khung lớn.

Nhưng hãy cẩn thận vì thực tế là ban đầu chúng ta thiên về 1 phe, không có nghĩa là chúng ta có quyền thiếu khách quan khi phân tích cấu trúc nhỏ, bởi như chúng ta đã biết, chúng ta sẽ ở vùng then chốt và đây là vùng thu hút một khối lượng giao dịch lớn. Nói cách khác:

- Spring tiềm năng đồng thời cũng là 1 sự phá vỡ, báo hiệu 1 chu kỳ giảm tiềm năng. Việc phân tích cấu trúc ở khung lớn cho kết quả nghiêng về phe mua, nhưng nếu trong quá trình phân tích cấu trúc nhỏ mà không thấy những dấu hiệu tương tự mà ngược lại, ta lại thấy dấu hiệu của phe bán mạnh, thì ta nên chuẩn bị kịch bản cho sự giảm giá.
- Một upthrust tiềm năng, đồng thời cũng là 1 sự phá vỡ, báo hiệu xu hướng tăng tiềm năng.

Do đó trọng là phải có một tư duy cởi mở và không quá cứng nhắc đối với việc định hình xu hướng. Ngoài ra, luôn luôn chuẩn bị kịch bản cho cả lệnh Long và Short để không bị bất ngờ khi tới thời điểm đưa ra quyết định.

Nếu muốn, bạn có thể tiếp tục hạ xuống khung thời gian thấp hơn để phân tích, miễn sao nó ủng hộ sự phát triển của cấu trúc lớn. Chỉ cần nhớ nguyên tắc này, mọi người có quyền chọn xem sẽ theo dõi ở khung thời gian nhỏ tới mức nào. Tuy nhiên phải nhớ rằng, càng xuống khung nhỏ thì thông tin càng nhiều.

2.4.4 Tăng Khung Thời Gian

Đây là một câu hỏi phức tạp, khi đã tự đặt ra câu hỏi này nó chứng tỏ bạn đã có 1 sự tiến bộ nhất định trong kiến thức.

- Bước đầu tiên, chúng ta sẽ ưu tiên phân tích sự hình thành cấu trúc trong khung thời gian nhỏ hơn rồi sau đó sẽ chuyển sang khung thời gian lớn hơn trong trường hợp giá cho ta biết phải làm vậy.

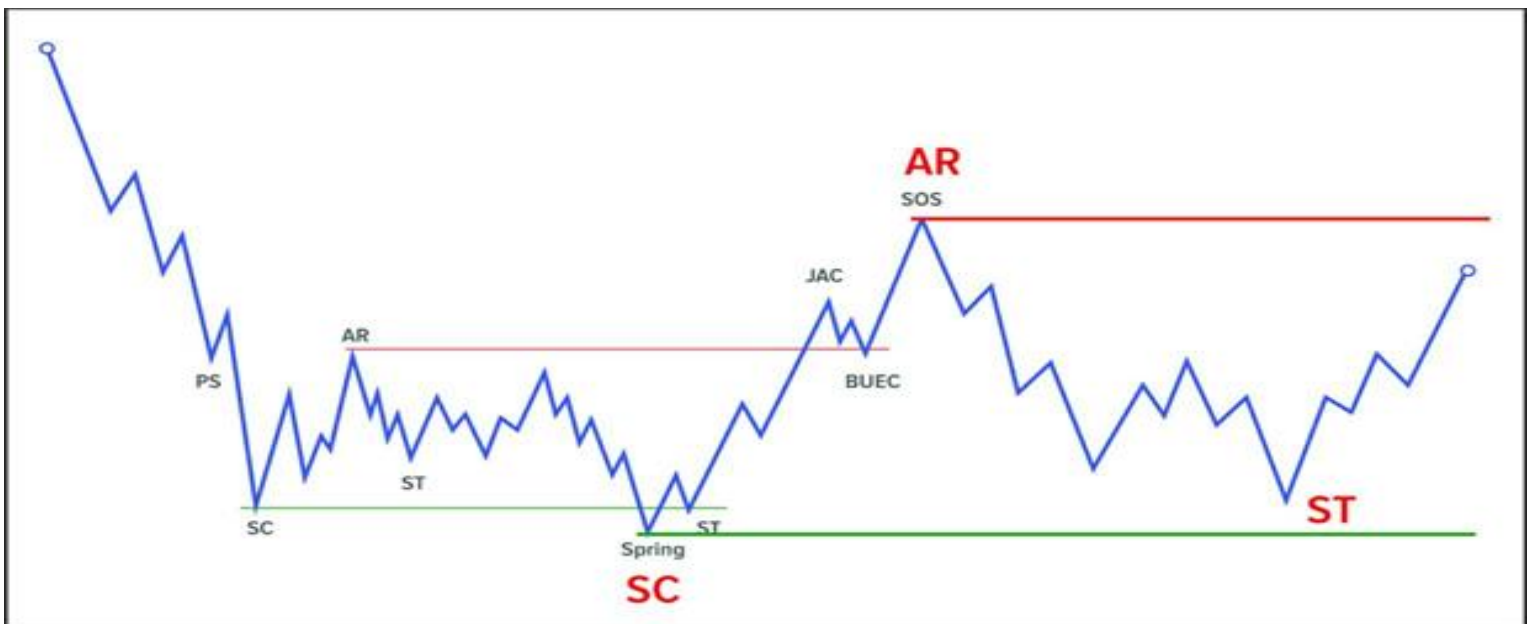
- Khi thị trường đang phát triển kết quả (chuyển động theo xu hướng) của một nguyên nhân được xây dựng trước đó (cấu trúc phân phối / tích lũy), chúng ta sẽ quan sát khung nhỏ hơn vì 2 lý do chính:

- + Để xác định các cấu trúc nhỏ có thể giúp ta tham gia vào chuyển động này.
- + Để xác định điểm dừng của chuyển động.

Lý do đầu tiên chính là việc đã nói ở phần trước - hạ khung thời gian để quan sát kỹ hơn. Trong mục này vấn đề là khi nào ta nên tăng khung thời gian.

Trong bối cảnh của tốc độ hiện tại, các cấu trúc nhỏ có bắt đầu phát triển và trở thành nguồn gốc của các sự kiện của khung lớn. Ví dụ: Khi quan sát một trend giảm mà ta thấy xuất hiện 1 quá trình tích lũy nhanh chóng trong khung thời gian nhỏ, thì có thể nó sẽ sinh ra một pha hồi tự nhiên.

Tập hợp các sự kiện diễn ra trong khung thời gian lớn hơn.



Rõ ràng là không cần phải hạ khung thời gian để quan sát các sự kiện như vậy, mọi thứ tùy thuộc vào phương pháp mà bạn chọn. Một số nhà giao dịch có kinh nghiệm có thể tận dụng nó để bắt đỉnh/ bắt đáy. Đây chỉ là ví dụ cho việc khi nào thì nên tăng khung thời gian để đưa ra phân tích tổng quan.

Ví dụ thực tế:



Concert ban đầu được giải thích là một cấu trúc nhỏ được phát triển đầy đủ và dần dần nó trở thành một phần của cấu trúc lớn. Trong ví dụ này ta có thể thấy một cách khác mà concert này xuất hiện trên thị trường.

Chúng ta đã quan sát toàn bộ quá trình hình thành cấu trúc, và tới thời điểm quyết định, tại BUEC tiềm năng, giá lại thể hiện sự thất bại, không tiếp tục tăng. Ở ngay đó ta có thể cân nhắc xem xét quan sát lại nó như một phần của cấu trúc lớn hơn. Bằng cách này tập hợp các sự kiện từ SC đến UA sẽ được coi là 1 phần của cấu trúc lớn hơn. Tương tự như vậy JAC sẽ được xem như UA và từ đó, những phần còn lại của quá trình tích lũy sẽ dần được xác định.

Ngay từ thời điểm đầu tiên, sức mạnh nền tảng đã không thể hiện sự nổi bật, bằng chứng là giá không thể tiếp cận cạnh dưới của cả 2 cấu trúc.

2.5 Làm Gì Khi Bối Cảnh Không Rõ Ràng ?

Tăng khung thời gian

Như chúng ta đã biết, khung thời gian càng nhỏ, chúng ta càng thấy nhiều thông tin nhiễu. Vào những dịp này, việc tăng khung thời gian để xem hình ảnh chung về thị trường là điều tốt nên làm.

Nếu bạn đã thực hiện phân tích tốt từ đầu như chúng ta đã đề xuất, bạn sẽ đi từ khung thời gian lớn hơn xuống nhỏ hơn. Vì vậy, chỉ cần ở trong khung thời gian mà bạn nhìn thấy hành động giá rõ ràng nhất và không cần giảm khung thời gian nữa.

Ví dụ: nếu thực hiện phân tích bối cảnh, bạn thấy khung H1 tốt cho việc quan sát hành động giá rõ ràng, bạn giảm xuống khung M15 nhưng không cảm thấy phù hợp, hãy quay trở lại H1 và loại bỏ việc phân tích các biểu đồ với khung thời gian nhỏ hơn.

Thay đổi tài sản

Bạn không cần trói buộc mình vào bất kì khung thời gian nào cả. Giả sử ngày hôm nay, sau khi phân tích các “tài sản” có thể giao dịch nhưng vẫn không có kết quả rõ ràng, bạn có tiến hành giao dịch “tài sản nào đó” không? Điều đó là vô nghĩa.

Cho dù bạn đang giao dịch cổ phiếu, chỉ số, tiền tệ, hàng hóa hay tiền điện tử, thì số lượng tài sản có thể giao dịch này đủ phong phú để bạn không cần buộc phải phân tích, tức là nếu tài sản đó không rõ ràng cho việc phân tích đối với bạn, hãy đơn giản là chọn một tài sản khác.

2.5.1 Người Kiểm Soát

Sự nghi ngờ này cũng góp phần hình thành nên một trong những sai lầm lớn nhất của một số trader khi quyết định chỉ giao dịch một loại tài sản. Nó khiến họ muốn kiểm soát mọi biến động giá, điều này có thể khiến tài khoản của họ bị thua lỗ. “Kiểm soát” từ này có thể là một trong những thứ có tác hại lớn nhất trong giới trading. Bạn chẳng kiểm soát thứ gì cả. Chúng ta chỉ nên tập trung vào giao dịch với các setup rõ ràng và với tỷ lệ R:R tốt nhất có thể.

Một điều thú vị là người ta thường đồng ý rằng trader nào mà chỉ giao dịch một loại tài sản sẽ sử dụng các khung thời gian nhỏ. Đó là sự kết hợp hoàn hảo dẫn tới thất bại. Và anh ta chắc chắn sẽ thích việc gắn nhãn (thực tế điều này thể hiện là anh ta muốn kiểm soát mọi chuyển động của giá), vì ta có một trader đang để đầu óc và tầm nhìn của mình vào việc cố gắng giải mã mọi chuyển động của giá và thực tế là anh ta sẽ không thấy giá đang chuyển động như thế nào vì anh ta đang có một chart M1 hoặc M2 gắn đầy các nhãn.

Hãy tránh xa cách làm này vì không ai có thể tồn tại được lâu theo cách giao dịch như vậy. Nó đòi hỏi tiêu tốn rất nhiều năng lượng và phải có khả năng tập trung rất cao để duy trì mức độ phán đoán chính xác. Sẽ có rất ít người thực sự có thể thực hiện cách giao dịch này. Đại đa số chắc chắn sẽ bị mất tập trung nghiêm trọng.

Cuối cùng, một lưu ý quan trọng trên hết là chúng ta luôn quên rằng hầu hết các chuyển động thị trường đều có tính chất ngẫu nhiên, điều này có thể hiểu đơn giản là không có ai đứng sau định hướng các chuyển động đó. Như tôi đã nói trong những trang đầu tiên của cuốn sách. Đôi khi giá giao động lên xuống trong một phạm vi mà không có bất kỳ chủ ý và cũng không có bất kỳ nguyên nhân nào đằng sau nó. Đây là sự ngẫu nhiên thuần túy. Đó là những Trading Range mà bạn hoàn toàn không thấy footprint rõ ràng và bạn không thể đưa ra bất kỳ phân tích sáng suốt nào về việc ai sẽ có khả năng kiểm soát thị trường. Chúng ta phải nhận thức được điều này.

Chương 3, Hệ Sinh Thái Trading Hiện Nay

Mặc dù phần sau đây không liên quan trực tiếp tới sự tiếp cận mang tính kỹ thuật hơn của phương pháp Wyckoff nhưng nó có vai trò quan trọng và cung cấp sự hiểu biết phong phú hơn về bối cảnh chung nơi mà thị trường ngày nay hướng tới.

Trong vài năm gần đây, thị trường đã trải qua sự thay đổi về hình thức giao dịch, từ một hoạt động được thực hiện hoàn toàn thủ công bằng sức người sang một hoạt động hoàn toàn bằng điện tử nhờ những tiến bộ về công nghệ. Điều này đã góp phần tạo nên sự xuất hiện của những tác nhân mới trong giới đầu tư, những cách thức hoạt động mới và thậm chí cả những thị trường mới.

Rõ ràng, điều này đã dẫn tới việc toàn dân hóa trong việc đầu tư, nó cho phép tiếp cận các nhà đầu tư nhỏ lẻ, nhưng người mà cách đây không lâu đã bị bác bỏ. Về mặt này, không phải ngẫu nhiên mà hầu hết các nhà đầu tư (trader) nhỏ lẻ thua lỗ. Toàn bộ ngành công nghiệp này được thiết lập để làm điều đó và sự tham gia của họ chỉ đơn giản là một nguồn cung cấp thanh khoản (rất nhỏ) cho thị trường.

Điều quan trọng là phải giữ cho đôi chân của bạn trên mặt đất (sống thực tế). Giới trading và đầu tư quá phức tạp để một nhà kinh doanh nhỏ lẻ có kết nối có máy tính và kết nối internet tại nhà có thể thu được lợi nhuận từ vốn của mình. Nó có tất cả mọi thứ chống lại họ, bắt đầu với thực tế là nó là một lĩnh vực bị chi phối bởi các tổ chức lớn, họ dành số tiền khổng lồ cho cả việc phát triển các công cụ mạnh mẽ và thuê những người có kỹ năng tốt nhất.

Tiếp theo, chúng ta sẽ đi tới một quan điểm rất cơ bản, một số khía cạnh ít được biết đến của hệ sinh thái trading hiện tại, nó có một số liên quan vì chúng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng ta.

3.1 Những Đối Tượng Tham Gia Thị Trường Tài Chính

Biết được những người có khả năng ảnh hưởng đến biến động giá giúp chúng ta có quan điểm vững chắc hơn khi đưa ra các quyết định giao dịch và đầu tư. Thị trường tài chính được tạo thành từ các tác nhân đa dạng với các cách thức giao dịch khác nhau dựa trên nhu cầu của họ tại thời điểm cụ thể đó.

Một trong những sai lầm lớn nhất mà chúng ta có thể mắc phải đó là cho rằng tất cả sự di chuyển của thị trường được điều phối bởi một tác nhân duy nhất. Thậm chí một vài người còn đề cập tới “người chăm sóc” (caretaker) thị trường bằng cách liên hệ tới một số loại tài sản được giao dịch nhiều nhất (ví dụ caretaker = BTC dẫn dắt thị trường). Thực tế không đúng như vậy.

Al Brooks đã giải thích điều này rất rõ trong các cuốn sách của mình. 90% hoặc thậm chí nhiều hơn khối lượng giao dịch là đến từ các tổ chức, có nghĩa là thị trường hoàn toàn do họ kiểm soát. Không có giao dịch nào có thể được thực hiện nếu không có một tổ chức sẵn sàng đảm nhận vị trí ở một bên và một tổ chức khác sẵn sàng đứng về phía ngược lại. Đó là một trận chiến giữa họ. Thị trường sẽ không thể di chuyển dù chỉ là một tick nếu không có tổ chức nào đứng sau động thái này.

Do đó, mục tiêu của chúng ta là phân tích hành vi của biểu đồ để cố gắng xác định xem phần lớn tiền của phe nào là của tổ chức.

Chúng ta phân loại những người tham gia thị trường thành các nhóm khác nhau dựa theo mục đích của họ.

3.1.1 Hedgers - Người Phòng Hộ

Về cơ bản, đây là việc thực hiện các hoạt động tài chính nhằm mục đích loại bỏ hoặc hạn chế rủi ro. Chúng bao gồm việc mua lại hoặc bán một sản phẩm có liên quan tới tài sản sẽ được bảo hiểm. Mặc dù mục tiêu chính của phòng hộ là hạn chế rủi ro, nhưng nó cũng có thể được sử dụng để đảm bảo lợi nhuận tiềm năng hoặc bảo toàn giá trị của tài sản. Những nhà đầu cơ này không quan tâm tới hướng đi của giá bởi vì đây không phải là trọng tâm kinh doanh của công ty họ. Họ không hoạt động với mục đích mang tính định hướng và họ có tầm nhìn dài hạn hơn. Ví dụ một công ty hàng không mua hợp đồng tương lai dầu như một nguồn tài nguyên để cân bằng chi phí nhiên liệu của mình. Một ví dụ khác là: một công ty xuất khẩu/nhập khẩu quốc tế lớn mua ngoại tệ để phòng ngừa sự biến động giá. Các nhà tạo lập thị trường (market maker) cũng được tính trong nhóm này vì họ có thể tham gia thị trường tùy thuộc vào nhu cầu của mình để duy trì rủi ro ở mức trung lập đối với tổng số vị thế mà họ nắm giữ.

3.1.2 Speculators - Nhà Đầu Cơ

Không giống các nhà giao dịch phòng hộ, những người hoạt động chủ yếu để giảm rủi ro, các nhà giao dịch đầu cơ chấp nhận rủi ro trong các quyết định của mình. Với mục tiêu duy nhất là kiếm lời từ sự biến động giá, họ xem xét tình hình thị trường và sẽ mua nếu đánh giá giá của tài sản đó rẻ, và ngược lại họ bán khi thấy giá tài sản đó cao. Tới đây, chúng ta thấy rằng các quỹ phòng hộ, quỹ tài chính, công ty giao dịch và nói chung là bất kỳ tổ chức nào hoạt động trên thị trường đều nhắm tới mục đích kiếm lời. Họ che giấu các loại tài sản tạm thời (cổ phiếu, hàng hóa, tiền tệ..) và thực hiện giao dịch bằng các thuật toán tần số cao. Họ là những nhà giao dịch tích cực nhất trên thị trường tài chính. Về cơ bản, họ tập trung vào việc tìm kiếm các vùng thanh khoản, do họ giao dịch một khối lượng lớn nên họ cần tới đối tác tương ứng để khớp lệnh. Một sai lầm phổ biến là cho rằng tất cả các tổ chức đều có lãi. Thực ra, nhiều tổ chức trong số này là nạn nhân ưa thích trên thị trường tài chính vì họ giao dịch một khối lượng đáng kể nhưng cách thức tiếp cận hoạt động của họ không phù hợp. Mặc dù bản chất không hoàn toàn là đầu cơ, một số nhà giao dịch quyền chọn có thể được xếp vào nhóm này bởi vì nếu họ có đang giữ một vị thế lớn (ở bên trường quyền chọn, họ rất có thể chuyển sang thị trường kỳ hạn để cố gắng bảo vệ nó nếu cần).

3.1.3 Arbitrage - Nhóm Kinh Doanh Chênh Lệch Giá

Nó bao gồm việc tận dụng những điểm không hoàn hảo của thị trường tài chính. Các nhà giao dịch này quan sát sự kém hiệu quả của giá và thực hiện các giao dịch với mục tiêu hiệu chỉnh giá. Có nhiều cách khác nhau để kinh doanh chênh lệch giá: giao dịch chỉ một sản phẩm duy nhất, giao dịch các sản phẩm tương quan khác nhau, giao dịch giữa hai thị trường khác nhau và thậm chí giao dịch giữa các hợp đồng có cùng hoặc khác ngày hết hạn.

Một ví dụ về việc giao dịch chênh lệch đối với cùng một tài sản giữa hai thị trường, chẳng hạn như thị trường giao ngay (spot market) và thị trường future (future market). Trong thị trường giao ngay chúng ta có thể có cặp EURUSD và trong thị future chúng ta có mã (6E). Chiến lược kinh doanh chênh lệch giá là tận dụng sự chênh lệch giá rất nhỏ có thể tồn tại giữa hai thị trường này để thu được lợi ích.

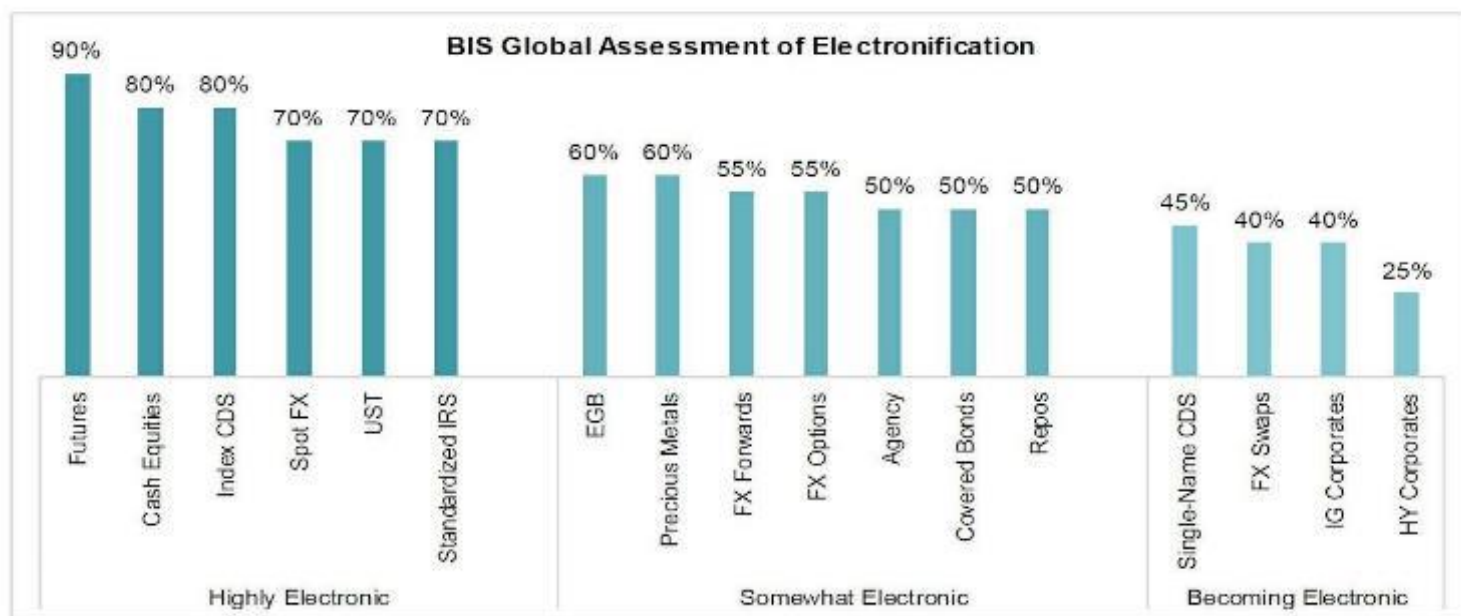
Ngoài ra, chúng ta còn có các Ngân Hàng Trung Ương. Họ là những người có năng lực lớn nhất vì họ định hướng chính sách tiền tệ của các quốc gia chủ yếu thông qua việc thiết lập lãi suất.

Chúng ta cũng cần tính tới một yếu tố rất quan trọng là thực tế không phải tất cả các giao dịch đều mang tính chất đầu cơ. Nhiều người sai lầm khi cho rằng mọi giao dịch đều có chủ đích sinh lời và trong hầu hết các trường hợp, điều này không đúng như vậy. Có nhiều kiểu người tham gia tương tác trên thị trường và nhu cầu của mỗi người là khác nhau.

Ngoài các hoạt động có chủ đích, điều quan trọng là phải làm nổi bật sự khác nhau trong việc sử dụng các hoạt động tạm thời của mỗi nhà khai thác. Trong khi một số tính đến ngắn hạn, những người khác duy trì các chiến lược trung hoặc dài hạn. Điểm mấu chốt là mỗi chuyển động của thị trường đang được hỗ trợ bởi một tổ chức lớn và bất cứ lúc nào một tổ chức khác có quan điểm dài hạn hơn với khả năng lớn hơn trong việc tác động đến giá có thể tham gia thị trường.

3.2 Electronic Markets - Thị Trường Giao Dịch Điện Tử

Kể từ năm 2007, thị trường đã trải qua từ giai đoạn được con người kiểm soát sang một môi trường điện tử hoàn toàn tự động, nơi thứ duy nhất thực sự tồn tại là máy tính thực hiện xử lý các công đoạn. Với sự xuất hiện của công nghệ hiện đại, những tiến bộ trong ngành máy tính và những thay đổi về quy định đối với thế giới tài chính, tầm quan trọng của tốc độ truyền và nhận dữ liệu đã tăng lên, đạt đến mức như hiện nay - khi các giao dịch điện tử chiếm phần lớn khối lượng giao dịch. Các sản phẩm được giao dịch nhiều nhất như hợp đồng tương lai, cổ phiếu và chỉ số CDS có mức độ điện tử hóa cao nhất chiếm tỷ lệ lần lượt là 90%, 80% và 80%. Mặt khác, trái phiếu doanh nghiệp có mức giao dịch điện tử thấp hơn vì chúng là các sản phẩm tùy biến hơn, chiếm 40% và 25%.



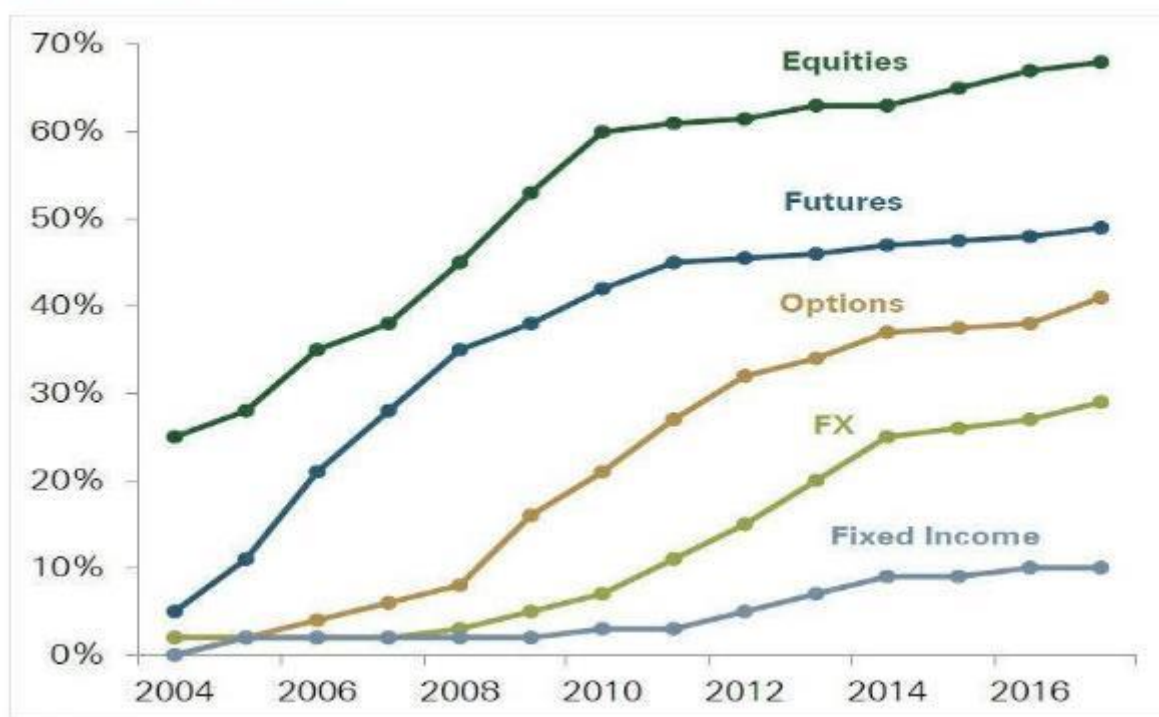
Source: SIFMA Insights. Electronic Trading Market Structure Primer

Tất cả những tiến bộ này đã giúp cải thiện hiệu quả thị trường qua việc bổ sung tính thanh khoản, giảm chi phí, tăng tốc độ xử lý, cải thiện quản lý rủi ro và cho phép tiếp cận các thị trường cụ thể.

3.2.1 Algorithmic Trading

Đây là một quá trình xử lý lệnh mua bán dựa trên các quy tắc được xác định rõ ràng và mã hóa được thực hiện tự động bởi máy tính, do đó tránh được sự tham gia của con người. Nó sử dụng các mô hình thống kê và kinh tế lượng phức tạp trên các nền tảng tiên tiến để tự tính toán và đưa ra các quyết định độc lập. Nó chủ yếu sử dụng giá, thời gian và khối lượng làm các biến; và được phát triển để tận dụng tốc độ và lợi thế xử lý dữ liệu của máy tính – những tính năng vượt trội so với khả năng thực hiện của con người. Các chiến lược này diễn giải các tín hiệu thị trường và thực hiện các chiến lược giao dịch một cách tự động, với các hoạt động có thời lượng khác nhau.

Exhibit 2: Market Share of Algorithmic Trading by Asset Class



As of 2017.

Source: Goldman Sachs, AiteGroup

Trong những năm gần đây thị phần của giao dịch bằng thuật toán ở tất cả các loại tài sản đơn giản đã gia tăng rất ngoạn mục và xu thế này được dự đoán sẽ tiếp diễn trong các năm tiếp theo. Một trong những lý do của sự tăng trưởng vượt bậc này là do sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài chính.

3.2.2 High Frequency Trading - Giao Dịch Tần Suất Cao

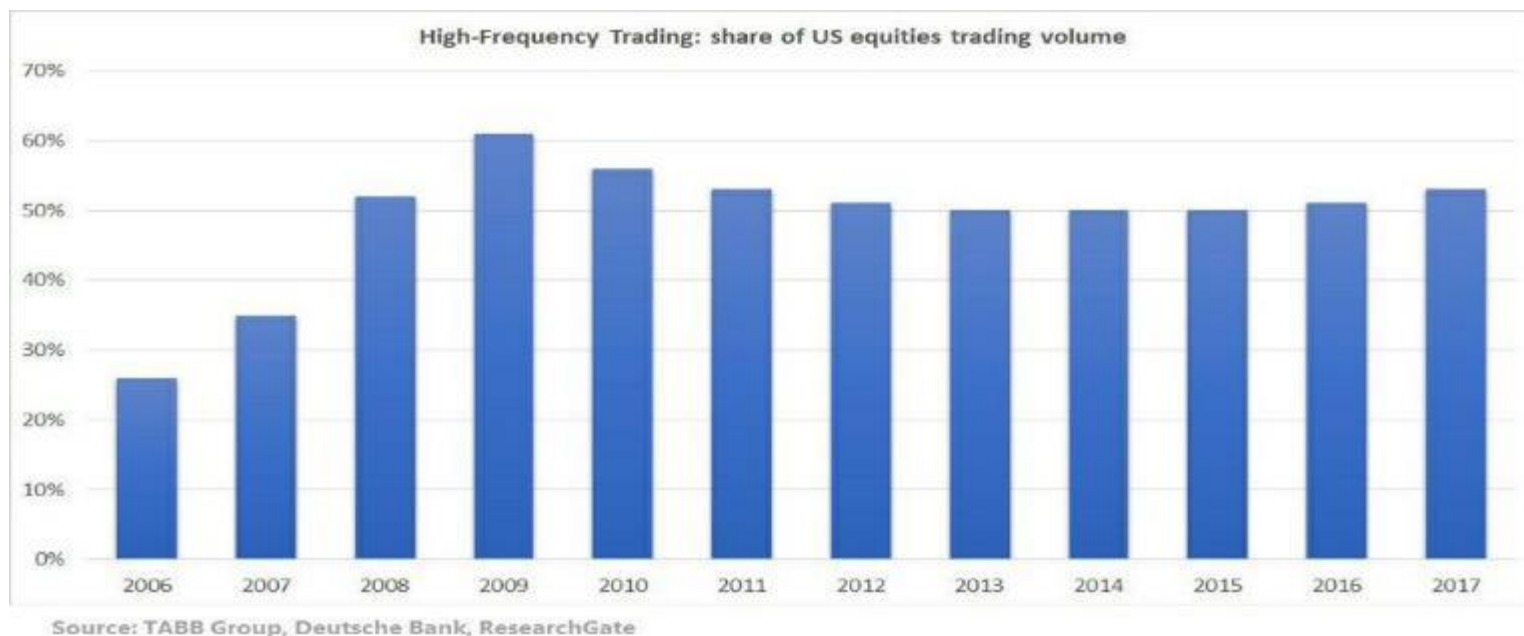
Giao dịch Tần suất Cao là một loại giao dịch theo thuật toán nhưng được áp dụng trên quy mô micro giây để cố gắng tận dụng những thay đổi rất nhỏ trong giá của các tài sản.



Source: SIFMA Insights. Electronic Trading Market Structure Primer

Nó dựa trên việc sử dụng các thuật toán toán học mà các lệnh được phân tích và thực hiện theo các điều kiện thị trường. Chúng thực hiện hàng nghìn giao dịch trong một khoảng thời gian ngắn và vận hành để kiếm tiền một cách có hệ thống và với xác suất thành công cao.

Lợi thế chính của chúng là tốc độ xử lý và thực thi nhờ vào sức mạnh của máy tính. Đó là lý do tại sao cộng đồng nói chung – những người mà hoạt động tại nhà không có cơ hội tiếp cận loại hình hoạt động này. Do đó, nó là một phong cách hầu như chỉ dành riêng cho các tổ chức có vốn lớn.



Mặc dù ở châu Âu có thấp hơn một chút, nhưng thị phần trên thị trường chứng khoán Mỹ liên tục chiếm hơn 50% tổng khối lượng giao dịch. Điều thú vị là cuộc khủng hoảng năm 2009 đã dẫn đến sự sụt giảm cổ phiếu của HFT chủ yếu do khả năng cạnh tranh tăng, chi phí cao và ít biến động.

Chú ý không nhầm lẫn giao dịch sản xuất cao với các hệ thống tự động có thể được tạo ra bởi một nhà kinh doanh nhỏ lẻ (có thể được phân loại vào dạng giao dịch theo thuật toán). Nói chung các loại công cụ này (được gọi là EA, rô bốt hoặc bot) không hiệu quả lắm; nó khác xa với giao dịch tần suất cao – dạng tốn hàng triệu đô la và đã được các công ty tài chính lớn phát triển cho mục đích giao dịch một lượng tiền đáng kể mỗi ngày.

3.2.3 Tác Động Của Thuật Toán Tần Suất Cao Đối Với Chúng Ta

Thực tế là trên các thị trường ngày nay, hầu hết khối lượng giao dịch đến từ các thuật toán tần suất cao không ảnh hưởng nhiều đến các phân tích về cấu trúc mà chúng ta thực hiện một lẽ chính là vì chúng ta không khai thác các điểm bất thường giống nhau.

Mặc dù các phân tích của chúng ta nhằm tìm cách tận dụng lợi thế của phần thị trường mục tiêu nơi chúng ta cố gắng làm rõ ai có nhiều quyền kiểm soát hơn (người mua hoặc người bán), các thuật toán tần suất cao dường như chủ yếu nằm trong phần ngẫu nhiên của thị trường, lý do chính là nhóm phân loại của chúng: kinh doanh chênh lệch giá, chiến lược định hướng (dựa trên momentum tính và các sự kiện) và kiến tạo thị trường (tỷ lệ thanh khoản).

Mặc dù đúng là một số thuật toán có thể thực hiện các chiến lược (với mục đích thu lợi từ biến động giá), chúng bao gồm kỳ hạn ngắn nhất và mặc dù chúng có thể làm phân tích của chúng ta bị sai lệch, nhưng lợi ích mà nghiên cứu về phương pháp Wyckoff mang lại là nó cung cấp cho chúng ta với một khung cấu trúc nhờ đó chúng ta có thể giảm thiểu một số nhiễu có nguồn gốc từ các quy mô nhỏ hơn và có được cảm giác khách quan hơn về các điều kiện thị trường hiện tại có tính đến bối cảnh lớn hơn so với ngữ cảnh được các thuật toán này đề cập.

3.3 Over The Counter Markets (OTC)

Đây là một loại thị trường điện tử nơi các tài sản tài chính được giao dịch giữa hai bên mà không có sự kiểm soát và giám sát của cơ quan quản lý, như trường hợp của thị trường chứng khoán và thị trường tương lai.

Sự khác biệt chính giữa thị trường tập trung (On-Exchange) và phi tập trung (Off-Exchange) là các thị trường tập trung chỉ có một sổ lệnh duy nhất (a single order book) chịu trách nhiệm liên kết tất cả những người tham gia trong thị trường đó; trong khi ở các thị trường phi tập trung, có nhiều sổ lệnh (số sổ lệnh nhiều tương đương với số nhà tạo lập thị trường) – ở thị trường phi tập trung ta có thể thấy rõ việc không thể hiện dữ liệu về độ sâu của thị trường bằng cách chỉ hiển thị giá của BID và ASK.

Trong những năm gần đây, thị trường Mỹ đã trải qua một quá trình phân mảnh khi ngày càng xuất hiện nhiều thị trường phi tập trung được tạo ra. Hiện tại, tính thanh khoản của chứng khoán Mỹ được chia cho khoảng 88 nguồn khác nhau, với gần 40% giao dịch diễn ra trên các thị trường phi tập trung.



Trong các thị trường phi tập trung, chúng ta sẽ thấy (và phân biệt) các brokers (người môi giới - có thể hiểu là các sàn trung gian) khác nhau theo cách hành xử họ với khách hàng của mình. Một bên là những brokers có bàn giao dịch (Dealing Desk) đóng vai trò là đối tác của khách hàng (được gọi là Market Makers); và bên khác là những brokers không có bàn giao dịch (Non Dealing Desk) đóng vai trò trung gian giữa khách hàng và phần còn lại của thị trường.

Loại thứ hai này, các brokers không có bàn giao dịch, là loại mà chúng tôi khuyên bạn nên chọn. Lý do là vì Market Makers phụ trách việc đưa ra giá cuối cùng của tài sản, khiến thông tin trở nên kém minh bạch hơn.

Việc có khả năng trở thành đối tác trong hoạt động (mua/bán) của khách hàng sẽ mở ra cánh cửa dẫn đến những xung đột lợi ích có thể xảy ra, nếu khách hàng được lời thì nhà brokers sẽ thua thiệt và ngược lại. Và rõ ràng nhà brokers sẽ làm mọi thứ có thể để giữ cho doanh nghiệp sinh lời.

Thêm một sự thật nữa là khi người sở hữu thị trường (brokers) chịu trách nhiệm đưa ra mức giá cuối cùng, cùng với khả năng họ đồng thời là đối tác sẽ tạo nên một

trong những môi nguy hiểm chính đối với trader nhỏ lẻ đó là anh ta sẽ phải chịu rủi ro về việc bị thao túng biến động giá.

Cũng cần biết rằng, về bản chất của loại thị trường phi tập trung này, có thể có các mức giá khác nhau cho cùng một tài sản. Điều này có nghĩa là nếu bạn muốn giao dịch cặp EUR / USD, mỗi nhà tạo lập thị trường (market maker) sẽ cung cấp cho bạn một mức giá và khối lượng khác nhau.

3.3.1 Tác Động Của Thị Trường OTC Đối Với Chúng Ta

Vấn đề ở đây là chúng ta sẽ thực hiện các phân tích loại thị trường này dựa trên dữ liệu, mặc dù những dữ liệu này có thể là đại diện quan trọng và vững chắc của toàn bộ thị trường, nhưng trên thực tế nó lại không thực sự đại diện cho tất cả dữ liệu về giá và khối lượng.

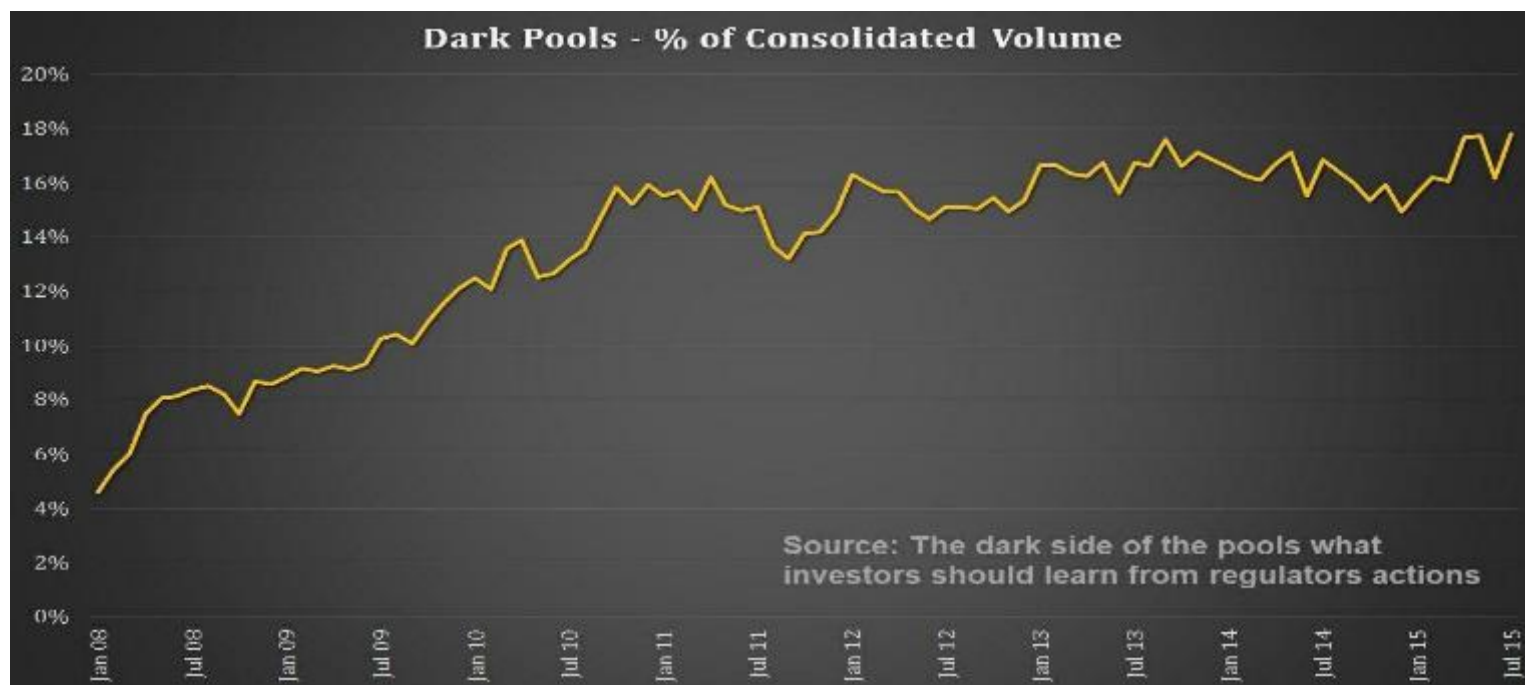
Để có dữ liệu đáng tin cậy, chúng ta phải phân tích tài sản này ở một thị trường tập trung. Theo ví dụ về giao dịch giữa cặp EUR/USD, chúng ta nên phân tích nó ở thị trường tương lai (thị trường tập trung) tương ứng với mã 6E.

Do đó, nếu bạn không có đủ năng lực kinh tế (đủ vốn) để hoạt động trên thị trường tương lai này, chúng ta có thể phân tích tài sản trong thị trường tương lai này và thực hiện giao dịch trên một thị trường tài chính phái sinh khác có giá cả phải chăng hơn là CFD (Contract For Other) với một broker tốt (không phải là nhà market maker). Thông thường sự lựa chọn sẽ là giao dịch phiên bản thu nhỏ của future, micro future, trong trường hợp trên cặp EURUSD sẽ tương ứng với mã \$ M6E trên sàn CME.

Nếu chúng ta mở biểu đồ tương lai (6E) và CFD (EURUSD), chúng ta sẽ thấy rằng biến động giá thực tế là giống nhau ngay cả khi ở các thị trường khác nhau. Điều này thực hiện được nhờ vào quy trình kinh doanh chênh lệch giá được thực hiện bởi các thuật toán tần số cao diễn ra một cách có hệ thống giữa cả hai thị trường.

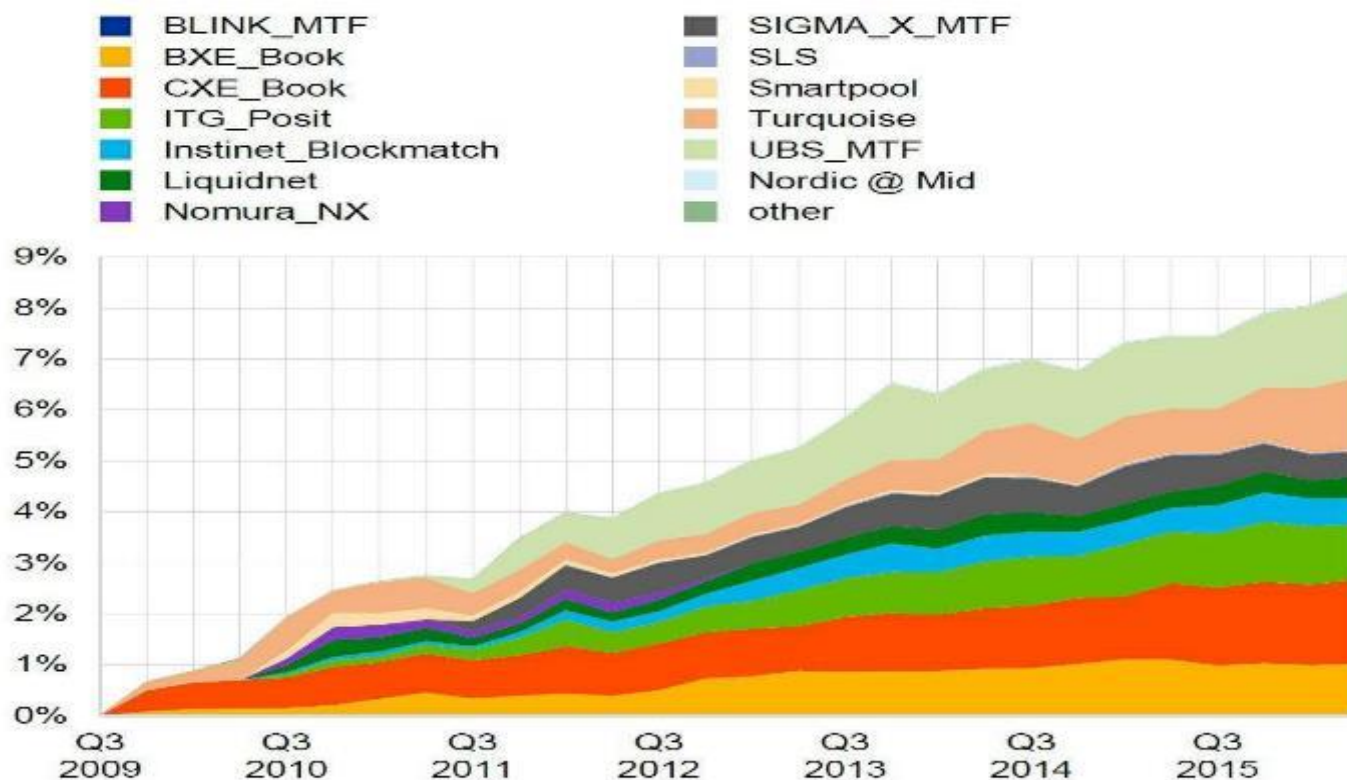
3.4 Dark Pools

Dark Pool là một thị trường tư nhân (Off-Exchange) kết nối các nhà tổ chức đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi tài sản tài chính với đặc thù là các giao dịch này không được báo cáo ngay lập tức, số lượng giao dịch (khối lượng) không được biết cho đến khi tới 24 giờ đêm.



Các giao dịch trên thị trường phi tập trung của cổ phiếu ở Mỹ xấp xỉ 35%, trong đó giao dịch bằng Dark Pools từ 16 đến 18%. Và theo một nghiên cứu của Bloomberg, hoạt động của Dark Pools đã chiếm hơn 30% tổng khối lượng giao dịch.

Giao dịch bằng Dark Pool trên thị trường chứng khoán châu Âu đã tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây, từ 1% năm 2009 lên 8% vào năm 2016.



Source: Dark pools in European equity markets: emergence, competition and implications

Khi một tổ chức lớn muốn mua hoặc bán một số lượng lớn tài sản, họ tham gia loại thị trường này vì một lý do chính là họ hiểu rằng nếu tiếp cận thị trường chung, họ sẽ khó tìm được đối tác và có thể sẽ phải giao dịch ở mức giá bất lợi hơn, chưa tính tới là việc bị tiếp cận bởi các công cụ kỹ thuật sẵn mồi như Front Running – một kỹ thuật thực hiện bằng các thuật toán tần số cao. Trong loại thị trường này (dark pool), họ tránh được những tác động tiêu cực này, đồng thời thu được nhiều hoa hồng hơn vì họ tiết kiệm được phí phải trả cho thị trường chung (phí giao dịch).

Khác với những gì nhiều người nghĩ, Dark Pools được quản lý chặt chẽ vì chủ sở hữu của chúng phải đăng ký với SEC (Securities and Exchange Commission - Ủy ban Bảo mật và Giao dịch) và FINRA (The Financial Industry Regulatory Authority - Cơ quan Quản lý Tài chính) và do đó Dark Pools cũng được kiểm tra, đánh giá thường xuyên giống như thị trường công cộng.

Ngoài các tổ chức tài chính tư nhân, còn có các sàn giao dịch công cộng cũng có Dark Pools của riêng họ, chẳng hạn như Sàn giao dịch chứng khoán New York (NYSE), một sàn giao dịch có tính thanh khoản và giao dịch cao nhất trên thế giới.

CME (Chicago Mercantile Exchange), là thị trường có số lượng quyền chọn và hợp đồng tương lai lớn nhất trên thế giới, cũng có Dark Pool riêng của mình và cung cấp dịch vụ giao dịch không rõ ràng này thông qua công cụ mà họ gọi là "Giao dịch block" (Block Trades). Đăng tải trên website của mình, họ giải thích chi tiết thông tin về "Giao dịch block" với các điểm chính như:

- Block trades là một hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn hoặc là sự kết hợp cả hai hình thức này được thương lượng riêng tư và được phép thực hiện ngoài thị trường đấu giá công khai. Các Eligible Contract Participants (ECP) bị hạn chế tham gia block trade vì đây là một quy định trong Đạo luật trao đổi hàng hóa (Commodity Exchange Act).
- Quy tắc 526 "block trade" quản lý block trades trong các sản phẩm CME, CBOT, NYMEX và COMEX. Các block trade được cho phép trong các sản phẩm cụ thể và phải tuân theo các yêu cầu giới hạn giao dịch tối thiểu khác nhau tùy theo sản phẩm, loại giao dịch và thời gian thực hiện. Các Block trade có thể được thực hiện bất cứ lúc nào với mức giá hợp lý và công bằng.

3.4.1 Tác Động Của Dark Pool Đối Với Chúng Ta

Hoạt động được thực hiện trong Dark Pools có một vai trò quan trọng trong việc xác định sản lượng trong ngày và tính không chắc chắn có thể liên quan đến chúng, do đó nó có ý nghĩa quan trọng về cấu trúc vi mô. Sự thật là chúng ta có thể đang phân tích một tài sản với các giao dịch quan trọng đã được thực hiện ẩn giấu và rõ ràng chúng ta thậm chí không thể đánh giá được ý định của người mua.

Các giao dịch này, vì chúng không được xác định bởi cung và cầu của thị trường công khai, nên không có tác động ngay lập tức đến việc hình thành giá; nhưng có những nghiên cứu cho thấy các nhà giao dịch trên thị trường công khai có sử dụng các báo cáo về những lệnh được thực hiện trong Dark Pool ngay khi báo cáo được đưa ra và những nhà giao dịch này có thể thay đổi đáng kể những phân tích về các tương tác tới thời điểm đó.

3.5 Thị Trường Mang Tính Ngẫu Nhiên Hay Có Thể Xác Định ?

Vấn đề này là một trong những cuộc tranh luận lớn trong cộng đồng trader và chắc chắn vẫn đang tạo ra rất nhiều tranh cãi. Phần lớn những người ủng hộ tính ngẫu nhiên của thị trường làm như vậy với mục đích làm mất uy tín về tính hữu ích của phân tích kỹ thuật. Mặt khác, có những người quan sát từng biến động giá và cố gắng gán cho nó một ý định, đây là một sai lầm lớn. Không phải thứ gì cũng rõ ràng đen ra đen, trắng ra trắng.

Tính ngẫu nhiên dựa trên tiền đề là sự hiệu quả của thị trường trong khi thuyết tất định (tính không ngẫu nhiên) dựa trên tính không hiệu quả của thị trường.

Phe ủng hộ quan điểm thị trường có tính ngẫu nhiên cho rằng: giá hiện tại đã phản ánh tất cả thông tin về các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ và thậm chí cả những sự kiện mà thị trường kỳ vọng sẽ xảy ra trong tương lai. Nói cách khác, tất cả thông tin về tài sản chắc chắn sẽ được phản ánh vào giá và do đó hành động của giá trong tương lai là không thể dự đoán được. Lý do là, khi những người tham gia thị trường cố gắng tận dụng một thông tin mới, vô tình họ sẽ cùng nhau tự vô hiệu hóa lợi thế đó. Điều này dẫn đến kết luận rằng không thể tận dụng cách diễn giải riêng của thị trường để làm lợi thế, trừ khi nhà giao dịch đó có quyền truy cập thông tin nội bộ.

Phe ủng hộ quan điểm thị trường có thể xác định cho rằng: biến động giá bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài, do đó, bằng cách biết những yếu tố đó là gì, bạn có thể dự đoán hành động giá trong tương lai và có thể hưởng lợi từ việc phân tích thị trường.

Khi nói về tính ngẫu nhiên của thị trường, chúng ta muốn nói rằng chuyển động thị trường không chủ ý logic nào đứng sau nó; mà nó chỉ đơn giản là một sự biến động của giá cả. Tính ngẫu nhiên được sinh ra là kết quả của vô số biến số diễn ra trên thị trường. Không ai có thể biết những người tham gia thị trường khác sẽ hành động như thế nào. Nếu có ai đó biết, họ sẽ có một hệ thống có thể xác định, từ đó họ sẽ luôn có những dự đoán đúng về thị trường.

Một mặt, nếu Giả thuyết Thị trường vận hành hiệu quả (EMH - Efficient Markets Hypothesis) và tính ngẫu nhiên của thị trường là hợp lý, thì không ai có thể thu được lợi nhuận một cách định kỳ. Và suốt quá trình lịch sử đã chứng minh

rằng điều này không đúng. Tất cả chúng ta đều biết có những nhà giao dịch vĩ đại trên thị trường tài chính, những người kiếm lời bằng các cách tiếp cận khác nhau (phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản và phân tích định lượng). Hơn nữa, giả thuyết thị trường hiệu quả cũng hứng chịu nhiều chỉ trích vì nó giả định rằng các tác nhân đối với thị trường luôn có hành vi hợp lý khi ra quyết định.

Mặt khác, thị trường tài chính không thể được mô hình hóa như một quá trình hoàn toàn được xác định, nơi không có sự ngẫu nhiên tồn tại vì điều này có nghĩa là sẽ có các chiến lược với xác suất thành công 100% và điều này hiển nhiên cũng không đúng.

3.5.1 The Adaptive Market Hypothesis

Do đó, chúng ta kết luận rằng thị trường tài chính bao gồm một tỷ lệ phần trăm có tính ngẫu nhiên và một tỷ lệ phần trăm khác mang tính xác định, mà không tỷ lệ nào nhiều hơn.

Lập luận này được hỗ trợ bởi Thuyết thị trường thích ứng (AMH - Adaptive Markets Hypothesis). AMH cho rằng tính hiệu quả của thị trường tài chính không phải là một đặc tính có hay không có cố hữu, mà như một bản chất thay đổi theo các điều kiện thị trường (môi trường, bối cảnh), được xác định bởi sự tương tác giữa các tác nhân của nó.

Giả thuyết này đã được nhà kinh tế tài chính người Mỹ Andrew W. Lo trình bày trong cuốn sách Thị trường thích ứng xuất bản năm 2017 và chủ yếu dựa trên:

- Hiệu quả của thị trường phụ thuộc vào các điều kiện của nó. Đặc tính thay đổi này là kết quả của sự tương tác của những người tham gia, những người này lại phụ thuộc vào các điều kiện thị trường..
- Các tác nhân không thể luôn luôn duy lý và có thể có nhận thức sai lệch. Một mô hình không thể luôn luôn hợp lý vì những người tham gia thị trường hình thành kỳ vọng dựa trên các yếu tố khác nhau. Hơn nữa, với cùng một thông tin có thể tạo ra các kỳ vọng khác nhau ở mỗi người, chưa kể mỗi tác nhân có mức độ ngại rủi ro khác nhau.

Mặc dù tác giả đề cập đến các tác nhân là những cá nhân, điều này cũng có thể áp dụng cho hệ sinh thái giao dịch hiện tại, nơi chúng ta đã nhận xét rằng thực tế tất cả các hành động đều được thực hiện bởi các thuật toán điện tử. Thực tế này không thay đổi cơ sở của giả thuyết thích ứng vì, độc lập với người tham gia thị trường và cách thức mà người đó tương tác với phần còn lại của thị trường, người sau sẽ đưa ra quyết định của mình dựa trên định giá, động cơ hoặc nhu cầu mà họ có tại một thời điểm nhất định; và khoảnh khắc nhất định đó sẽ được điều hòa bởi các yếu tố khác nhau; các yếu tố sẽ thay đổi theo thời gian và do đó làm cho việc định giá, động cơ hoặc nhu cầu của những người tham gia thay đổi.

AMH không tập trung vào việc làm mất uy tín của Giả thuyết Thị trường Hiệu quả (EMH), nó chỉ đơn giản coi EMH là chưa hoàn thiện. Nó tập trung nhiều hơn

vào việc thay đổi các điều kiện thị trường (do sự xuất hiện của thông tin mới) và cách người tham gia có thể phản ứng với chúng. Nó tập trung vào thực tế là tính hợp lý và không hợp lý (hiệu quả và không hiệu quả) có thể cùng tồn tại trên thị trường cùng một lúc tùy thuộc vào các điều kiện.

3.5.2 Phương Pháp Wyckoff Phù Hợp Trong Trường Hợp Nào?

Đề cập tới chủ đề chúng ta quan tâm, việc hiểu thị trường theo các nguyên tắc của phương pháp Wyckoff là dựa trên một sự kiện xác định của thị trường: Quy luật Nhân quả - tức là để thị trường tạo ra một tác động (xu hướng) trước hết phải có nguyên nhân (tích lũy/phân phối). Có những sự kiện xác định khác có thể mang lại lợi ích, ví dụ như tính chu kỳ (phiên).

Một ví dụ về hành vi ngẫu nhiên có thể được nhìn thấy trong Thuật toán tần số cao. Chúng ta đã nói về một số công dụng của chúng và chúng là ví dụ hoàn hảo về các lực thúc đẩy có khả năng di chuyển thị trường và điều đó không nhất thiết phải có logic định hướng đằng sau chúng.

Cuối cùng, điều đáng nói là hầu hết các nghiên cứu bảo vệ tính ngẫu nhiên của thị trường sử dụng các mẫu biểu đồ cổ điển như mô hình tam giác, mô hình vai đầu vai, mô hình cờ, v.v. hoặc một số mô hình giá mà không dựa trên một logic cơ bản nhằm xác nhận khả năng dự đoán kém của phân tích kỹ thuật nói chung. Cách tiếp cận của chúng ta với giao dịch trên thị trường khác xa với tất cả những điều này.

Có những nghiên cứu sử dụng một công cụ phân tích đơn giản như các đường xu hướng đã chỉ ra rằng hành vi không mang tính ngẫu nhiên trên thị trường tài chính có thể khai thác tín hiệu bất thường để thu được mức lợi nhuận nhất định.

Chương 4, Tầm Quan Trọng Của Khối Lượng

Như chúng ta đã thấy trong bối cảnh hiện nay, khối lượng đã khẳng định tầm quan trọng của nó thậm chí còn lớn hơn nhiều những thập kỷ trước. Ngày càng có nhiều tiền di chuyển qua tất cả các thị trường tài chính và điều này đã tạo ra những thay đổi nhất định; từ cách thức vận hành cho đến sự xuất hiện các công cụ mới

Vào đầu thế kỷ 20, các thị trường hoàn toàn được vận hành thủ công, chủ yếu được dẫn dắt bởi thành kiến nhận thức của những người tham gia. Những cảm xúc như sợ hãi và tham lam xuất hiện, tác động lớn tới việc ra quyết định của họ. Sự bất hợp lý trong các quyết định của cá nhân như vậy đã tạo cơ hội hốt lời cho những ai nắm nhiều thông tin lúc đó.



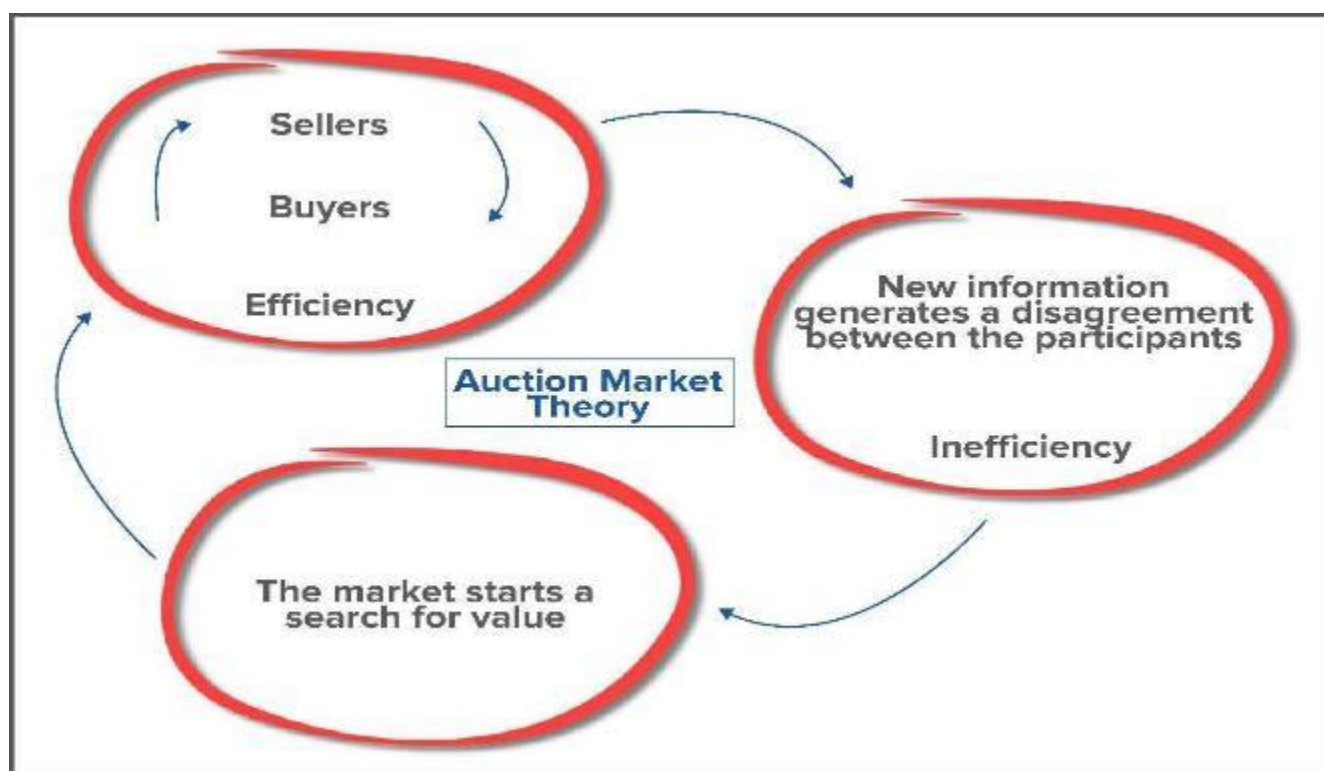
Như mọi người đã biết hiện nay, hệ sinh thái hiện tại là tổng thể lớn của khối lượng vận hành được tạo ra theo cách thức điện tử, khối lượng khổng lồ này được di chuyển hàng ngày và để đáp ứng tất cả các đơn đặt hàng đó, cần phải nhấn mạnh các khái niệm đối ứng, thanh khoản và khớp lệnh; nói ngắn gọn là tầm quan trọng của khối lượng.

Trong phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn về thuyết đấu giá và sẽ có một số công cụ giúp chúng ta thực hiện phân tích dữ liệu khối lượng chính xác hơn.

4.1 Thuyết Đấu Giá

Thuyết đấu giá ra đời chủ yếu từ các nghiên cứu của J.P. Steidlmayer về Market Profile. Sau đó, cùng với các tác giả khác như James Dalton và Donald L. Jones, họ đã định nghĩa một loạt các khái niệm cấu thành lý thuyết này.

Thuyết đấu giá dựa trên một thực tế: mục tiêu ưu tiên của thị trường là tạo điều kiện thuận lợi cho sự thương lượng giữa các bên tham gia, và theo các nguyên tắc của luật cung cầu, nó sẽ luôn vận động để tìm kiếm sự hiệu quả, còn được gọi là sự cân bằng hoặc hợp lý của giá.



Hiệu quả tức là khi người mua và người bán thoả mái đàm phán và không bên nào có quyền kiểm soát rõ ràng. Sự thoả mái đó đến bởi vì, dựa trên điều kiện thị trường hiện tại, định giá của cả hai đều rất giống nhau. Cách thức mà sự cân bằng này được quan sát trực quan trên biểu đồ là khi giá ở trong một vòng lặp (trading range). Sự phân bố giá đó thể hiện sự cân bằng này. Nó là bằng chứng về sự thuận lợi của đàm phán và nó là trạng thái mà thị trường luôn tìm kiếm.

Mặt khác, chúng ta có những thời điểm kém hiệu quả hoặc mất cân bằng và việc này được thể hiện trong các chuyển động có xu hướng. Khi thông tin mới xuất hiện trên thị trường, nó có thể khiến người mua và người bán thay đổi nhận định của họ

về giá trị một tài sản và gây ra sự bất đồng giữa họ. Một trong hai sẽ nắm quyền kiểm soát và tạo ra mức giá nằm ngoài vùng cân bằng trước đó, mang lại cơ hội kiếm lời cho chúng ta. Điều hiển nhiên trong tình huống này là thị trường không tạo điều kiện tốt cho việc đàm phán và do đó đây được coi là một thời điểm thị trường hoạt động kém hiệu quả.

Thị trường sẽ không ngừng vận động trong việc tìm kiếm và xác nhận giá trị; trong các tình huống khi người mua và người bán đang giao dịch. Việc này diễn ra là do người mua và người bán xác định mức giá như nhau. Tại thời điểm đó, cuộc đàm phán giữa hai bên tạo ra một vùng cân bằng mới. Chu kỳ này lặp đi lặp lại nhiều lần mà không gián đoạn.

Ý tưởng chung là thị trường sẽ di chuyển từ vùng cân bằng này sang vùng cân bằng khác bằng các chuyển động theo xu hướng và những chuyển động này xuất hiện khi có sự khác nhau giữa người mua và người bán trong cảm nhận về giá trị hiện tại và tạo ra sự mất cân bằng. Thị trường lúc đó bắt đầu định hình một vùng mới cho sự đồng thuận về giá trị giữa hầu hết những người tham gia.

Cần lưu ý rằng phần lớn thời gian của thị trường là ở trong vị thế cân bằng. Điều này hợp lý vì bản chất của thị trường là dựa trên việc giao dịch thuận mua vừa bán giữa những người tham gia. Đây là nơi diễn ra các quá trình tích lũy và phân phối, mà như chúng ta đều biết là nơi phương pháp luận của Wyckoff hướng tới.

4.1.1 Các Biến

Quá trình đấu giá trên thị trường tài chính được thực hiện dựa trên giá trị. Để cố gắng giải mã giá trị đó nằm ở đâu, có ba yếu tố cần được xem xét:

Giá: Trong cơ chế đấu giá, giá được sử dụng như một công cụ thăm dò. Việc đàm phán được dựa trên sự thay đổi của giá, giá dao động lên xuống theo các mức khác nhau để thăm dò sự phản ứng của những người tham gia. Những thay đổi giá này đưa ra các cơ hội. Nếu những người tham gia nhận thấy mức giá đưa ra là hợp lý, họ sẽ thương lượng trao đổi. Ngược lại, nếu những họ thấy mức giá mới này không hấp dẫn, họ sẽ từ chối

Thời gian: Khi thị trường thúc đẩy một cơ hội (đạt đến mức hấp dẫn), nó sẽ quy định khoảng thời gian mà cơ hội đó tồn tại.

Giá sẽ dành rất ít thời gian ở những khu vực có lợi cho một trong hai bên (người mua hoặc người bán)

Một khu vực hiệu quả hoặc cân bằng sẽ được thể hiện rõ qua đặc điểm là giá tồn nhiều thời gian ở đó hơn; trong khi một khu vực kém hiệu quả hoặc mất cân bằng sẽ được thể hiện bằng đặc điểm là giá dành ít thời gian ở đó hơn.

Khối lượng: Khối lượng đại diện cho hoạt động, số lượng đã được trao đổi từ một tài sản. Ở một mức độ nhất định khối lượng cho biết thị trường có hào hứng hay không.

Dựa trên khối lượng, có những khu vực có giá trị hơn những khu vực khác. Quy tắc cơ bản là nếu thấy càng nhiều hoạt động trong một khu vực nhất định, thì những người tham gia thị trường càng gán cho nó nhiều giá trị.

$$Price + Time + Volume = Value$$

$$Giá + Thời gian + Khối lượng = Giá trị$$

Ba yếu tố này cung cấp cho chúng ta một quan điểm hợp lý về giá trị của một tài sản, mức giá trị này là do những người tham gia thị trường tin tưởng đánh giá dựa trên các điều kiện hiện tại.

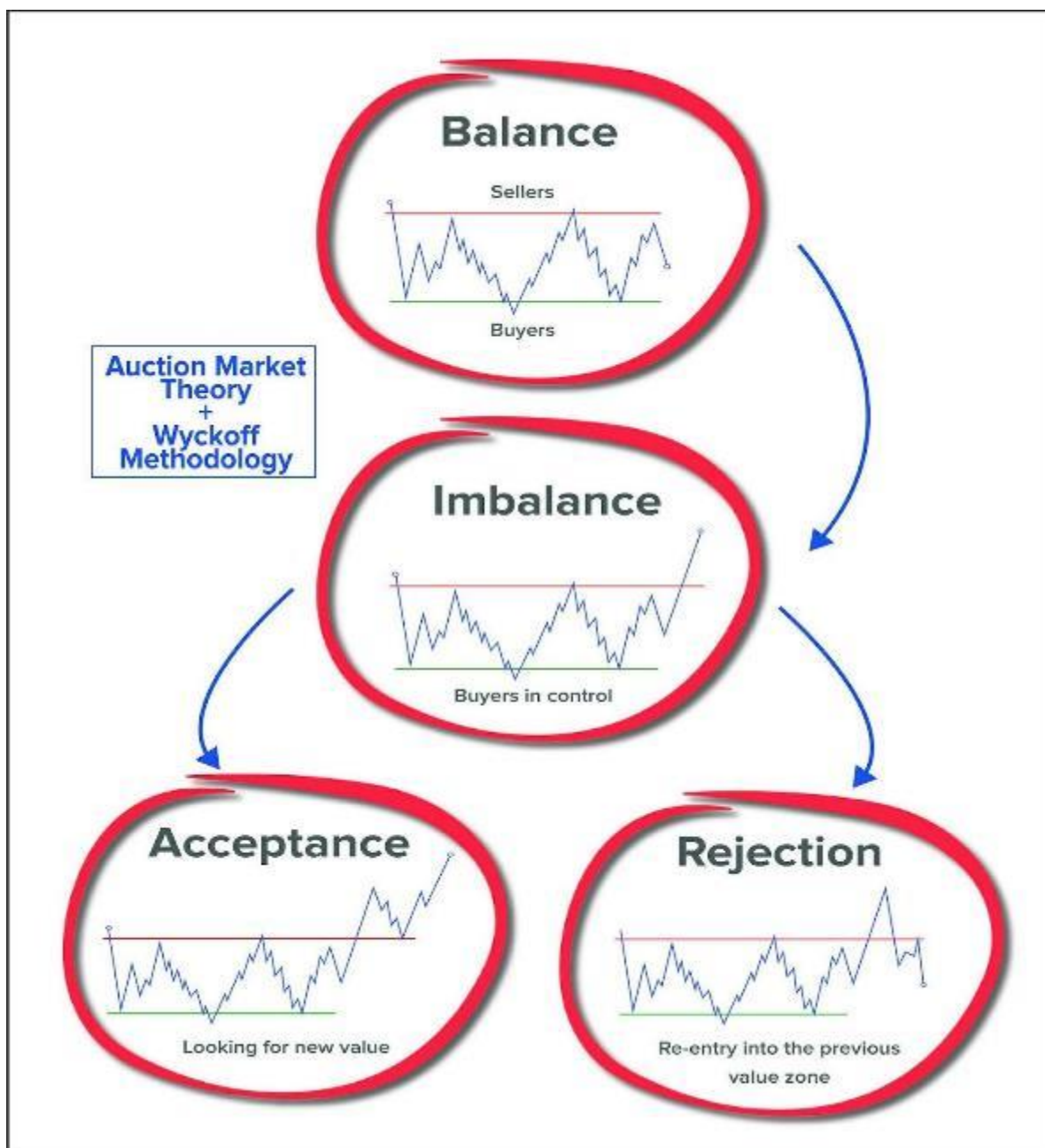
Thông qua giá cả, thị trường khám phá ra các mức mới, việc tốn nhiều thời gian cho thấy rằng có một số sự chấp nhận trong khu vực mới đó và cuối cùng, việc tạo

ra khối lượng xác nhận rằng những người tham gia đã tạo ra một vùng giá trị mới nơi họ thoải mái giao dịch (cả hai bên đều hài lòng với mức giá đó).

Như chúng ta biết, các điều kiện đang thay đổi và do đó cần phải liên tục đánh giá lại các yếu tố này. Biết được giá trị nằm ở đâu là chìa khóa vì nó xác định điều kiện của thị trường và dựa trên điều này, chúng ta có thể đưa ra các ý tưởng hành động khác nhau.

4.1.2 Nhận Thức Về Giá Trị

Thị trường liên tục luân chuyển giữa hai giai đoạn: phát triển theo chiều ngang (cân bằng) hoặc phát triển theo chiều dọc (mất cân bằng). Phát triển theo chiều ngang gợi ý sự đồng thuận giữa các bên tham gia trong khi phát triển theo chiều dọc là khi thị trường tìm kiếm giá trị mới, tìm kiếm một bên còn lại của giao dịch.



Thực tế là giá đang di chuyển thoải mái trong một phạm vi giao dịch (đi ngang) thể hiện sự chấp nhận trong khu vực đó, đó là bối cảnh mà giá cả và giá trị trùng khớp theo ý những người tham gia. Khi thị trường ở trong một xu hướng (phát triển

theo chiều dọc) giá cả và giá trị không trùng khớp với nhau; trong bối cảnh này, giá sẽ di chuyển tăng và giá trị sẽ theo sau hoặc không đi theo (như một dấu hiệu của sự chấp nhận và từ chối).

Trong vùng cân bằng, mức giá cân bằng nhất sẽ nằm ở giữa và các điểm ở cực đại và cực tiểu của range sẽ đại diện cho các mức không cân bằng hoặc không được người tham gia chấp nhận.

Dựa trên thực tế là giá trị cân bằng nhất nằm ở giữa phạm vi, việc chuyển đến điểm ở vùng cao hơn sẽ được người mua coi là một giá đắt và đồng thời người bán sẽ coi đó là giá rẻ, vì vậy họ hành động dẫn đến việc giá trở lại khu vực cân bằng nhất. Tương tự như vậy, việc di chuyển đến vùng thấp hơn của phạm vi sẽ được người mua coi là rẻ và người bán cho là giá không tốt, điều này sẽ gây ra sự dịch chuyển tiếp tục tăng.

Trong bối cảnh này, chúng ta tìm cách mua ở mức thấp và bán ở mức cao với hy vọng rằng giá sẽ tiếp tục từ chối các điểm cực đó. Và thông thường thị trường sẽ tiếp tục như vậy cho đến khi các điều kiện thị trường thay đổi.

Điều thú vị sẽ xảy ra khi sự mất cân bằng xuất hiện và giá rời khỏi vùng giá trị. Điều gì sẽ xảy ra sau đó? Khi giá rời khỏi một phạm vi giao dịch, sự thay đổi trong nhận thức về giá trị có thể xảy ra.

Nhiệm vụ của các nhà giao dịch bây giờ là đánh giá xem các mức báo giá mới này được chấp nhận hay bị từ chối. Biến giá đi trước hai biến số khác trong việc xác định các khu vực giá trị tiềm năng, nhưng chính biến thời gian là yếu tố đầu tiên và biến khối lượng là yếu tố sau cùng sẽ xác nhận liệu khu vực mới đó được chấp nhận hay bị từ chối.

Chúng ta nhận biết sự chấp nhận một vùng giá mới mới khi mức giá đó được duy trì (trong một khoảng thời gian) và giao dịch giữa người mua và người bán bắt đầu thực hiện (với một lượng khối lượng) - tất cả những điều này được thể hiện qua dấu hiệu là một chuyển động đi ngang trong biên độ nhất định của giá. Ngược lại, chúng ta nhận thấy sự từ chối khi giá nhanh chóng quay trở lại vùng giá trị cũ cho thấy sự thiếu quan tâm và được minh chứng là một cú bật ngược rõ ràng.

Quá trình đi ngang kết thúc khi không còn sự đồng thuận giữa những người tham gia về giá trị; trong khi tất cả các phát triển theo chiều dọc kết thúc khi giá đạt đến một vùng nơi lại có mà sự đồng thuận giữa họ. Đây là chu kỳ liên tục của thị trường. Bản thân ý tưởng này rất quyền năng và với cách tiếp cận phù hợp, các chiến lược giao dịch có thể được tạo ra từ ý tưởng này.

Như một trong những nguyên tắc phổ biến của phân tích kỹ thuật (Giá phản ánh tất cả), chúng ta không cần phải đi sâu vào tìm hiểu điều gì thực sự tạo ra sự thay đổi trong nhận thức về giá trị của những người tham gia thị trường. Chúng ta biết rằng dựa trên các điều kiện hiện tại, dựa trên thông tin mà chúng ta có tại chính thời điểm đó, tất cả những người tham gia sẽ đưa ra sự định giá cho tài sản. Sau đó, có thể có thứ gì đó xảy ra ở mức độ cơ bản (nền tảng) đã làm thay đổi nhận thức này của họ, nhưng điểm tốt của cách tiếp cận này là chúng ta không cần biết và giải thích những yếu tố, sự kiện nào đã xảy ra làm dẫn tới sự thay đổi trong nhận thức của những người tham gia.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là thuyết đấu giá này là một lý thuyết chung và do đó nó phục vụ chúng ta để đánh giá bất kỳ loại thị trường tài chính nào mà không bị ảnh hưởng bởi yếu tố khung thời gian.

4.1.3 Bốn Giai Đoạn Vận Động Của Thị Trường

Đây là một quá trình mà Steidlmayer miêu tả cho các giai đoạn khác nhau mà thị trường đã trải qua trong quá trình phát triển các chuyển động của nó.

Bốn giai đoạn là:

1. *Giai đoạn có xu hướng: Giá phát triển theo chiều dọc, có sự mất cân đối nghiêng về một bên (bên mua hoặc bên bán).*
2. *Giai đoạn dừng: Các nhà giao dịch bắt đầu xuất hiện theo chiều hướng ngược lại và dừng xu hướng trước đó lại. Các giới mức hạn trên và dưới của Range được hình thành.*
3. *Giai đoạn đi ngang: Giá phát triển chiều ngang. Hai bên thoả mái đàm phán xung quanh mức giá dừng và trong giới hạn của phạm vi cân bằng mới (Range).*
4. *Giai đoạn chuyển đổi. Giá rời khỏi range và sự mất cân bằng khiến giá bắt đầu tìm kiếm giá trị mới. Chuyển động này có thể là sự đảo ngược hoặc tiếp tục của xu hướng trước đó.*



Khi giai đoạn chuyển tiếp kết thúc, thị trường đang ở vị trí để bắt đầu một chu kỳ mới. Quy trình này sẽ được phát triển mà không bị gián đoạn và có thể quan sát được trên mọi khung thời gian.

Ở giai đoạn thứ ba, bạn sẽ thấy một volume profile có dạng P hoặc b. Sự hình dạng này của volume profile cũng như đề xuất của một loại hoạt động dựa trên nó sẽ được xem xét kỹ hơn sau này.

Đối với những nhà giao dịch cấu trúc, quy trình bốn giai đoạn này đã trở nên quen thuộc với họ, vì về bản chất, nó chính xác là sự phát triển từ Phase A đến Phase E do phương pháp Wyckoff đề xuất.

1. Dừng xu hướng trước đó.
2. Xây dựng nguyên nhân.
3. Kiểm tra phe đối lập.
4. Bắt đầu thay đổi xu hướng.
5. Xác nhận xu hướng.

4.2 Quy Luật Cung Cầu

Mặc dù Richard Wyckoff, cũng như các học trò sau này của ông và các nhà giao dịch khác, những người đã đóng góp vào việc phân tích các ý tưởng của ông chỉ dựa trên các công cụ phân tích và các nguyên tắc của phân tích kỹ thuật, chúng ta thấy rằng họ đã ít nhiều làm việc với các khái niệm được đề xuất trong thuyết đấu giá mặc dù họ không sử dụng các điều khoản như vậy.

Đây là lý do tại sao nó được coi là cách tiếp cận duy nhất để phân tích kỹ thuật dựa trên một logic thực sự cơ bản: thuyết đấu giá và luật cung cầu.

Luật cung cầu là quy luật cơ bản dựa trên thuyết đấu giá do đó nó chi phối mọi thay đổi về giá. Ban đầu, các nghiên cứu mà Richard Wyckoff đề xuất về luật này cho chúng ta biết rằng:

- Nếu cầu lớn hơn cung, giá của sản phẩm sẽ tăng.
- Nếu cung lớn hơn cầu, giá của sản phẩm sẽ giảm.
- Nếu cung và cầu cân bằng, giá của sản phẩm không thay đổi.

4.2.1 Các Sai Lầm Thường Gặp

Ý tưởng này là rất chung chung và có nhiều hạn chế vì một loạt các quan niệm sai lầm đã được tạo ra xung quanh quy luật cung và cầu này.

Sai lầm #1: Giá tăng vì có nhiều người mua hơn người bán hoặc giảm vì có nhiều người bán hơn người mua.

Trên thị trường số lượng người mua và số lượng người bán là luôn như nhau; vì muốn có người mua thì phải có người bán cho họ. Cho dù ai đó muốn mua bao nhiêu, khi không có người bán sẵn sàng như một bên còn lại của giao dịch, thì giao dịch không thể diễn ra.

Mấu chốt là ở thái độ (chủ động hay bị động) mà các nhà giao dịch thực hiện khi tham gia thị trường.

Sai Lầm #2: Giá tăng lên vì có nhiều cầu hơn cung hoặc chúng đi xuống vì cung nhiều hơn cầu.

Vấn đề với nhận định này là gọi cầu là tất cả những gì liên quan đến mua và cung là mọi thứ liên quan đến bán. Trên thực tế, chúng là những khái niệm khác nhau và rất dễ dàng tách chúng ra khi đề cập đến cái này hay cái kia.

Cung và Cầu là các lệnh giới hạn mà cả người mua và người bán đặt vào các cột BID và ASK và đang chờ được thực hiện, được gọi là tính thanh khoản.

4.2.2 BID/ASK, Spread And Liquidity

Trên thị trường tài chính không có một mức giá duy nhất. Đó là điều hiển nhiên nhưng nhiều người không hiểu. Khi một người tham gia vào thị trường, anh ta tìm thấy hai mức giá: giá mua và giá bán.

A. BID.

Cột BID là một phần của orderbook nơi người mua đến để thực hiện nhu cầu của họ (lệnh giới hạn mua) và nơi người bán đến để khớp lệnh bán của họ. Mức giá cao nhất trong cột BID được gọi là Best BID và thể hiện mức giá tốt nhất mà bạn có thể bán.

B. ASK.

Cột ASK là một phần của orderbook nơi người bán đặt lệnh cung cấp (lệnh giới hạn bán) và nơi người mua đi tìm đối tác cho lệnh mua của họ. Mức giá thấp nhất trong cột ASK được gọi là Best ASK và thể hiện mức giá tốt nhất để mua.

BID	PRICE	ASK
	108	600
	107	980
	106	900
	105	720
	104	550
	103	500
	102	120
	101	90
	100	75
50	99	
66	98	
95	97	
130	96	
249	95	
120	94	
97	93	
90	92	

Diagram illustrating the orderbook structure with labels:

- Last Crossing Price**: Points to the price 100.
- Best BID**: Points to the highest bid price, 100.
- Best ASK**: Points to the lowest ask price, 75.
- Demand Buy Limit Orders**: Points to the BID column.
- Supply Sell Limit Orders**: Points to the ASK column.

Do đó, chính cơ chế thực hiện lệnh sẽ quyết định giá. Sự khác biệt giữa BID và ASK được gọi là Spread và là một chỉ số cần xem xét khi đánh giá tính thanh khoản của tài sản. Spread càng thấp, tính thanh khoản của tài sản càng cao.

C. Liquidity

Tính thanh khoản là một khái niệm đặc biệt quan trọng. Nó là số lượng giao dịch của một tài sản. Chúng ta nên cố gắng giao dịch tài sản với số lượng càng nhiều càng tốt vì điều này sẽ tạo ra nhiều khó khăn hơn cho một nhà giao dịch lớn muốn di chuyển mức giá. Do đó, đây là một biện pháp để tránh rủi ro bị thao túng giá. Nếu bạn đang giao dịch một tài sản với khối lượng rất nhỏ, rất có thể nếu một tổ chức lớn tham gia thị trường, họ sẽ dễ dàng thao túng giá. Chúng ta nên tránh những môi trường này.

4.2.3 Phân Loại Các Nhà Giao Dịch Dựa Trên Hành Vi

Yếu tố quan trọng để làm rõ những sai lầm trong việc giải thích Luật Cung cầu là hành vi của các nhà giao dịch vì họ có thể tham gia vào thị trường theo những cách khác nhau:

Cách chủ động: Những người này đặt lệnh giao dịch qua việc sử dụng các lệnh market. Họ chủ động tham gia và họ “tấn công” Best BID và Best ASK nơi các lệnh limit được đặt. Những lệnh chủ động này là động cơ thực sự của thị trường vì chính chúng đã tạo ra bước khởi đầu các giao dịch.

Cách thụ động: Những người này giao dịch bằng cách sử dụng các lệnh limit. Người bán tạo nguồn cung bằng cách đặt lệnh chờ bán thực hiện trong cột ASK; và người mua tạo ra nhu cầu bằng cách đặt lệnh chờ mua trong cột BID

	BID	PRICE	ASK	
		108	600	
		107	980	
		106	900	
		105	720	
		104	550	
		103	500	
		102	120	
		101	90	
		100	75	
	50	99		
	66	98		
	95	97		
	130	96		
	249	95		
	120	94		
	97	93		
	90	92		

Agressive Seller
Takes liquidity from the BID

Passive Buyer
Provides liquidity in the BID

Passive Seller
Provides liquidity in the ASK

Agressive Buyer
Takes liquidity from the ASK

4.2.4 Điều Gì Khiến Giá Di Chuyển

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét điều gì khiến giá di chuyển. Ý tưởng ở đây rất rõ ràng: sự tham gia ở thể chủ động của các nhà giao dịch là cần thiết để tạo ra sự thay đổi về giá. Các lệnh ở vị thể thụ động (lệnh limit) thể hiện ý định rõ ngay từ đầu và trong trường hợp chúng được thực hiện, chúng có khả năng dừng một chuyển động của giá; nhưng không phải là khả năng làm cho giá di chuyển. Việc di chuyển giá đòi hỏi một quá trình.

Initiative

Để giá tăng lên, người mua phải mua tất cả các lệnh bán (cung) có sẵn ở mức giá đó và cũng tiếp tục mua mạnh để ép giá tăng lên một mức cao hơn và tìm người bán mới để giao dịch tại đó.

BID	PRICE	ASK
	108	600
	107	980
	106	900
	105	720
	104	550
	103	500
	102	120
	101	90
	100	75
50	99	
66	98	
95	97	
130	96	
249	95	
120	94	
97	93	
90	92	

For the price to move down one level sellers must consume those 50 limit orders

For the price to move up one level buyers must consume those 75 limit orders

Các lệnh mua thụ động làm chậm xu hướng giảm, nhưng bản thân chúng cũng không thể đẩy giá lên. Các lệnh duy nhất có khả năng tăng giá là lệnh market buy hoặc loại lệnh có thể chuyển thành lệnh market buy (chẳng hạn như lệnh cắt lỗ của vị thế short (short position stop-losses).

Để giá giảm xuống, người bán phải mua tất cả các lệnh mua (cầu) có sẵn ở mức giá đó và tiếp tục đẩy giá xuống dẫn tới người mua khớp lệnh với mức giá thấp hơn.

Các lệnh bán thụ động làm cho xu hướng tăng chậm lại, nhưng không có khả năng làm giá giảm. Các lệnh duy nhất có khả năng làm giảm giá là market sell hoặc các lệnh có thể chuyển thành market sell ví dụ như lệnh cắt lỗ của vị thế long (Long position stop-losses).

Exhaustion

Giá cần sự có sự thúc đẩy mạnh mẽ của cung hoặc cầu để di chuyển, nhưng cũng rất thú vị là sự thiếu hào hứng của cung hoặc cầu cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc này.

Việc thiếu cung có thể tạo điều kiện cho giá tăng cũng như việc thiếu cầu có thể tạo điều kiện cho giá giảm.

BID		PRICE	ASK
		108	134
		107	100
		106	180
		105	120
		104	44
		103	26
		102	15
		101	7
		100	5
50		99	
66		98	
95		97	
130		96	
249		95	
120		94	
97		93	
90		92	

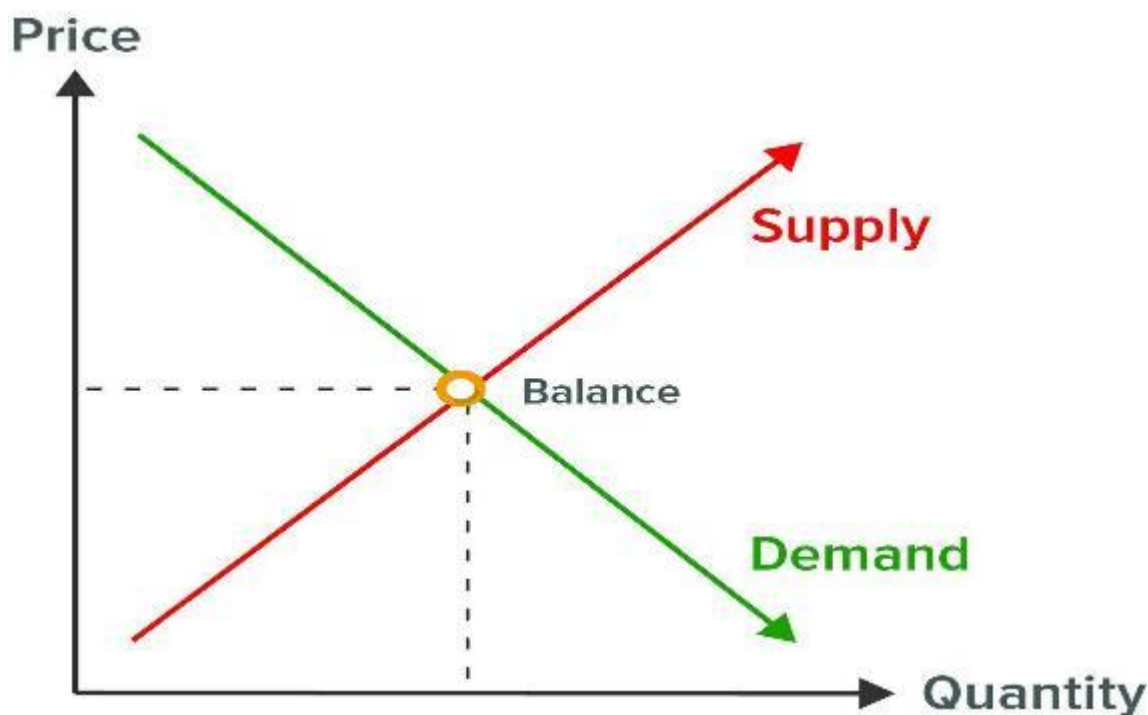
Large imbalance between buy and sell limit orders = Lack of selling interest

Khi lệnh bán bị rút lại, việc này sẽ được thể hiện dưới dạng số lượng lệnh bán ít hơn được đặt trong cột ASK và do đó chỉ với sức mua nhỏ cũng có thể làm giá dễ dàng tăng lên

Ngược lại, nếu là lệnh mua bị rút ra, sẽ giảm các lệnh mua trong cột BID và điều này sẽ khiến giá giảm chỉ với một lực bán nhỏ.

4.2.5 Diễn Biến Của Thị Trường

Hãy nhớ rằng để tạo điều kiện cho việc giao dịch được thực hiện, thị trường sẽ đi lên để tìm kiếm người bán và đi xuống để tìm kiếm người mua; hay nói cách khác, nó sẽ luôn hướng tới điểm cân bằng, nơi cung và cầu giao nhau.



Hơn nữa, theo logic chúng ta nghĩ rằng khi giá cả tăng lên, sự hào hứng của người mua giảm (họ thấy giá ngày càng đắt) và sự quan tâm của người bán tăng lên (họ thấy giá vẫn còn rẻ); và khi giá cả đi xuống, lợi ích của người bán giảm và sự phấn khích của người mua tăng lên.

Trong một thị trường tăng, miễn là bên mua có thể “xử lý” tất cả các lệnh bán (cung) ở mức giá cao hơn, giá sẽ tiếp tục tăng. Mặt khác, trong một thị trường giảm,

miễn là bên bán “xử lý” tất cả các lệnh mua (câu) mà nó tìm thấy ở mức giá thấp hơn, giá sẽ tiếp tục giảm.

Tại thời điểm thị trường xoay chuyển, chúng ta thường sẽ luôn có một quy trình gồm ba bước:

Exhaustion - Kiệt Sức

Absorption - Hấp thụ

Initiative - Phát Triển

Để đảo ngược xu hướng tăng thành giảm, việc người mua không còn hào hứng (kiệt sức) để tiếp tục mua, việc các nhà khai thác lớn tham gia mua một cách thụ động (hấp thụ) và sự quyết liệt (chủ động) của người bán sẽ cùng diễn ra.

Ngược lại, để hình thành xu hướng giá tăng: sự kiệt sức của người bán, sự thụ động thông qua việc hấp thụ lệnh bán và sự phát triển mạnh mẽ của người mua làm mức giá đi lên trong cột ASK.

Về bản chất, hình thức ba bước này không có gì khác quá trình tích lũy và phân phối bất kể theo khung thời gian mà chúng diễn ra.

4.3 Order Types- Các Loại lệnh

4.3.1. Các Loại Lệnh

Khi tham gia vào thị trường, chúng ta có thể sử dụng bốn loại lệnh khác nhau.



1. Các Loại Lệnh Cơ Bản

Lệnh market:

Lệnh chủ động được thực hiện ở mức giá mua và giá bán tốt nhất hiện có (Best BID/ASK hiện tại). Lệnh mua/bán được thực hiện ngay lập tức khi bạn vào thị trường nhưng không phải là mức giá cụ thể đã được hiển thị trong cột BID/ASK do giá thay đổi liên tục và việc áp dụng spread.

Lệnh Limit:

Lệnh thụ động được thực hiện ở một mức giá cụ thể. Việc gia nhập thị trường ở mức giá cụ thể đó được xác lập nhưng không phải là chắc chắn được thực hiện. Nói cách khác, giá có thể không bao giờ đi đến mức giá cụ thể đó và do đó lệnh không được thực hiện. Khi đó, chúng có thể bị xóa bất cứ lúc nào.

Lệnh stop:

Đây là lệnh thụ động được thực hiện ở một mức giá cụ thể. Khi giá di chuyển khớp với mức giá cụ thể này, sẽ tạo thành lệnh market, do đó nó được thực hiện ở mức giá tốt nhất thời điểm đó (Best BID/ASK).

Lệnh stop - Limit:

Kết hợp đặc tính của lệnh limit và lệnh stop. Khi giá đạt đến một mức nhất định (một chức năng của các lệnh stop), lệnh sẽ khớp với một mức giá cụ thể (một chức năng của các lệnh limit). Về cơ chế, nó hoạt động giống hệt như lệnh limit.

Dựa trên bốn loại lệnh như trên, đây là toàn bộ các lệnh cơ bản sẵn có cho các ý định giao dịch cụ thể như sau:

Lệnh Buy Market: Lệnh mua chủ động ở mức giá hiện tại, dùng khi:

- Mua ngay lập tức để tham gia thị trường.
- Đóng một vị thế bán (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Lệnh Buy Stop: Lệnh mua ở trạng thái treo (chờ đợi) với mức giá cao hơn mức giá hiện tại, dùng khi:

- Tham gia thị trường để mua.
- Đóng một vị thế bán (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Buy Limit: Lệnh mua ở trạng thái treo (chờ đợi) với mức giá thấp hơn mức giá hiện tại, dùng khi:

- Tham gia thị trường để mua.
- Đóng một vị thế bán (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Buy Stop Limit: Lệnh mua ở trạng thái treo (chờ đợi) với mức giá thấp hơn sau khi chạm tới một mức giá cụ thể, dùng khi:

- Tham gia thị trường để mua.
- Đóng một vị thế bán (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Sell Market: Lệnh bán chủ động ở mức giá hiện tại, dùng khi:

- Tham gia thị trường để bán.
- Đóng một vị thế mua (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Sell Stop: Lệnh bán ở trạng thái treo (chờ đợi) với mức giá thấp hơn mức giá hiện tại, dùng khi:

- Tham gia thị trường để bán.
- Đóng một vị thế mua (chốt lời hoặc cắt lỗ).

Sell Limit: Lệnh bán ở trạng thái treo (chờ đợi) với mức giá cao hơn sau khi chạm tới một mức giá cụ thể, dùng khi:

- Tham gia thị trường để bán.
- Đóng một vị thế mua (chốt lời hoặc cắt lỗ).

2. Các Loại Lệnh Nâng Cao

Có một số hướng dẫn nâng cao nhất định có thể được áp dụng, tùy theo nhà môi giới (broker), cho các lệnh vào thị trường và lệnh ra khỏi thị trường:

One-Cancels-Other (OCO): Mở 2 lệnh, một lệnh sẽ bị hủy khi lệnh kia được thực hiện.

Order-Sends-Order (OSO): Lệnh này sẽ thực hiện các lệnh thứ cấp tiếp theo khi lệnh ban đầu được thực hiện.

Market-If-Touched (MIT): Lệnh có điều kiện để giao dịch lệnh market khi đạt đến một mức cụ thể. Được sử dụng để mua với giá thấp hơn mức giá hiện tại và bán với giá cao hơn mức giá hiện tại.

Limit-If-Touched (LIT): Lệnh có điều kiện để giao dịch với lệnh chờ (limit) khi đạt đến một mức cụ thể, dùng để mua với giá cao hơn mức giá hiện tại và bán với giá thấp hơn mức giá hiện tại.

Good-Til-Cancelled (GTC): Lệnh được đặt với một khoảng thời gian trước khi được thực hiện, thường là khoảng thời gian của phiên giao dịch. Nếu đến thời điểm đó mà lệnh chưa được thực hiện thì lệnh đó sẽ bị hủy.

Good-Til-Date (GTD): Lệnh được đặt chờ để thực hiện cho tới một ngày đáo hạn cụ thể.

Immediate-Or-Cancel (IOC): Yêu cầu thực hiện lệnh ngay lập tức. Nếu bất kỳ phần nào của lệnh vẫn chưa được thực hiện hoàn tất, phần đó sẽ bị hủy.

Fill-Or-Kill (FOK): Loại lệnh không thực hiện từng phần. Khi đạt đến mức giá lệnh mong muốn, toàn bộ số lượng mua/ bán của lệnh được thực hiện hoặc lệnh đó sẽ bị hủy bỏ.

All-Or-None (AON): Giống với các lệnh FOK nhưng khác ở điểm khi đạt đến mức giá mà lệnh mong muốn mà vẫn không được thực hiện vì một phần số lượng tài sản vẫn chưa được giao dịch, lệnh này vẫn tồn tại cho đến khi xử lý hết tất cả số lượng muốn giao dịch hoặc chủ tài khoản hủy lệnh

At-The-Opening (ATO): Yêu cầu thực hiện lệnh giao dịch khi bắt đầu mở phiên giao dịch. Trong trường hợp này, không thể hủy lệnh.

At-The-Close (ATC): Yêu cầu thực hiện lệnh giao dịch khi chốt phiên giao dịch.

4.4 Công Cụ Phân Tích Khối Lượng

Nhờ một số công cụ phân tích Order Flow, chúng ta có thể thấy tất cả sự tương tác giữa người mua và người bán tham gia vào thị trường theo những cách khác nhau.

Chúng ta phân biệt các công cụ chủ yếu theo loại lệnh mà chúng xử lý vì không phải tất cả các công cụ này đều dựa trên cùng một dữ liệu giống nhau:

- Phân tích các lệnh chờ: Sổ lệnh (Order Book), còn được gọi là Độ sâu thị trường (DOM - Depth of Market).
- Phân tích các lệnh đã thực hiện: Tape (Thời gian & Bán) và Footprint.

Chúng ta sẽ chỉ ra các đặc điểm quan trọng nhất của chúng để cung cấp cho người đọc kiến thức cơ bản về các đặc điểm riêng của từng loại.

4.4.1 Order Book

Nó biểu thị tất cả các lệnh đang chờ thực hiện (thanh khoản) nằm trong các cột của BID và ASK; như chúng ta đã biết, BID đại diện cho các lệnh giới hạn mua và ASK đại diện cho các lệnh giới hạn bán.



Buy	Price	Sell
	3143,25	87
	3143,00	76
	3142,75	34
	3142,50	128
	3142,25	51
	3142,00	33
	3141,75	24
	3141,50	28
	3141,25	13
	(2) 3141,00	8
4	3140,75	
48	3140,50	
39	3140,25	
28	3140,00	
28	3139,75	
35	3139,50	
47	3139,25	
51	3139,00	
33	3138,75	
Market	PnL	Market C

Vì các phần mềm này chỉ cung cấp dữ liệu level II, nên hầu hết các thị trường chỉ có thể hiển thị mười cấp độ thanh khoản trên và dưới mức giá hiện tại. Điều này vẫn hợp lý bởi vì ngoài mười cấp độ đó vẫn có các cấp độ thanh khoản khác được đặt, nhưng nó chỉ được nhìn thấy bởi những người có thể xem phần mềm dữ liệu Level III (chủ yếu là các nhà cung cấp thanh khoản).

Việc phân tích sổ lệnh cho thấy một số vấn đề. Một trong số đó là mức thanh khoản ta thấy hiển nhiên không phải là toàn bộ mức thanh khoản thực sự được đặt ở các mức đó. Mức thanh khoản có thể được hiển thị trong sổ lệnh chỉ là các lệnh

limit. Về bản chất, không thể nhìn thấy các lệnh market ở bất cứ đâu vì chúng được sinh ra và được thực hiện ngay lập tức. Mặt khác, lệnh Dừng (Stop order) sẽ trở thành lệnh market khi đạt đến mức giá tự động khớp, chúng cũng không được hiển thị trong orderbook.

Bên cạnh đó, như chúng ta đã thấy trong các tính năng nâng cao của một số loại lệnh, có một số cơ chế lệnh nhất định khiến chúng không được hiển thị lên trong orderbook, vì vậy chúng ta chỉ có thể phân tích một phần nhất định trong tổng số các lệnh chờ được xử lý.

Một vấn đề lớn khác đối với việc phân tích orderbook hoặc bất kỳ công cụ nào khác dựa trên dữ liệu thanh khoản này là những lệnh đang chờ xử lý như vậy có thể bị loại bỏ bởi bất kỳ ai đặt chúng ở đó bất kỳ lúc nào trước khi chúng được thực hiện. Do đặc điểm này, các hình thức thao tác khác nhau đã được tạo ra, được thực hiện bởi các thuật toán:

Spoofing:

Đây là việc đặt một lượng lớn lệnh vào cột BID và ASK (lệnh limit) mà không có ý định thực hiện các lệnh đó. Mục tiêu là tạo ra cảm giác về một "rào cản không thể vượt qua" và khiến giá dịch chuyển tới xu hướng ngược lại. Đây là những lệnh giả vì khi giá sắp đạt đến mức của nó, những lệnh này sẽ bị hủy và không được thực hiện.

Đó là một khái niệm thú vị để đánh giá khả năng của các lệnh limit đối với sự di chuyển của giá. Như chúng ta đã nói ở phần trước, các lệnh limit tự bản thân chúng về bản chất không có khả năng di chuyển thị trường, nhưng bằng cách sử dụng hình thức hoạt động thao túng này, chúng tôi thấy cách giá có thể di chuyển do sự tác động của chúng trong những thời điểm nhất định. Không trực tiếp dựa trên sự thực hiện, mà là gián tiếp dựa trên ảnh hưởng của chúng.

Hãy tưởng tượng rằng bạn thường thấy số lượng lệnh giới hạn với khoảng 50 hợp đồng cho mỗi mức giá. Những người còn lại sẽ nghĩ gì nếu họ bất ngờ quan sát thấy 500 hợp đồng? Vâng, một điều hợp lý là họ sẽ thấy rằng họ phải trả một mức giá quá đắt để vượt qua mức giá có 500 hợp đồng đó và rất có thể họ sẽ không còn ý muốn vượt qua mức giá này. Và tất nhiên, điều này sẽ dẫn tới một chuyển

động theo hướng ngược lại với hướng mà số lượng hợp đồng không lỗ đó được đặt. Đây là cách mà các nhà giao dịch lớn điều khiển giá theo hướng họ muốn.

Iceberg orders:

Đây là sự phân chia của một Lệnh limit lớn thành các phần nhỏ hơn. Động cơ cho loại hành động này liên quan đến việc muốn ẩn khối lượng thực của đơn đặt hàng ban đầu.

Nó chủ yếu được sử dụng bởi các nhà giao dịch tổ chức, những người muốn giao dịch một khối lượng lớn trong một phạm vi giá nhất định và những người sử dụng các thuật toán được lập trình với công nghệ này để có thể thực hiện nó một cách thụ động và không để giá gây bất lợi cho họ. Điều quan trọng cần lưu ý là chỉ có một nguồn đứng sau một lệnh như vậy, chỉ duy nhất một nhà giao dịch lớn, không phải một tập hợp các nhà giao dịch lớn.

Bạn có thể dễ hiểu sự việc này giống nguyên lý tảng băng trôi. Bề ngoài những gì bạn thấy là một số lượng hợp đồng có vẻ bình thường, nhưng những gì bạn không biết lệnh giao dịch đó chỉ đơn giản là một phần của một lệnh lớn hơn rất nhiều. Và khi từng lệnh nhỏ này được thị trường khớp lệnh thì có nghĩa là toàn bộ lệnh lớn đã được hoàn thiện.

Đây là ví dụ rõ ràng nhất về sự hấp thụ. Có thể có nhiều người mua chủ động dần dần lên cột ASK và tất cả các Lệnh thị market buy đó đang vượt qua Giới hạn bán của một lệnh iceberg mà không làm giá tăng lên. Chúng ta nói rằng sự hấp thụ các lệnh mua này đang được thực hiện.

Điều này cũng đúng với việc hấp thụ lệnh bán. Lệnh market sell tạo áp lực lên cột BID với các lệnh short sell nhưng giá không giảm do bị chặn bởi lệnh giới hạn mua đã hấp thụ hết lượng thanh khoản đó.

4.4.2 Time & Sells

Nhìn vào cửa sổ Time & Sells, chúng ta có thể thấy thời gian mà các giao dịch đã được thực hiện. Dữ liệu này sẽ luôn di chuyển do các lệnh liên tục được thực hiện trên thị trường nên việc phân tích nó sẽ rất phức tạp.

Tùy thuộc vào phần mềm mà chúng ta có thể xem dạng thông tin khác nhau. Thông thường nó bao gồm ít nhất các cột có thời gian thực, giá và khối lượng đã được thực hiện.

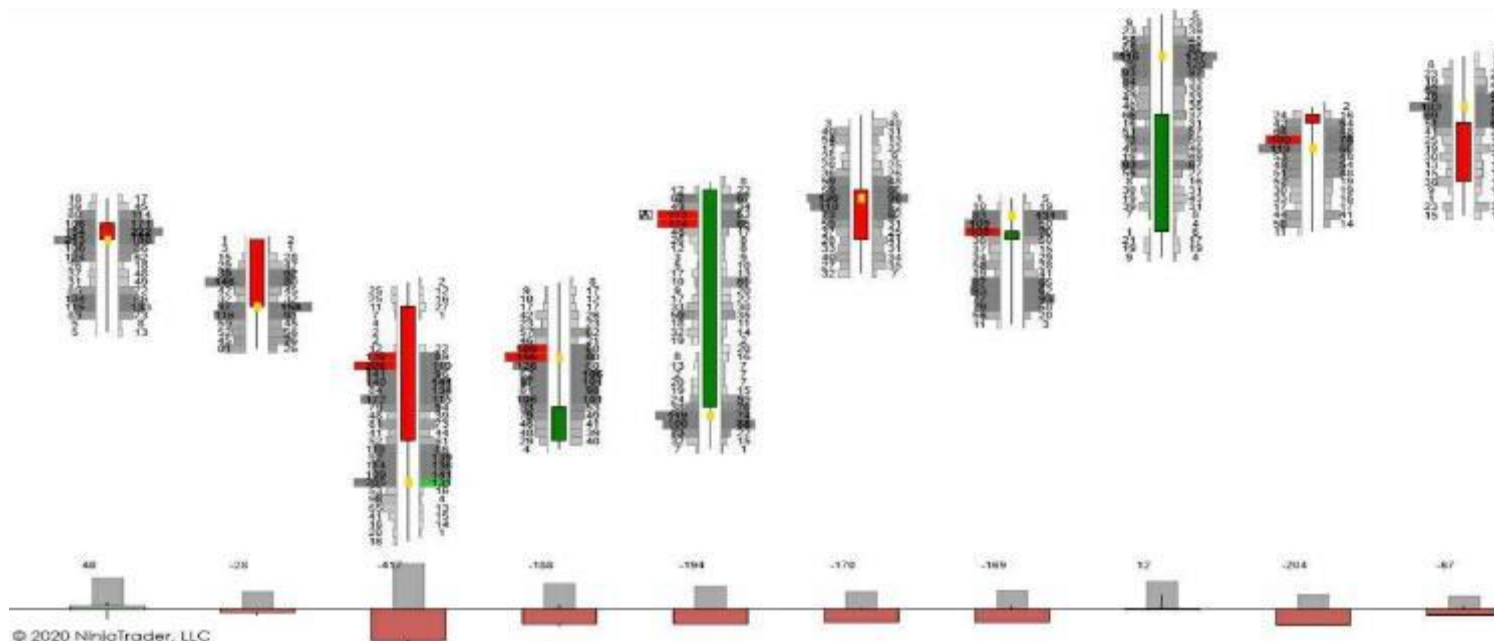
Nó chắc chắn sẽ hữu ích để xác định các lệnh có khối lượng lớn, được gọi là big trade. Các phần mềm hiện đại biểu thị “Time & Sells” cũng cho phép chỉ ra các lệnh nhỏ được thực hiện bởi cùng 1 nhà giao dịch nhưng ở các thời điểm khác nhau.

Một ưu điểm của T&S (Time & Sells) so với orderbook là dữ liệu T&S thể hiện các lệnh đã được thực hiện trong quá khứ, do đó dữ liệu phân tích không dễ bị thao túng.

Không phải ai cũng có thể sử dụng công cụ T&S để phân tích vì nó đòi hỏi một bề dày kinh nghiệm cùng với khả năng tập trung cao độ do tốc độ di chuyển nhanh của nó.

4.4.3 Footprint

Khi hầu hết mọi người nói đến Order Flow, họ thực tế đang đề cập tới một khía cạnh của Order Flow- tức Footprint. Order Flow là một thuật ngữ chung.



Dữ liệu foot print được cung cấp bởi Time & Sells (các lệnh đã được thực hiện) và thể hiện nó theo cách trực quan hơn. Nó giống như dùng kính lúp để phân tích từng cây nến và quan sát số lượng lệnh được thực hiện ở mỗi mức giá.

Ưu điểm của việc phân tích Dấu chân là nó cho phép chúng ta định lượng chi tiết sự tương tác giữa người mua và người bán. Việc quan sát sự cân bằng và mất cân bằng giữa hai bên mua bán cũng như có thể xác định được cột khối lượng nào đang được thương lượng nhiều nhất chắc chắn có thể hữu ích tại một số thời điểm nhất định.

Có những loại biểu đồ dấu chân khác nhau dựa trên:

- Dữ liệu gốc: nó có thể cấu hình dựa trên thời gian, range, volume, rotation.
- Hình thức thể hiện: Profile, Delta, Sự mất cân bằng, Histogram, Ladder hoặc BID/ASK.

Đây là một công cụ có khả năng tùy biến cao, thường bao gồm nhiều chức năng nhưng về cơ bản nó phân tích các lệnh đã thực hiện theo mức giá với mục tiêu tìm kiếm sự mất cân bằng, mức hấp thụ, dấu hiệu khởi đầu xu hướng, dấu giá chưa hoàn thành, cluster, big trade, v.v.

Khi bạn có sự hiểu biết sâu sắc về cách khớp lệnh (order crossing) được thực hiện, bạn thấy rằng việc phân tích cách thức khớp lệnh mang tính rất chủ quan, không toàn diện và việc giao dịch dựa trên công cụ phân tích mà không tính đến bất kỳ yếu tố nào khác là không nên.

4.4 Delta

Một công cụ cụ thể và phổ biến hơn trong giới phân tích Order Flow là Delta. Delta là một chỉ báo đơn giản đo lường sự khác biệt giữa khối lượng giao dịch trong BID và khối lượng giao dịch trong ASK trong một khoảng thời gian nhất định. Nếu sự khác biệt là dương thì delta sẽ dương và ngược lại nếu nó là âm. Ngoài ra, sự khác biệt giữa các delta cũng có thể được hiển thị, vì thông thường các chỉ báo sẽ hiển thị chúng với các kích thước khác nhau.

Có một lỗi rất phổ biến khi nghĩ rằng tất cả khối lượng giao dịch trong ASK "là mua" và tất cả khối lượng vượt qua trong BID "là bán", mặc dù trên thực tế với tuyên bố đó, chúng ám chỉ rằng chúng có nguồn gốc định hướng; nghĩa là chúng có ý định gây thêm áp lực về phía còn lại. Nếu đúng như vậy, tại sao đôi khi chúng ta lại thấy các chuyển động đi xuống với các delta dương và các chuyển động đi lên với các delta âm? Tin tôi đi, nó không đơn giản như vậy đâu. Nếu đúng như vậy, chúng ta đã tìm thấy Chén Thánh (Holy Grail). Một lần nữa nó liên quan đến cơ chế khớp lệnh (order-crossing).

Hiện tại, chúng ta sẽ tiếp tục quan sát bằng mắt thường trên trục nằm ngang với giá trị 0 và tùy thuộc vào cột nơi các giao dịch được thực hiện sẽ được hiển thị dương hoặc âm trên trục. Việc trình bày này là ví dụ về Delta thông thường vì có một biến thể khác, là Delta tích lũy, trong đó nó được lập biểu đồ liên tục mà không theo trục ngang.

Delta được cập nhật khi mỗi lệnh được thực hiện và do đó nó cũng có râu nên như trên nến giá. Nếu chúng ta quan sát delta có râu ở phần dưới của nó, điều đó có nghĩa là tại một thời điểm nhất định trong quá trình phát triển của nó, sự khác biệt trong ham muốn mua ở cột BID là cực kỳ lớn và tại một thời điểm nhất định, ham muốn mua tăng cao hơn nhiều trong cột ASK, tạo ra sự đảo ngược và để lại dấu râu delta.

Vì nó xảy ra trong điều kiện chung với việc phân tích footprint, mặc dù cách giải thích của nó không cơ bản như tôi đã giải thích ở trên, nhưng nó có thể cung cấp cho chúng ta ít nhiều sự hữu ích trong những thời điểm nhất định.

4.5 The Order Flow Problem

Về cơ bản, chúng ta phải có một danh sách rõ ràng để hiểu phần nội dung còn lại:

1. Một lệnh mua được khớp với một lệnh bán và ngược lại.
2. Một lệnh chủ động khớp với một lệnh thụ động.
3. Trong cột BID và cột ASK chỉ lệnh chủ động được hiển thị.

Xem xét các loại lệnh khác nhau, chúng ta cũng cần phải hiểu cơ chế nào được sử dụng để khớp lệnh giữa những người tham gia và việc thực hiện như vậy được thể hiện ở cột nào.

Order type	Matches with	Appears in
Buy Market	Sell Limit	ASK
Buy Limit	Sell Market	BID
Buy Stop	Sell Limit	ASK
Buy Stop Limit	Sell Market	BID
Sell Market	Buy Limit	BID
Sell Limit	Buy Market	ASK
Sell Stop	Buy Limit	BID
Sell Stop Limit	Buy Market	ASK

Lệnh stop trở thành lệnh market khi mức giá chạm tới chúng.

Lệnh stop limit trở thành lệnh limit khi giá chạm tới mức dừng được.

Khi nhà giao dịch thực hiện lệnh market buy, cơ chế xử lý lệnh sẽ hoạt động và chuyển đến orderbook để tìm lệnh limit sell đầu tiên nằm trong cột ASK để khớp với lệnh mua này.

Điều tương tự cũng xảy ra khi lệnh market sell được thực hiện. Cơ chế xử lý hướng lệnh đó đến mức giá đầu tiên trong cột BID để tìm lệnh đối ứng trong các lệnh limit buy đang chờ khớp ở đó.

Với các lệnh limit, quy trình cũng giống như vậy. Một người tham gia đặt lệnh chờ thực hiện ở một trong hai cột và lệnh lưu tại đó cho đến khi người cần khớp lệnh chủ động xuất hiện.

Về cơ bản, đây là những gì xảy ra lặp đi lặp lại với tốc độ cao. Bất kể loại lệnh nào được sử dụng để tham gia thị trường, kết quả cuối cùng sẽ luôn là một lệnh chủ động sẽ khớp với lệnh bị động:

Buy Market	X	Sell Limit	=	ASK
Sell Market	X	Buy Limit	=	BID

Và cột hiển thị sự bắt cặp của các lệnh này sẽ phụ thuộc vào lệnh đầu tiên khởi tạo cột đó. vì thế :

- Buy Market bắt cặp với Sell Limit và được hiển thị trong cột ASK, vì lệnh đã khởi tạo giao dịch là lệnh chủ động mua.
- Sell Market bắt cặp với Buy Limit và được hiển thị trong cột BID, vì lệnh đã khởi tạo giao dịch là lệnh chủ động bán.

Bây giờ chúng ta sẽ làm một bài tập lập luận bằng cách sử dụng ví dụ về một nhà giao dịch tham gia thị trường với một vị thế bán (short sell). Nhà giao dịch này có nhiều cách khác nhau để thoát lệnh:



- Cách thủ công: cắt lỗ hoặc chốt lời bằng cách thực hiện lệnh Market Buy (và lệnh này sẽ xuất hiện ở cột ASK).
- Bằng lệnh Stop Loss: đó chính là lệnh stop buy (và nó sẽ xuất hiện ở cột ASK).
- Bằng lệnh take profit: đó chính là lệnh limit buy (và nó sẽ xuất hiện ở cột BID).

Theo cách tương tự, một nhà giao dịch tham gia thị trường với một vị thế mua không (long buy), sẽ có thể thoát lệnh theo 3 cách:

- Cách thủ công: cắt lỗ hoặc chốt lời bằng cách thực hiện lệnh Market sell (và nó sẽ xuất hiện ở cột BID).
- Bằng lệnh Stop Loss: đó chính là lệnh Stop Sell (và nó sẽ xuất hiện ở cột BID).
- Bằng lệnh take profit: đó chính là lệnh limit Sell (và nó sẽ xuất hiện ở cột ASK).



Điều mà ví dụ trên muốn chỉ ra là cùng một hành động, chẳng hạn như thoát lệnh, có thể được hiển thị trong các cột khác nhau (BID và ASK) tùy thuộc vào loại lệnh được sử dụng.

Cần phải hiểu rằng thông tin này là rất quan trọng bởi vì nhiều phân tích về việc khớp lệnh bị sai do ngay từ đầu đã dựa trên các nguyên lý sai.

Do đó, kết luận đầu tiên là không phải mọi thứ diễn ra trong cột ASK đều là lệnh mua với ý định tạo thêm áp lực mua cho thị trường, cũng như không phải mọi thứ xuất hiện trong cột BID đều là lệnh bán với ý định tạo thêm áp lực bán. Đây là vấn đề khi phân tích Order Flow trong bất kỳ biến thể nào của nó.

Các chương trình này dựa trên cơ chế khớp lệnh được xây dựng để luôn phản ánh tính chủ động, vấn đề là bạn không thể phân biệt được ý định nào đằng sau các lệnh được thực hiện.

Khi chúng ta thấy lệnh được khớp trong cột ASK, nó sẽ luôn là một lệnh market buy với lệnh limit sell; trong khi khi chúng ta thấy lệnh khớp trong cột BID thì đó sẽ là một lệnh market sell với lệnh limit buy, nhưng những gì chúng ta sẽ không biết là ý định đằng sau các lệnh lệnh đó là gì:

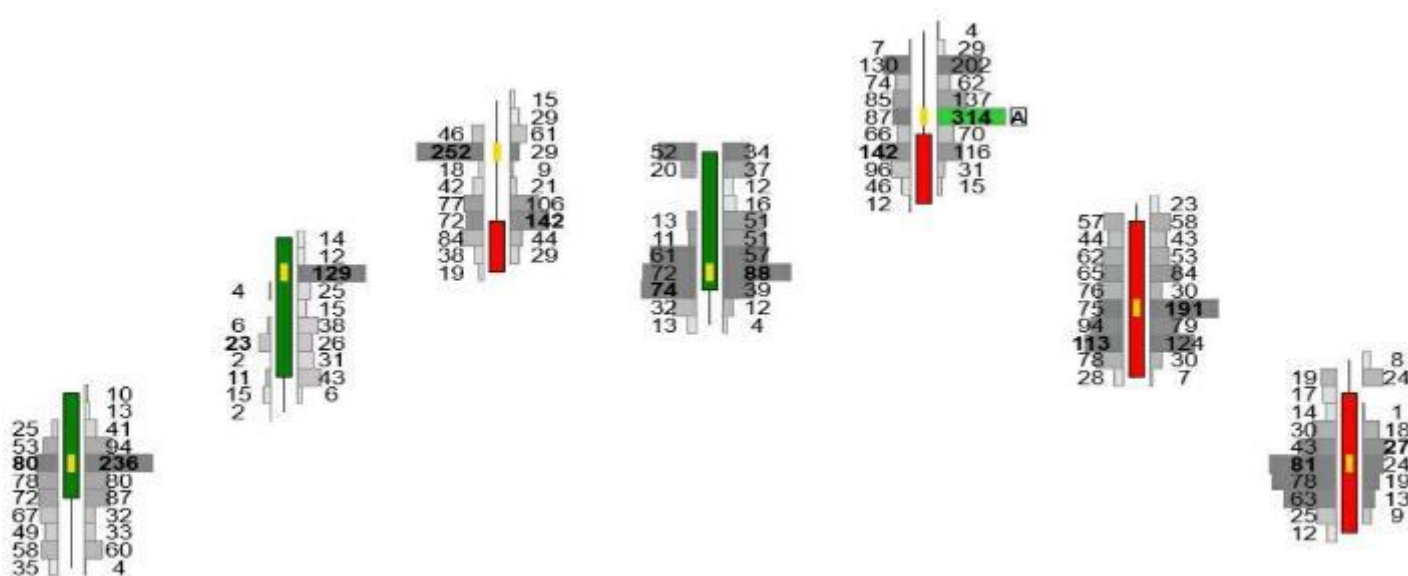
Điều gì sẽ xảy ra nếu bạn khớp lệnh stop loss từ một vị thế sell (với lệnh market buy) và khớp lệnh take profit từ vị thế buy (limit sell)? Dạng khớp lệnh đó sẽ được thể hiện trong cột ASK, nhưng liệu có thực sự có ý đồ tạo thêm áp lực mua vào thị trường? Rõ ràng là không, như chúng ta thấy trong ví dụ này, cả hai nhà giao dịch sẽ không tham gia thị trường và giao dịch của họ sẽ được phản ánh trong cột ASK. Đây là vấn đề với Order Flow: nó vẫn là một công cụ mang tính rất chủ quan, không toàn diện. Thậm chí còn hơn thế nữa khi người ta không biết hoàn toàn về cách thức hoạt động của Order Flow.

Vấn đề tương tự có thể cũng thấy trong cột BID. Có thể có khả năng khớp lệnh từ một người ở mức stop loss của vị thế mua (lệnh market sell) với một người muốn chốt lời từ vị thế bán (lệnh limit buy). Việc khớp lệnh này sẽ được phản ánh trong cột BID nhưng cả hai đều nằm ngoài thị trường, không có ý đồ tạo áp lực bán mới.

Tiếp theo tôi sẽ đề xuất hai hoàn cảnh khác nhau để minh họa một lần nữa vấn đề của Order Flow.

4.5.1 Vấn Đề #1 Price Divergence

Ví dụ, nếu phân tích Footprint chart, chúng ta thấy một xu hướng tăng, trong đó ở phần trên của cột, chúng ta quan sát thấy sự mất cân bằng (màu xanh lá cây) có lợi cho ASK cùng với một xu hướng giảm ngay sau đó; thực tế này cung cấp cho chúng ta những cách giải thích khác nhau.



Một số người sẽ nói rằng đây là những người mua bị mắc kẹt (giả sử rằng sự mất cân bằng trong ASK là sức mua mạnh mẽ nhằm tạo xu hướng tăng); người khác sẽ nói rằng chúng là lệnh cắt lỗ của vị thế short sell; và những người khác lại cho rằng đây là lệnh chốt lời của vị thế giao dịch long buy; và cuối cùng một số người khác cũng có thể nói dấu hiệu này là lệnh gia nhập thị trường thụ động của người bán (hấp thụ thông qua lệnh giới hạn bán).

Hẳn nhiên là ý kiến của mọi người đều đúng. Và sự thật là rất có thể là mỗi ý kiến đúng một phần. Bên cạnh đó, tại thời điểm này delta có thể sẽ là âm, chỉ ra cho chúng ta thấy một sự phân kì.

Đây là lúc vấn đề trở nên rõ ràng khi phân tích Order Flow. Sự thật là trong thời gian thực, chúng ta không thể xác định chính xác nguồn gốc thực sự của những giao dịch này là gì. Trong nhiều trường hợp, để biện minh cho một kịch bản được nêu ra, một trong những lý do cụ thể này sẽ được viện dẫn. Ví dụ: một ai đó đang tìm kiếm một xu hướng giảm hoặc những người có lệnh short sẽ thấy những lệnh

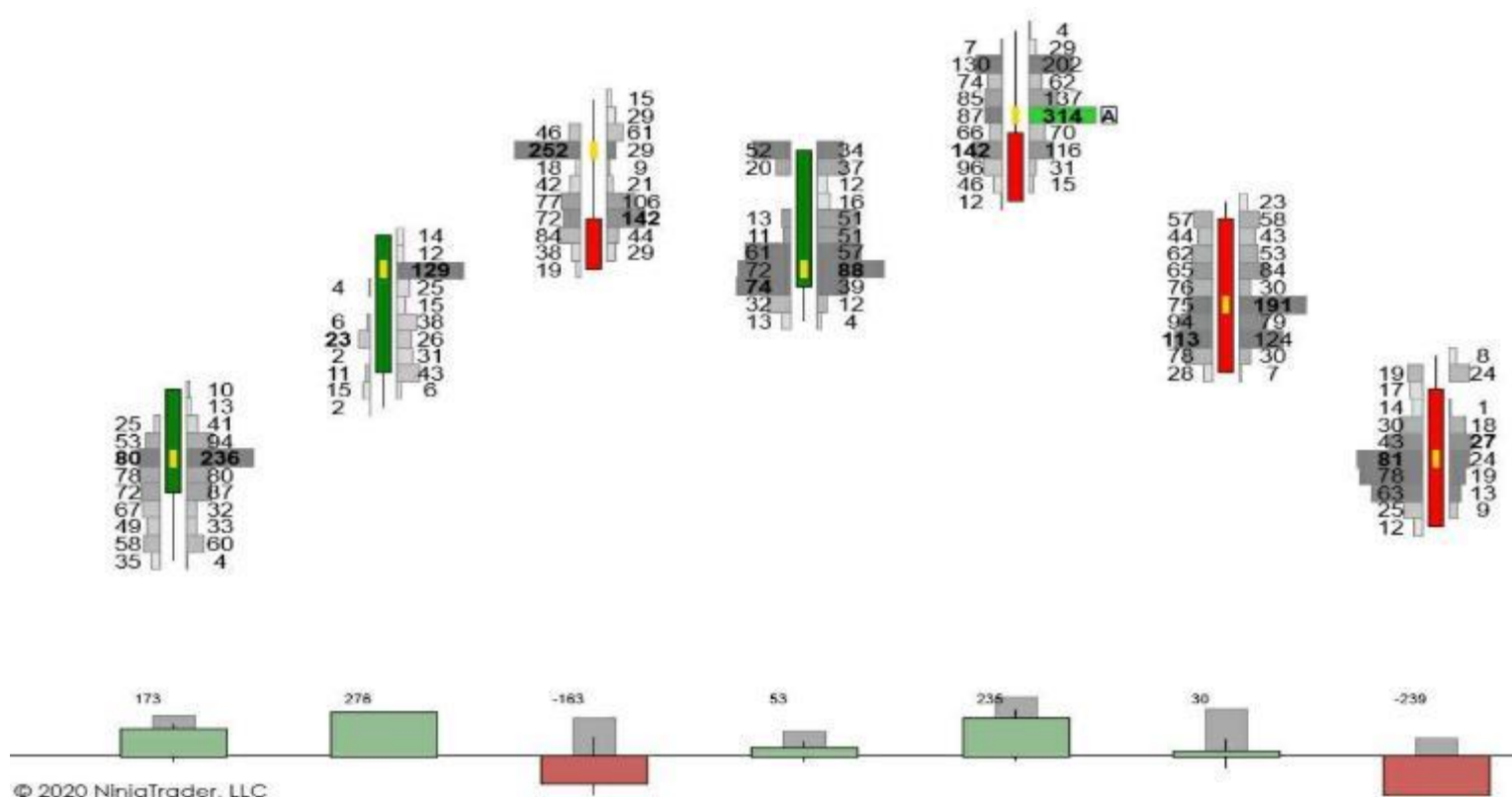
giao dịch lớn này được khớp lệnh trong cột ASK và sẽ cho rằng đó là "người mua bị mắc kẹt", vì đó là lý do thuyết phục cho xu hướng giảm.

Mục tiêu duy nhất trong ví dụ này là, nếu xuất hiện trong cột ASK thì đây là việc khớp lệnh giữa lệnh thị market buy và lệnh limit sell; nhưng từ đó cũng khẳng định rõ ràng rằng là bất kỳ lý do khả dĩ nào đã được mô tả như trên đều không phải là một lý luận chắc chắn.

Do đó, việc quan trọng là nếu bạn chọn sử dụng Order Flow, điều hợp lý nhất cần làm là đưa phân tích của bạn vào bối cảnh mà một cách tiếp cận khác, chẳng hạn như phương pháp Wyckoff, có thể phân tích. Lý do cho điều này là do tính chất phức tạp và bản chất của việc khớp lệnh, chúng ta tìm thấy những trạng thái mất cân bằng này ở bất kỳ vị trí nào trên biểu đồ và điều này không mang lại ích lợi cho chúng ta.

4.5.2 Vấn Đề #2 Delta Divergence

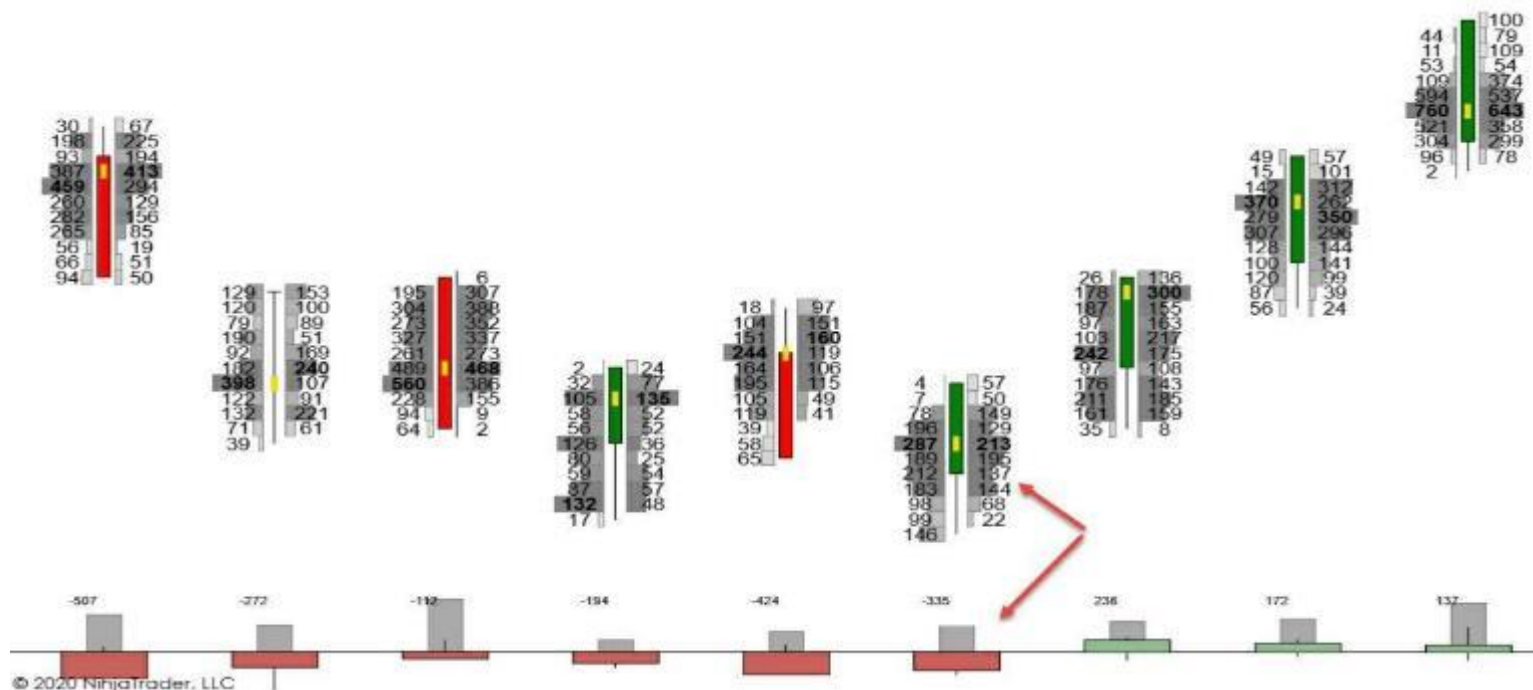
Điều gì xảy ra khi Delta không đồng thuận với giá? Trong một Delta dương, dự kiến nền của bạn sẽ tăng; và trong một Delta âm dự kiến nền của bạn sẽ giảm. Sự phân kỳ sẽ xuất hiện khi chúng ta quan sát Delta âm trong thân nền tăng giá hoặc Delta dương trong thân nền giảm giá.



Nếu tất cả những gì xuất hiện ở cột ASK đều được mua với ý đồ tạo thêm áp lực tăng giá trên thị trường thì không thể có Delta dương kết thúc ở một hình nền giảm giá.

Tiếp tục với ví dụ tương tự ở trên, chúng ta thấy rằng thanh nền giảm giá bắt nguồn cho sự thay đổi có một delta dương mạnh (+235).

Lý do cho tình huống này có thể như sau: Vùng delta dương có thể là kết quả của nhiều giao dịch mua chủ động (Lệnh market buy) đã bị chặn với lệnh bán thụ động (Lệnh limit sell) và không cho phép giá tăng. Tất cả các lệnh khớp này xuất hiện trong cột ASK. Sau đó, do có rất ít nhu cầu trong cột BID (chỉ có rất ít lệnh limit buy), một vài lệnh bán chủ động khiến giá giảm xuống. Và đây là cách mà một delta dương với một thân nền giảm giá hình thành.



Như bạn có thể rút ra là các phân kỳ delta ngầm xác định một trạng thái hấp thụ, vì vậy nếu chúng xuất hiện ở đúng vị trí, chúng thường dự đoán các thay đổi thứ vị. Điều này không có nghĩa là tất cả các phân kỳ sẽ tạo nên sự thay đổi, vì đôi khi chúng sẽ xảy ra ở khu vực ít được chú ý và không có chủ ý hấp thụ ẩn sau, do đó vấn đề là biết sử dụng delta tùy thời điểm.

4.5.3 Price & Volume Operator

Chốt lại nhiệm vụ của chúng ta với tư cách một nhà giao dịch là xác định khi nào xuất hiện sự mất cân bằng giữa cung và cầu; và sự mất cân bằng cuối cùng cũng sẽ được hiển thị trên biểu đồ giá và khối lượng.

Một nhà giao dịch chỉ xem xét đến hành động của giá và khối lượng có thể tham gia thị trường với độ trễ nhất định và thiếu lượng thông tin nhất định (như sự tương tác thực giữa những người tham gia thị trường) nhưng giao dịch của anh ta sẽ hơn nhiều vì anh ta không phải tìm hiểu sự khó khăn.

Trong ví dụ trước về phân kỳ giá, nhà giao dịch đơn giản chỉ phân tích hành động của giá và khối lượng sẽ chỉ tập trung vào thực tế là có sự bất thường, một nỗ lực dẫn tới sự phân kỳ, đã xảy ra trong hành động đó. Số lượng lớn các lệnh được

thực hiện đó rất có thể sẽ đi kèm với sự gia tăng về khối lượng và một phạm vi hẹp đã biểu thị một vài hiện tượng phân kỳ. Ngoài ra, một xu hướng giảm giá tiếp theo sẽ xác nhận sự bất thường này.

Với câu hỏi về việc liệu đã có lệnh stop, lệnh take profit, lệnh mở vị thế short, hay trapp buyer ; như chúng ta nhắc tới ở trên, nó có thể bao gồm một phần của tất cả các nguyên do này. Trên hết, cái cần quan tâm là kết luận cuối cùng và nhà giao dịch dù không quan sát Order Flow nhưng biết cách đọc hiểu biểu đồ cũng sẽ đi đến kết luận tương tự, nhưng theo cách nhẹ nhàng, đỡ tốn sức hơn.

4.5.4 Kết Luận

Ngoài tất cả những gì đã được đề cập liên quan đến khớp lệnh, đây cũng là thời điểm thích hợp để ghi nhớ các loại tác nhân khác nhau đang hoạt động trên thị trường và ý đồ ẩn sau hành động của họ (bảo hiểm rủi ro, đầu cơ và chênh lệch giá). Các lệnh mà những người tham gia này thực hiện cũng được hiển thị trên cột BID và cột ASK, và như chúng ta đã thấy, không phải tất cả các lệnh đều có ý đồ định hướng nhằm tìm cách thay đổi giá.

Đây không phải là một vấn đề nhỏ vì những người duy nhất sẽ xuất hiện trở lại để bảo vệ lập trường của họ trong trường hợp họ đã tích cực tham gia thị trường tìm kiếm lợi nhuận từ biến động giá sẽ là các nhà đầu cơ. Chúng ta có thể thấy việc thực hiện một lệnh lớn ở một mức giá đến từ một tổ chức nào đó với mục tiêu bảo hiểm rủi ro cho một vị trí được nắm giữ trong một thị trường song song khác, hoặc nó có thể là sự kích hoạt của chiến lược chênh lệch giá, để kể ra một vài khả năng.

Do đó, chúng ta có thêm một chút hình dung về sự nhận thức và tính chủ quan. Một mặt, không phải tất cả những người tham gia đều gia nhập thị trường với mục đích đầu cơ; và mặt khác, việc khớp lệnh không thể xác định được động cơ của lệnh giao dịch đó.

Tới đây, chúng ta kết luận rằng việc sử dụng mỗi Order Flow có thể hoàn toàn vô nghĩa vì trong mọi trường hợp, nó không thể cung cấp cho chúng ta khía cạnh quan trọng nhất cần được xác định trên thị trường: bối cảnh; biết chính xác giao dịch chúng ta tìm kiếm đang ở đâu và thị trường đang được định hướng theo xu thế

nào. Việc hiểu điều này rất quan trọng để từ đó đưa ra các phân tích và kịch bản chắc chắn.

Như mọi người đã biết hiện nay, hệ sinh thái hiện tại là tổng thể lớn của khối lượng vận hành được tạo ra theo cách thức điện tử, khối lượng khổng lồ này được di chuyển hàng ngày và để đáp ứng tất cả các đơn đặt hàng đó, cần phải nhấn mạnh các khái niệm đối ứng, thanh khoản và khớp lệnh; nói ngắn gọn là tầm quan trọng của khối lượng.

Trong phần này, chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn về thuyết đấu giá và sẽ có một số công cụ giúp chúng ta thực hiện phân tích dữ liệu khối lượng chính xác hơn.

Chương 5, Volume Profile

Volume Profile là một biến thể của market profile, một công cụ được thiết kế bởi J. Peter Steidlmayer vào năm 1985 cho Hội đồng Thương mại Chicago (CBOT®). Steidlmayer là một nhà giao dịch và thành viên điều hành trong thị trường quyền chọn và hợp đồng tương lai quan trọng này trong hơn 40 năm. Phương thức đấu giá mới này ban đầu chỉ dành cho các thành viên CBOT nhưng nó đã nhanh chóng lan rộng ra ngoài. Do đó, chúng ta có thể cảm nhận rằng cách tiếp cận của ông về việc thị trường dịch chuyển như thế nào dường như dựa trên một cơ sở chắc chắn.

Không giống như phân tích Order Flow, Volume Profile hoàn toàn khách quan vì nó không yêu cầu bất kỳ diễn giải nào và do đó cung cấp cho chúng tôi thông tin rất hữu ích cho việc phân tích và xây dựng kịch bản của mình.

Với việc phân tích Volume Profile, chúng ta quay trở lại tất cả các khái niệm được trình bày ban đầu trong thuyết đấu giá. Chúng ta không tập trung vào việc xác định ý đồ của một lệnh giao dịch cụ thể nào, mà là mở rộng việc xem xét để xác định các khu vực giao dịch phù hợp nhất.

Volume Profile không phải là một chỉ báo. Nó chỉ đơn giản là một dạng thể hiện khác của dữ liệu khối lượng. Nó xác định rất rõ ràng và chính xác số lượng giao dịch được thực hiện ở các mức giá khác nhau.

5.1 Thuyết Đấu Giá + Volume Profile

Volume Profile sử dụng các nguyên tắc của thuyết đấu giá để đưa nó vào thực tế và để hình dung các khu vực đáng chú ý trên biểu đồ. Khu vực đáng chú ý chỉ đơn giản được đo lường bằng hoạt động đã được tạo ra trong một khu vực cụ thể; và hoạt động đó được xác định bằng khối lượng giao dịch.

Do đó, công cụ này sẽ giúp chúng ta dễ dàng xác định các khu vực đáng chú ý nhất và khu vực ít đáng chú ý nhất; và sẽ phục vụ cho việc đánh giá mức giá khi tương tác với chúng để xác định xem việc chấp nhận hay từ chối giao dịch đang xảy ra.

Tất cả những nguyên tắc này đều dựa trên cơ sở là thị trường có bộ nhớ và có xu hướng lặp lại hành vi. Do đó, người ta mong đợi rằng trong tương lai một số khu vực nhất định sẽ hoạt động giống như cách chúng đã trải qua trong quá khứ.

Một biện pháp phòng ngừa cần được lưu ý là bộ nhớ của thị trường chủ yếu là ngắn hạn. Điều này có nghĩa là các khu vực giao dịch gần đây hơn quan trọng hơn các khu vực xa hơn về trước. Nếu giá bắt đầu mất cân bằng, vùng đầu tiên cần xem xét đến sẽ là vùng cân bằng gần nhất trước đó.

Giá đã vượt ra khỏi một khu vực nhất định được chấp nhận càng lâu thì nó càng có ít ý nghĩa hơn. Nếu chúng ta không có tài liệu tham khảo khác, thì việc định giá nó sẽ vẫn hữu ích, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là các khu vực cân bằng gần nhất rất có thể sẽ là những khu vực mà thị trường sẽ tìm kiếm đầu tiên, vì chúng thể hiện tốt nhất giá trị của thời điểm hiện tại.

5.2 Cấu Tạo Của Volume Profile

Volume Profile (VP) được quan sát trực quan trên biểu đồ dưới dạng biểu đồ ngang, nơi giá trị của chúng được phân phối theo giao dịch tại mỗi mức giá.

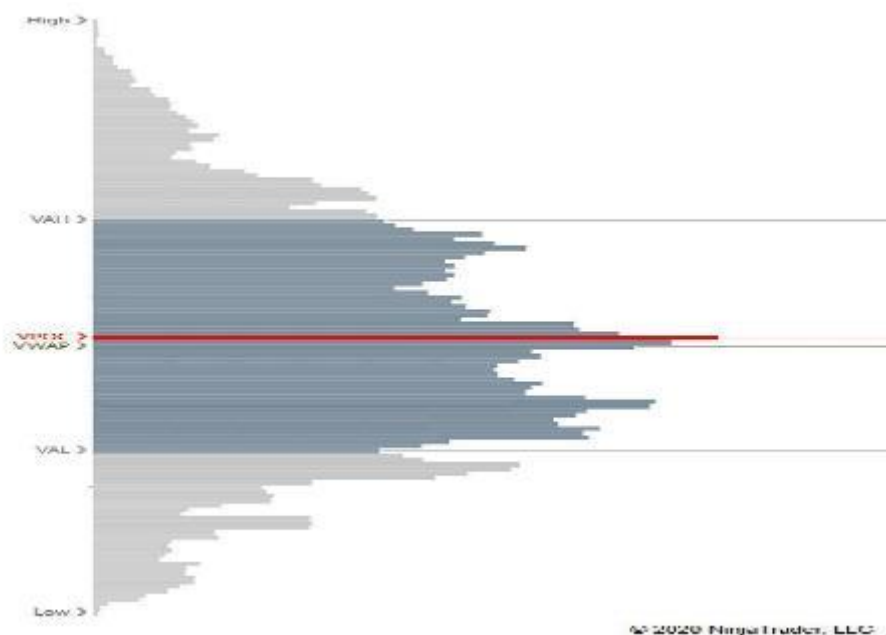
Tùy thuộc vào số lượng hợp đồng được giao dịch ở mỗi mức giá mà hình thức phân phối sẽ khác nhau. Càng nhiều giao dịch, độ dài của đường ngang càng dài; trong khi một đường ngang ngắn thể hiện có ít giao dịch.

Để tham khảo, chúng ta sẽ lấy phân phối chuẩn hoặc chuông Gauss để hiểu các khái niệm thống kê quan trọng nhất:

- Dữ liệu được phân phối đối xứng với điểm chính giữa nơi giá trị trung bình, trung đoạn và mode trùng nhau.
- Nó có ba độ lệch chuẩn ở mỗi bên, được đặt ở những khoảng cách bằng nhau và đo lường biến thiên hoặc độ phân tán xung quanh mức trung bình. Nó cũng là một thước đo của sự biến động.
- Độ lệch chuẩn đầu tiên bao gồm 68,2% dữ liệu và độ lệch chuẩn thứ hai đạt tới 95,4%.

Value Area (VA)

Ví dụ thực tế này ở dạng phân phối chuẩn trong đó các giá trị được phân phối ở trên và ở dưới xung quanh điểm trung tâm.



Dữ liệu được sắp xếp theo: trục tung thể hiện giá và trục hoành thể hiện biên khối lượng.

Vùng giá trị được xác định giữa Vùng giá trị Cao (VAH - Value Area High) và Vùng giá trị Thấp (VAL - Value Area Low), là một phần của độ lệch chuẩn đầu tiên và thể hiện chính xác 68,2% tổng khối lượng được tính trong Volume profile đó. Đây là khu vực được giao dịch nhiều nhất trong Volume profile và do đó được coi là khu vực được chấp nhận.

Khối lượng giao dịch ngoài vùng giá trị chiếm 31,8% còn lại. Đây là vùng ít được giao dịch nhất của hồ sơ và do đó được coi là vùng bị từ chối.

Các mức cao và thấp của vùng giá trị (VAH và VAL) sẽ hoạt động như các vùng hỗ trợ và kháng cự vì một số tương tác được kỳ vọng diễn ra ở các vùng này.

Bề rộng của khu vực giá trị để lại dấu vết về các điều kiện thị trường. Vùng Giá trị lớn cho thấy rằng có sự tham gia đông đảo của tất cả các nhà giao dịch, tất cả đều đang mua và bán với giá họ muốn; trong khi Vùng giá trị hẹp là dấu hiệu của việc ít hoạt động giao dịch.

Extremes - Điểm Cực Trị

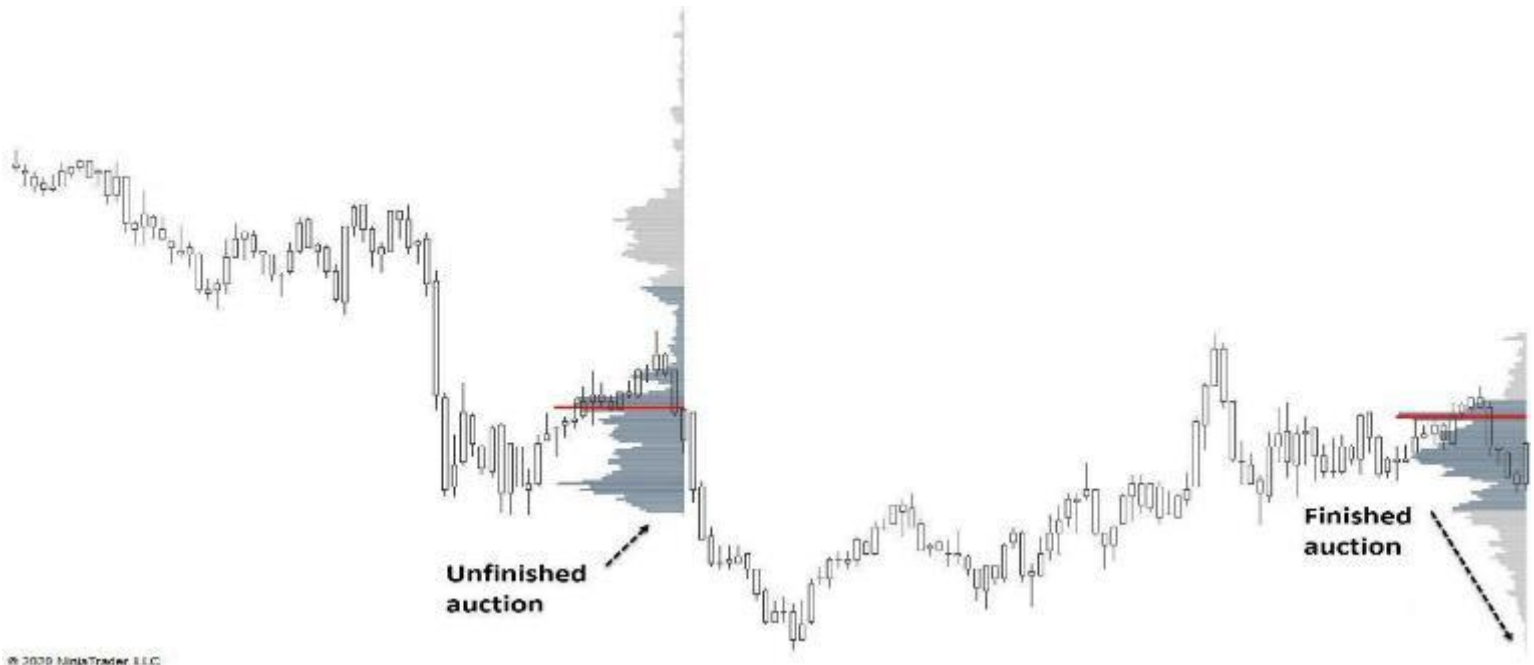
Đây là mức giá cao nhất (Cao) và mức giá thấp nhất (Thấp) đạt được trong VP đó. Các mức giá này luôn được coi là điểm tham chiếu chính.

Tùy thuộc vào giao dịch được tạo ra ở các điểm cực trị này, chúng ta có thể xem xét rằng chúng đại diện cho các cuộc đấu giá đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành.

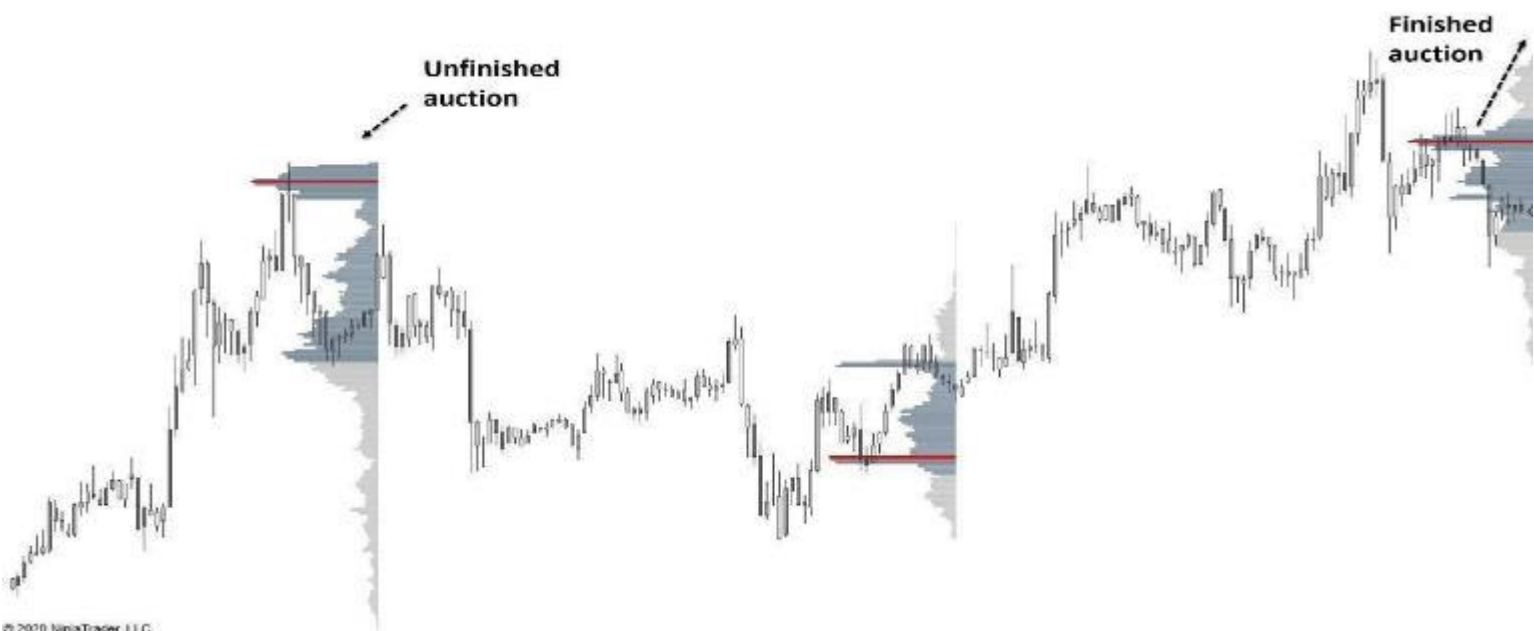
Đấu giá hoàn thành: được quan sát một cách trực quan với sự giao dịch giảm dần về điểm cực trị. Đấu giá hoàn thành thể hiện sự thiếu hứng thú khi giá đạt đến các mức xa hơn so với vùng giá trị, cuối cùng cho thấy sự từ chối giao dịch rõ ràng của thị trường trong vùng đó. Về bản chất, nó là một vùng ít khối lượng giao dịch.

Giá đã đạt đến mức mà một số nhà giao dịch coi đó là cơ hội thuận lợi và đã gia nhập, tạo ra sự từ chối này. Việc thiếu vắng sự tham gia từ bên giao dịch còn lại được thể hiện bằng sự sụt giảm về khối lượng.

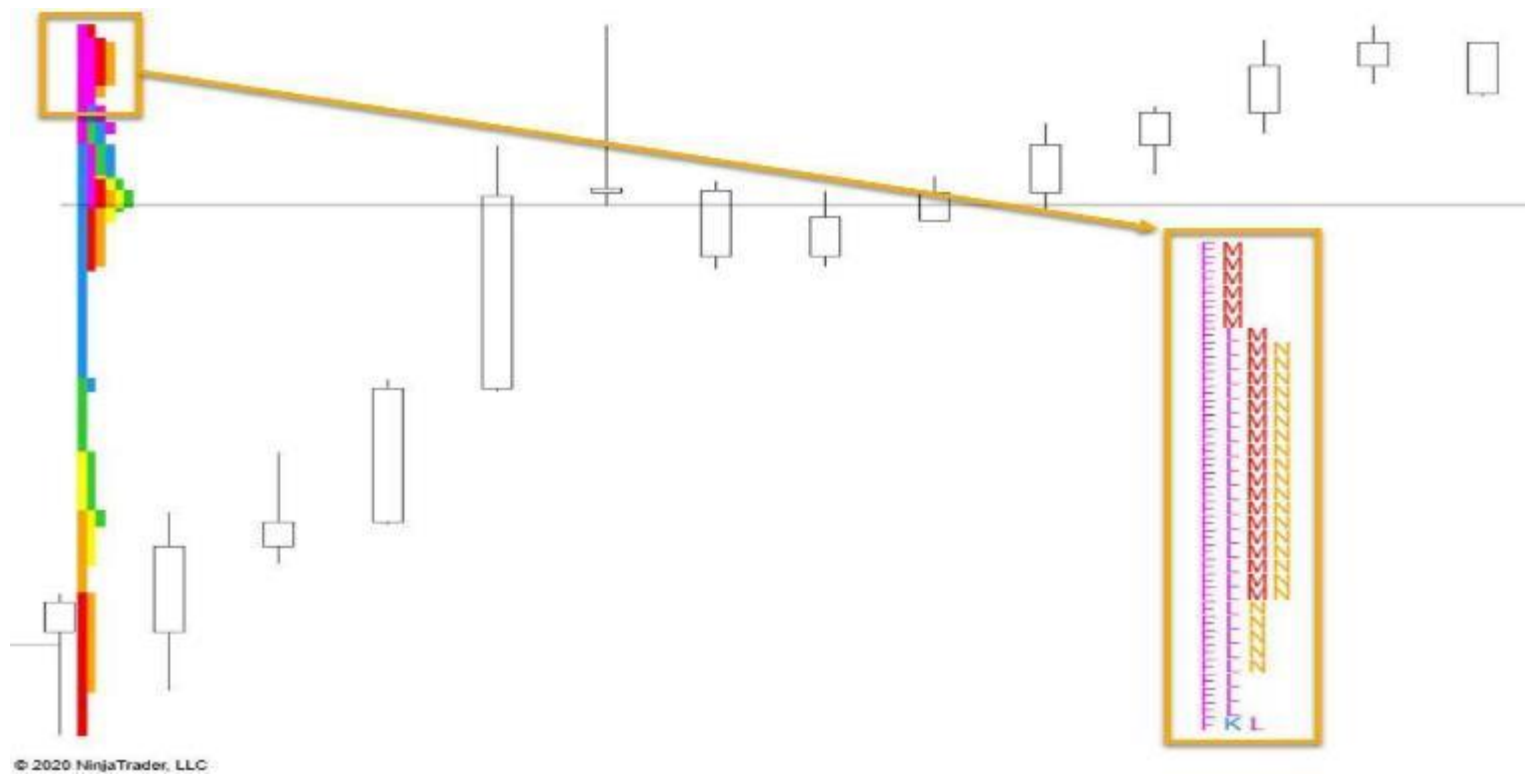
Đấu giá chưa hoàn thành: xuất hiện dưới dạng vùng khối lượng giao dịch cao ở cuối VP. Nó thể hiện sự hứng thú với giao dịch trong khu vực đó và do đó hứa hẹn mức giá sẽ quay trở lại lần tới nếu trước đây bạn đã rời khỏi khu vực đó. Trong lần giá quay lại này, cần phải đánh giá ý đồ ẩn sau nó vì nó có thể được phát triển với mục đích kết thúc cuộc đấu giá và đảo chiều, hoặc với mục đích tiếp tục giao dịch, tiếp tục xu hướng đó.



Khái niệm đấu giá hoàn thành hay đấu giá chưa hoàn thành này có thể rất hữu ích vì, ví dụ, nếu chúng ta đang đánh giá khả năng giá tăng và di chuyển ra khỏi vùng cân bằng, chúng ta sẽ muốn thấy rằng ở phần dưới của vùng này, một cuộc đấu giá hoàn thành tồn tại, điều này gợi ý sự thiếu hứng thú giao dịch tại vùng đó. Trong trường hợp quan sát thấy một cuộc đấu giá chưa hoàn thành có thể xảy ra, ta có thể loại bỏ kịch bản này vì điều có thể xảy ra nhất là trước khi bắt đầu xu hướng đi lên, mức giá sẽ quay lại ở phần thấp đó với mục tiêu kiểm tra sự hứng thú giao dịch trong khu vực đó



Khi nghi ngờ về việc liệu chúng ta đang tham gia một cuộc đấu giá có thể là đã hoàn thành hay chưa hoàn thành, chúng ta nên coi nó là cuộc đấu giá đã hoàn thành. Các cuộc đấu giá chưa hoàn thành cần được nhận ra rõ ràng và không mang nhiều tính chủ quan. Nói chung, chúng ta sẽ quan sát chúng như một sự cắt giảm bất thường trong phân phối hồ sơ và trong nhiều trường hợp, nó sẽ trùng với một trong hai giới hạn Vùng giá trị.



Trong Market Profile (MP), khái niệm này hoàn toàn khách quan: một cuộc đấu giá chưa hoàn thành (Poor High & Poor Low) xuất hiện ở phần cuối khi ít nhất hai TPO được quan sát thấy; hoặc tương tự như vậy, một cuộc đấu giá đã hoàn thành sẽ được thể hiện với chỉ một TPO trong mức giá (Single Print).

Volume Point of Control (VPOC)

Đây là mức độ tập trung khối lượng cao nhất trong VP đó. Nó thể hiện mức giá được chấp nhận nhất bởi cả người mua và người bán (công bằng nhất) và đặt mức mà từ đó vùng giá trị được tính toán.

Vì phần lớn khối lượng giao dịch đến từ các tổ chức lớn, khối lượng là nơi mà các nhà giao dịch lớn này đã tích lũy hầu hết vị thế của họ. Họ thường tích lũy giao dịch trong một phạm vi giá nhưng VPOC thể hiện một điểm chuẩn vì nó xác định nơi có nhiều sự quan tâm chú ý nhất.

Vì đây là mức sẽ thu hút nhiều hoạt động, chúng ta thường nên tránh hoạt động trong vùng lân cận của nó. Sự đồng thuận rộng rãi giữa những người tham gia sẽ gây ra dao động xung quanh mức này. Hành vi này sẽ được duy trì cho đến khi xuất hiện thông tin mới làm thay đổi nhận thức của những người tham gia.

VPOC giúp chúng ta xác định ai là người kiểm soát thị trường. Nếu mức giá cao hơn nó, chúng ta sẽ xác định rằng người mua sẽ có quyền kiểm soát, vì vậy tốt hơn nên mở lệnh Long; nếu mức giá ở dưới nó, người bán sẽ có quyền kiểm soát, vì vậy mở lệnh short sẽ là một lựa chọn khôn ngoan hơn.

Lưu ý rằng VPOC, về bản chất, sẽ luôn là vùng khối lượng giao dịch cao, nhưng không phải tất cả các vùng khối lượng giao dịch cao đều sẽ là VPOC.

Volume Weighted Average Price (VWAP)

Nếu có một cấp độ được các tổ chức lớn sử dụng rộng rãi thì đó là VWAP. Các giao dịch lớn tìm cách được thực hiện ở mức giá theo VWAP và đó là lý do tại sao tầm quan trọng của nó được nâng lên.

WAP thể hiện mức giá trung bình của tất cả các giao dịch được thực hiện trong một khoảng thời gian cụ thể. Công thức để tính toán nó như sau:

“ Số lượng giao dịch x giá giao dịch/ tổng số giao dịch được thực hiện ”

Để hiểu rõ hơn một chút, chúng ta có thể nói rằng bên trên VWAP có cùng một khối lượng hoạt động như bên dưới nó, vì vậy nó thể hiện một mức quan trọng như nhau. Điểm cân bằng này có nghĩa là khi giá đạt đến VWAP thì xác suất giá sẽ tăng hoặc giảm là như nhau.

Nó được hiển thị trên biểu đồ dưới dạng đường trung bình động truyền thống và vị trí của nó thay đổi khi các giao dịch được thực hiện. Nói chung, tùy thuộc vào phong cách giao dịch, phiên, VWAP hàng tuần hoặc hàng tháng sẽ được sử dụng.

VWAP được sử dụng chủ yếu bởi các tổ chức như một giá trị trung bình để xác định giá trị của tài sản tại từng thời điểm để họ biết là mình đã mua rẻ nếu giá thấp hơn VWAP và họ đã mua đắt nếu giá cao hơn VWAP.

Các tổ chức đã sử dụng VWAP như một thước đo tham chiếu để đánh giá chất lượng giao dịch của họ, do đó VWAP có mối liên quan và được xem như một mức độ quan trọng trong giao dịch. Khi tham gia thị trường, các tổ chức không thực hiện tất cả các giao dịch họ muốn cùng một lúc, mà sẽ cố gắng thực hiện dần dần, vì biết rằng chất lượng giao dịch của họ sẽ được đánh giá dựa trên mức tham chiếu là VWAP.



Bởi vì nó thể hiện một mức quan trọng của sự cân bằng hoặc định giá hợp lý, nó là một thước đo tốt để đánh giá liệu chúng ta đang mua quá đắt hay bán quá rẻ hay không. Chúng ta có thể biết điều này bằng cách thêm một hoặc hai độ lệch chuẩn vào giá trị trung bình. Chỉ vì giá ở một độ lệch chuẩn nào đó không có nghĩa là nó không thể tiếp tục di chuyển theo xu hướng đó, chúng ta chỉ cần sử dụng nó như một dấu hiệu nữa để thêm vào phân tích của mình.

Nhưng hãy cẩn thận vì mọi thứ phụ thuộc vào đánh giá của thị trường tại thời điểm đó. Trong một thị trường ở trạng thái cân bằng, mức giá dưới VWAP sẽ được coi là rẻ và mức giá trên VWAP được coi là đắt; nhưng chỉ khi thị trường lệch về phía này hay phía khác, VWAP mất tính hiệu quả vì lúc đó nhận thức về giá trị đã thay đổi.

Tùy thuộc vào khung thời gian mà chúng ta có thể sử dụng các mức VWAP khác nhau. Thường được sử dụng nhất là VWAP phiên cho các nhà giao dịch trong ngày và VWAP hàng tuần và hàng tháng cho các nhà giao dịch trung và dài hạn.

High Volume Nodes (HVN)

Đây là những khu vực thể hiện cho sự cân bằng và mức độ quan tâm cao của tất cả những người tham gia thị trường vì cả người mua và người bán đều cảm thấy thoải mái khi thực hiện các giao dịch tại đây. Biểu đồ sau đây minh họa các đỉnh trong VP



Mặc dù đối với ví dụ này, chúng tôi đã sử dụng VP dạng kết hợp, nhưng các nguyên tắc cơ bản đều hợp lệ như nhau và có thể áp dụng cho tất cả các VP.

Các vùng cân bằng trong quá khứ hoạt động như nam châm thu hút giá và giữ nó ở đó. Như trong quá khứ đã có một số sự đồng thuận giữa người mua và người bán, trong tương lai điều tương tự dự kiến sẽ xảy ra. Đây là lý do tại sao đây là vùng được chú ý khi thiết lập mục tiêu.

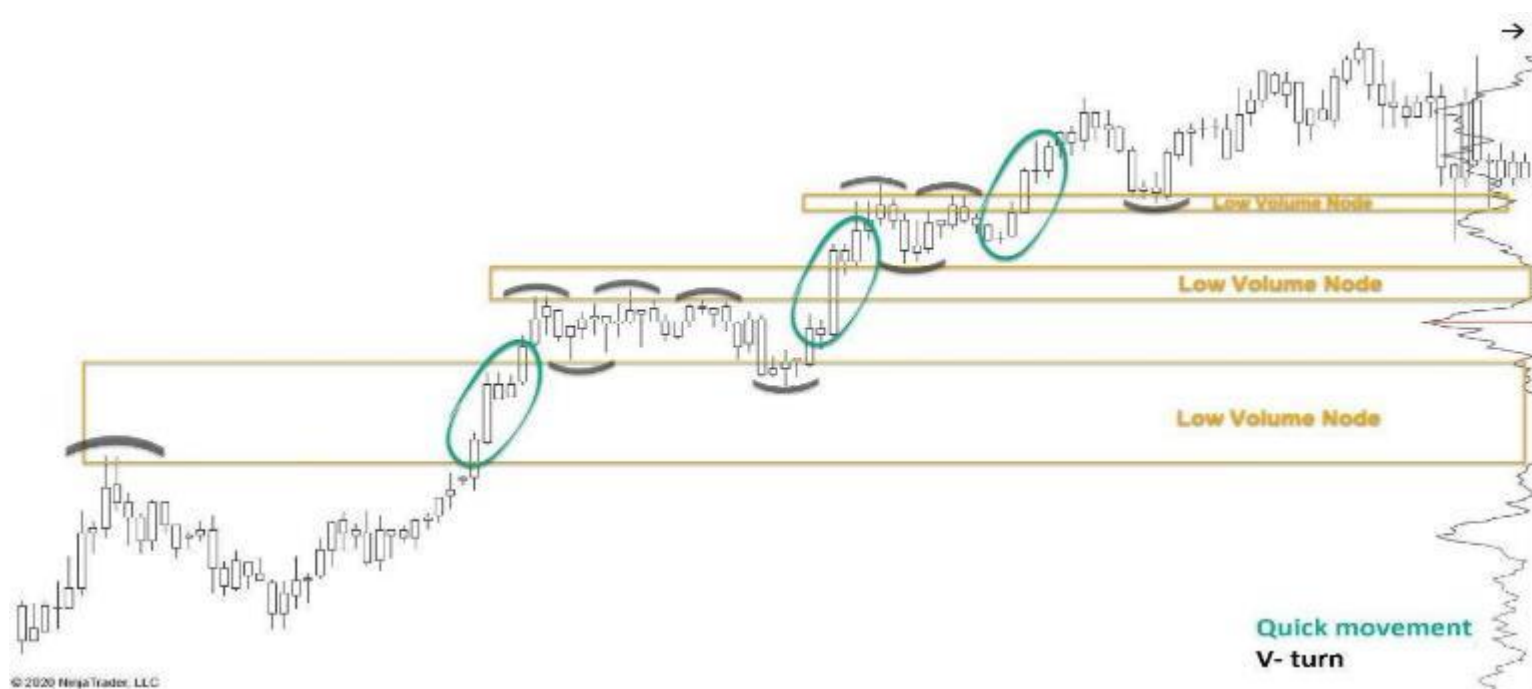
Trong cùng một VP, có thể có nhiều vùng HVN khác nhau.

Low Volume Nodes (LVN)

Đây là những khu vực thể hiện sự mất cân bằng/ từ chối. Cả người mua và người bán đều không cảm thấy hứng thú giao dịch và do đó, ở đây có một sự “ không thuận lợi” cho giá theo một cách nào đó . LVN có dạng như những thung lũng trong VP.

Giống như việc không có sự đồng thuận trong quá khứ, trong tương lai dự kiến cũng sẽ không có và LVN tạo ra tình trạng từ chối, vì vậy chúng là những vùng hỗ trợ và kháng cự thú vị nơi tìm kiếm entry tiềm năng.

Cần hiểu rằng sự từ chối có thể được thể hiện bằng giá theo hai cách:



V-turn: Giá trị không thay đổi so với vùng cân bằng trước đó và có sự từ chối giao dịch ở các mức này. Thị trường quay đầu hoàn toàn để vào lại vùng trước đó, nơi người mua và người bán thoải mái giao dịch.

Điều gây ra phản ứng này trong giá trước hết là vị trí của các lệnh thụ động đang chờ ở vùng này để chặn sự di chuyển giá, cùng với một thể chủ động mạnh mẽ tiếp theo xác nhận sự quay đầu của V và quay trở lại vùng giá trị trước đó.

Quan sát bằng mắt, ta có thể thấy râu ở các chân nến rất dài – đây là dấu hiệu thể hiện sự từ chối.

Quick movement: Nhận thức của những người tham gia về giá trị đã thay đổi và được thể hiện bằng biến động giá mạnh mẽ. Thị trường dựa trên thông tin mới quyết định từ chối giao dịch ở các mức LVN đó và nhanh chóng vượt qua LVN.

Về mặt kỹ thuật, cái gây ra chuyển động nhanh chóng này một mặt là việc thực hiện các lệnh bảo vệ (Stop Loss) của những người có vị thế ở phe đối lập; và sẽ có một lượng lớn các trader theo chiến lược momentum mở vị thế bằng các lệnh market.

Nhìn trên biểu đồ, ta thấy các thanh nến thân to đi kèm với khối lượng giao dịch lớn.

Như với HVN, có thể có nhiều hơn một vùng LVN trên VP.

5.3 Các Loại Profile

VP là một công cụ có thể được điều chỉnh theo nhu cầu của nhà giao dịch.

Sự khác biệt chính khi sử dụng loại VP này hay loại VP khác sẽ được quyết định bởi thời gian công việc của nhà giao dịch và bối cảnh mà anh ta cần bao quát trong phân tích của mình.

Về cơ bản, chúng ta có thể phân thành 3 loại VP:

Fixed range

Loại này rất linh hoạt. Điểm đặc biệt của nó là nó cho phép chúng ta vẽ (xác định vị trí)VP theo cách thủ công trên bất kỳ hành động giá cụ thể nào.

Nó đặc biệt hữu ích để xác định các khu vực giao dịch trong hai bối cảnh: trong trend và trong range



Nếu chúng ta thấy một trend giảm, chúng ta có thể vẽ một VP của tất cả các di chuyển để xác định các khu vực thu hút nhiều sự quan tâm, chú ý tại đó giá có thể đảo chiều đi lên. Đó là trong các khu vực hoạt động mà chúng ta muốn được chuẩn bị để đánh giá khả năng vào lệnh thuận theo. Trong ví dụ này, chúng ta thấy cách giá test VPOC của xu hướng giảm và từ đó tạo ra sự thay đổi hình thành nên một xu hướng giảm mới.

Nếu những gì chúng ta có là một cấu trúc mà chúng ta sẽ phân tích nó theo tiếp cận của phương pháp Wyckoff, thì loại VP này sẽ rất hữu ích đối với việc chúng ta xác định VPOC nằm ở đâu, điều này giúp xác định quyền kiểm soát thị trường đang ở phe nào và vùng giá trị với các vùng cực trị của nó (VAH và VAL). Những điều này được xem là rất thú vị, tìm kiếm trên chúng bài kiểm tra sau khi phá vỡ cấu trúc, như trong ví dụ sau.

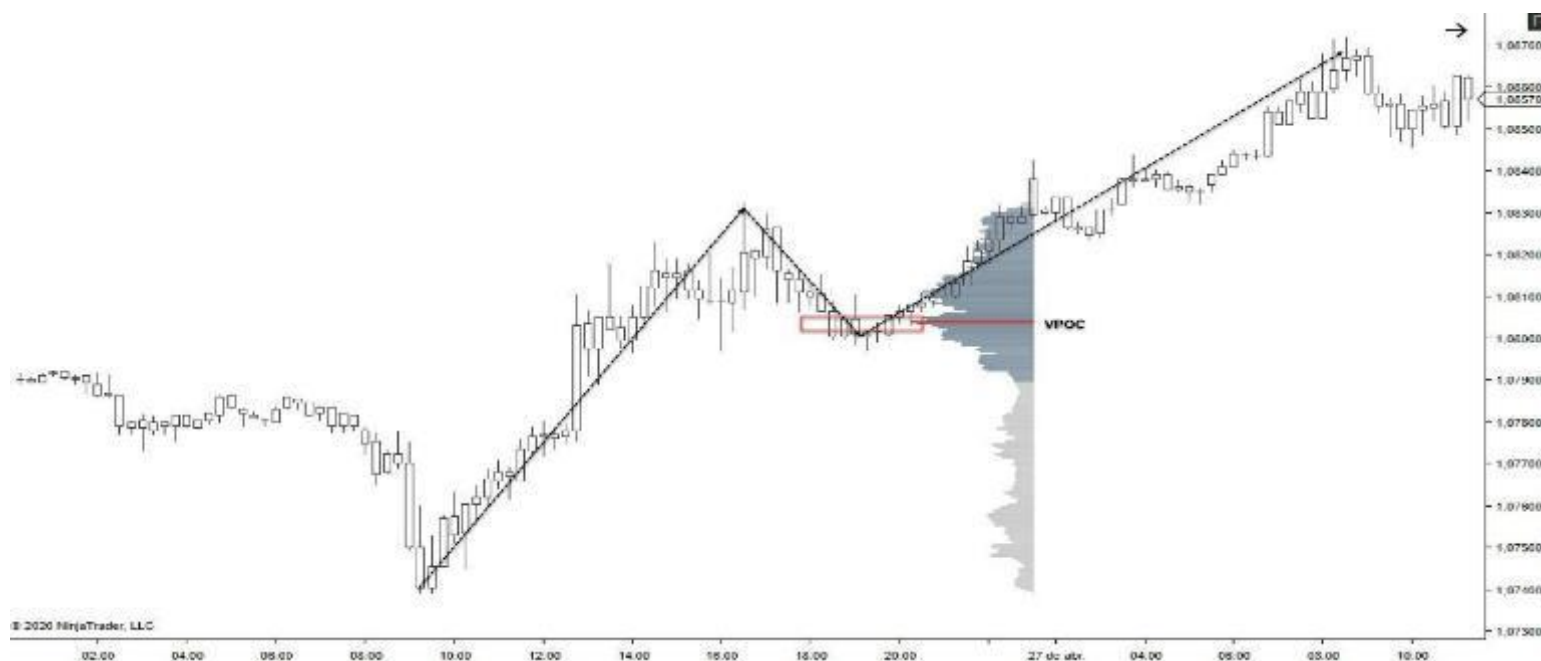


Không giống như các loại VP khác, Fixed range không được cập nhật và chỉ phân tích khối lượng giao dịch trong khu vực được xác định.

Bất kể bạn giao dịch bằng các cấu trúc thị trường hay bạn không theo phương pháp luận Wyckoff, fix range profile sẽ rất hữu ích để xác định một khu vực bao trùm nhiều phiên (Session) trong trường hợp ta thấy các phiên này có vùng giá trị chồng chéo lên nhau. Nếu ta thấy nhiều hơn một phiên giao dịch tạo ra giá trị trên một phạm vi giá nhất định, điều tốt nhất nên làm là tạo một fixed range profile bao trùm toàn bộ các hành động giá, vì về bản chất, một hồ sơ như vậy sẽ cung cấp thông tin có tính liên kết (view tổng thể) hơn là các Session Profile riêng lẻ.

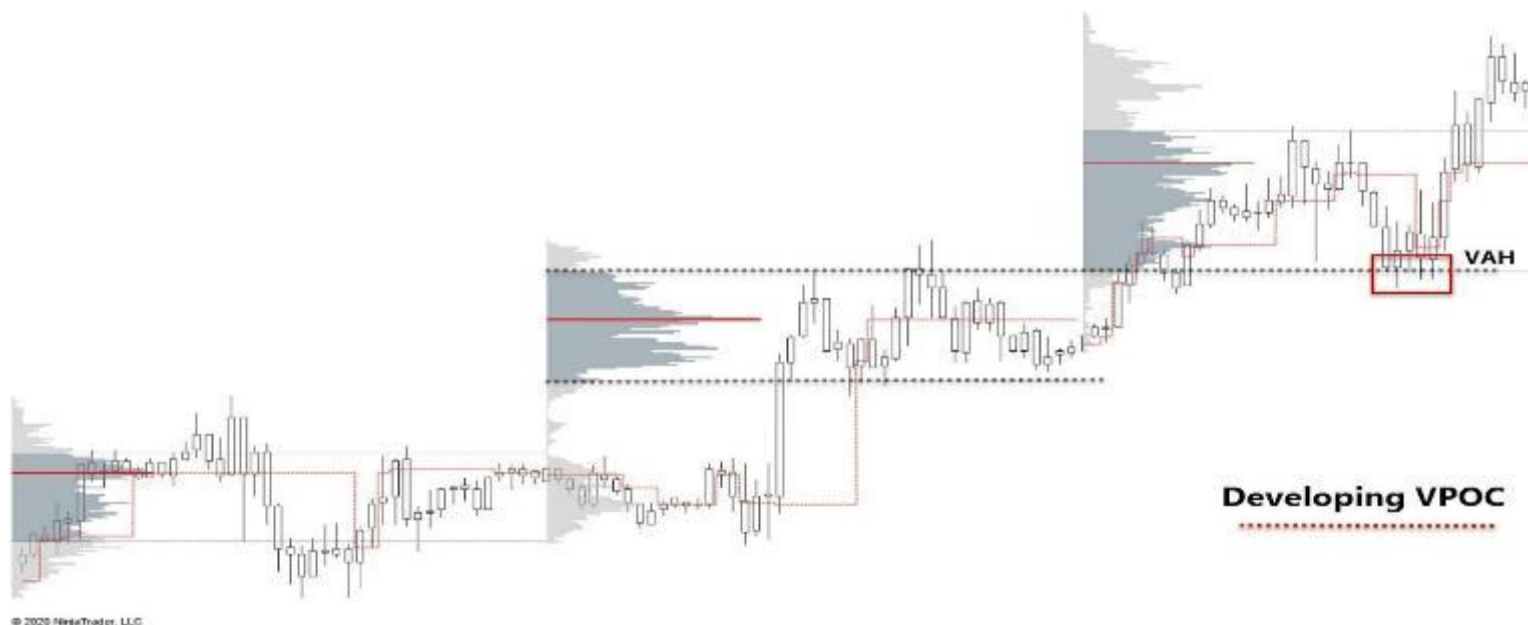
Session Profile

Đây là VP theo khung Ngày. Nó rất hữu ích đối với các giao dịch trong ngày khi các khu vực giao dịch quan trọng nhất của phiên được xem xét. Phạm vi của nó là từ đầu đến cuối phiên giao dịch, vì vậy nó được cập nhật theo quá trình diễn ra trong ngày.



Các short term trader sử dụng cả phiên hiện tại và các phiên trước đó để xây dựng các kịch bản giao dịch của mình.

Nếu chúng ta đang quan sát thấy một trend tăng và sau đó giá dừng lại. Lúc này nên tìm kiếm một “sự hết hợp” (ví dụ: pinbar, 2 đáy..) có lợi cho trend chính để có cơ hội mở lệnh. Như chúng ta đã biết, điểm quan trọng nhất của toàn bộ VP là VPOC, vì vậy chúng ta phải xem xét đến nó để chờ đợi cơ hội.



Tiếp tục với ví dụ này, một khu vực tiềm năng khác để tìm kiếm hành động test sau khi phá vỡ đó là một số khu vực hoạt động của các phiên trước. Nếu chúng ta ở trên vùng giá trị của phiên trước, thì vùng tiềm năng đầu tiên mà có khả năng xảy ra hành động test nhằm tìm kiếm sự tiếp tục của xu hướng tăng sẽ là VAH của phiên trước đó.

Ban đầu, các VP chỉ được hiển thị theo phiên và ý tưởng nhóm chúng lại với nhau đã được Donald L. Jones giới thiệu trong cuốn sách "Value-Based Power Trading " trong cái mà ông gọi là "The Overlay Demand Curve". Mục tiêu là cố gắng loại bỏ các yếu tố gây nhiễu trong ngắn hạn và do đó hiểu rõ hơn về tình trạng của thị trường và về bối cảnh.

Loại VP này có thể được cấu hình theo hai cách:

Fixed: Trong chế độ fixed, chúng ta có thể chọn “phạm vi” ngày mà chúng ta muốn phân tích (ví dụ 2,3,4 ngày). Bạn có thể muốn biết VP của tuần trước, tháng trước hoặc năm hiện tại, chế độ này được thiết kế cho yêu cầu theo từng khung thời gian cụ thể như vậy.

Variable: Chế độ Variable có một điểm đặc biệt quan trọng là nó hiển thị khối lượng giao dịch của tất cả các mức giá đang tại thời điểm đó trên biểu đồ. Lưu ý là khi di chuyển chart thì VP này sẽ thay đổi theo.

Cách sử dụng tốt nhất loại của loại VP này, bất kể chúng ta đang quan sát khung nào đó là phân tích bối cảnh chung và xác định các khu vực giao dịch (chủ yếu là các LVN và HVN) mà chúng ta có ở cả mức cao và thấp hơn giá hiện tại.



Những vùng này sẽ giúp xác định bias trong vĩ mô cũng như giúp xác định các khu vực tiềm năng để có thể mở hoặc đóng lệnh.

Ví dụ: nếu chúng ta đang quan sát một cấu trúc giá, sẽ rất hữu ích nếu ta dùng VP dạng tổng hợp để xác định các vùng HVN dài hạn nhất nhằm xác thiết lập các mục tiêu để chốt lời

Một cách sử dụng khác đó là tìm kiếm trong bối cảnh vĩ mô một LVN lớn và một dấu hiệu của shake out. Đó có thể là một cấu trúc tích lũy tiềm năng. Nếu, khi phân tích bối cảnh, chúng ta xác định được một LVN tương đối gần với cấu trúc, thì sẽ rất thú vị khi tính đến khả năng đó là Spring, thứ tạo ra sự mất cân bằng của cấu trúc, sẽ xuất hiện.

5.4 Sự Khác Biệt Giữa Khối Lượng Theo Chiều Dọc Và Chiều Ngang

Nhiều người xem VP với một số nghi ngờ cho rằng không cần thiết phải phối hợp hai loại công cụ này để thực hiện các phân tích dựa trên dữ liệu khối lượng.

Điều này là hoàn toàn đúng, rõ ràng là không có gì cần thiết. Vấn đề là họ không hiểu loại thông tin mà họ có thể thu được thông qua đánh giá.

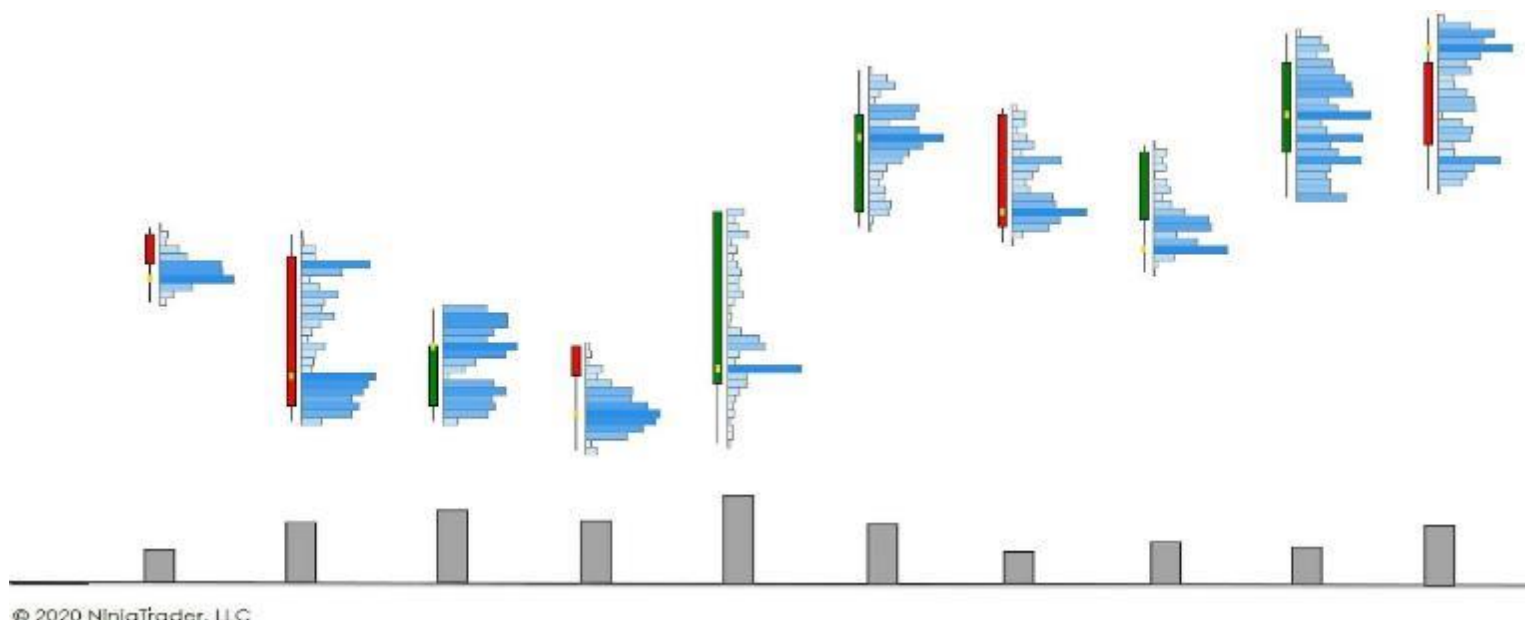
Điều đầu tiên cần được hiểu là VP không được phát triển để thay thế cho khối lượng cổ điển. Chúng cung cấp thông tin khác nhau và do đó chúng hoàn toàn bổ sung cho nhau.

Để thực sự hiểu dữ liệu khối lượng cung cấp thông tin gì, cần phải xem xét nó từ hai quan điểm:

Volume at time: Đây là khối lượng cổ điển có thể được nhìn thấy theo chiều dọc trên biểu đồ. Nó liên quan đến số lượng giao dịch được chốt trong một khoảng thời gian nhất định. Nó cho chúng ta biết khi nào các nhà giao dịch lớn hoạt động

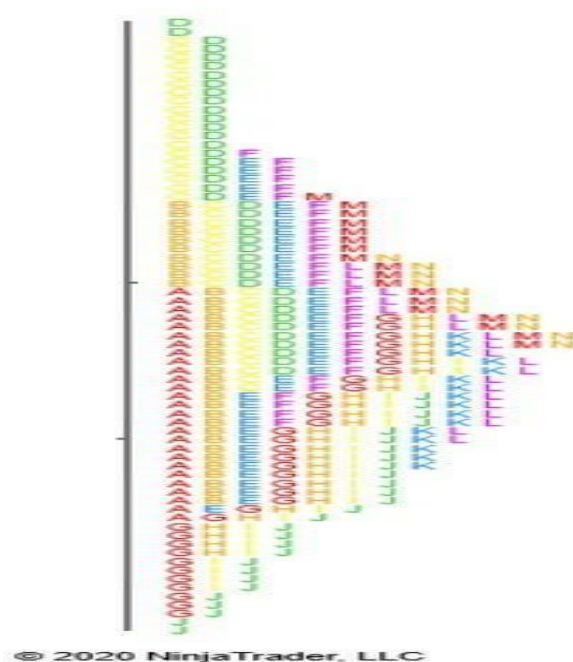
Volume at price: Đó là VP và nó có thể được nhìn thấy dưới dạng các thanh ngang. Nó cho chúng ta biết số lượng giao dịch được chốt ở một mức giá nhất định. Nó cho chúng ta biết hoạt động này của các nhà giao dịch lớn đã diễn ra ở đâu.

Như có thể thấy, cả hai đều cung cấp cho chúng ta những thông tin khác nhau về cùng một hành động, Volume at time chỉ ra thời điểm trong khi Volume at price chỉ ra địa điểm



5.5 Sự Khác Biệt Giữa Volume Profile Và Market Profile

Sự khác biệt chính giữa cả hai công cụ là Market Profile được thiết kế như một hàm số của thời gian; trong khi Volume Profile được thiết kế như một hàm số của khối lượng.



Market Profile thể hiện dữ liệu giá trên biểu đồ ở định dạng chữ cái, trong đó mỗi chữ cái (được gọi là TPO hoặc Time Price Opportunity) được xác định với 30 phút giao dịch. Sau đó, chữ “A” sẽ tương ứng với 30 phút đầu tiên sau khi mở phiên, chữ “B” cho 30 phút tiếp theo, v.v., các chữ cái và số phút sẽ được thêm vào cho đến cuối ngày.

Các trader hoạt động dựa trên Market Profile sẽ phân tích thời điểm mở cửa của ngày với sự tôn trọng vùng giá trị của ngày hôm trước và sự phát triển của Initial Balance (biên độ giá củ giờ giao dịch đầu tiên) để xác định loại ngày có khả năng xảy ra và để đề xuất các kịch bản dựa trên điều này. Ở đây, cần phải lưu ý rằng một số trader xác định IB (Initial Balance) dựa trên nửa giờ đầu tiên.+

Mặc dù các nhà giao dịch volume profile thường không tính đến Initial Balance, nhưng thông điệp mà nó truyền tải có thể rất thú vị chủ yếu là vì:

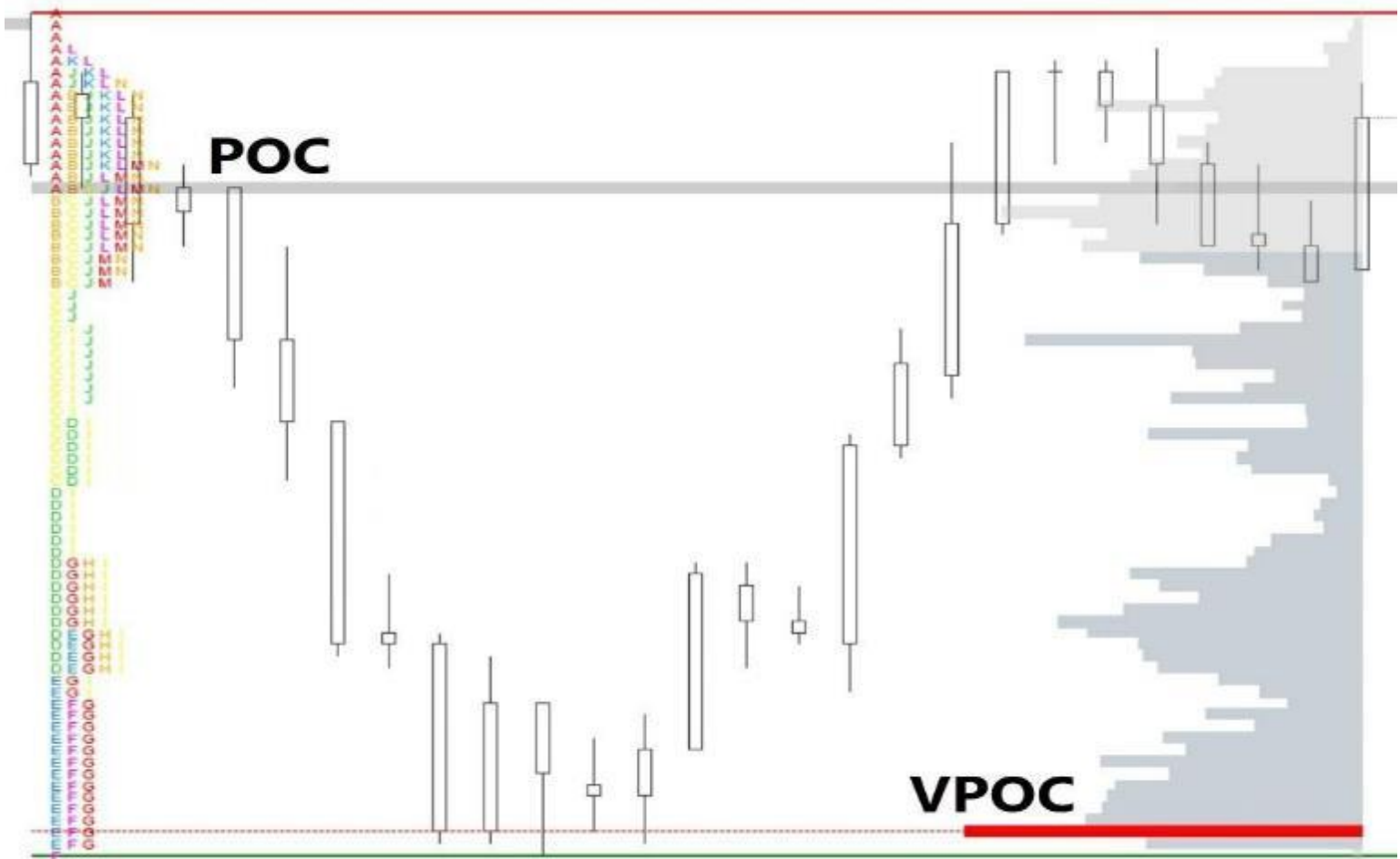
Phạm vi càng hẹp, càng có nhiều khả năng có một trend day; và phạm vi càng rộng thì khả năng có ngày đi ngang.

Một cách sử dụng thú vị của MP (Market Profil) là xác định một mức giá đã được chấp nhận hay từ chối. Trong VP, việc xác định có thể mang tính chủ quan, nhưng phân tích thông qua MP sẽ loại bỏ sự tùy tiện này: sự từ chối được trực quan hóa bởi 1 TPO; trong khi 2 hoặc nhiều TPO bắt đầu thể hiện sự chấp nhận

Sự phát triển của việc phân bổ profile (hình dáng) của cả hai công cụ sẽ có xu hướng nhìn khá giống nhau, mặc dù đúng là chúng không hoàn toàn giống nhau. Điều này là hiển nhiên vì chúng không sử dụng cùng một dữ liệu để trình bày. Sự tích lũy của những TPO sẽ chỉ ra rằng giá đã dành nhiều thời gian ở mức giá cụ thể đó; trong khi sự tích lũy về khối lượng sẽ có nghĩa là một số lượng lớn các giao dịch đã được thực hiện tại mức giá đó.

Trong VP, vì nó được thiết kế theo khối lượng, nên mức được giao dịch nhiều nhất sẽ không nhất thiết phải là mức đã dành nhiều thời gian nhất; bởi vì giá có thể đạt đến mức mà trong vài giây tích lũy một lượng lớn lệnh và sự thay đổi (như trong ví dụ). Thời điểm giá ở mức đó thì ít nhưng khối lượng giao dịch thì nhiều; vì vậy POC của Hồ sơ khối lượng sẽ ở mức đó trong khi POC của Hồ sơ thị trường thì không.

Do hệ sinh thái hiện tại của thị trường tài chính nơi mà tầm quan trọng của khối lượng được hiển nhiên công nhận, việc sử dụng kết hợp giá + khối lượng (VP) đáng được quan tâm hơn là giá + thời gian (MP).



© 2020 NinjaTrader, LLC

Điều này không có nghĩa là biến thời gian là không quan trọng hoặc ít quan trọng hơn. Rõ ràng thời gian là một yếu tố quan trọng trong việc thiết lập nơi mà những người tham gia quyết định giá trị của một thị trường cụ thể tại một thời điểm cụ thể. Việc tiêu thụ thời gian trên một khu vực nhất định là một dấu hiệu không thể nghi ngờ của sự chấp nhận và của việc xây dựng giá trị.

5.6 Dạng Hồ Sơ

Rõ ràng, thị trường không phải lúc nào cũng phát triển các phân phối hồ sơ hình chữ D vì điều này có nghĩa là chúng ta đang ở trong bối cảnh cân bằng vô hạn.

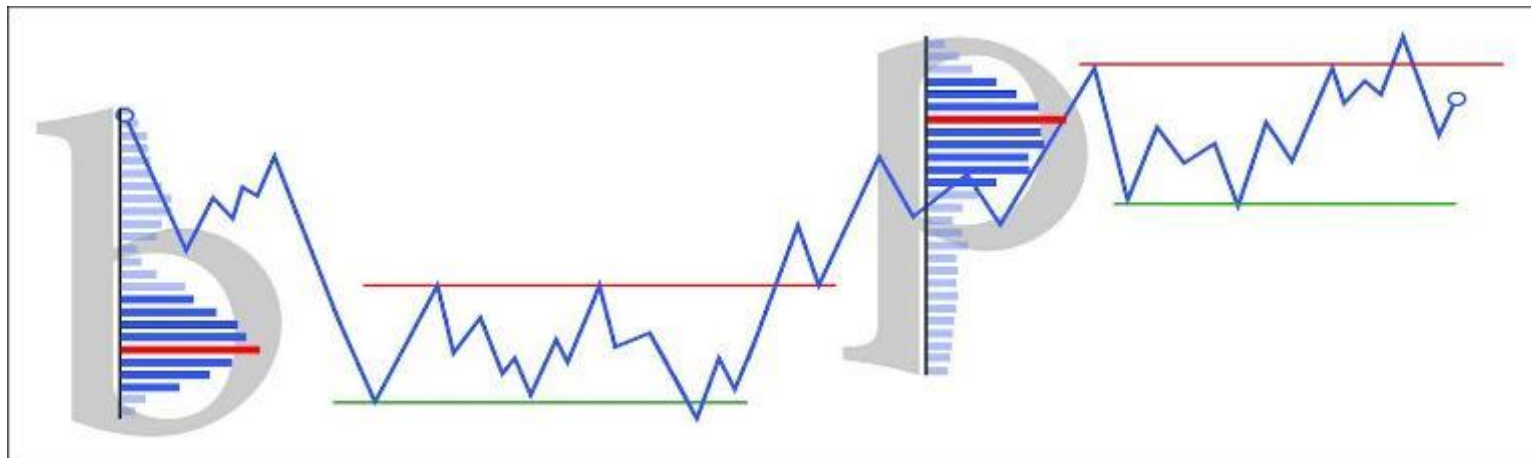
Có rất nhiều lý thuyết được viết trong MP về các dạng ngày khác nhau dựa trên hình dạng của hồ sơ (normal day, normal variation, trend day, double-distribution trend day, non-trend day, neutral day, neutral day extreme)

Thực tế việc xác định hình dạng của các hồ sơ để hiểu về các dạng ngày như trên có thể thỏa mãn tâm trí con người chúng ta vì ta luôn muốn kiểm soát mọi thứ và cần tìm ra logic cho mỗi hành vi; nhưng từ quan điểm giao dịch, đây không phải cách tiếp cận hợp lý vì việc phân loại các dạng ngày này được thực hiện bằng phương pháp phân tích hậu kỳ (phân tích sự việc đã xảy ra rồi, chứ không phải hiện tại)

Ngoài ra, thời gian đã chứng minh là không thể dự đoán nhất quán loại ngày nào có nhiều khả năng xảy ra nhất nếu chỉ dựa vào phân loại của ngày trước đó. Bản thân Steidlmayer cuối cùng cũng nhận ra điều này. Vì nó không thể khác được, không thể biết hồ sơ của phiên hiện tại sẽ có hình dạng gì cho đến khi kết thúc phiên.

Sự thật là việc hiểu và phân loại các sự kiện, giai đoạn và cấu trúc theo phương pháp luận Wyckoff cũng làm theo cách trên. Cách này có thể hữu ích đối với hầu hết những người mới bắt đầu để hình thành tư duy theo những cách khác nhau là thị trường có thể thể hiện quá trình tích lũy và phân phối; nhưng từ quan điểm giao dịch thì cách này hoàn toàn vô ích vì việc xác nhận tất cả các dữ kiện chỉ được thực hiện sau khi mọi thứ đã kết thúc.

Do đó, nếu nhằm mục đích lên các kịch bản hành động thì ta nên chọn cách hợp lý hơn, đó là tập trung xác định việc tạo ra vùng giá trị (trading range) và liên tục đánh giá mức giá bằng cách tương tác ở vùng cực trị để xác định sự chấp nhận hoặc sự từ chối. Các công cụ phân tích được cung cấp bởi phương pháp Wyckoff giúp chúng ta xác định ai có nhiều khả năng nắm quyền kiểm soát nhất trong quá trình phát triển vùng giá trị (người mua hoặc người bán) và hướng đi nào ít vật cản nhất.



Trong quá trình phát triển của các chuyển động của giá, các hồ sơ sẽ được tạo ra và hai dạng rất phổ biến trong đó các hành vi di chuyển có xu hướng và đi ngang được biểu đồ hóa là dạng mẫu b và P.

Những mô hình này đại diện cho ba giai đoạn đầu tiên của diễn biến thị trường mà Steidlmayer đã trình bày trong các nghiên cứu đầu tiên của mình và theo phương pháp luận của Wyckoff, chúng ta đã xác định là giai đoạn A và B của sự phát triển cấu trúc thị trường.

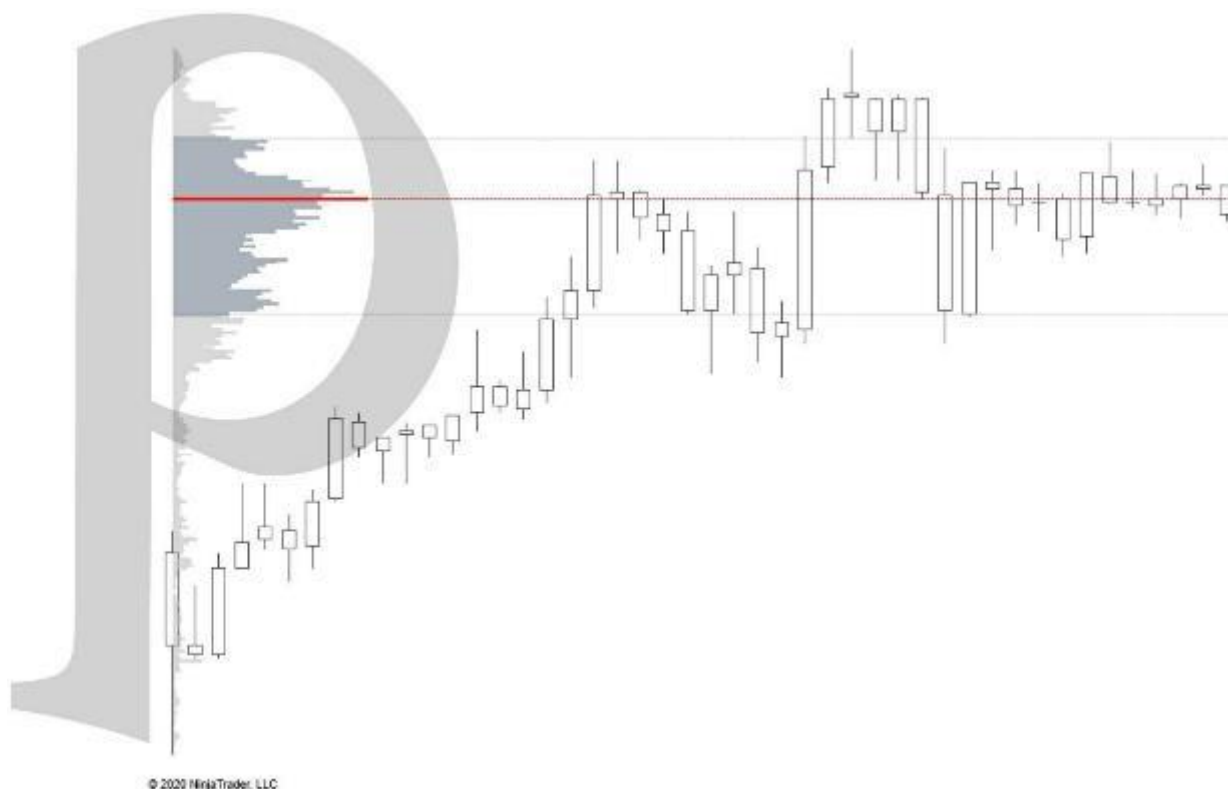
Những mô hình này sẽ cảnh báo chúng ta về điểm dừng của xu hướng trước đó cũng như sự định hình bối cảnh mới. Hai loại hồ sơ này hiển thị cùng một hành vi nhưng theo cả hai hướng. Thứ nhất, trong vùng giá thấp, giá di chuyển với một tính linh hoạt nhất định phát triển theo xu hướng cho đến khi tìm thấy các nhà giao dịch sẵn sàng giao dịch theo hướng ngược lại. Tại thời điểm đó, một phạm vi cân bằng bắt đầu định hình, một khu vực thu hút nhiều sự tham gia tạo thành profile dạng hình chuông (the profile bell).

Miễn là giá đang trong di chuyển trong một trend, chúng ta chỉ nên tìm kiếm giao dịch theo trend đó. Để làm vậy, chúng ta có thể hỗ trợ trên vùng VPOC đang phát triển và các mốc hoạt động còn lại.

5.6.1 p-shape Profile

p-shape Profile là đặc trưng của xu hướng tăng và đại diện cho mô hình phân phối hoặc tái tích lũy.

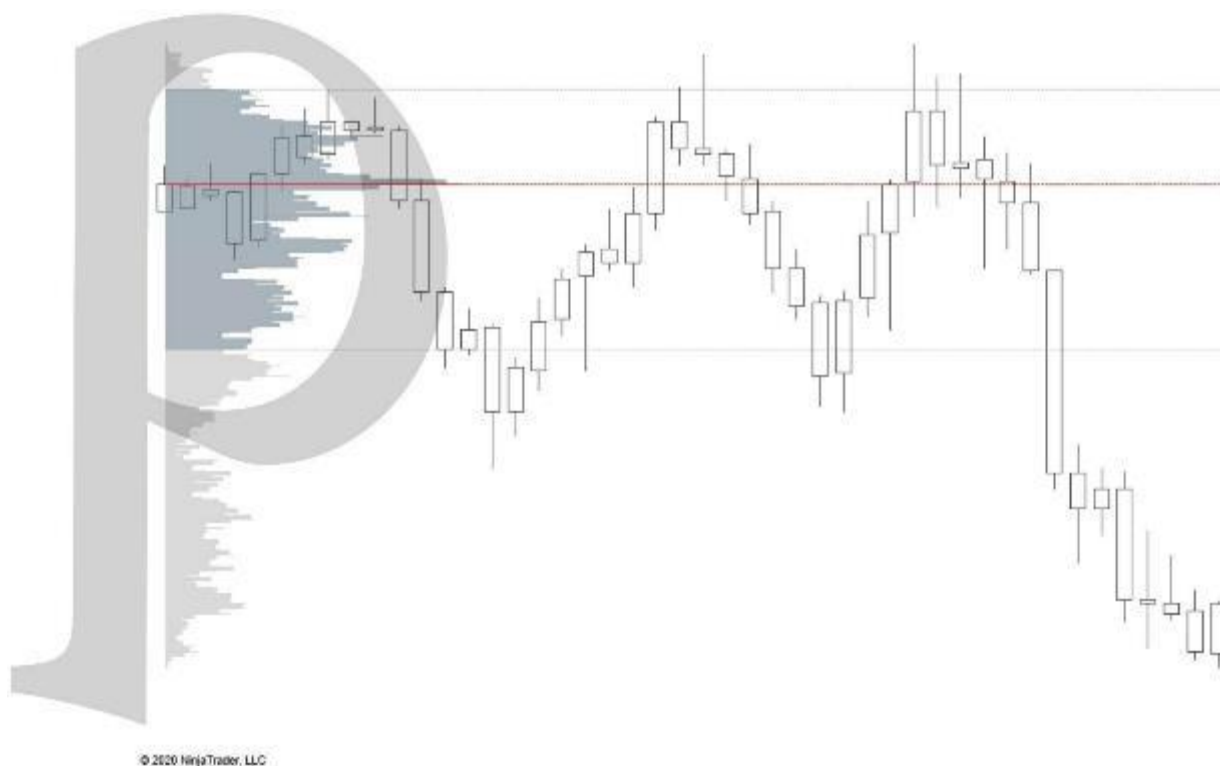
Loại hồ sơ này cho thấy sức mua mạnh, bên mua có khả năng đẩy giá tăng dễ dàng cho đến khi đạt đến điểm mà người bán bắt đầu có ảnh hưởng.



p-shape Profile bao gồm hai phần: phần đầu là nơi sự mất cân bằng khiến giá tăng lên và phần thứ hai là nơi thị trường bắt đầu quá trình xoay vòng (trading range). Điều quan trọng cần nhớ là vì nếu quá trình ngược lại xảy ra (đầu tiên là một trading range và sau đó là một xu hướng giảm), chúng ta sẽ cũng thấy một hồ sơ mẫu p nhưng với sự khác biệt lớn là nó sẽ khó có hoạt động hiệu quả. (khó tạo được vùng giá trị mới)

Tất cả các khái niệm và công cụ đang được đưa ra đều có ý nghĩa đối với cách chúng ta sẽ hành động; đối với p-shape Profile và b-shape Profile, chúng chỉ đáng chú ý nếu hành động cuối cùng của giá là tạo ra vùng giá trị (range) mới, vì từ đó sẽ tạo ra sự mất cân bằng tiếp theo. Có nghĩa là, nếu chúng ta đang ở cuối xu hướng giảm - tại điểm có thể xác định rõ mẫu p đã được hình thành (với vùng mất cân bằng ở bên phải của mô hình – tức là ở phần đầu tiên của cấu trúc), từ quan điểm

cần hành động để tận dụng sự mất cân bằng đó, chúng ta có thể đã bị lỗ thời cơ và khả năng cao là ngay lập tức giá sẽ tạo ra một vùng cân bằng. Ngược lại, nếu chúng ta có một mẫu hình p đúng lý thuyết (với vùng mất cân bằng ở bên trái), chúng ta có thể tận dụng để kiếm lời từ xu hướng tiếp theo (có thể là xu hướng tăng hoặc giảm).

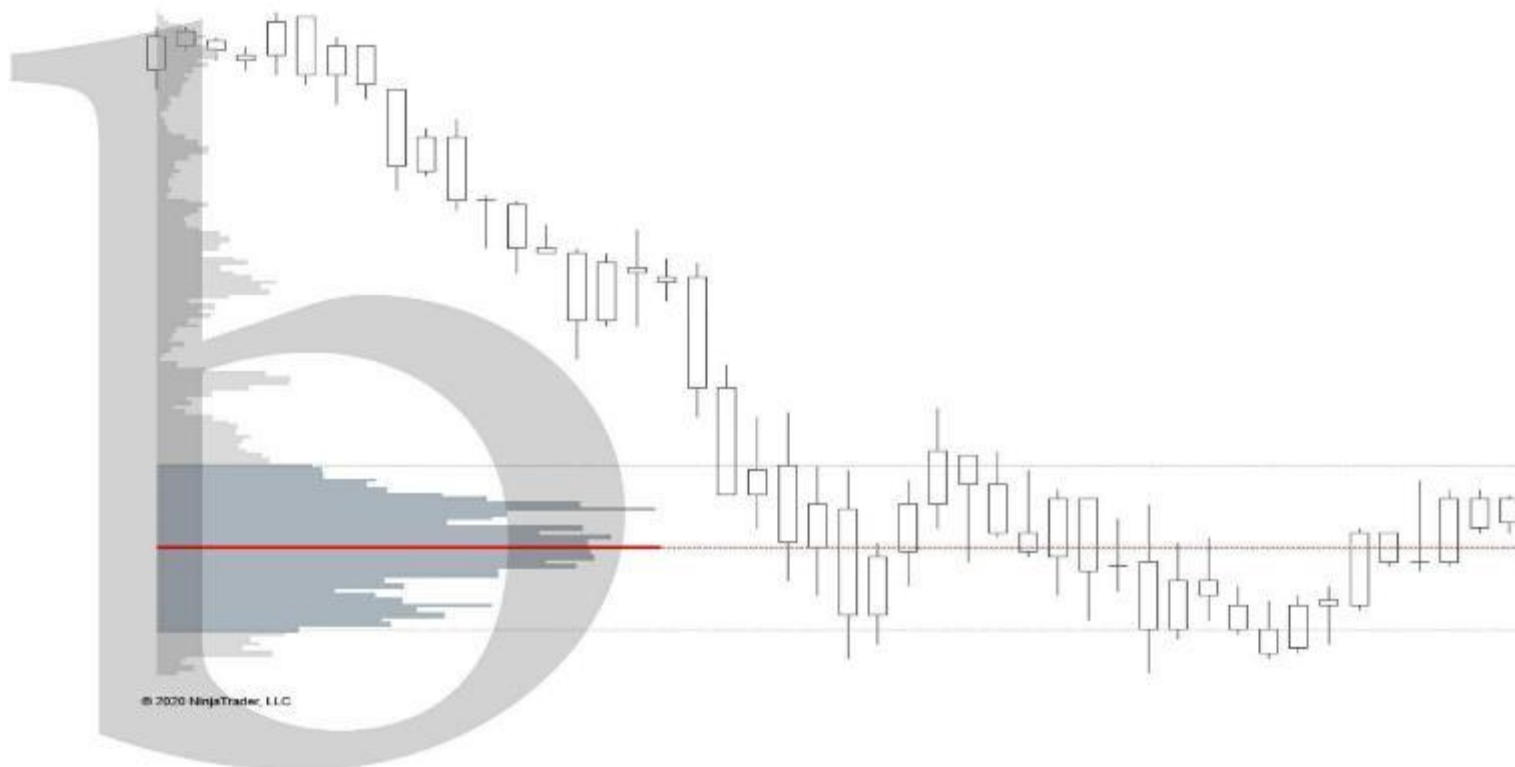


Bên cạnh việc nhìn nhận nó theo cách độc lập (session profiles), thật thú vị khi biết rằng trong quá trình phát triển nội tại của một xu hướng tăng dài hạn nó thường sẽ bao gồm một số loại hồ sơ này. Trong trường hợp đó, chúng chỉ đơn giản là các vùng tích lũy để khơi nguồn cho sự phát triển xu hướng tăng liên tục tiếp theo.

Trong trường hợp p-shape Profile xuất hiện sau một xu hướng giảm kéo dài, ít nhất tại thời điểm đó tạm thời nó có thể cảnh báo chúng ta về sự kết thúc của xu hướng giảm. Ở đây, điều quan trọng cần lưu ý là ta cần xem xét p-shape Profile đúng lý thuyết (tức đúng cấu trúc giá đi có xu hướng rồi tạo vùng cân bằng), bởi vì nếu chúng ta thấy một p-shape Profile ngược (cấu trúc bị ngược-giá trong vùng cân bằng rồi sau đó di chuyển theo xu hướng giảm) thì trên thực tế ta có là một quá trình phân phối và do và do đó xu hướng giảm đã biểu thị sức mạnh.

5.6.2 b-shape Profile

b-shape Profile là đặc trưng của xu hướng giảm và đại diện cho mô hình tích lũy hoặc tái phân phối.



Loại hồ sơ này cho thấy sự mất cân bằng nghiêng về phe bán. Lực bán mạnh và đã đẩy giá xuống một cách mạnh mẽ cho đến khi cuối cùng người mua xuất hiện, gây ảnh hưởng và một quy trình xoay vòng (trading range) mới được tạo ra.

Cũng giống như p-shape Profile, b-shape Profile đúng lý thuyết được hình thành bởi sự mất cân bằng theo hướng giảm giá ở phần đầu và sự tạo ra vùng giá trị ở phần sau. Một cách khác cũng hình thành nên b-shape Profile đó là: Trước tiên sự xoay vòng (trading range) diễn ra ở bên trái và sau đó giá mất cân bằng theo hướng tăng lên ở phía bên phải, nhưng về ý nghĩa đối với việc lập kịch bản để giao dịch, thì có thể chúng ta không tận dụng được lợi ích của sự mất cân bằng này. Mặt khác, nó sẽ không có cùng hàm ý giống như khi phân tích độ mạnh yếu của xu hướng tăng trước đó, nơi có sự từ chối tăng và việc tạo ra giá trị ở dưới thấp.



Nếu chúng ta quan sát một b-shape Profile sau một xu hướng tăng kéo dài, nó có thể báo hiệu sự kết thúc của xu hướng tăng đó và đôi khi đó là sự bắt đầu của một xu hướng giảm mới.

5.7 Ứng Dụng Volume Profile

Công cụ này cung cấp cho chúng ta thông tin hoàn toàn khách quan, hoàn toàn phù hợp với bối cảnh được cung cấp bởi các nguyên tắc của phương pháp Wyckoff và có thể hữu ích trong các trường hợp sau.

5.7.1 Xác Định Cấu Trúc

Có những trường hợp mà việc phân định các vùng cực trị của cấu trúc không rõ ràng lắm có thể do biến động giá ít. Khi đó volume profile sẽ rất hữu ích để chỉ ra vùng VAH và VAL giả sử khu vực đó là vùng đang tạo ra nguyên nhân cho sự dịch chuyển giá tiếp theo.

Về bản chất, giới hạn trên và giới hạn dưới của các cấu trúc Wyckoff sẽ luôn là vùng LVN (low volume node). Các lần đảo chiều của giá đã tạo ra vùng hỗ trợ và kháng cự này – tại vùng đảo chiều này, giá không muốn thương lượng tức là xác

nhận sự từ chối. Chúng ta đã biết rằng sự từ chối này được hiển thị trong volume profile với tư cách là một vùng có ít giao dịch (LVN).

Ngoài ra, trong một số trường hợp, các điểm cực trị tự nhiên của các cấu trúc (Creek and Ice) sẽ trùng với các điểm cực trị của vùng giá trị (VAH và VAL). Bằng cách đưa ra một volume profile của cấu trúc đó, chúng ta có thể thấy cách thức tất cả hành động giá có trong vùng sẽ là một phần của vùng giá trị



Như đã thấy trong biểu đồ, điểm dừng của xu hướng tăng không cho thấy được hành động giá rất rõ ràng, nơi sự kiện dừng được hiển thị rất chân thực. Nếu chúng ta đang ở phần cuối của quá trình hình thành cấu trúc như vậy, chúng ta có thể kéo một volume profile của toàn bộ cấu trúc để xác định các mức key levels theo volume profile. Trong trường hợp này, ta thấy cách mà giá nhanh chóng vượt qua toàn bộ vùng giá trị bao gồm VPOC và VWAP sau đợt shake-up cuối cùng. Tại thời điểm này, chúng ta nên ủng hộ cho giả thuyết đó là cấu trúc phân phối và do đó, kịch bản ngắn đầu tiên sẽ là chờ giá test sau khi break (LPSY) một trong các mốc hoạt động. Mức đầu tiên trong số các mốc hoạt động cần xem xét là vùng giá trị thấp (Value Area Low) vì đây là mức đầu tiên mà thị trường tìm thấy. Chúng ta có thể thấy cách giá test được thực hiện để tiếp tục xu hướng giảm tiếp. Mức tiếp theo và cuối cùng cần xem xét để tìm kiếm LPSY tiềm năng là VPOC.



Trong ví dụ khác, điều tương tự cũng xảy ra. Các sự kiện dừng có thể không phải là những sự kiện rõ ràng nhất và cũng rất khó để định hình cho chuyển động tăng lên khỏi rồi lại quay lại vùng giá trị. Mục tiêu là, nếu chúng ta nhận thấy sự mất cân bằng sau sự phát triển của một cấu trúc đã có độ hoàn thiện nhất định, chúng ta có thể khởi tạo một volume profile để xác định các mốc hoạt động để mong đợi giá tiếp tục test tìm kiếm xu hướng tiếp nối. Một lần nữa, chúng ta thấy sau khi chuyển động phá vỡ, giá không test ngay trên phần cuối vùng giá trị của hồ sơ, trong trường hợp này là VAH, là vùng hoàn hảo để xem xét mở một vị thế Long.

Phạm vi của hồ sơ nên bao trùm tất cả các hành động giá từ khi bắt đầu xoay vòng (trading range) cho đến ngay trước khi sự mất cân bằng xảy ra. Một số nhà giao dịch cũng có thể gộp hành động phá vỡ vào trong hồ sơ, điều này không phải là không đúng. Chỉ cần lưu ý rằng trên quan điểm hành động, những gì chúng ta tìm kiếm là hành động test này, sau khi break giá sẽ tìm kiếm một số vùng tích lũy/phân phối trước đó (hồi lại) và điều này sẽ bỏ qua cả sự mất cân bằng và sự di chuyển tiếp theo cho đến khi cú test xảy ra.

Như chúng ta thấy, hầu hết các cấu trúc thị trường trong thời gian thực đều không rõ ràng như trong các ví dụ hoàn hảo trong sách, và chúng đều khác biệt với nhau. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng không thể áp dụng. Chúng được áp dụng bằng cách kết hợp với các “mức” mà công cụ Volume Profile cho ta thấy.

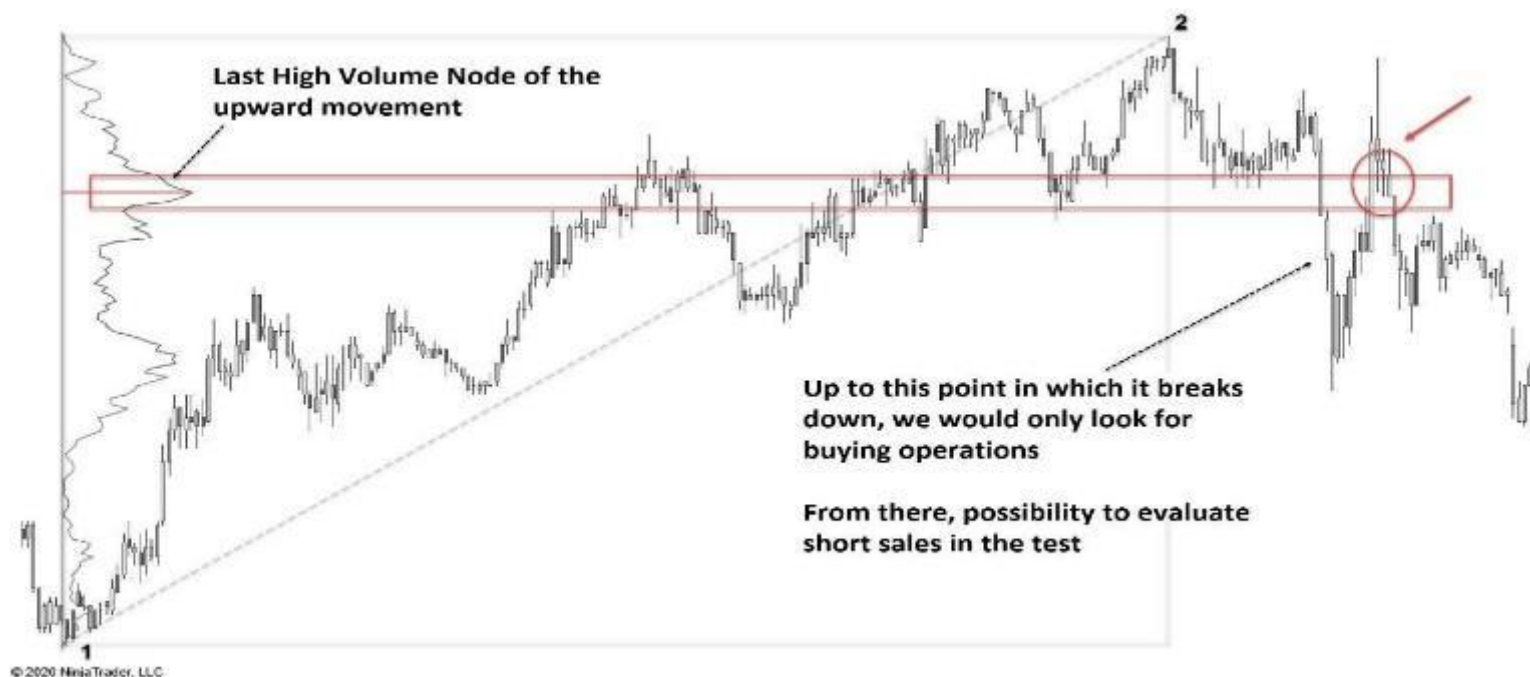
5.7.2 Xác Định Bias Thị Trường

Thông qua việc phân tích các khu vực đàm phán hiệu quả .

Chúng ta sẽ luôn ưu tiên giao dịch theo xu hướng của vùng HVN cuối cùng đã được tạo. Và chúng ta sẽ chỉ xem xét một kịch bản ngược lại với xu hướng này khi giá đã phá vỡ vùng hỗ trợ của chuyển động cuối cùng đó.

Nếu giá nằm trên một vùng khối lượng cao (HVN), chúng ta xác định rằng quyền kiểm soát nằm trong tay người mua và chúng ta sẽ chỉ xem xét một kịch bản Short khi giá vượt qua vùng này từ bên dưới, điều này sẽ gợi ý rằng quyền kiểm soát đã thay đổi nghiêng về phía người bán.

Logic là trong các vùng này, giá trở lại trạng thái cân bằng và chúng ta sẽ không thể xác định được nó sẽ đi theo hướng nào sau đó. Chỉ sau khi xác nhận sự phá vỡ thành công ra khỏi vùng đó, chúng ta mới có thể lên một kịch bản chắc chắn.



Trong biểu đồ trên, concept này rất rõ ràng. Nếu chúng ta đang ở trong phần cuối của xu hướng tăng, phía trên HVN cuối cùng, chúng ta sẽ phải đợi nó breakout trước khi thực hiện một lệnh short. Volume profile đã được vẽ chỉ bao gồm xu hướng tăng (từ 1 đến 2), vì thứ chúng ta quan tâm là vị trí của volume node hỗ trợ cho xu hướng tăng đó. Khi vùng này bị break xuống phía dưới, chúng ta có thể cho rằng sự kiểm soát đã nghiêng về phe bán và bây giờ chúng ta có thể đặt ra một số kịch bản short, ví dụ như test HVN.



Trong ví dụ khác, chúng ta có một tình huống tương tự nhưng ngược lại. Chúng ta xác định HVN của xu hướng giảm và ý tưởng là tiếp tục ủng hộ xu hướng này cho tới khi nó bị phá vỡ. Hãy cẩn thận, không phải cho đến khi HVN này bị phá vỡ, mà là cho tới khi HVN cuối cùng được tạo ra. Có nghĩa là, nếu tiếp tục xu hướng giảm, chúng ta phải tiếp tục theo dõi volume profile để xác định vị trí của HVN cuối cùng và chỉ tại thời điểm nó bị phá vỡ để tạo xu hướng tăng, chúng ta mới có thể tính tới việc mở vị thế Long.

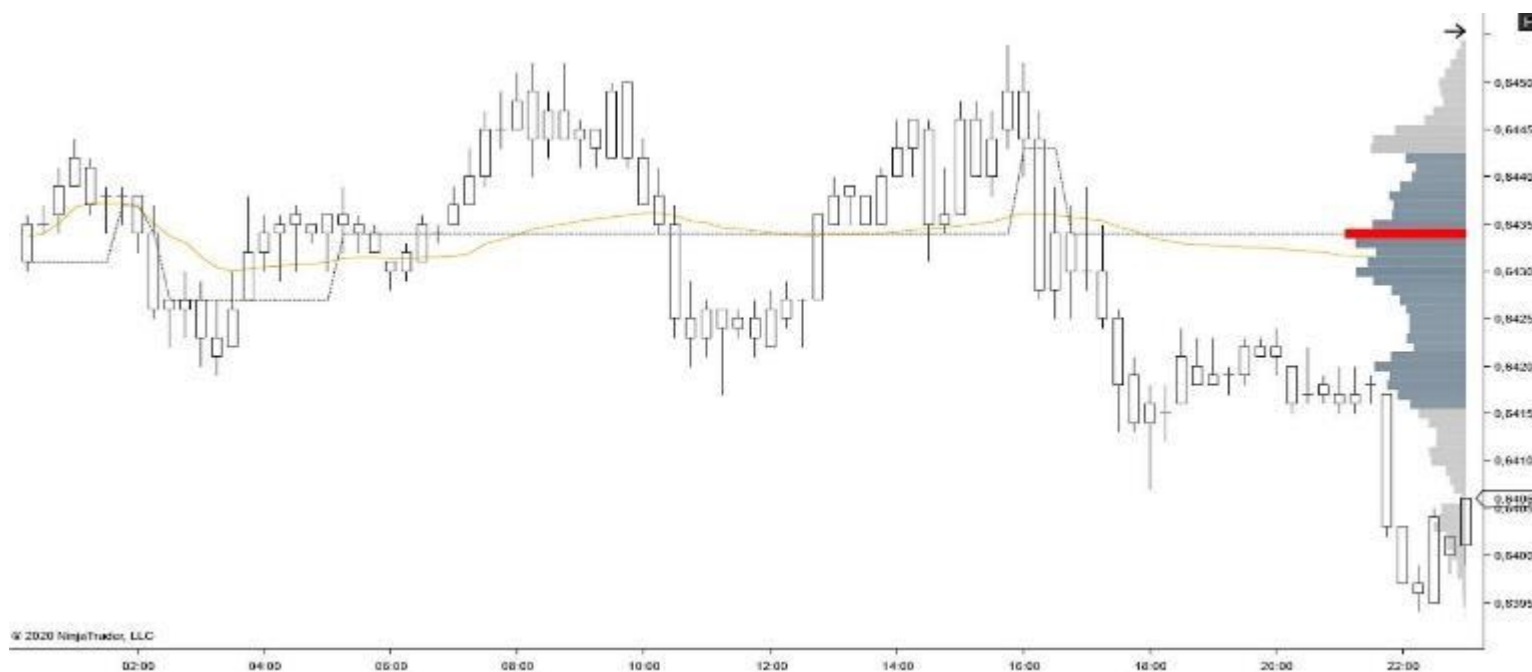
Cần phải nhấn mạnh rằng HVN giúp chúng ta xác định sự kiểm soát của xu hướng không nhất thiết phải chứa VPOC. Chúng ta đơn giản xem xét HVN cuối cùng để khai thác bất kể đó có phải là VPOC hay không.

5.7.3 Thông Qua Phân Tích Các Mốc Hoạt Động (Operative Levels)

Theo nguyên tắc chung, chúng ta được khuyên là nên giao dịch ở mức có càng nhiều hoạt động thì càng tốt. Nghĩa là, nếu tôi đang đề xuất mở một lệnh Long, tôi sẽ muốn có tất cả các mốc hoạt động nằm ở dưới mức giá hiện tại và ngược lại nếu tôi đang đề xuất mở một lệnh short. Bối cảnh này sẽ gợi ý rằng thị trường đang mất cân bằng theo hướng đó và do đó nó là con đường ít bị cản trở nhất.

Nếu chúng ta cần đánh giá mối quan hệ giữa VPOC, VWAP và giá, đây sẽ là một tín hiệu bổ xung sức mạnh cho việc phân tích.

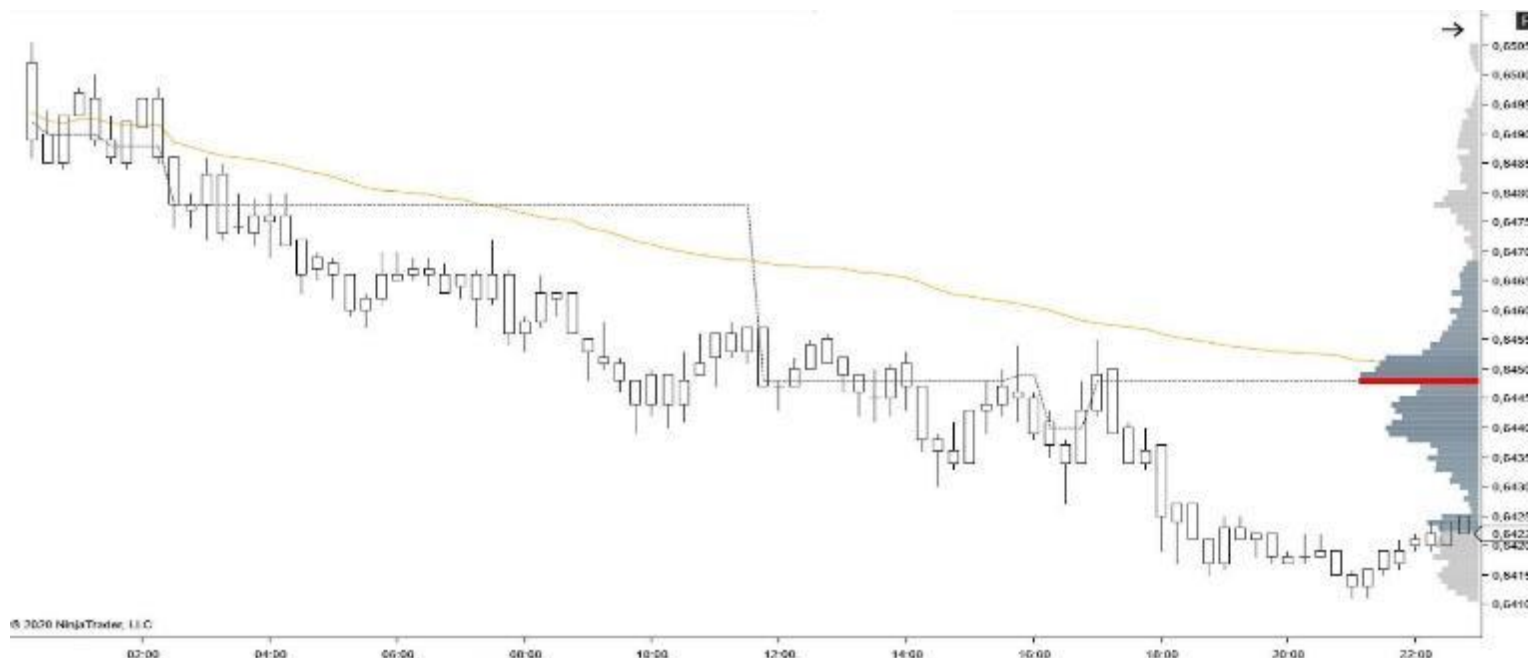
VWAP và VPOC nằm tương đối gần nhau là tín hiệu khẳng định sự cân bằng chung của thị trường. Có thể giá đang nằm trong một vùng giao dịch cực kỳ hẹp và cách tiếp cận duy nhất để hành động ở đây là tìm kiếm sự đảo chiều ở các vùng cực trị.



Đây chính xác là những gì xảy ra trên biểu đồ này. Đường chấm ngang là VPOC của phiên đang diễn ra và đường màu cam là VWAP. Cho đến khi sự mất cân bằng cuối cùng xảy ra từ bên dưới cả hai đường này được giữ tương đối gần nhau và điều này tạo ra sự dao động liên tục giữa chúng , tạo thành Day Range.

Để xác định sự mất cân bằng nghiêng về phía người mua, chúng ta muốn thấy giá nằm trên cả VWAP và VPOC, trong khi để xác định sự kiểm soát nghiêng về phía người bán, chúng ta muốn thấy giá nằm dưới cả hai mức VWAP và VPOC.

Trong biểu đồ này, chúng ta thấy một ví dụ về sự kiểm soát nghiêng về phía người bán khá rõ ràng, toàn bộ thời gian trong phiên giá đều nằm dưới cả VWAP và VPOC, hành động đảo chiều tạo ra các mức kháng cự để tiếp tục hình thành xu hướng giảm.



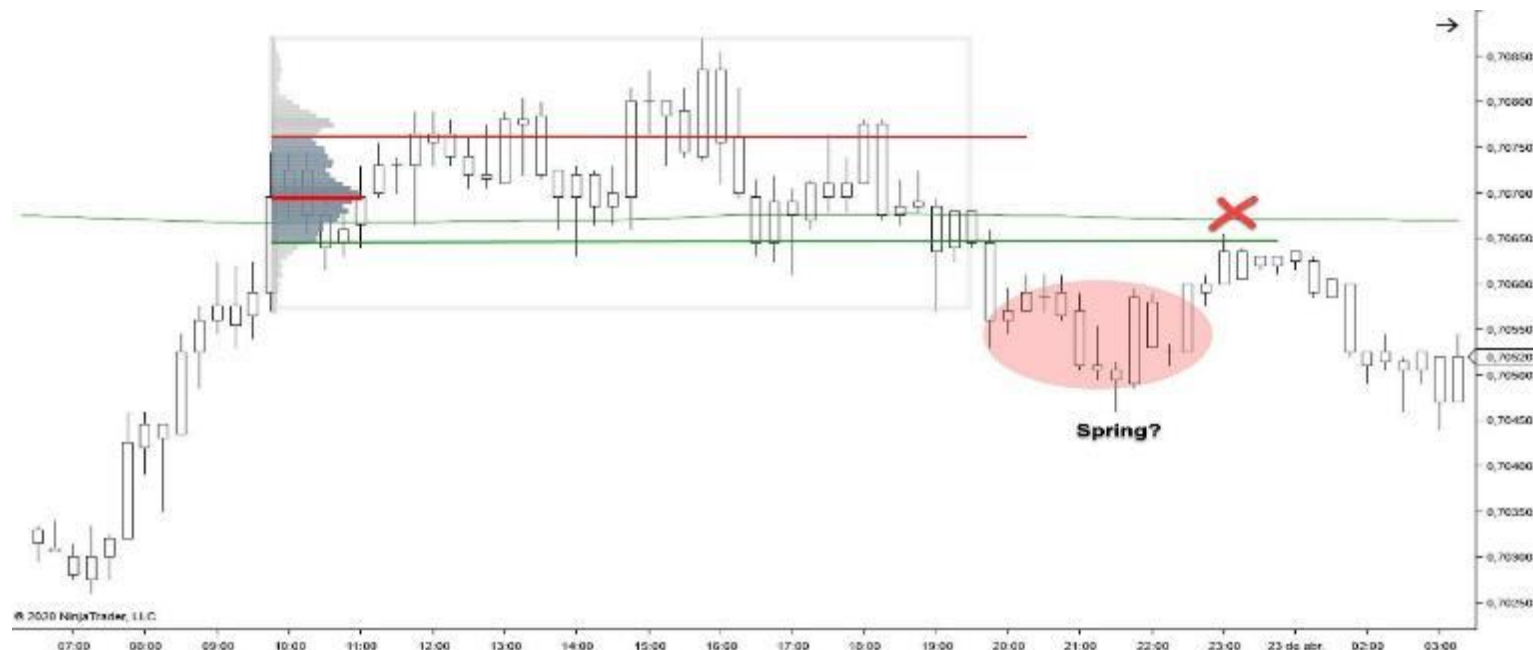
Khung thời gian được áp dụng cho các mức hành động, cũng như tất cả các công cụ khác, sẽ tùy thuộc vào người giao dịch. Đối với một nhà giao dịch trong ngày (day trader), tốt nhất là sử dụng các mức từ phiên trước và phiên hiện tại. Các nhà giao dịch dài hạn có thể thấy hữu ích hơn khi sử dụng các mức này theo khung thời gian tuần (VPOC và VWAP hàng tuần). Đặc biệt là một nhà giao dịch theo cấu trúc, tôi thấy hữu ích khi phân tích VWAP hàng tuần kết hợp với VPOC của cấu trúc vì nó loại bỏ được độ nhiễu của khung thời gian nhỏ. Đó là vấn đề về sở thích cá nhân và sự lựa chọn tùy thuộc vào phong cách giao dịch của từng người.



Trong chart này, khi phân tích cấu trúc chúng ta có thể đưa ra một volume profile và thêm VWAP tuần (đường màu xanh lá cây). Đó là một ví dụ rất tốt về việc bối cảnh có tầm quan trọng cao hơn bất kỳ yếu tố nào khác.

Nếu chúng ta quan sát thấy một Spring tiềm năng cố gắng định vị chính nó trên VWAP, chúng ta có thể tìm kiếm vị trí để mở lệnh Long. Nhưng nếu chúng ta xem xét kỹ hơn, trong cú test này VPOC vẫn đang cách xa VWAP. Chúng ta đang đề xuất khả năng giao dịch theo hướng nghiêng về phía có càng nhiều mức hoạt động càng tốt, khi đó chúng ta phải làm gì? Bối cảnh sẽ chiếm ưu thế trong những trường hợp như thế này. Chúng ta biết rằng VPOC là một mức cân bằng rất quan trọng, nhưng chúng ta cũng biết rằng sớm muộn gì thị trường cũng sẽ bắt đầu mất cân bằng; và sự rung lắc từ bên dưới cho thấy một khởi đầu tiềm năng của sự mất cân bằng như vậy từ phía trên (trên VPOC). Trong bối cảnh như vậy, chúng ta nên ấn định sự xác đáng hơn cho sự phát triển của cấu trúc bên trên VPOC.

Sẽ có những suy luận rất khác nếu giá của Spring tiềm năng thậm chí không có khả năng cao hơn VWAP. Sự thiếu sức mạnh đó sẽ gợi ý cho sự kiểm soát của phe bán và thậm chí có thể cân nhắc mở một lệnh theo hướng ngược lại bằng cách coi Spring là một “bearish breakout event” thực sự. Mọi hành động phải được xác nhận hoặc từ chối bằng hành động giá tiếp theo.



Đây chỉ là những gì chúng ta có trong ví dụ này. Trong tình huống của Spring tiềm năng, giá cố gắng quay lại trading range nhưng không thể tự định vị mình ở phía trên biên dưới của cấu trúc, VAL của volume profile và VWAP tuần. Đây là một tín hiệu rõ ràng về sự suy yếu và chúng ta có thể coi đây là mô hình phân phối.

Khi làm việc với các mốc hoạt động khác nhau, điều quan trọng cần lưu ý là chúng ta có thể sử dụng nhiều khung thời gian kết hợp, ví dụ, hai VWAP theo khung tuần, và khung tháng. Nếu chúng ta quyết định phân tích bối cảnh dài hạn thì đó là một cấu hình rất đáng quan tâm.

5.7.4 Phân Tích Sức Mạnh Xu Hướng

Một tín hiệu rất thú vị được cung cấp bởi Volume profile là việc phân tích hồ sơ của các phiên liên tiếp. Khi chúng ta đang xem xét một xu hướng tăng, một tín hiệu của xu hướng tăng mạnh là các vùng giá trị (và do đó VPOC) của các phiên được tạo ra ngày càng cao. Điều này gợi ý cho chúng ta rằng giá trị của tài sản đó đang được chấp nhận ở các vùng giao dịch mới mà nó đang tiếp cận và do đó xu hướng này có khả năng tiếp tục. Trong bối cảnh người mua kiểm soát như vậy, chúng ta nên tìm kiếm sự trú ẩn vào các vùng hoạt động có khuynh hướng ủng hộ cho lệnh Long.

Điều tương tự cũng xảy ra với xu hướng giảm. Một dấu hiệu không thể nhầm lẫn về sức mạnh của xu hướng giảm là các vùng giá trị còn lại của các phiên được quan sát ở mức thấp dần thấp dần, cho thấy sự chấp nhận của giá. Trong kịch bản phe bán đã kiểm soát này, điều tốt nhất cần làm là xác định các vùng kháng cự tiềm năng để tìm kiếm lệnh short.

Một tín hiệu có thể cho chúng ta biết về độ mạnh yếu của một xu hướng là quan sát thấy sự chòng chéo giữa một số vùng giá trị cũng như thấy rằng một số trong số chúng đi ngược lại với xu hướng hiện tại và làm mất đi lực đẩy của xu hướng. Những gì chúng ta đã thấy có thể là sự củng cố của giá và nó có thể cảnh báo chúng ta về sự thay đổi đặc tính. Bằng phương pháp luận Wyckoff, chúng ta chắc chắn có thể xác định được một quá trình định hình và sẽ rất thú vị khi bắt đầu phân tích các tín hiệu của cấu trúc đó để xác định xem sự mất cân bằng tiếp theo sẽ xảy ra theo hướng nào.

Sự thay đổi tiềm năng này trong nhận thức về giá trị được hình dung rất rõ ràng với các mẫu p-shape và b-shape. Nếu thị trường đang trong xu hướng giảm để lại các vùng giá trị ngày càng thấp và đột nhiên xuất hiện mô hình “b p”, chúng ta có thể đang đối mặt với sự kết thúc của xu hướng giảm đó hoặc ít nhất là một trạng thái tạm dừng. Thực tế là thị trường đã phát triển mô hình p sau mô hình b cho thấy một sự thay đổi trong nhận thức về giá trị. Ít nhất là tạm thời chúng ta không muốn giao dịch ở mức giá thấp hơn và chúng ta thậm chí có thể đang ở điểm khởi đầu một xu hướng tăng.



Hơn cả việc tìm cách quan sát rõ ràng các hình mẫu lý tưởng, điều thú vị là sự phát triển của quá trình tạo ra giá trị, tức là sự luân phiên của các Vùng giá trị. Trong ví dụ này, những người tham gia đã có khả năng tạo ra giá trị cao hơn giá trị trước đó và chỉ riêng điều này sẽ cảnh báo chúng ta về độ mạnh yếu của xu hướng giảm và thậm chí khiến chúng ta cảnh giác về một quá trình tích lũy có thể xảy ra.

Điều tương tự sẽ xảy ra ngược lại. Nếu chúng ta đang tìm kiếm một trend giảm, thì một tín hiệu sẽ tăng thêm sức mạnh cho việc phân tích như vậy là quan sát mô hình “p b”.



Ví dụ này phức tạp hơn một chút và rất thú vị để phân tích. Điều đầu tiên thu hút sự chú ý của chúng ta là mô hình không xảy ra cùng nhau, mà cách nhau hai phiên. Mặt khác, chúng ta thấy cách mô hình b không tạo ra vùng giá trị dưới Vùng giá trị của mô hình p. Đây là một ví dụ thực tế, hầu hết thời gian thị trường hoạt động thất thường, vì vậy việc tìm kiếm sự xuất hiện của các mẫu hoàn hảo có thể sẽ rất lãng phí thời gian. Sẽ có vẻ thú vị hơn nếu chúng ta lưu ý với các lực đẩy bên trong chúng – cái mà chúng ngầm gợi ý cho chúng ta.

Nếu chúng ta quan sát kỹ mô hình b, sự mất cân bằng cũng không xảy ra vào đầu phiên như lý thuyết đưa ra, mà là ở phần sau của ngày. Điều quan trọng là sự mất cân bằng này bị từ chối và giá đã đi vào lại vùng giá trị. Về bản chất, hàm ý đằng sau mô hình này là: không quan trọng sự mất cân bằng xảy ra ở thời điểm nào miễn là giá tạo ra sự từ chối và quay trở lại vùng giá trị. Đối với mục đích giao dịch, khi quan sát thấy sự mất cân bằng vào cuối phiên và việc đóng cửa của nó được thiết lập bên ngoài vùng giá trị thì đó sẽ là điều kém hấp dẫn.

Mặc dù lý tưởng trong các sơ đồ phân phối tiềm năng sẽ là quan sát thấy sự từ chối đó trước để sau đó giá tiếp tục tạo ra vùng giá trị ở dưới thấp hơn so với các phiên trước đó, nhưng sự xuất hiện của giao thức này ngược lại (đầu tiên là tạo giá trị bên dưới và sau đó là từ chối mức giá cao hơn) ngầm gợi ý sự thay đổi trong nhận thức về giá trị.

Cuối cùng, tất cả các mô hình tích lũy và phân phối đều ngầm mang theo sự thay đổi trong nhận thức về giá trị; và ở một quy mô lớn hơn hoặc nhỏ hơn các mẫu Pb hoặc bP này sẽ luôn được hình dung ra.

- Sự đảo chiều giảm với mô hình pb chính là một quá trình phân phối sẽ có khoảng thời gian dài hơn hoặc ngắn hơn, quá trình phân phối này đã được xác nhận bằng việc tạo ra giá trị trong b và có thể sau đó là giá sẽ giảm thấp hơn.
- Một sự đảo chiều tăng với mô hình bp được ngầm hiểu là một quá trình tích lũy mà sự thay đổi nhận thức về giá trị của quá trình này có thể khởi nguồn từ việc giá cao hơn.

5.7.5 Sự Dịch Chuyển Của VPOC

Mức VPOC hiện tại thể hiện sự đồng thuận của cả hai bên về giá trị của tài sản, nhưng ta sẽ nhìn nhận như thế nào với sự kiện VPOC di chuyển?

Vấn đề này đã khiến nhiều nhà giao dịch phải đầu hàng vì việc nhìn nhận sự kiện này đang có hai quan điểm khác nhau. Nhiều người ủng hộ rằng đó là một dấu hiệu không thể nhầm lẫn về độ mạnh của xu hướng và do đó báo hiệu xu hướng tiếp tục đi theo hướng hiện tại. Mặt khác cũng có nhiều người bảo vệ quan điểm rằng sẽ xuất hiện một sự thay đổi trên thị trường.

Mục tiêu duy nhất của VPOC là nó đại diện cho một vùng giá trị mà giá đã được chấp nhận do lượng giao dịch lớn mà nó đã tạo ra. Câu hỏi đặt ra là việc di chuyển giá trị đó mang ý nghĩa là tính liên tục của xu hướng hay sự đảo ngược xu hướng.

Theo nguyên tắc mỗi hành động thị trường phải được xác nhận hoặc từ chối bởi phản ứng tiếp theo của nó, điều quan trọng là đánh giá hành động giá tiếp theo sau khi di chuyển điểm kiểm soát. Theo nguyên tắc chung, nếu chúng ta không thấy sự tiếp tục theo xu hướng trước đó được kéo dài trong một khoảng thời gian, chúng ta nên đặt câu hỏi về “sức khỏe” của xu hướng đó.

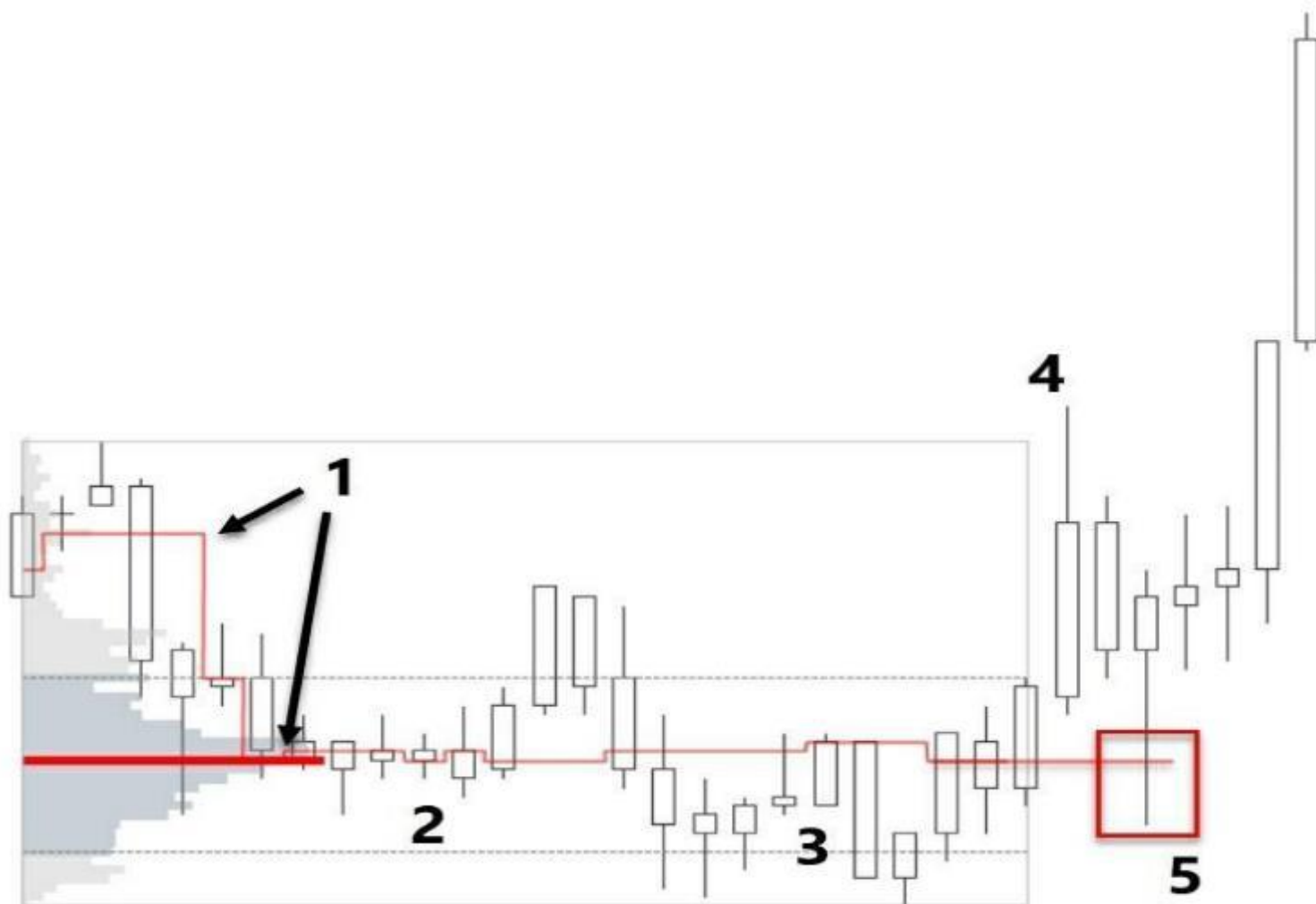
Cách giao dịch khi VPOC di chuyển :

Vì chúng ta không thể biết trước liệu việc VPOC di chuyển thể hiện sự tiếp diễn của xu hướng hay sự đảo ngược xu hướng, nên tốt nhất hãy chuẩn bị cho cả hai tình huống. Để làm điều này, chúng ta sẽ phát triển hai giao thức đơn giản nhằm thiết lập một số phương châm chung.

Phần này tập trung vào giao dịch trong ngày, mặc dù về cơ bản ý tưởng trình bày dưới đây có giá trị như nhau để áp dụng cho bất kỳ khung thời gian nào khác

A. Giao thức nghiêng về sự đảo ngược xu hướng:

1. Việc VPOC di chuyển: Nếu xu hướng trước đó là mạnh, sau khi VPOC di chuyển, chúng ta muốn thấy một động lực mới phát triển trong khoảng thời gian ngắn
2. Tính không liên tục: Nếu sau khi VPOC di chuyển, giá không có khả năng tiếp tục di chuyển theo hướng của xu hướng trước đó, thì ít nhất chúng ta phải bắt đầu đặt câu hỏi về tính liên tục của xu hướng
3. Thời gian tiêu thụ: Đây là một vấn đề cơ bản. Nguyên tắc chung là giá càng rời xa xu hướng trước đó sau khi VPOC di chuyển càng lâu, thì càng có nhiều khả năng xảy ra sự đảo chiều của thị trường hơn là tiếp diễn trạng thái thị trường hiện tại.
4. Nếu chúng ta muốn xem có đúng là có sự thay đổi hay không, chúng ta cần quan sát xem có hiện tượng xu hướng giá tổn một lượng thời gian tương đối lớn để trải qua một quá trình so với quá trình đã tiếp diễn trước đây không.
5. Sự thay đổi đặc tính: Nếu quá trình di chuyển diễn ra, giá sẽ đi ngang và không có khả năng tiếp tục xu hướng đã có, thêm vào đó là một xu hướng mạnh theo hướng ngược lại xuất hiện, lúc này chúng ta có thể đề xuất cho một sự đảo chiều.
6. Ý tưởng giao dịch: mốc hoạt động đầu tiên mà chúng ta xem xét để chờ giá và tìm kiếm điểm entry sẽ là phần cuối của vùng giá trị bị phá vỡ. Nếu xu hướng phá vỡ đi xuống, chúng ta sẽ đợi trong VAL và nếu nó phá vỡ đi lên, thì chính là trong VAH. Mức thứ hai là vùng VPOC.



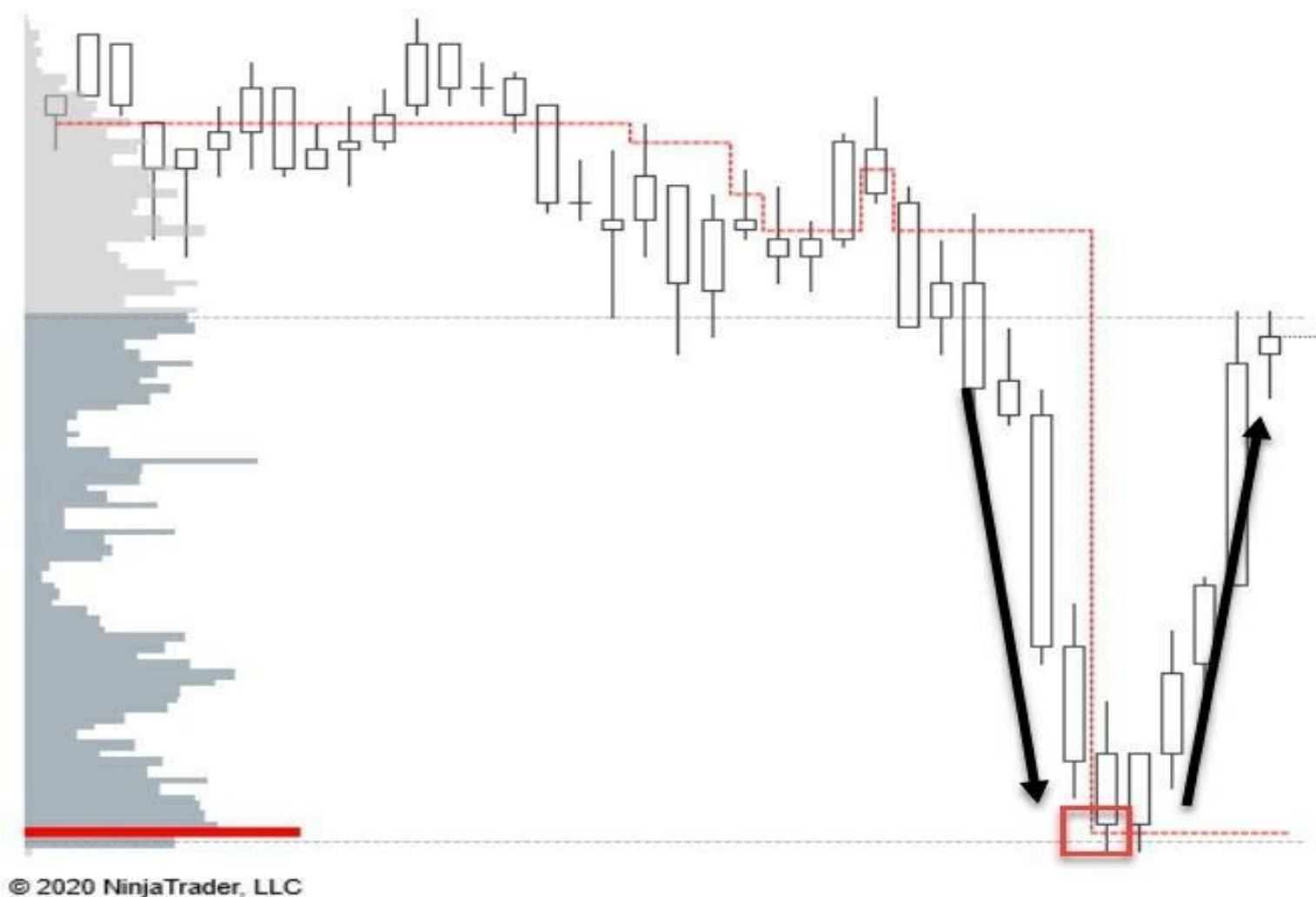
© 2020 NinjaTrader, LLC

Trong ví dụ này (giao dịch đảo chiều trong ngày với mô hình b), một volume profile thủ công đã được kéo để xem khối lượng được phân phối như thế nào tại thời điểm cụ thể đó. Chúng ta thấy rằng sau khi bắt đầu phiên giao dịch, giá giảm và VPOC di chuyển (1), sau đó nó bắt đầu “xoay vòng” trên đó (trên đường VPOC) chứng tỏ tính không tiếp diễn (2) và tiêu thụ thời gian (3). Sau đó, sự thay đổi đặc tính xảy ra với sự mất cân bằng – xu hướng tăng (4) để cuối cùng thực hiện test lại trong vùng trước của VPOC (5), nơi chúng ta có thể mở một lệnh Long.

Cần lưu ý rằng nếu chúng ta đang hoạt động với profile của một phiên đang diễn ra, nó sẽ tiếp tục phát triển theo ngày diễn ra, vì vậy sau khi phá vỡ, chúng ta có thể xác định mức của Vùng giá trị nơi chúng ta chờ đợi giá hồi về, rồi thay đổi vị trí.

Mặc dù đúng là đây sẽ không phải là bối cảnh lý tưởng, nhưng khu vực hoạt động tương tự có thể được duy trì vì theo quan điểm hợp lý, đây vẫn là một nút khối lượng thấp và do đó, nó là một khu vực thú vị mà giá có khả năng bị từ chối. Ngoài ra, vì giá sẽ test lại vùng tích lũy/phân phối trước đó, nên việc rời khỏi range profile là hoàn toàn nên làm.

Trong ví dụ này, cái chúng ta thấy là việc VPOC di chuyển có vẻ sẽ đảo chiều (chúng ta biết điều này khi quan sát sự di chuyển sau đó) nhưng điều đó không tuân theo giao thức được đưa ra. Khi VPOC di chuyển nhanh với ít sự chuẩn bị, thì thực tế là không thể xảy ra sự đảo chiều. Đây là nguyên nhân hình thành V-turns.



Việc kết hợp ví dụ này nhằm mục đích chỉ ra rằng không phải tất cả các hành vi di chuyển của VPOC có ý nghĩa đảo chiều sẽ đều tuân theo giao thức chuẩn đã được đề xuất, thậm chí nó còn khác xa hoàn toàn giao thức chuẩn. Với chuỗi các

bước này, chúng ta cố gắng khách quan hóa sự đảo chiều và rằng nó dựa trên quy luật Nguyên nhân - Kết quả, vì một lần nữa chúng ta thấy giao thức này chính là các quy trình tích lũy / phân phối.

Ngoài ra, việc VPOC di chuyển tạo nên một biểu đồ rất thú vị để đối phó với khái niệm về sự chấp nhận và từ chối. Theo định nghĩa, việc VPOC di chuyển cho thấy sự chấp nhận mới ở các mức giá này. Thực tế khách quan tại thời điểm chính xác điểm đó là nơi nhiều có nhiều giao dịch hơn (chấp nhận nhiều hơn) và do đó việc di chuyển đã diễn ra. Nhưng tại sao nó lại tạo ra sự đảo chiều hoàn toàn? Vâng, một lần nữa, một cách khách quan, những gì chúng ta thấy là nếu phiên giao dịch cuối cùng vẫn đóng lại ngoài các mức này, hành động đó vẫn là một sự từ chối bất chấp quá trình di chuyển VPOC đã diễn ra.

Một lần nữa, ta nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc: Bất kỳ hành động giá nào cũng phải được xác nhận hoặc từ chối bởi hành động tiếp theo. Trong trường hợp này, hành động đầu tiên là việc di chuyển VPOC, nhưng sự thay đổi về giá trị đã bị từ chối bởi phản ứng tiếp theo, điều này đã đảo ngược toàn bộ xu hướng.

B. Giao thức nghiêng về tính tiếp diễn xu hướng:

Việc VPOC di chuyển: Nói chung, khi thị trường có ý định tiếp tục xu hướng trước đó, sau khi VPOC di chuyển, giá sẽ bắt đầu sự thúc đẩy mới với tốc độ nhanh. Việc khản trương tiếp tục di chuyển theo xu hướng hiện tại có nghĩa là giá tồn tương đối ít thời gian để đi tiếp xu hướng.

Trigger: Do đó, chúng ta đã sẵn sàng tham gia thị trường. Đơn giản chỉ là đợi cấu hình của chúng ta xuất hiện rồi mới vào lệnh.



Trong ví dụ này, chúng ta thấy rằng trong lần di chuyển VPOC thứ ba, giá thay vì tiếp tục đi lên thì đảo chiều đi xuống để lại hành động giá bên trái là vùng phân phối. Tiếp theo đó, các đợt di chuyển theo sau có lực đẩy đi xuống rất nhanh.

Mặc dù loại diễn biến miêu tả như trên là xảy ra trong ngày, trong quá trình phát triển của một phiên; nhưng thực tế là chúng có thể xuất hiện trong biểu đồ của các khung thời gian khác nhau và bản chất là không đổi. Nó có thể được phát triển trong quá trình của một phiên riêng lẻ, nó có thể được hình thành trong nhiều phiên hoặc thậm chí nó có thể được phát triển như một cấu trúc lâu dài hơn. Bất kể thời lượng của nó là bao nhiêu, logic cơ bản là hoàn toàn giống nhau.

5.7.6 Tìm Kiếm Và Hiệu Chỉnh Các Vị Trí

Các cấp độ giá sẽ sử dụng phụ thuộc vào loại profile được chọn theo phong cách giao dịch của bạn, nhưng nói chung logic sẽ hoàn toàn giống nhau:

Entry: Bất kể chúng ta đang ở trong xu hướng hay trading range, việc xác định các mốc hoạt động, chủ yếu là VWAP, VPOC và khu vực cao, VAH và VAL của vùng giá trị sẽ cực kỳ hữu ích để chúng ta chờ đợi một tín hiệu để mở lệnh.

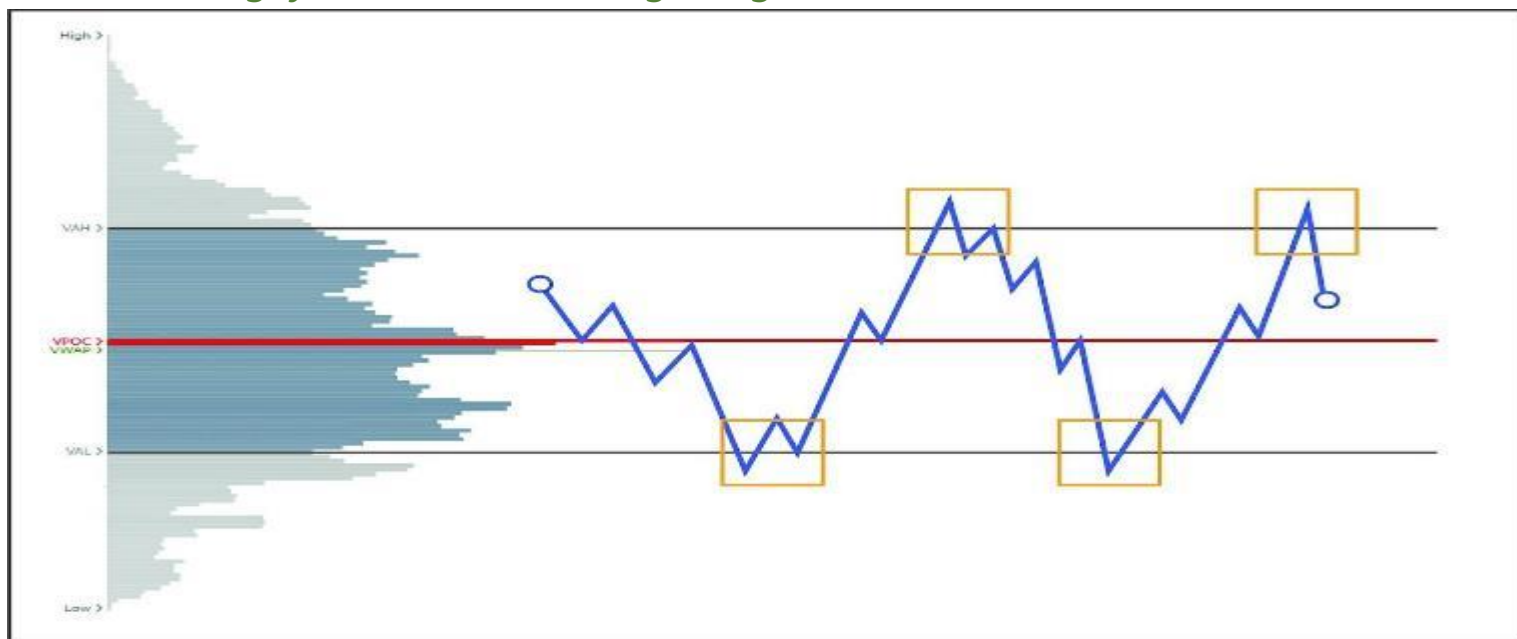
Stop loss: Đối với việc thiết lập lệnh cắt lỗ, chúng ta muốn xác định các khu vực mà trước đó đã bị từ chối; và đây là các vùng LVN. Giá đã tạo ra sự thay đổi đối với chúng và chúng ta hy vọng rằng trong tương lai chúng sẽ hành xử theo cách tương tự, do đó đây là một khu vực tuyệt vời để xác định điểm stop loss. Bên cạnh LVN, chúng ta càng có nhiều cấp độ hoạt động có lợi thì càng tốt.

Take Profit: Để thiết lập điểm chốt lời, chúng ta sẽ tìm kiếm các khu vực có lượng giao dịch lớn trước đó. Như chúng ta đã đề cập, các vùng HVN tạo ra sự hấp dẫn nhất định trong giá và do đó HVN là các khu vực tuyệt vời để xác định điểm chốt lời.

5.8 Nguyên Tắc Hoạt Động Với Vùng Giá Trị

Bất kể bạn chọn trở thành kiểu nhà giao dịch nào, và do đó bạn chọn khung thời gian và cấu trúc phù hợp được sử dụng, các nguyên tắc này là phổ biến đối với các vùng giá trị của một hồ sơ nhất định, cho dù đó là của phiên, xu hướng hoặc cấu trúc.

5.8.1 Nguyên Tắc Của Trading Range



Nếu giá nằm trong vùng giá trị, miễn là điều kiện thị trường không thay đổi, thị trường có khả năng tiếp tục tạo ra giá trị xung quanh điểm trung tâm, và theo đó, giá rất có thể sẽ bị từ chối khi nó đạt đến cực trị. Theo nguyên tắc Mua thấp và bán cao.

Trong biểu đồ sau, chúng ta thấy một ví dụ thực tế về nguyên lý của phạm vi giao dịch. Nó có thể là bất kỳ tài sản hoặc khung thời gian nào; những gì chúng ta phải xem xét là một volume profile phù hợp. Đối với cách tiếp cận trong khung ngày, bạn nên xem xét, tham khảo hồ sơ của phiên trước đó. Đối với các phương pháp tiếp cận với khung thời gian dài hơn, volume profile tuần hoặc volume profile kiểu tổng hợp (bao gồm nhiều hành động giá hơn) có thể hữu dụng.

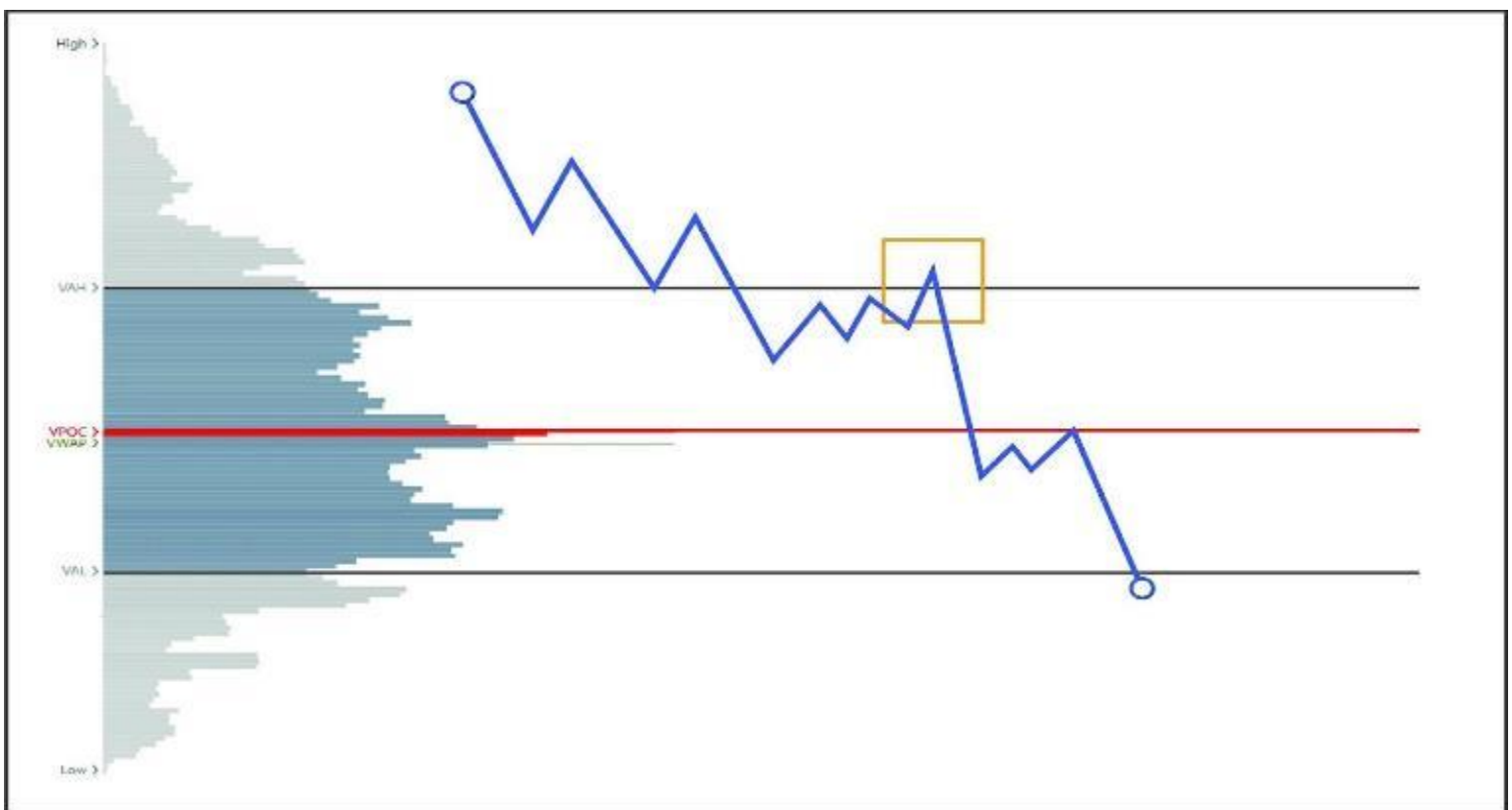
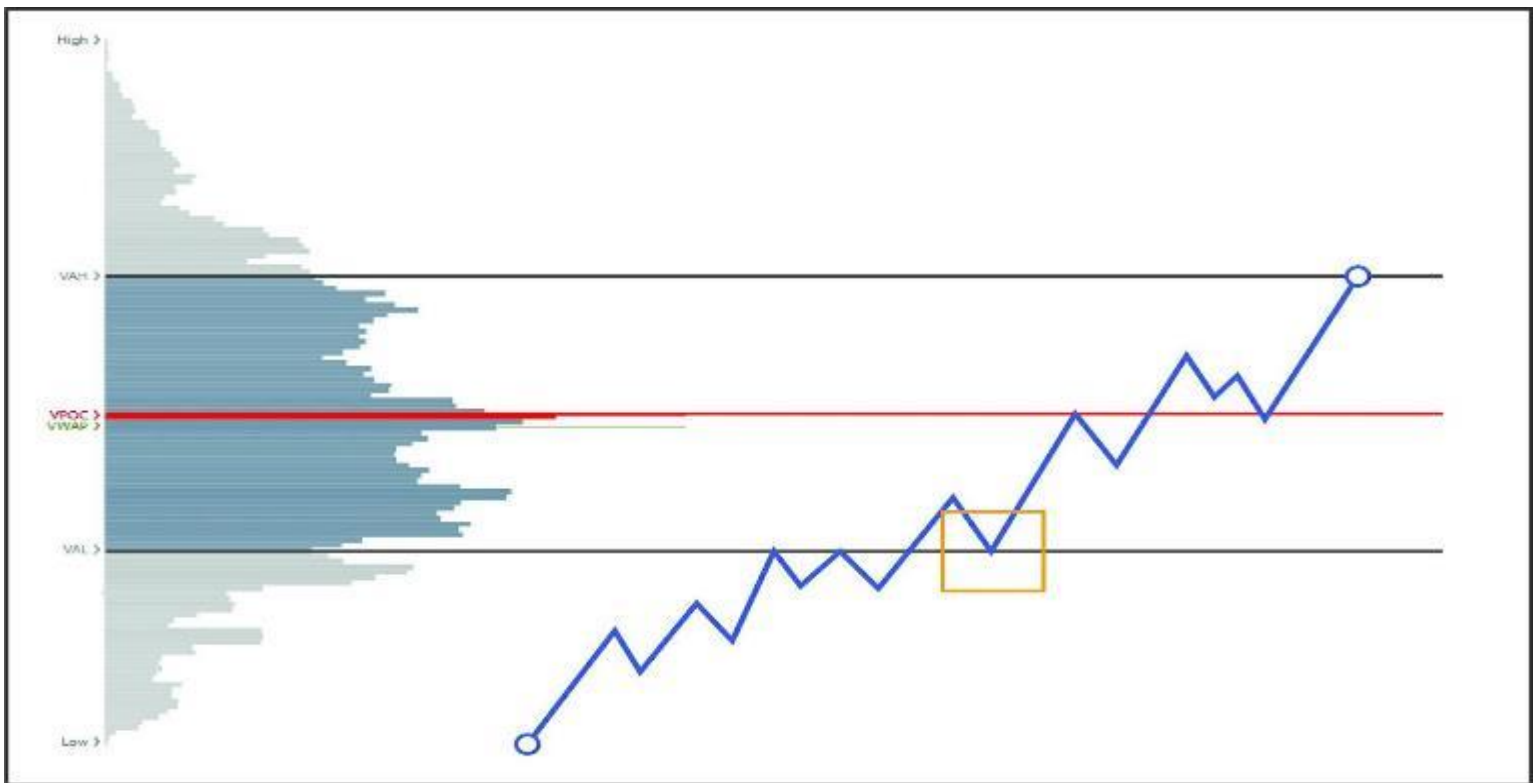


Điều thú vị trong trường hợp này là giá nằm trong vùng giá trị của ngày hôm trước, cho thấy sự cân bằng trên thị trường. Với ý tưởng cơ bản này, và miễn là tâm lý của những người tham gia không thay đổi, bất kỳ ý tưởng giao dịch nào cũng nên chờ đợi việc xuất hiện của sự đảo chiều ở các cực của vùng giá trị của nó, như được mô tả trong biểu đồ

ủa sự đảo chiều ở các vùng cực trị là một cú test vùng VPOC, là mục tiêu tham vọng nhất khi di chuyển qua toàn bộ vùng giá trị và đạt đến cực đối diện. mục tiêu tham vọng nhất là một chuyển động đi qua toàn bộ vùng giá trị và đạt đến cực ngược lại.

Như mọi khi, những giao dịch mang lại cho chúng ta sự tự tin hơn sẽ là những giao dịch có vị thế vào nằm ở vị trí hợp lưu của nhiều cấp độ hoạt động. Trong ví dụ về sự đảo chiều được đưa ra trên VAL, chúng ta thấy rằng giá cũng thực hiện kiểm tra trên VWAP tuần (đường màu xanh lá cây) và vùng kiểm soát cũ (VPOC đang phát triển).

5.8.2 Nguyên Tắc Của Sự Đảo Chiều



Nếu giá thành công trong việc cố gắng đi vào một vùng giá trị, rất có thể nó sẽ ghé thăm vùng cực trị đối diện của vùng giá trị đó. Thị trường đã từ chối giao dịch ở các mức giá này nên nó quay trở lại vùng giá trị trước đó. Thích ứng với quy luật Market profile - 80%.

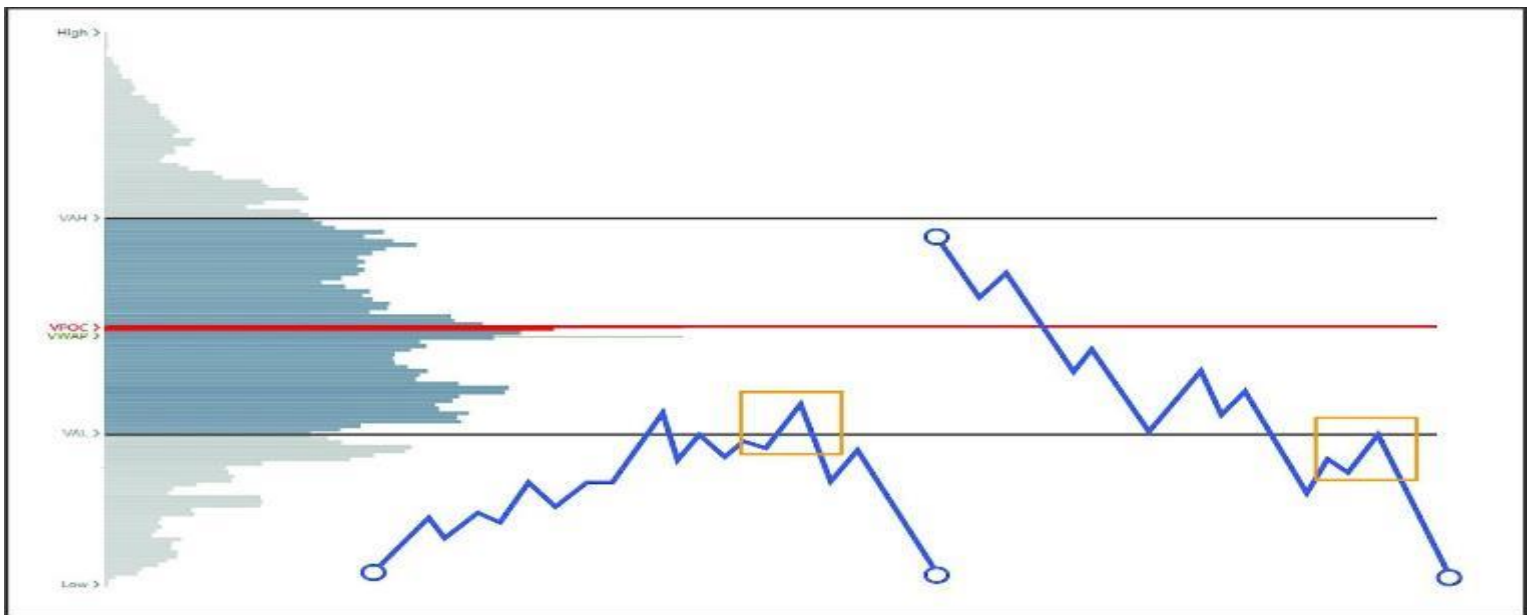
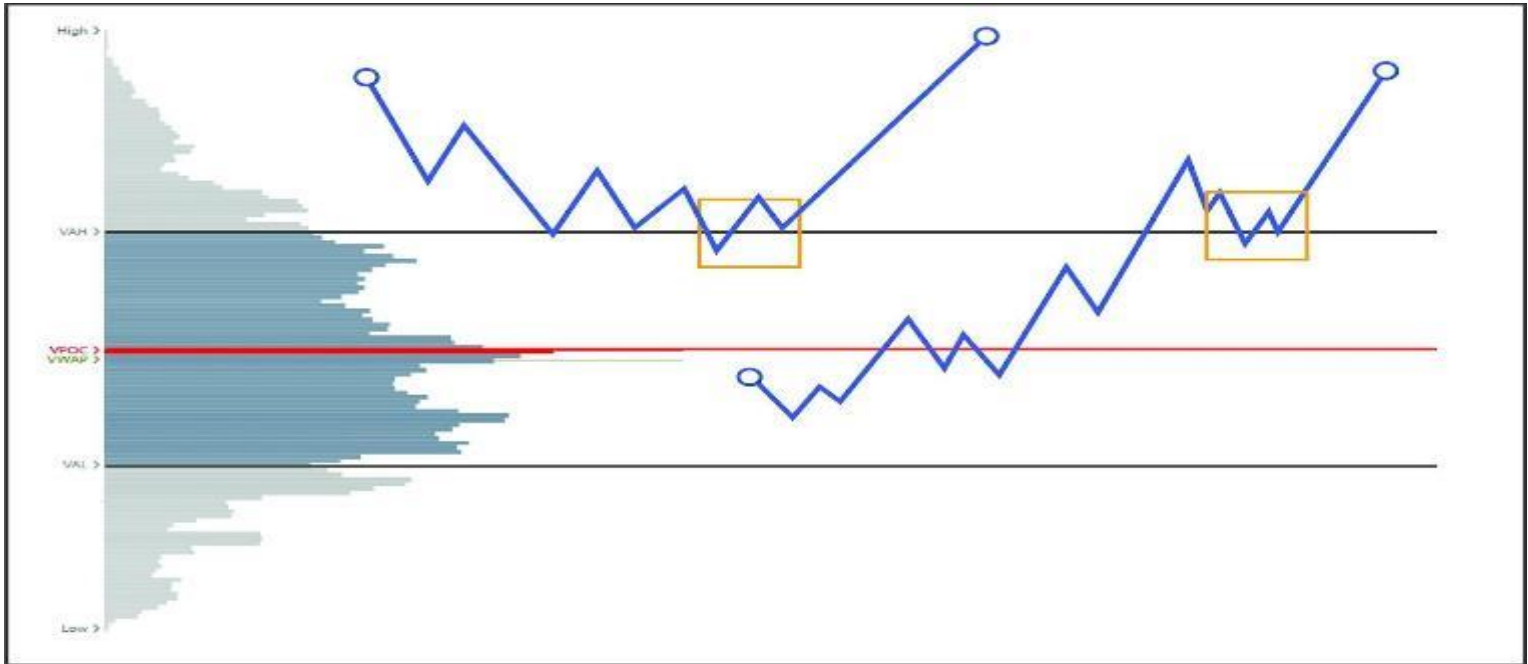
Trong biểu đồ này, chúng ta có thể thấy mức giá mở cửa của phiên cuối cùng cách xa vùng giá trị của ngày hôm trước bởi phần trên của nó, cho thấy sự mất cân bằng đi lên và do đó cho thấy ở đầu phiên sự kiểm soát nghiêng về phía phe mua. Sự kiểm soát này phải được xác nhận bằng cách giá chấp nhận sự mất cân bằng và chúng ta thấy thời điểm của sự thật đã đến như thế nào, ở vị trí có khả năng di chuyển vượt lên trên VAH, giá đã không thể vào lại vùng giá trị trước đó.(thất bại trong sự xác nhận)



Đây là một ví dụ rất dễ hiểu để biết tầm quan trọng của việc ghi nhớ cả kịch bản mua và bán để chuẩn bị và phản ứng kịp thời khi thị trường có tín hiệu báo cho chúng ta. Ban đầu, trong trường hợp này, chúng ta sẽ tìm kiếm sự tiếp diễn tăng giá ở phía trên của khu vực giá trị; nhưng thực tế cho thấy sự bất lực của xu hướng tăng giá và mức giá lại giảm về, kết quả là việc thăm dò tăng giá đó không được chấp nhận và do đó xác suất bây giờ là giá sẽ ghé thăm điểm đối diện của vùng giá trị cũ.

Sau lần giảm về lại ban đầu, một cú test đã diễn ra trên VAH kết hợp với VWAP tuần (đường màu xanh lá cây) để từ đó bắt đầu một xu hướng giảm đi qua toàn bộ vùng giá trị. Tại thời điểm đó, giá trở về trạng thái cân bằng, điều này được minh chứng bằng việc bật lên liên tục giữa các điểm cực trị của Vùng giá trị.

5.8.3 Nguyên Tắc Tiếp Diễn



Nếu giá cố gắng đi vào một vùng giá trị và không thành công khi bị từ chối ở phần cuối của VA hoặc ở nơi khác, rất có thể giá sẽ bắt đầu mất cân bằng theo xu hướng đó.

Đây là cú test sau khi giá breakout. Giá để lại một vùng giá trị và tạo ra sự chấp nhận. Sự chấp nhận này có nhiều khả năng là định hướng thiên theo hướng của cú breakout đó.

Cần ý thức rõ ràng là giá có thể đến từ bên ngoài vùng giá trị đó hoặc từ bên trong vùng giá trị. Trong cả hai trường hợp, logic hoạt động hoàn toàn giống nhau.

Trong ví dụ sau, chúng ta thấy trên biểu đồ thực sự phát triển của nguyên tắc hoạt động tiếp diễn này theo diễn biến của nó, trong đó giá đến từ bên ngoài của volume profile hiện tại.



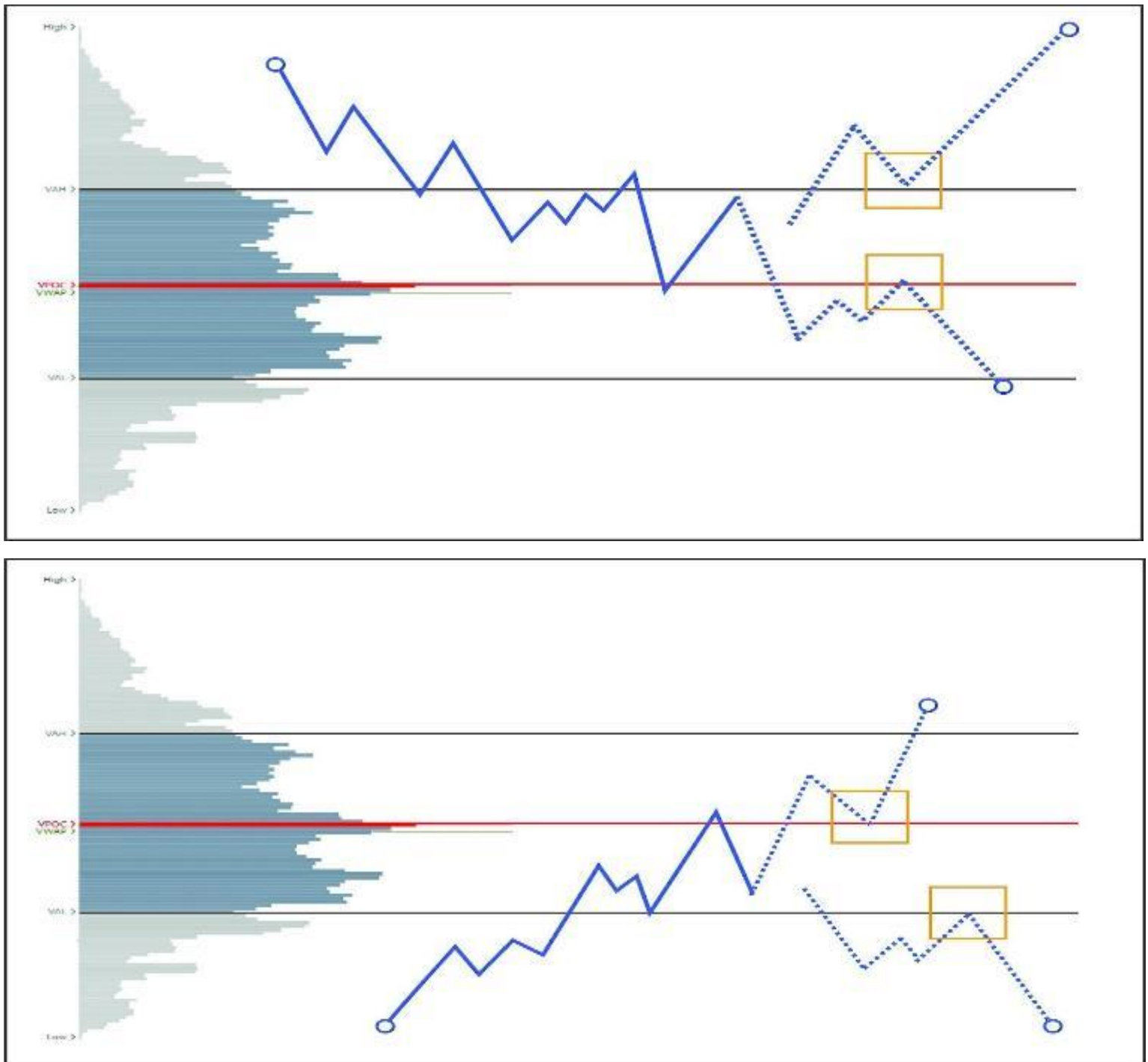
Tại thời điểm mở cửa giá ở trên VAH của volume profile, do đó, cách giải thích đầu tiên mà chúng ta phải đưa ra là đã có sự mất cân bằng theo xu hướng tăng trong đó người mua đã di chuyển giá thoát khỏi giá trị cuối cùng của nó (breakout khỏi vùng giá trị).

Với lý do cơ bản này, thị trường dường như cho thấy rằng bên mua đang kiểm soát, kịch bản đầu tiên sẽ là chờ đợi một cú test nào đó trước khi giá tiếp tục phát triển theo hướng xuất hiện sự mất cân bằng, trong trường hợp này là xu hướng tăng.

Đầu ngày, giá đi ngang một chút, sau đó quay lại vùng VAH nơi nó tạo ra xu hướng tăng và có thể mang lại cho chúng ta cơ hội để thực hiện lệnh mua.

Các nhà giao dịch Wyckoff tinh nhuệ nhất sẽ có thể xác định ngay cả một sơ đồ tái tích lũy ngay từ đầu phiên giao dịch, hành động test này như một vùng Spring tiềm năng của cấu trúc đó. Đây là một ví dụ rất tốt để nhận ra tầm quan trọng của bối cảnh: trong các vùng có sức mua cao, chúng ta muốn thấy các vùng tích lũy tiềm năng, giống như trường hợp trên đây.

5.8.4 Nguyên Tắc Đảo Chiều Không Thành Công



Nếu giá cố gắng đi vào một vùng giá trị nhưng bị từ chối mạnh mẽ ở vùng VPOC của trading range đó thì hoạt động đảo chiều (sóng hồi) sẽ bị hủy cho đến khi xuất hiện hành động giá tiếp theo.

Nếu nó thành công trong việc quay lại phần cuối của vùng giá trị (VAH hoặc VAL), thì hoạt động tiếp diễn sẽ bắt đầu; trong khi nếu cuối cùng nó break được VPOC một cách hiệu quả, thì kịch bản đảo chiều sẽ tiếp tục xuất hiện với mục đích test điểm cuối đối diện của vùng giá trị.



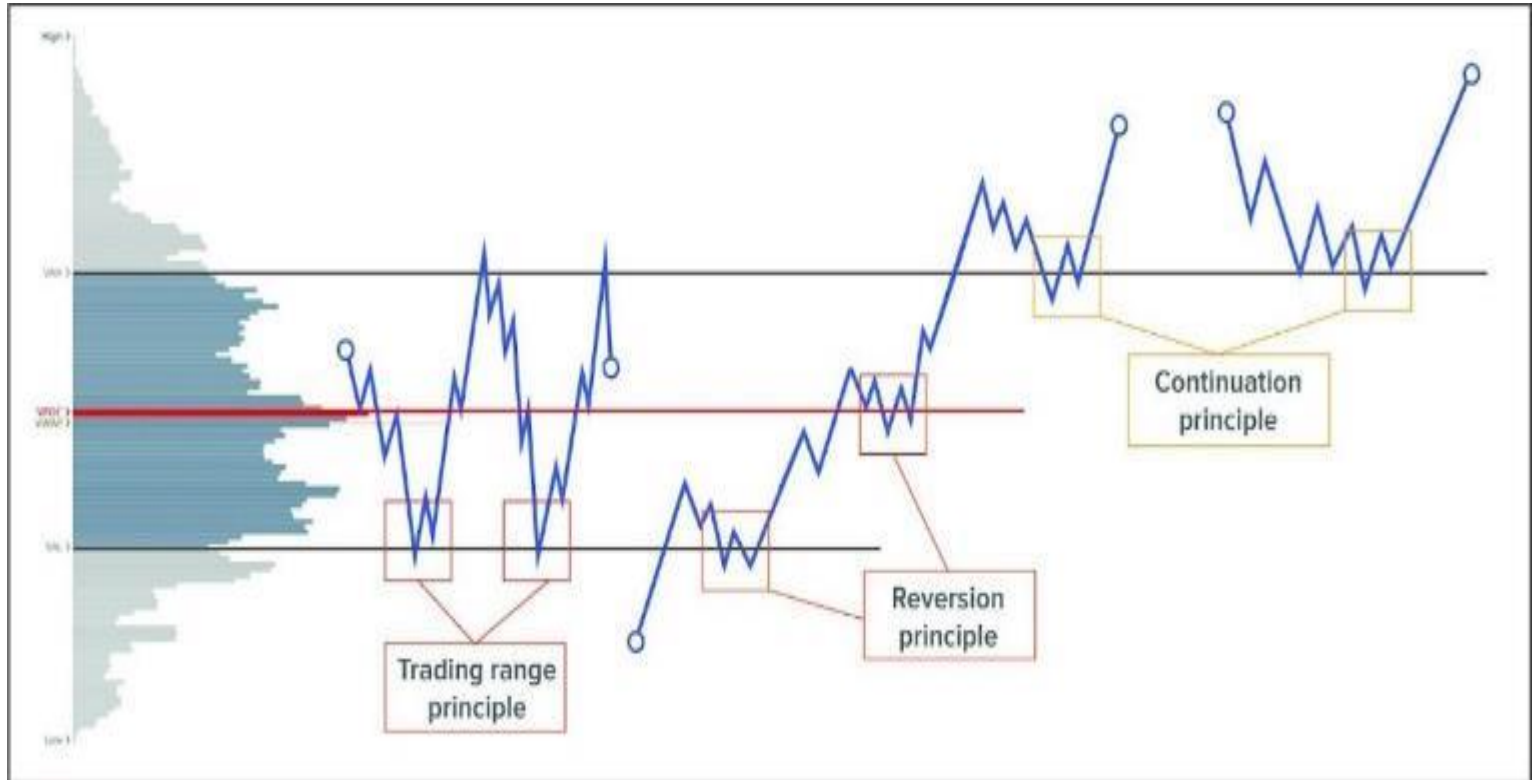
Phiên hiện tại được mở cửa ở dưới vùng giá trị trước đó nên lập luận đầu tiên là thị trường đang mất cân bằng và khả năng xu hướng giảm sẽ cần phải được xác nhận.

Trong vùng đầu tiên để chờ xác nhận quyền kiểm soát của người bán (VAL), giá đã hủy bỏ kịch bản người bán nắm quyền kiểm soát này và quay lại vùng giá trị, hình thành hoạt động đảo chiều. Sau này ta sẽ thấy, bất kỳ giao dịch nào cũng nên được quản lý lại khi giá chạm tới mốc hoạt động gần nhất; và trong trường hợp này, lệnh mua tiềm năng tại VAL cần phải được quản lý lại ở VPOC của phiên trước.

Sau khi đạt đến mức VPOC đó, người bán xuất hiện, làm mất cân bằng thị trường một lần nữa và gây ra một đợt giảm giá mạnh. Phản ứng mạnh mẽ này đẩy giá ra khỏi vùng giá trị một lần nữa, thay đổi tâm lý thị trường và tại thời điểm đó diễn biến của sự đảo chiều đã thất bại xu hướng giảm sẽ tiếp diễn.

Bây giờ bạn thực hiện một cú test thành công ở VAL để bắt đầu xu hướng giảm tại đó với các mục tiêu khả thi trong VWAP tuần và ở naked VPOC bên dưới.

5.8.5 Bảng Tóm Tắt Các Nguyên Tắc Hoạt Động Với Các Vùng Giá Trị



Chương 6, Order Flow

Khi chúng ta hiểu sâu về tính chủ quan liên quan đến phân tích Order Flow, chúng ta sẽ tự hỏi liệu việc sử dụng Order Flow có ích lợi gì không?

Nói chung, thời điểm hữu ích duy nhất khi xem xét biểu đồ và nhìn vào bên trong cây nến để phân tích Order Flow là khi giá chạm đến các vùng hoạt động (Operating Area) nơi chúng ta dự tính sẽ xuất hiện sự mất cân bằng để chúng ta có thể mở lệnh (mọi thứ đều tùy thuộc vào bối cảnh).

Hiểu rõ rằng ẩn sau việc khớp lệnh có những ý đồ khác nhau, những gì chúng ta trông đợi ở những sự mất cân bằng này là sự tham gia của các nhà khai thác lớn bằng lòng chấp nhận rủi ro, đầu cơ, mở vị thế theo xu hướng này hoặc xu hướng khác. Chúng ta sẽ không bao giờ biết chắc liệu những gì chúng ta đang thấy thực tế có phải là những lệnh giao dịch định hướng hay không và đó là lý do tại sao chúng ta chỉ hạn chế sử dụng công cụ này trên các vùng hoạt động chính (Key Operating Areas).

Như đã biết, phân tích footprint có thể được thực hiện theo nhiều cách khác nhau dựa trên giao thức mô tả. Đặc biệt, tôi thấy trực quan hơn khi quan sát biểu đồ thông qua một cấu hình được gọi là Volume Ladder. Loại Footprint này cho phép chúng ta quan sát số lượng giao dịch được thực hiện trong các cột khác nhau.

($BID \times ASK$) trong khi khối lượng giao dịch ở mỗi mức giá bên trong cây nến được biểu thị dưới dạng histogram.

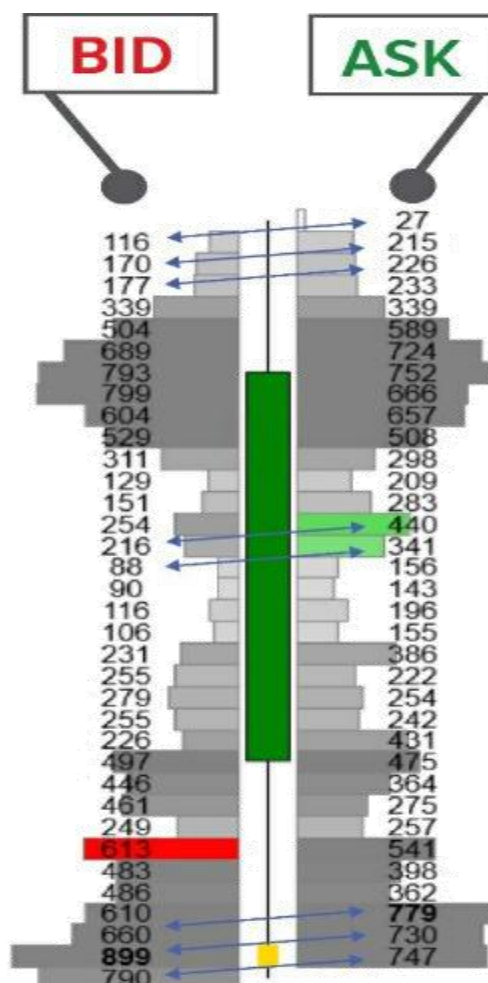
6.1 Đọc Footprint

Điều đầu tiên cần làm rõ là việc đọc hiểu order flow được thực hiện theo đường chéo chứ không phải theo chiều ngang. Điều này là do bản chất của thị trường trong đó những người tham gia có thể giao dịch theo nhiều cách khác nhau.

Người mua có thể tham gia thị trường một cách thụ động bằng cách để lại yêu cầu của họ ở cột BID hoặc chủ động bằng cách tác động trực tiếp lên cột ASK. Người bán có thể tham gia bằng cách đặt giá bán của họ trên ASK hoặc bằng cách tác động trực tiếp lên cột BID bằng lệnh market.

Do đó, những người tham gia thị trường có hai mức giá để giao dịch: BID và ASK. Không có một mức giá duy nhất nào mà tất cả những người tham gia có thể giao dịch cùng một lúc. Giả sử nếu trường hợp này xảy ra thì việc thực hiện phân tích footprint theo chiều ngang thay vì phân tích đường chéo sẽ phù hợp hơn.

Đó là lý do tại sao để đánh giá độ mạnh yếu của những người tham gia thị trường ở một mức giá nhất định, chúng ta cần luôn so sánh các lệnh được thực hiện theo đường chéo chéo lên: từ một mức ở cột BID chéo lên mức cao hơn trong cột ASK.



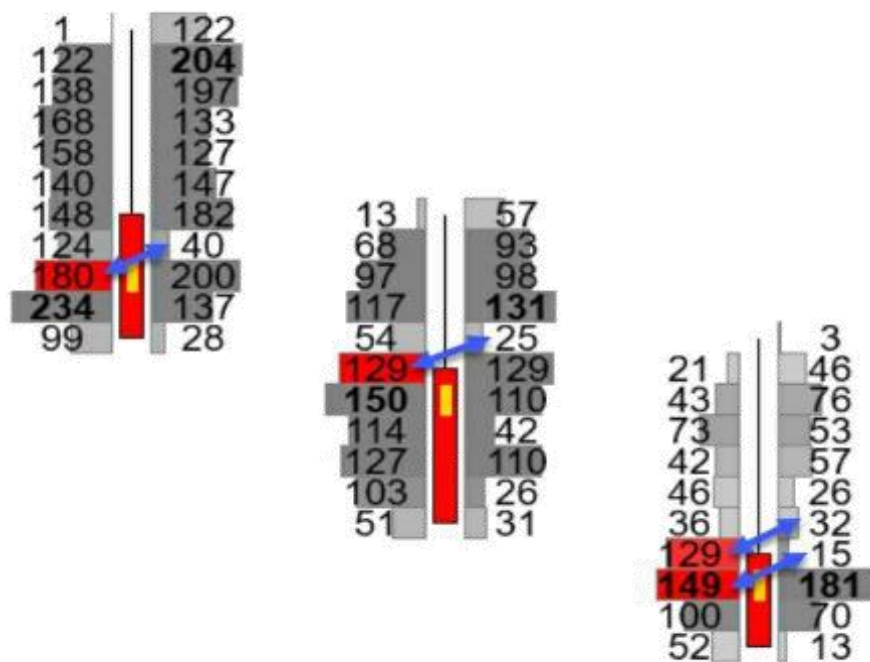
6.2 Sự Mất Cân Bằng

Nhiều hành động quan trọng được cố gắng xác định trong phân tích order flow có liên quan đến sự mất cân bằng. Hành vi này bao gồm một số lượng lớn hợp đồng được giao dịch ở một trong các cột và đồng thời số lượng đồng ít hơn ở cột đối diện (theo đường chéo).

Cần phải tính đến rằng sự mất cân bằng này cần phải tuân theo một số thông số tối thiểu để xác định nó chính xác là sự mất cân bằng. Thực tế nếu chỉ đơn giản một khối lượng lớn hơn xuất hiện ở cột đối diện thì là không đủ, cần phải có một sự khác biệt không cân đối về khối lượng. Và sự khác biệt này có thể được tham khảo bằng tạo ra cấu hình nền tảng để hiển thị những sự mất cân bằng này khi sự chênh lệch 200%, 300% hoặc 400% xuất hiện giữa các mức được so sánh. Điều này có nghĩa là trên một cột số lượng hợp đồng gấp 2, 3 hoặc 4 lần so với cột đối diện.

Nhiều nhà giao dịch cũng tăng tối thiểu số lượng hợp đồng giao dịch để điều chỉnh sự mất cân bằng. Nếu bạn có kiến thức chuyên sâu về thị trường mà bạn tham gia, bộ lọc này sẽ giúp bạn tinh chỉnh hơn nữa việc xác định các điểm mất cân bằng đó.

Việc sử dụng các tỷ lệ phần trăm này cho phép sự phân tích được điều chỉnh tốt hơn với các điều kiện thị trường và tăng thêm độ tin cậy vì đây là các giá trị mục tiêu.



Trong ví dụ này, chúng ta thấy sự mất cân bằng nghiêng về phía BID với mức chênh lệch là 400%; nói cách khác, số lượng hợp đồng ở BID nhiều hơn gấp 4 lần so với ASK khi so sánh theo đường chéo đối diện.

Việc phân tích nhằm phát hiện những mất cân bằng có thể xảy ra về bản chất được thực hiện dưới dạng so sánh vì hai lý do:

1. Bởi vì nó xem xét mức của cột đối diện để xác định rằng thực sự là có sự mất cân bằng.
2. Bởi vì nó phụ thuộc vào khối lượng hoạt động trên thanh nền cụ thể đó. Nếu một hành động như vậy xảy ra vào một thời điểm khác (nơi thường có khối lượng lớn hơn được giao dịch) thì nó có thể không được coi là một sự mất cân bằng.

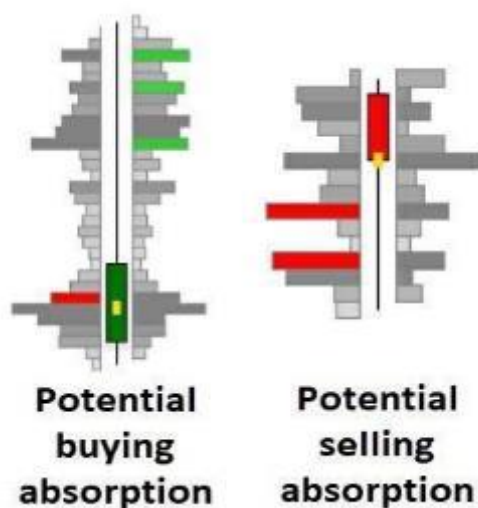
6.3 Rotation Pattern

Phân tích order flow liên quan đến nhiều concepts. Trong một nỗ lực để đơn giản hóa và cố gắng khách quan hóa cách hiểu của nó, và vì chúng ta sẽ chỉ tiến hành phân tích nó trong các tình huống giao dịch tiềm năng (potential operating situations), chúng ta sẽ tìm kiếm các sự kiện dự báo sự biến động của thị trường: sự hấp thụ tiềm năng và khởi đầu xu hướng.

Absorption - Sự Hấp Thụ

Nó là một khối được tạo thành bởi các lệnh limit. Có những nhà giao dịch lớn không muốn giá tiếp tục theo xu hướng hiện tại và trước tiên họ tạo các lệnh thụ động (limit) để khiến xu hướng dừng lại.

Điều thú vị là sau khi đặt các lệnh thụ động như vậy, giá có rất ít hoặc không có chuyển động theo xu hướng này nữa. Đôi khi các quy trình này sẽ mất nhiều thời gian hơn và các nhà giao dịch lớn sẽ buộc phải thực hiện một hành động như vậy lặp đi lặp lại trên một loạt các mức giá, với khả năng hấp thụ được thể hiện rõ trên nhiều dấu chân (footprint).



Khi xác định khả năng có thể xảy ra của sự hấp thụ ban đầu, chúng ta mong muốn nó xuất hiện với một khối lượng tương đối lớn. Dữ liệu này sẽ giảm thiểu khả năng chúng ta đang ở sai thời điểm trên thị trường mà hành động đó không thực sự diễn ra.

Mặt khác, bất kể đây là cây nến biểu thị lệnh mua hay lệnh bán, giá đóng cửa của nó phải chống lại sự mất cân bằng. Để coi hành vi đó như là dự báo khả năng

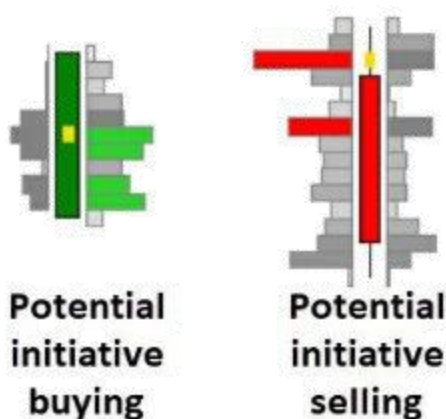
xảy ra sự hấp thụ mua, chúng ta muốn có sự mất cân bằng ở cao hơn giá đóng cửa; và trong trường hợp dự báo khả năng xảy ra sự hấp thụ bán nó phải thấp hơn giá đóng cửa. Đây là minh chứng lớn nhất cho sự dừng nghỉ và từ chối tiếp diễn xu hướng đó.

Như với bất kỳ hành động thị trường nào khác, điều này được xác nhận hoặc bác bỏ bởi phản ứng sau đó. Nếu chúng ta quan sát thấy một khối lượng giao dịch lớn, khả năng hấp thụ tiềm năng và giá không thể tiếp tục di chuyển theo hướng đó, thì khả năng chúng ta đang thực sự đổi mặt với việc hấp thụ gia tăng.

Initiative - Sự khởi đầu (của xu hướng mới)

Như chúng ta đã nói, các lệnh thị trường không có khả năng làm giá di chuyển, mà phải là các lệnh chủ động để thúc đẩy giá thay đổi xu hướng.

Nếu phân tích trên chính xác và chúng ta đang ở đúng vị trí , sau khi thấy xuất hiện khả năng hấp thụ, sự khởi đầu của xu hướng mới sẽ là tín hiệu xác thực để xác nhận xu hướng thị trường mà chúng ta mong muốn.



Sự khởi đầu này được thể hiện dưới dạng các giao dịch lớn được thực hiện với các lệnh thị trường trên cột mà chúng ta vào lệnh: Nếu chúng ta muốn mua, chúng ta sẽ tìm kiếm sự chủ động trong cột ASK và nếu chúng ta muốn bán, chúng ta sẽ tìm kiếm sự chủ động trong cột BID.

Một lần nữa, chúng ta nhắc lại nguyên tắc rằng tất cả các hành động phải được xác nhận hoặc từ chối bởi phản ứng tiếp theo của thị trường. Nếu chúng ta thấy một sự khởi sinh có thể xảy ra, ngay đó là sự thay đổi xu hướng giá thì chúng ta có thể xác nhận hành động đó.

Sự khởi đầu và khối lượng lớn giao dịch này dễ nhận ra khi ta theo dõi chúng vì sự mất cân bằng so với các mức còn lại của cùng kỳ rất rõ ràng. Một số tác giả sử dụng điều kiện này để chỉ một số sự mất cân bằng cùng xảy ra. Mặc dù đúng là chúng ta quan sát thấy càng nhiều sự mất cân bằng, thì cách tiếp cận sẽ càng mạnh; cấu hình của sự mất cân bằng có ảnh hưởng lớn đến sự thể hiện của nó vì cấu hình phần mềm không giống nhau khi mô tả sự mất cân bằng là 400% và 150% trong đó 150% xuất hiện thường xuyên hơn nhiều.

Không giống như sự hấp thụ, trong trường hợp của sự khởi đầu tiềm năng, chúng ta mong muốn giá đóng cửa tương thích với sự mất cân bằng; nghĩa là, trong trường hợp khởi sinh mua, chúng ta mong muốn sự mất cân bằng ở dưới cùng của thanh nến; và ở trên cùng trong trường hợp khởi sinh bán. Tín hiệu này dự báo có sự hài hòa giữa hành động đó và xu hướng tức thì tiếp theo của giá.

Về bản chất, thanh nến biểu thị sự khởi sinh này giống như SOS / SOW trong phương pháp Wyckoff và do đó nó phải tuân theo các đặc điểm chung của chúng:

- Khối lượng tương đối cao.
- Biên độ lớn.
- Đóng ở vùng cực trị.

Đôi khi mô hình đảo chiều thị trường (a market rotation pattern) như vậy có thể được quan sát trong một hoặc hai cây nến (V-turn). Trong những trường hợp khác, sau khi thấy sự hấp thụ tiềm năng, thị trường sẽ cần tiêu tốn thêm thời gian trước khi sự khởi sinh xuất hiện. Trong trường hợp thị trường cần thêm thời gian trước khi xuất hiện sự xoay chiều hiệu quả, điều mà chúng ta mong muốn để thêm phần chắc chắn cho khả năng xảy ra sự hấp thụ là hành vi dừng lại của giá trong đó thị trường không thể tiếp tục xu hướng hiện tại của nó. Đây là một ví dụ rất rõ ràng về các diễn biến xảy ra khi có sự hấp thụ

6.3.1 Mô Hình Đảo Chiều Giảm: Sự Hấp Thụ Mua Và Khởi Đầu Của Xu Hướng Giảm

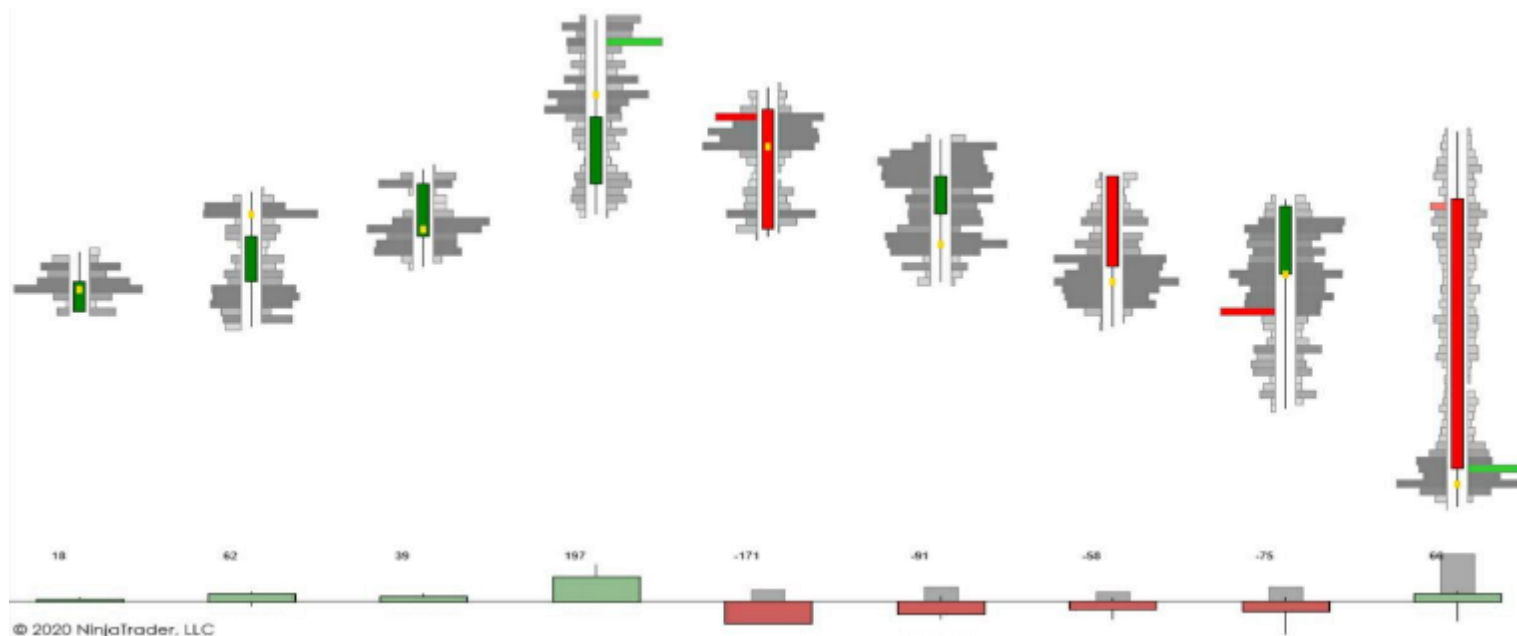
Nếu tại thời điểm hiện tại, chúng ta mong muốn giá tiếp cận tới điểm mở lệnh bán, chúng ta sẽ quan sát phía bên trái của biểu đồ để xác định bất kỳ tín hiệu nào cho thấy có thể có sự hấp thụ các lệnh buy market.

Như chúng ta đã thấy với việc gặp nhau của các lệnh (market và limit), các lệnh buy market được hấp thụ bởi các lệnh sell limit và sự tương tác này xuất hiện trong cột ASK. Do đó, những gì chúng ta muốn xem như một ví dụ về khả năng hấp thụ các lệnh mua là có một số lượng lớn giao dịch diễn ra trong cột ASK tại vùng hoạt động hoặc vùng lân cận xung quanh.

Nhưng chúng ta sẽ không thể sử dụng bất kỳ vị trí nào cho những giao dịch lớn này, lý tưởng nhất là nhìn thấy chúng ở đỉnh nến, bởi vì trong trường hợp các nhà khai thác lớn tham gia vào thị trường bằng lệnh limited sell, họ sẽ đưa ra mức giá bán cao (họ mua rẻ và bán đắt).

Chỉ xem xét mức hấp thụ khả thi này là không đủ điều kiện để chúng ta quyết định mở lệnh. Chúng ta cần thấy rõ sự quyết liệt của phe bán và chúng ta xác định điều này với sự xuất hiện số lượng giao dịch lớn trong cột BID. Một cách khách quan, footprint của cột BID là việc thực hiện các lệnh bán chủ động (sell market) và trong bối cảnh này, chúng ta hiểu rằng nguồn gốc và mục đích của các lệnh đó là vào thẳng thị trường bằng cách tạo thêm áp lực bán.

Vị trí lý tưởng mà chúng ta muốn các giao dịch lớn này xuất hiện là ở trên cùng của footprint. Ngoài ra, nếu sau đó chúng ta thấy giá có sự thay đổi theo hướng giảm, ta sẽ xem xét một footprint khác, cái mà cho thấy sự tham gia quyết liệt của người bán, theo phương pháp luận của chúng ta, nó có thể được thấy trên biểu đồ dưới dạng cây nến SOW - Sign of Weakness bar.



Trong ví dụ này, chúng ta thấy cách mô hình hấp thụ lực mua và sự khởi đầu của xu hướng giảm đã xuất hiện như thế nào trong quá trình phát triển của hai thanh nến liên tiếp. Đây là ví dụ chính xác cho những gì chúng ta đang tìm kiếm: giá tiếp cận vùng hoạt động bằng một chuyển động cho thấy sự thiếu “quan tâm”, một chuyển động theo xu hướng chung với sự mất cân bằng trong ASK xảy ra ở phần trên của thanh nến, theo sau đó là một thanh nến có sự mất cân bằng trong BID cũng ở phần trên của nó, nó đạt được sự dịch chuyển đi xuống nhất định và đóng cửa ở mức tối thiểu của thanh nến (SOW bar). Chúng ta cũng thấy một sự đảo chiều rõ ràng trong Delta từ +197 đến -171, cho thấy sự thay đổi trong quyền kiểm soát nghiêng về phía người bán, điều này được xác nhận bởi xu hướng giảm ngay sau đó.

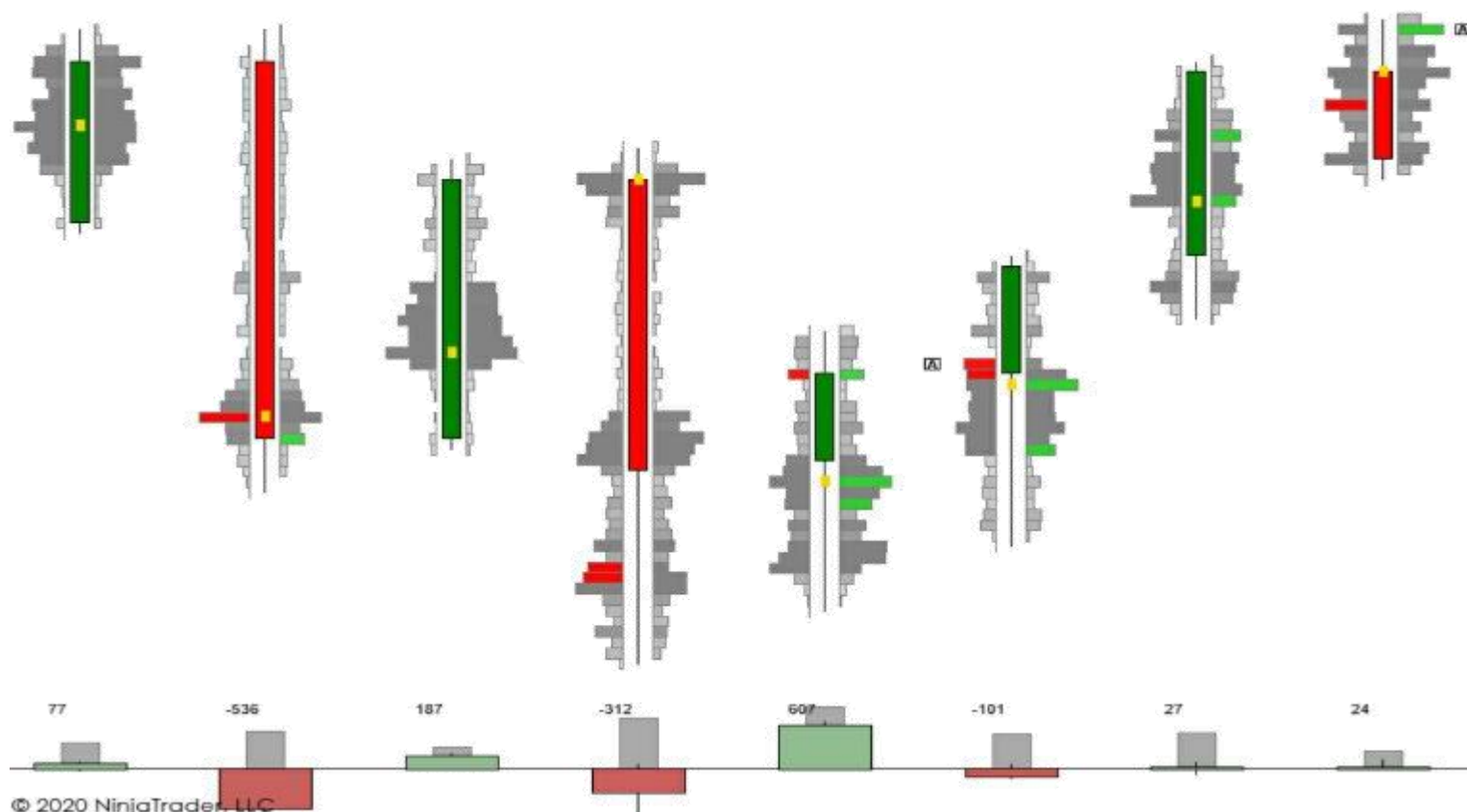
6.3.2 Mô Hình Đảo Chiều Tăng: Sự Hấp Thụ Lực Bán Và Khởi Đầu Trend Tăng

Trong bối cảnh chờ đợi sự phát triển của kích hoạt mua, trước tiên chúng ta sẽ tìm kiếm bằng chứng cho thấy sự hấp thụ lực bán. Trái ngược với những gì đã giải thích ở trên, sự hấp thụ này được thể hiện bằng sự hoạt động mạnh ở cột BID. Sự hấp thụ là một block đơn giản, trong trường hợp này, giá không bị giảm xuống. Tất cả các lệnh bán tấn công cột BID đều được khớp với lệnh buy limit khiến giá không thể giảm xuống. Đó là một tín hiệu rất quan trọng của sự tích lũy chuyên nghiệp.

Về vị trí của những cuộc giao dịch lớn này, chúng ta mong muốn thấy chúng ở phần dưới của foot print như một phản ánh trung thực của sự “tắc nghẽn”. Nếu chúng ta thấy những khối lượng khổng lồ này ở trên đỉnh, sẽ ít có khả năng đó là sự hấp thụ lực bán

Sau đó, những gì chúng ta muốn thấy là sự khởi sinh lực mua: một cuộc tấn công vào cột ASK sẽ cho thấy ý định tham gia thị trường một cách có định hướng của phe mua bằng cách làm cho giá tăng. Chúng ta mong muốn sự mất cân bằng này vẫn nằm dưới giá đóng cửa của thanh nền, điều này sẽ cho thấy rằng sự hưng hân của phe mua này sẽ tiếp diễn xu hướng tăng.

Về bản chất, một cây nến SOS chính xác sẽ có dạng như vậy, sự hưng hân từ phía các nhà khai thác lớn, những người thành công trong việc tạo ra sự thay đổi lớn về giá. Sự khác biệt là thông qua phân tích các cây nến, chúng ta thấy sự đại diện cuối cùng (đại diện cho lực mua hay lực bán) chứ không phải diễn biến của sự gặp nhau của các lệnh (limit và market) diễn ra bên trong nó.



Ở đây, chúng ta thấy một biểu đồ đúng lý thuyết về một sự đảo chiều tăng. Nếu chúng ta nhìn vào nó, trước khi đảo chiều, chúng ta đã thấy một sự hấp thụ tiềm năng trên thanh cột delta được đánh dấu số -536. Đây là một ví dụ rất rõ ràng về tầm quan trọng của Delta. Sau điểm -536 này là một cây nến xanh, đây là dấu hiệu đầu tiên cho thấy chúng ta có thể đang xem xét một đợt mua lại vì nếu đợt khớp lệnh ở đó thực sự là từ lực bán mạnh thì theo đúng logic giá sẽ tiếp tục giảm. Thay vào đó, giá phản ứng bằng cách tăng lên; nhưng cây nến tăng này không chắc chắn vì một mặt nó không để lại bất kỳ sự mất cân bằng nào hỗ trợ cho xu hướng tăng, và mặt khác, delta của nó quá nhỏ so với những gì đã thấy trước đó. Có lẽ hầu hết thị trường vẫn chưa sẵn sàng cho xu hướng tăng.

Và đó là khi nó phát triển sự đảo chiều hiệu quả trong mô hình chỉ có hai cây nến. Sự hấp thụ mới có thể được nhìn thấy trong cây nến giảm lớn đầu tiên đi kèm với delta -312 và sau đó, thanh nến khởi sinh xu hướng tăng xuất hiện với sự mất cân bằng trong cột ASK, khối lượng giao dịch tương đối cao và delta +607 cho thấy một sự đảo chiều rõ ràng nghiêng về phía người mua.

6.4 Mô Hình Tiếp Diễn

Các mô hình tiếp diễn chủ yếu giúp chúng ta xác nhận hướng bắt nguồn từ sự đảo chiều trước đó cũng như cho phép chúng ta xác định các điểm cần tìm kiếm để đánh thuận theo khi một chuyển động theo xu hướng đang diễn ra.

Mô hình này bao gồm hai hành động: tạo ra sự kiểm soát và kiểm tra phản ứng theo sau nó.

Sự kiểm soát

Mô hình này là dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy sự quan tâm đối với một xu hướng. Nó được thể hiện bằng sự mất cân bằng trên foot print. Về bản chất, nó giống như sự khởi đầu của xu hướng chỉ khác biệt duy nhất là nó xảy ra khi sự dịch chuyển đã bắt đầu.

Mặc dù chúng ta có thể xác định sự kiểm soát chỉ bằng một sự mất cân bằng, nhưng điều nên làm nhất là đợi sự xuất hiện của ít nhất hai sự điều khiển. Logic là các nhà giao dịch có khả năng tạo ra càng nhiều sự mất cân bằng, thì khu vực đó sẽ càng mạnh. Một lần nữa cần phải nhớ rằng tùy thuộc vào cách bạn setup tỷ lệ cho phần mềm mà nó sẽ hiển thị nhiều hoặc ít sự mất cân bằng. Do đó, không cần thiết phải giới hạn cụ thể số lượng sự mất cân bằng vì như thế sẽ không mang tính khách quan. Thực tế là không cần phải có hai hoặc ba sự mất cân bằng mà ngay cả khi chỉ có một sự mất cân bằng thì sự kiện đó cũng có thể được coi là biểu thị của sự kiểm soát.

Điều này là do hành động kiểm soát không chỉ là về sự mất cân bằng; mà còn về các đặc điểm khác như chiều cao thân nến, mức giá đóng cửa của thân nến và khối lượng giao dịch.

Do đó, chúng ta xác định sự kiểm soát theo hướng tăng giá khi ta thấy sự mất cân bằng trong cột ASK xuất hiện trên một cây nến có khối lượng lớn, đóng cửa ở một phần ba phía trên của tổng độ dài cây nến đó. Tốt hơn là chiều cao của cây nến càng nhỏ thì hành động càng mạnh (nến pinbar tăng).

Tương tự, chúng ta xác định sự kiểm soát theo hướng giảm khi có sự mất cân bằng trong cột BID trên cây nến giảm có khối lượng giao dịch lớn đóng ở một phần

ba phía dưới của phạm vi (nên pinbar giảm-chiều cao của toàn bộ cây nến càng lớn càng tốt).

Nếu chúng ta không có khả năng vào lệnh ở mô hình đảo chiều sau khi thấy sự hấp thụ và khởi đầu xu hướng, việc giá tạo ra những sự kiểm soát sẽ cung cấp một khả năng mới để vào lệnh thuận theo xu hướng miễn là vẫn còn một khoảng cách đáng kể so với mức mà chúng ta nhắm làm mục tiêu.

Những người tham gia thị trường đã tạo ra mô hình mà khối lượng các hợp đồng chủ động lớn hơn nhiều lần so với khối lượng các hợp đồng ở phía cột đối diện. Hành động này rất phù hợp vì nó không phải là một sự mất cân bằng đơn thuần và riêng lẻ, mà chúng có đủ động lực để tạo ra ba sự mất cân bằng liên tiếp ở các mức giá khác nhau.

Nếu sau khi nhìn thấy một mô hình đảo chiều, chúng ta quan sát thấy sự xuất hiện như vậy qua foot print, điều đó sẽ tăng thêm sự chắc chắn rằng chúng ta đang quan sát thấy hành động của smart money.

Test sự kiểm soát

Đây là một sự chuyển động để test một khu vực trước đó nơi mà các nhà giao dịch đã tham gia thị trường bằng các lệnh chủ động.

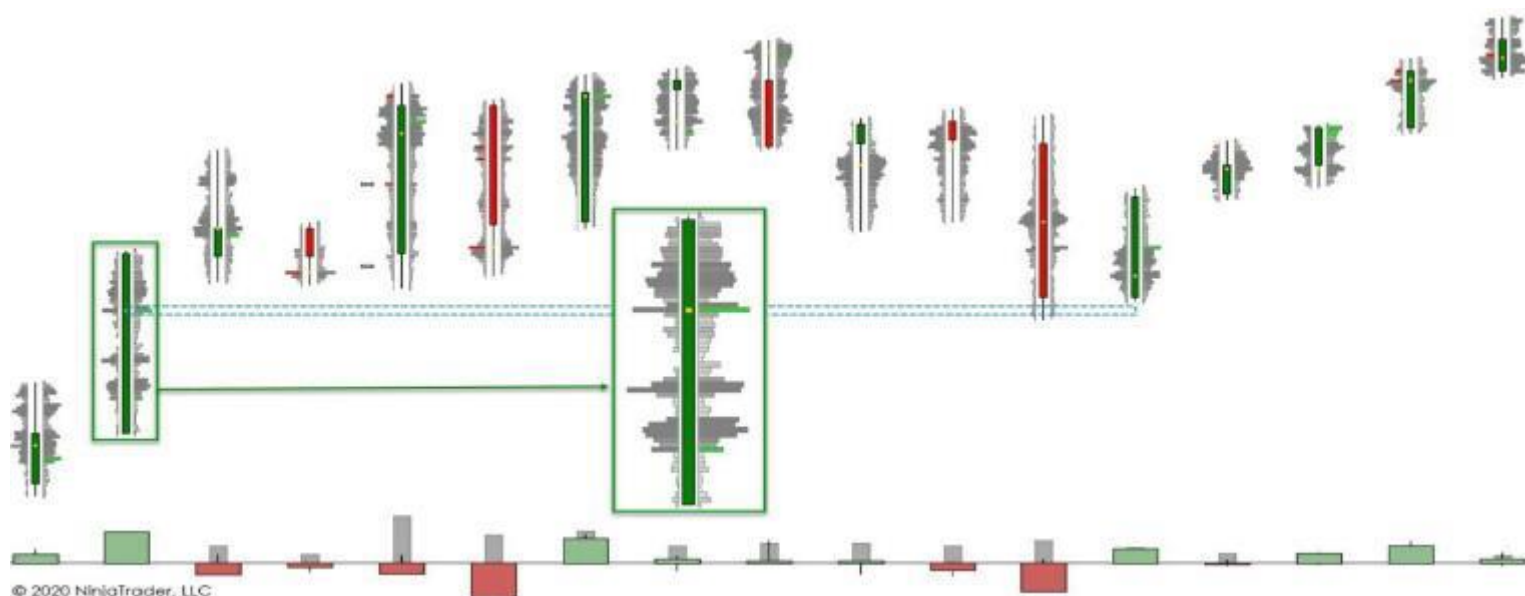
Logic cơ bản đằng sau hành động cụ thể đó là, những nhà giao dịch này sẽ bảo vệ vị thế của họ bằng cách không để giá di chuyển theo hướng bất lợi cho họ, và từ đó mang tới cơ hội cho chúng ta mở lệnh.

Vì vậy, những gì chúng ta tìm kiếm là sự phát triển của một mô hình đảo chiều mới trên khu vực. Khu vực đó bao trùm các mức giá được xác định trong sự kiểm soát trước đó. Trong bối cảnh này, hành động hấp thụ có thể không đáng chú ý bởi vì trước đó đã có nỗ lực rất lớn được thực hiện. Điều cần thấy rõ là một sự khởi sinh mới cho thấy sự gia nhập quyết liệt của các nhà khai thác như vậy để bảo vệ lập trường của họ. Đây sẽ là tín hiệu cuối cùng để tham gia thị trường.

Đôi khi cú test này sẽ hình thành rất nhanh trên các cây nến mới tiếp theo. Đây có thể sẽ được thấy dưới dạng một râu nến biểu thị sự ít hứng thú với việc giao dịch

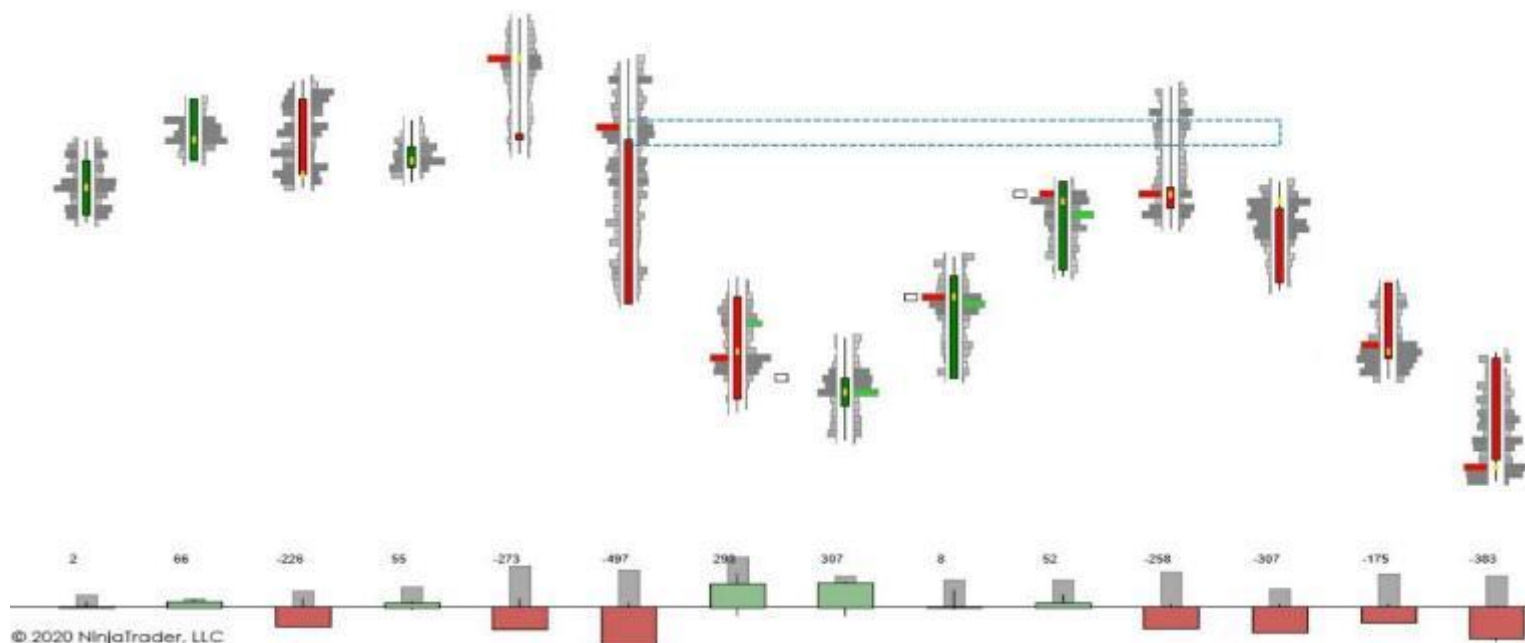
trong khu vực đó, dẫn đến sự đảo ngược hoàn toàn của các cây nến sau. Tại những thời điểm khác, sẽ có một vùng mở rộng nhỏ trong khu vực đó, nơi mà giá sẽ tạm thời có vẻ phá vỡ nó nhưng cuối cùng lại quay đầu lại dẫn tới sự từ chối. Và sẽ có một số trường hợp khi cú test trở thành thực tế. Chìa khóa ở đây là phải cởi mở và linh hoạt đối với việc quan sát cú test.

Cần lưu ý rằng hành vi này cần thể hiện rõ sự thiếu quan tâm (đối với việc giao dịch) như trong bất kỳ hành động test nào khác đã được biết trong phân tích giá và khối lượng giao dịch. Bằng chứng rõ ràng về sự không hoạt động này sẽ có thể quan sát được bằng một khối lượng giao dịch tương đối thấp.



Trong ví dụ này, giá được đặt trong một trend tăng và đang ở giữa xu hướng. Sự kiểm soát của phe mua được tạo ra trên cây nến có kích thước lớn, khối lượng lớn và delta dương. Chúng ta xác định các mức mất cân bằng trùng khớp với cây nến VPOC và mở rộng nó sang bên phải như một vùng hoạt động để tìm kiếm lệnh long tiềm năng. Sau đó, giá sẽ trở lại mức đó và tạo ra mô hình đảo chiều chỉ với hai cây nến có delta lớn. Thật thú vị khi quan sát cách cây nến giảm chạm đến mức này đồng thời khối lượng giao dịch giảm cho thấy sự từ chối và cách cách cây nến tăng ngay sau tạo ra một khối lượng lớn để lại sự mất cân bằng mới trong ASK. Từ đó giá tiếp tục phát triển theo xu hướng tăng.

Trong ví dụ khác này, chúng ta thấy cách sự kiểm soát của phe bán được tạo ra trên một cây nến có kích thước lớn, khối lượng giao dịch lớn với một delta âm lớn, cho thấy sự tham gia quyết liệt của người bán



Nếu chúng ta quan sát, sự mất cân bằng trong cột BID được tạo ra cùng với các mức khác đã có lượng giao dịch lớn, vì vậy chúng ta có thể giả định khu vực đó là vùng HVN, và đây sẽ là điều mà chúng ta sẽ dự đoán trong tương lai về sự tiếp diễn của xu hướng giảm.

Trong trường hợp này ta đang quan sát chart M15, vì vậy nếu chúng ta muốn chuẩn bị cho một entry đẹp, chúng ta có thể giảm khung thời gian xuống M5 để tìm kiếm xu hướng giảm: sự hấp thụ mua và sự khởi sinh bán. Trong trường hợp chúng ta muốn giữ nguyên khung thời gian, chúng ta sẽ đợi khi cây nến test sự kiểm soát của phe bán này đóng lại để đánh giá xem liệu người bán có lại tiếp tục tham gia vào thị trường (để bảo vệ vị thế) và điểm vào lệnh của chúng ta có được kích hoạt không.

Như đã đề cập ở trên, trước khi hai hoặc nhiều sự mất cân bằng được tạo ra cùng nhau để có thể coi hành động đó như sự kiểm soát thì chìa khóa để xác định nó là ngay khi có một sự mất cân bằng, nó xuất hiện trên một cây nến lớn, gần vùng cực trị và khối lượng giao dịch cao, đó chính là các dấu hiệu cho thấy sự gia nhập của các nhà khai thác lớn.

Đối với mô hình tiếp diễn, chúng ta cũng có thể coi đó là sự kiểm soát để kiểm tra lại sự mất cân bằng ban đầu mà chúng ta đã xác định trong sự khởi đầu của mô hình đảo chiều. Có lẽ hầu hết là nó đáp ứng tất cả các đặc điểm mà chúng ta đang tìm kiếm vì vậy đó sẽ là khu vực đầu tiên để ta lên kế hoạch tìm kiếm một lệnh thuận theo xu hướng.

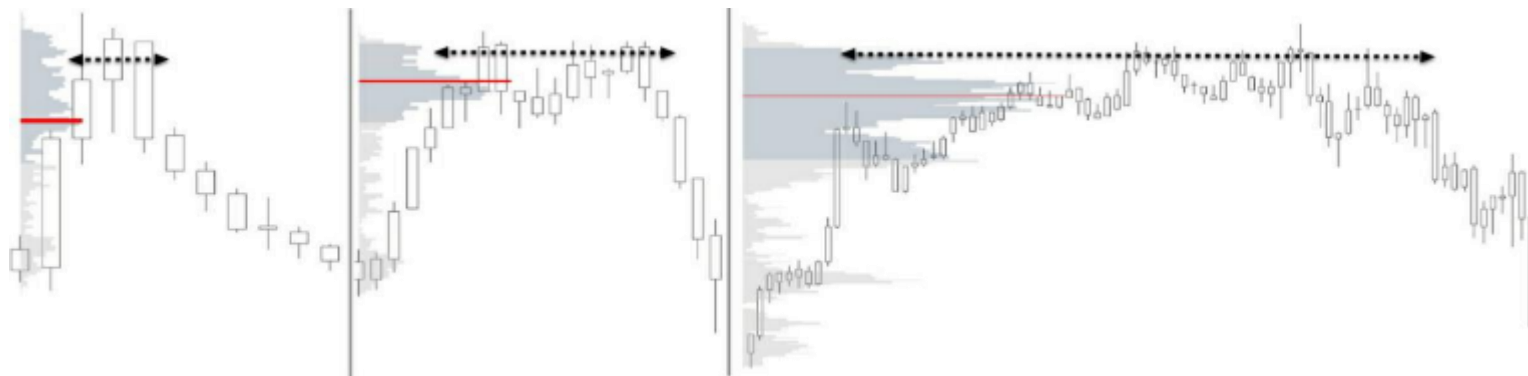
6.5 Fractality

Mặc dù về cơ bản mô hình này thường được sử dụng ở khung D nhưng logic của nó có thể được áp dụng tương tự đối với các khung thời gian lớn hơn.

Trong mô hình đảo chiều có thể quan sát được trên foot print, sự hấp thụ và sự khởi sinh được biểu thị trên một mô nhỏ, trong một khung thời gian khác đó chính là một sơ đồ tích lũy hoặc phân phối. Mô hình đảo chiều tương tự có thể được thấy trong một góc nhìn lớn hơn một chút (trong quá trình phát triển của một phiên hoặc một vài phiên) và sẽ được quan sát dưới mô hình p và b, trong đó hình dạng của volume profile không khác gì một quá trình hấp thụ bên trong của nó. với sự khởi sinh sau đó được biểu thị là sự chuyển động phá vỡ vùng giá trị.

Giả sử nó ở quy mô lớn hơn nữa, chúng ta sẽ có cấu trúc trung và dài hạn từ vài ngày đến vài tuần. Những cấu trúc này một lần nữa đại diện cho cùng một hành vi, trong đó quá trình hấp thụ sẽ là phạm vi tích lũy/phân phối, và sự khởi sinh sẽ là sự di chuyển xu hướng mặc dù ở trong một quy mô lớn hơn.

Sự khác biệt duy nhất là thời gian tiêu thụ cần thiết của thị trường để hoàn thành một quá trình hấp thụ như vậy. Trong ví dụ sau, ở biểu đồ bên trái chúng ta thấy cách thị trường phát triển mô hình đảo chiều chỉ bằng 3 cây nến; ở biểu đồ giữa, thị trường làm điều đó trong quá trình phát triển của cả một phiên; và ở biểu đồ bên phải, thị trường phải mất vài ngày để thực hiện quá trình hoàn tất một cấu trúc rõ ràng hơn.



Điều này cũng đúng với các mô hình tiếp diễn. Về bản chất, một sự kiểm soát sẽ là một phần của sóng đẩy trong khi cú test của sự kiểm soát đó sẽ là một phần của sóng hồi. Đây là động lực tự nhiên của các chuyển động có xu hướng: đẩy và hồi.

Quan sát nó ở quy mô cao hơn, chúng ta có thể xác định sự kiểm soát này trong VPOC nếu chúng ta tạo một volume profile bao trùm toàn bộ sóng đẩy. VPOC này sẽ đại diện cho vùng kiểm soát của tất cả các chuyển động. Đó là lý do tại sao đây là những mức cần được xem xét để tìm kiếm sự kết thúc của một xu hướng điều chỉnh có thể xảy ra và bắt đầu một sóng đẩy mới.

Khi cố gắng phân tích bối cảnh chung trong dài hạn, ta sẽ mặc định sự kiểm soát là ở trên các nút khối lượng lớn (HVN), biểu thị cấu trúc tích lũy / phân phối ở các khung thời gian khác.



Trong biểu đồ sau đây, chúng ta thấy một ví dụ cho khái niệm về sự cấp (theo khung thời gian) của quyền kiểm soát. Chúng ta tạo một Volume Profile bao trùm move cuối cùng củ giá và xác định VPOC của khoảng thời gian đó. VPOC này có thể được coi là vùng kiểm soát của bên bán, vì vậy một chiến lược tốt là cố gắng mở lệnh short khi giá quay lại test vùng này trong tương lai. Chìa khóa để hiểu được concept này là phải hiểu rõ ràng rằng nếu cả con sóng giảm đó là một phần của một cây nến đơn (ở khung lớn hơn), thì mức được giao dịch nhiều nhất trong cây nến sẽ chính là VPOC đó. Chúng ta cũng thấy cách sự kiểm soát này được tạo ra bởi một sơ đồ tái phân phối nhỏ, nguyên nhân tạo ra HVN.

Đây là lời giải thích tốt nhất để hiểu được tính phân cấp của thị trường. Như chúng ta thấy, các hành vi luôn giống nhau bất kể sự biến đổi của khung thời gian. Đây là một trong những ưu điểm của phương pháp này. Một khi điều này được nội bộ hóa (gom thành một cây nến ở khung lớn), chúng ta có thể bao quát các hoạt động trong các khung thời gian khác.

Chương 7, Wyckoff 2.0

Chúng ta đến với phần cuối sau khi đã trình bày những nguyên tắc khách quan nhất theo quan điểm của tôi đối với giao dịch tùy ý, tự do và kỹ thuật trên thị trường tài chính. Đây là những gì tôi đã gọi là “Wyckoff 2.0”.

Đó là việc tập hợp các ý tưởng chính của phương pháp Wyckoff, các nguyên tắc của thuyết đầu giá và giúp chúng ta với các công cụ volume profile và Order Flow để đưa ra các tình huống thiết thực nhất có thể.

1, Wyckoff Methodology Phương pháp Wyckoff

Đây là nền tảng mà phương pháp giao dịch của chúng ta sẽ dựa vào vì nó dựa trên một logic cơ bản thực sự, nó cung cấp cho chúng ta bối cảnh để xây dựng các kịch bản và các công cụ phân tích khác nhau để đánh giá xem ai là người có quyền kiểm soát của thị trường.

Một mặt, chúng ta nói đến logic cơ bản vì khung lý thuyết đằng sau nó. Nhiều concept mà Richard Wyckoff đã cố gắng phổ biến, nhưng chắc chắn concept đáng quan tâm nhất là ba quy luật cơ bản và các quá trình tích lũy và phân phối.

Trong số ba quy luật, Quy Luật Cung Cầu được coi là tiêu biểu như một tiêu chuẩn của phương pháp Wyckoff. Nó là động cơ thực sự của thị trường tài chính, mặc dù chúng đã phát triển. Bất kể loại người tham gia, ý định, định giá hoặc bất kỳ điều gì khác liên quan đến việc vị thế vào lệnh, cuối cùng tất cả chỉ là thực hiện giao dịch, mua và bán; và Quy Luật Cung Cầu này đã bao quát tất cả.

Ngoài ra, các quá trình tích lũy và phân phối, cùng với Quy Luật Nguyên Nhân/Kết Quả cho chúng ta một hình ảnh rất chân thực về cách thị trường vận động. Chắc chắn để xuất hiện kết quả là một xu hướng tăng, trước tiên cần phải phát triển một nguyên nhân tích lũy; và để có kết quả một xu hướng giảm, trước tiên cần phải có một quá trình phân phối. Một vấn đề khác nữa là cách các quy trình như vậy phát triển.

Mặt khác, cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có một bối cảnh rõ ràng để chúng ta có các hành động phù hợp. Đây là một trong những phần quan trọng

nhất của chiến lược vì nó cho phép chúng ta có khả năng dự đoán các chuyển động nhất định dựa trên hành động của giá trong quá khứ.

Chúng ta hiểu rằng sự tương tác giữa cung, cầu, người mua và người bán tạo ra những cấu trúc được lặp đi lặp lại liên tục không phải về hình thức mà về bản chất. Việc xác định chính xác các cấu trúc này giúp chúng ta nhận ra bối cảnh đang nghiêng về sự phát triển của bên mua hay bên bán. Tại thời điểm này, điều quan trọng là phải làm bật lên những gì chúng ta hiểu về sự phân cấp và cách các cấu trúc nhỏ vừa khớp với những cấu trúc lớn hơn.

Cuối cùng, phương pháp Wyckoff cung cấp cho chúng ta một loạt các công cụ phân tích để đánh giá xem ai đang nắm quyền kiểm soát trong quá trình định hình cấu trúc thị trường.

Hầu hết các hành động thị trường cung cấp cho chúng ta thông tin để xác thực quyền kiểm soát của người mua và người bán. Trong thực tế sự phát triển của thị trường theo một xu hướng cụ thể hay không bên nào dành quyền kiểm soát (ko có xu hướng) sẽ để lại cho chúng ta những manh mối rất tinh vi để đánh giá độ mạnh yếu

Cuối cùng, các phân tích theo Quy Luật Nỗ Lực/Nguyên Nhân và Kết Quả rất hữu ích với mục tiêu xác định sự hài hòa hoặc phân kỳ trong các chuyển động, xu hướng. Vấn đề cuối cùng là tạo ra các phân tích khách quan nhất có thể và bổ sung các dấu hiệu cho thấy sự ủng hộ người bán hoặc người mua cho đến khi xác định được ai có nhiều khả năng nắm quyền kiểm soát hơn.

2, Thuyết đấu giá

Mặc dù Richard Wyckoff đã không sử dụng những concepts này trong các nghiên cứu của mình, nhưng sự cân bằng và mất cân bằng vẫn là lý do đứng sau các xu hướng tăng, giảm hoặc đi ngang.

Một vùng tích lũy hoặc phân phối - các điều kiện thị trường mà Wyckoff đã sử dụng - chính xác là vùng cân bằng nơi người mua và người bán thực hiện giao dịch như một dấu hiệu của việc thị trường hoạt động hiệu quả, một thuật ngữ được sử dụng bởi thuyết đấu giá. Điều tương tự cũng xảy ra với xu hướng tăng và xu hướng giảm, về bản chất, chúng thể hiện sự kém hiệu quả và mất cân bằng của thị trường.

Cuối cùng, logic cơ bản của phương pháp Wyckoff chính xác là dựa trên thuyết đấu giá, sự chấp nhận và từ chối ở một số vùng giao dịch nhất định; và đây là những gì tôi cố gắng truyền tải cho bất kỳ ai coi phương pháp này là lỗi thời và hoàn toàn không hữu ích cho thị trường ngày nay.

Hơn nữa, chúng ta kết hợp nguyên tắc rằng thị trường, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch, giá sẽ luôn tìm cách đi đến các khu vực hoạt động cao trước đó, nơi cả người mua và người bán đã tạo ra một lượng lớn các giao dịch. Nguyên tắc này cực kỳ hữu ích để thực hiện được các phân tích chính xác hơn và định vị các vùng chốt lời hợp lý.

3, Volume Profile

Volume Profile là một công cụ xác định một cách khách quan các vùng giao dịch quan trọng nhất và các mốc hoạt động dựa trên khối lượng giao dịch.

Đối với các nhà giao dịch áp dụng phương pháp Wyckoff, phân tích VP giúp chúng ta cải thiện việc xác định các cấu trúc thị trường bất thường và vị trí của các sự kiện khó xác định.

Các ứng dụng thú vị khác của Volume Profile là xác định thiên hướng của thị trường thông qua việc phân tích các vùng giao dịch và mốc hoạt động; cũng như phân tích độ mạnh yếu của xu hướng thông qua việc đánh giá liên tục sự phát triển của các vùng giá trị.

Đối với những nhà giao dịch không áp dụng phương pháp Wyckoff, Volume Profile cũng cung cấp bối cảnh để xây dựng các kịch bản dựa trên các nguyên tắc hoạt động với các vùng giá trị. Mặc dù đúng là việc xem xét tất cả các công cụ phân tích được cung cấp bởi phương pháp Wyckoff có thể giúp chúng ta xác định nên hành động theo hướng nào, các nguyên tắc hoạt động này của volume profile cũng đóng vai trò như một lộ trình dự báo xu hướng biến động của giá.

Cuối cùng, Volume Profile cực kỳ hữu ích khi dùng để xem xét tính toán các vị thế khi giao dịch - mọi thứ liên quan đến vị thế vào lệnh, cắt lỗ hay chốt lời.

4, Order Flow

Sau khi nghiên cứu sâu mọi thứ liên quan đến sự gặp nhau của các lệnh (market và limit) và chứng minh các vấn đề của việc trong phân tích độc lập Order Flow, chúng ta có thể hạn chế những vấn đề đó bằng cách chỉ sử dụng nó dành cho các vùng hoạt động chính.

Do chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, việc sử dụng bất kỳ loại phân tích Order Flow nào mà không xem xét các yếu tố khác là một hành động thiếu khôn ngoan. Nếu bản thân nó là một công cụ mang tính chủ quan, việc không có lộ trình rõ ràng có thể biến hoạt động giao dịch của chúng ta thành một trò chơi ném tiền qua cửa sổ.

Đó là lúc ta thấy được tầm quan trọng của việc có một bối cảnh rõ ràng và một bias đã được xác định trước. Chỉ khi thời cơ vào lệnh xuất hiện, hãy phóng to cây nến và quan sát cách thức các giao dịch đang được diễn ra để kích hoạt vị thế vào lệnh của mình tối ưu nhất.

Trên cơ sở của sự mất cân bằng, việc phân tích Footprint chủ yếu thông qua việc xác định ngay tại thời điểm tìm kiếm sự kích hoạt của hai hành vi chính trong sự đảo chiều của thị trường: sự hấp thụ và sự khởi sinh.

Ngoài ra, trong trường hợp chúng ta không thể mở lệnh ở thời điểm giá đảo chiều, chúng ta vẫn có thể có vị thế vào đẹp với mô hình tiếp diễn bằng cách xác định thêm các cú test của sự kiểm soát.

Dựa trên nền tảng là thuyết đấu giá làm cơ sở cơ bản cho nhận thức về giá trị, bối cảnh và các công cụ phân tích mà phương pháp Wyckoff cung cấp cho chúng ta, cũng như phân tích các cấp độ và vùng giao dịch mà chúng ta đã xác định bằng Volume Profile, chúng ta có thể đưa ra các kịch bản khác nhau.

Để dễ hiểu về phần này, chúng ta trình bày tóm tắt lại toàn bộ quá trình :

1. Phân tích bối cảnh để xác định xu hướng:

a. Phạm vi giao dịch:

- Tại vùng cực trị của phạm vi giao dịch.
- Ở bên trong phạm vi giao dịch.

b. Xu hướng:

- Tiếp xúc với vùng giá trị.
- Đi xa khỏi vùng giá trị.

2. Xác định các khu vực và cấp độ hoạt động tùy thuộc vào loại chiến lược:

- Các vùng hoạt động của cấu trúc theo phương pháp Wyckoff.
- Vùng giao dịch: HVN và LVN.
- Mức hoạt động: VAH, VAL, VPOC và VWAP.

3. Thiết lập kịch bản dựa trên vị trí giá hiện tại:

- Giao thức xác nhận tiếp diễn.
- Kịch bản thay thế (nếu sự tiếp diễn thất bại).

4. Quản lý vị thế:

- Vị thế khi mở lệnh.
- Điểm Cắt Lỗ.
- Điểm Chốt Lãi.

Operative

1

Context

What - buy/sell

2

Zones and operational levels

Where - location

3

Set-up scenario

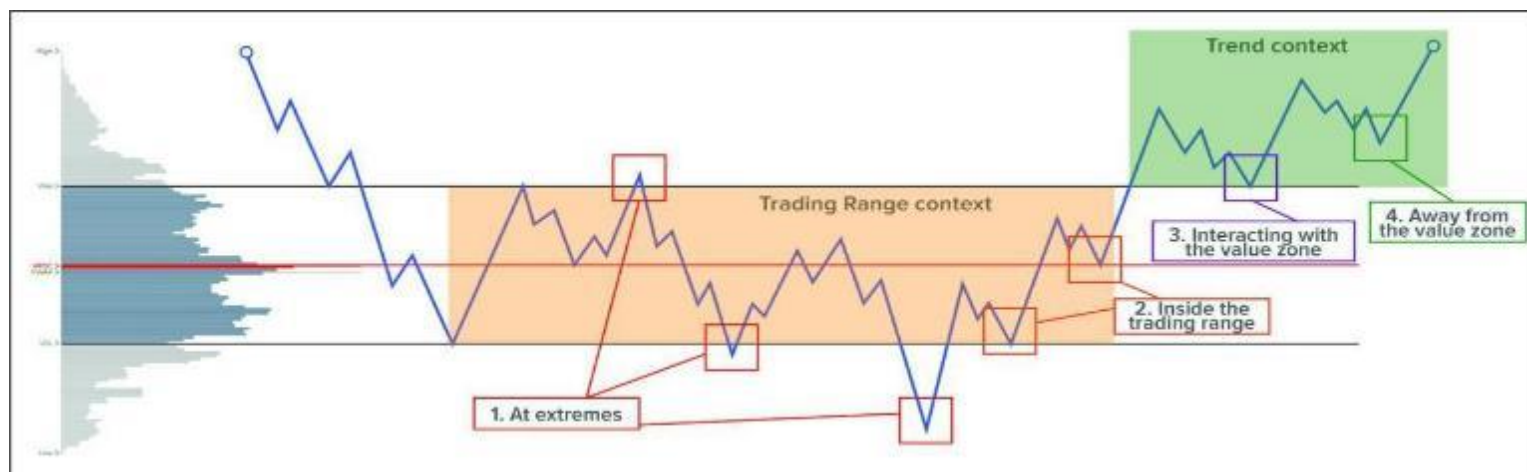
How- movements

4

Position management

7.1 Phân Tích Bối Cảnh

Điều đầu tiên cần làm khi phân tích bất kỳ biểu đồ nào là xác định bối cảnh của thị trường: giá đang trong trading range hay đang trong xu hướng. Chúng ta hãy xem một bản tóm tắt ngắn gọn về các khả năng giao dịch theo bối cảnh:



Trong biểu đồ này, chúng ta có một sơ đồ tích lũy lý tưởng. Chúng ta thấy cách bối cảnh hoạt động theo phương pháp Wyckoff hợp lưu với các nguyên tắc giao dịch của Volume Profile.

Trong ba cơ hội hoạt động đầu tiên ở các vùng cực trị (1) của bối cảnh giao dịch theo trading range, nó cũng tuân theo nguyên tắc thực hiện giao dịch ở các vùng theo Volume Profile.

Sau Spring, giá quay lại vùng giá trị và chúng ta lại thấy sự hợp lưu của cả hai nguyên tắc: theo phương pháp Wyckoff, chúng ta sẽ tìm kiếm một cú test ở phần trên của cấu trúc trong khi bằng volume profile, chúng ta sẽ kích hoạt kịch bản giá đảo chiều, do đó nơi chúng ta sẽ tìm kiếm điểm vào lệnh là khi giá đạt tới phần cuối của phía đối diện vùng giá trị. Có hai khu vực để tận dụng chuyển động về điểm cực trị đối diện của giá này. Một là ở spring và khu vực tiếp theo là trong vùng giá trị khi mà giá thực hiện các cú test của spring và LPS (2).

Khi giá rời khỏi trading range, giá sẽ đi theo xu hướng và như vậy, cơ hội đầu tiên sẽ là cú test sau khi break (3) trong đó theo phương pháp Wyckoff, chúng ta sẽ tìm kiếm cơ hội mở lệnh thuận theo xu hướng ở creek của cấu trúc; và dựa trên các nguyên tắc hoạt động của volume profile, kịch bản giao dịch theo hướng tiếp diễn

xu hướng sẽ xuất hiện, trong trường hợp đó chúng ta sẽ mở lệnh ở vùng cực trị, trong ví dụ này là VAH.

Khi giá đã ở giữa xu hướng, chúng ta sẽ phải làm việc với bối cảnh cách xa vùng giá trị (4), nơi chúng ta mong đợi một số loại sóng hồi để tìm kiếm cơ hội mở lệnh thuận theo xu hướng hiện tại.

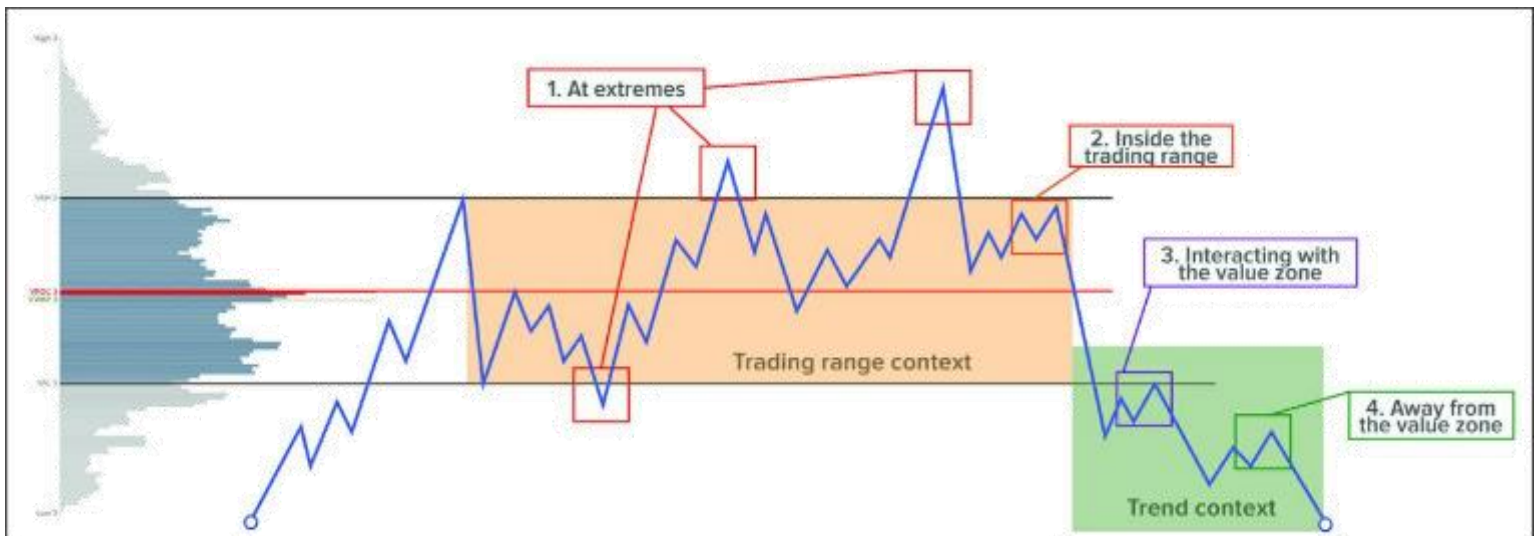
7.1.1 Bối Cảnh Giá Trong Trading Range

Đây là sự hình thành nguyên nhân để tạo ra xu hướng tiếp theo (tăng hoặc giảm).

Giai đoạn xoay vòng này có thể kéo dài trong một hoặc nhiều phiên (thậm chí vài tuần). Nếu nó kéo dài nhiều phiên, tốt nhất là nên tạo một volume profile bao trùm tất cả cấu trúc (tất cả các phiên) để có được một cái nhìn bao quát.

1. Ở vùng cực trị của trading range (1): Nếu chúng ta quan sát thấy sự dừng lại của xu hướng và sau đó là sự biến đổi hành vi của giá (từ có xu hướng thành đi ngang), chúng ta sẽ xác định được rằng giá đang ở trong vùng cân bằng và hoạt động ở đây sẽ dựa trên việc tìm kiếm sự đảo chiều ở các cực của cấu trúc; tức là mua ở cạnh dưới và bán ở cạnh trên.

2. Bên trong trading range (2): Nếu chúng ta ở trong một trading range lớn và có đủ không gian (cho giá tiếp tục di chuyển) , chúng ta cũng có thể đề xuất một kịch bản là giá sẽ di chuyển đến các điểm cực trị. Điều này đặc biệt nên làm khi trước đó ta đã thấy một cú shock và nó đã cung cấp cho chúng ta một xu hướng rõ ràng.



7.1.2 Bối Cảnh Giá Trong Xu Hướng

Khi một xu hướng được xác định, nhà giao dịch chỉ nên giao dịch thuận theo xu hướng bằng cách chờ đợi sự đảo chiều để gia nhập thị trường.

3. Trong bối cảnh xu hướng tiếp xúc với vùng giá trị (3): Nếu sau khi đi ngang, sự thiếu hiệu quả của thị trường xảy ra đẩy giá ra khỏi vùng cân bằng, chúng ta nên đánh giá khả năng xuất hiện một sự bứt phá hiệu quả hoặc một đợt shake out. Nếu các dấu hiệu trước đó cho chúng ta thấy rằng đó có thể là sự phá vỡ hiệu quả, thì ta cần tìm kiếm sự xác nhận của cú test về sự phá vỡ cấu trúc thị trường hoặc ở một số cấp độ mốc hoạt động gần nhất.

4. Trong bối cảnh giá trong xu hướng đi xa khỏi vùng giá trị (4): Khi xác nhận đã có sự phá vỡ hoàn toàn của vùng cân bằng trước đó, giá sẽ tạo xu hướng và việc chấp nhận ở các mức giá mới này sẽ định hướng kịch bản của ta giao dịch thuận theo xu hướng đó.

Câu hỏi mà chúng ta luôn phải tự đặt ra là thị trường hiện tại đang ở trong bối cảnh nào. Câu trả lời của bạn sẽ quyết định loại chiến lược nào nên sử dụng. Như chúng ta đã biết, Thị trường chỉ có hai trạng thái là cân bằng và mất cân bằng. Do đó, về cơ bản ta sẽ giao dịch ở hai trường hợp: giá trong trading range hoặc trong xu hướng.

Bây giờ chúng ta sẽ đi sâu hơn vào từng bối cảnh hoạt động:

7.1.3 Giao Dịch Trong Trading Range

Về cơ bản, chúng ta sẽ phân biệt hai kịch bản trong phạm vi giao dịch theo mức giá liên quan đến vùng cân bằng đã phân tích bao gồm:

Tại vùng cực trị

Thực tế là khi giá được niêm yết trong một vùng giá trị gợi ý cho chúng ta rằng đang có sự cân bằng giữa bên mua và bên bán. Không bên nào nắm quyền kiểm soát nhiều hơn và do đó giá dự kiến sẽ tiếp tục di chuyển với cùng động lực.

Bối cảnh hoạt động ở đây sẽ là nghiêng về sự đảo chiều ở các cực:

- Theo phương pháp Wyckoff, mục tiêu của ta là phải tìm kiếm điểm vào lệnh ở cú shake tại phase C. Điểm vào lệnh đó là: nếu giá đang ở nửa trên của cấu trúc, chúng ta sẽ ưu tiên tìm kiếm một Upthrust; trong khi nếu giá đang ở nửa dưới, chúng ta sẽ tìm kiếm một Spring. Sự phát triển thực sự của nó sẽ dự báo cho việc giá đi tới phần cuối đối diện của cấu trúc.
- Theo Volume Profile, chúng ta sẽ cố gắng giao dịch khi có sự đảo chiều ở các vùng cực trị. Do đó, chúng ta sẽ tìm kiếm cú đảo chiều giảm ở VAH và đảo chiều tăng ở VAL. Việc từ chối các vùng này sẽ dự báo giá đi tới vùng cực trị đối diện.

Bên trong Trading Range

Mặt khác, nếu Trading Range đủ rộng, sẽ một số kịch bản có thể xảy ra bên trong. Theo phương pháp Wyckoff, nếu quan sát thấy giá có thể đã phát triển xong cú test ở Phase C, vị thế vào lệnh thuận theo xu hướng sẽ là ở phase D khi giá vẫn còn trong Trading Range. Vấn đề duy nhất cần xem xét là xác định khoảng cách tới cạnh phía đối diện phải đủ xa để có thể có R:R tốt.

Trong trường hợp đó, chúng ta sẽ cần ở trong vị thế được càng nhiều mức hoạt động ủng hộ càng tốt. Thực tế là giá có thể chạm tới một trong những mức này và tiếp tục phá vỡ chúng một cách hiệu quả cho thấy rằng, có các nhà giao dịch đang tham gia điều khiển giá theo xu hướng đó. Nếu chúng ta cũng ủng hộ vùng HVN, chúng ta có thể xác định được xu hướng thị trường.

Trong một Profile rộng, chúng ta có thể xác định được nhiều vùng HVN và LVN khác nhau. Hãy nhớ rằng, HVN cuối cùng được tạo ra sẽ là nút để xác định bias, ít nhất là trong ngắn hạn. Miễn là giá vẫn ở trên (HVN cuối cùng), chúng ta sẽ chỉ đưa ra các kịch bản giá sẽ tăng và ngược lại nếu chúng ta thấy giá ở phía dưới.

HVN là một hành vi dừng của giá. Theo logic đơn thuần, nếu chúng ta thấy giá ở trên HVN, chúng ta có thể hiểu HVN này là một sự tích lũy. Do đó để vào lệnh mua, chúng ta cần được đảm bảo bởi một sự tích lũy ở bên dưới Entry.

Tương tự đối với trường hợp phân phối. Nếu chúng ta thấy giá ở dưới HVN, nó sẽ được xác định là phân phối, do đó kịch bản hợp lý là ưu tiên mở các lệnh short sell.

Khi giá ở trong Trading Range, loại giao dịch (Long hay Short) sẽ phụ thuộc vào việc quản lý các vị trí quan trọng khi giá đạt đến vùng cực trị của vùng cân bằng vì về nguyên tắc, chúng ta nên duy trì quan điểm là không bên nào có toàn quyền kiểm soát cho đến khi sự mất cân bằng cuối cùng được tạo ra.

Theo nguyên tắc hoạt động của Volume Profile, nếu vừa có một cú shock xảy ra và hiện tại giá đang ở trong trading range thì chúng ta đang ở trong bối cảnh của một sự đảo chiều, áp dụng quy tắc: Khi giá quay trở lại vùng giá trị thì xác suất chuyển động đó có thể đạt tới điểm cực trị đối diện là 80%.

7.14 Khi Giá Đang Trong Xu Hướng

Sau một chuyển động có chủ đích trong đó các dấu vết được phân tích cho thấy sự mất cân bằng nghiêng về xu hướng tăng hoặc xu hướng giảm, chúng ta sẽ tìm cách giao dịch thuận theo xu hướng đó bằng cách chờ kết quả của cú test ở một số mốc hoạt động liên quan.

Tiếp xúc với vùng giá trị:

Thông tin mới xuất hiện gây sự mất cân bằng trên thị trường và điều đầu tiên cần đánh giá là nó sẽ không phải là một sự phá vỡ thất bại tạo ra một cú shock khiến giá quay trở lại vùng giá trị.

Nếu các dấu vết cho thấy rằng đó là một sự phá vỡ thành công, thì chúng ta cần thiên về việc tìm kiếm một số ý tưởng giao dịch thuận theo xu hướng đó.

Theo phương pháp Wyckoff, nếu chúng ta quan sát thấy một chuyển động đột phá vỡ cấu trúc, chúng ta sẽ tìm kiếm vị thế vào lệnh ở cú test trong Phase D.

Đối với những nhà giao dịch không thích sử dụng cấu trúc có một cách giao dịch khác mà logic vẫn hoàn toàn giống nhau. Đó là dựa trên phân tích volume profile, chúng ta có thể chờ giá rời khỏi một vùng giá trị nhất định và sau đó đợi nó quay lại test vùng này để tìm kiếm cơ hội mở lệnh thuận theo xu hướng.

Để cố gắng xác định xem liệu chúng ta có đang đối mặt với một sự phá vỡ thực sự tiềm ẩn hay không, chúng ta sẽ phân tích các dấu hiệu khác nhau. Giờ là lúc nhớ lại nội dung đã nêu trong phần “Cách phân biệt giữa tích lũy và phân phối”.

Để làm rõ xem liệu đó là phá vỡ thật hay phá vỡ giả, chúng ta sẽ xem xét các yếu tố sau:

1. Cú sốc: Hành động quan trọng nhất, tìm kiếm thanh khoản. Cú sốc càng sâu, kịch bản càng chắc chắn. Mặc dù đôi khi có những cú sốc cục bộ (trên một số đỉnh hoặc đáy ở bên trong phạm vi), trước tiên chúng ta sẽ đợi sự shaking ở vùng cực trị của toàn bộ cấu trúc để có sự chắc chắn hơn.

2. Phản ứng của giá và khối lượng sau cú shock ở điểm break: Các cây nến có kích thước và khối lượng lớn cho thấy quyền kiểm soát đã nghiêng hẳn về một bên.

Tại thời điểm phá vỡ, vì chúng ta đang ở vùng thanh khoản và có khả năng khối lượng tương đối lớn sẽ xuất hiện và thậm chí xuất hiện một số râu nến dài có thể thấy được bằng mắt thường. Điều này là bình thường và ở giai đoạn đầu chúng ta không nên nghĩ rằng nó có thể là một cú sốc vì hành vi hấp thụ cũng có các đặc điểm này: khối lượng giao dịch lớn và khả năng các cây nến sẽ co rút lại trong một mô hình cờ tam giác. Điều quan trọng là những gì sắp xảy ra tiếp theo.

3. Phản ứng sau khi break và không quay lại trading range: Sau khi vùng giá trị bị phá vỡ, chúng ta phải đợi giá được chấp nhận ở những mức giá mới. Điều này ban đầu sẽ được chứng minh bằng sự dừng lại của thị trường ở bên ngoài TR. Một ví dụ sẽ bổ sung thêm sự vững chắc của kịch bản giá chấp nhận vùng giá trị mới đó là: quan sát sự di chuyển của VPOC sang vùng mới hoặc tạo ra một vùng mới (có thể là của phiên giao dịch sau). Điều này ban đầu đã thể hiện sự chấp nhận nhưng vẫn cần đợi thêm thời gian để xác nhận hành động một cách chắc chắn, như chúng ta đã thấy trong phần về VPOC di chuyển.

Và khi quan sát thấy giá không quay trở lại vùng giá trị, trading range ta sẽ thu được dấu vết cuối cùng. Tại thời điểm đó, chúng ta sẽ có một sự thay đổi trong nhận thức về giá trị: giá + thời gian + khối lượng trong đó khả năng cao là giá sẽ tiếp tục di chuyển theo hướng break.

Cần lưu ý rằng sau khi phá vỡ giá không nên dừng lại quá lâu. Đủ để tạo VPOC mới hoặc sự di chuyển của VPOC, nhưng tại thời điểm điều này xảy ra, giá sẽ bắt đầu chuyển động theo xu hướng. Động lượng đằng sau sự mất cân bằng đầu tiên sẽ dẫn tới sự tiếp diễn xu hướng với tốc độ nhanh.

Khi giá được định vị và được giữ ở ngoài vùng giá trị, chúng ta sẽ xác định là đã xảy ra sự mất cân bằng, động thái đó không bị từ chối và do đó chúng ta tìm kiếm những cơ hội để vào lệnh thuận theo xu hướng đó.

- Nếu chúng ta đang ở trong sự phá vỡ phá tăng tiềm năng, tất cả khối lượng ở bên dưới (vị trí của giá), cũng như vùng cân bằng trước đó, bây giờ có thể được xác định là sự tích lũy tiềm năng. Như chúng ta đã biết, sự tích lũy sẽ dẫn tới một xu hướng tăng và đây là chính là nơi ta sẽ vào lệnh.

- Ngược lại, khi chúng ta thấy mình ở trong tình huống phá vỡ giảm tiềm năng, nếu giá có khả năng giữ vững ở vùng đó (vùng break) và không vào lại vùng cân bằng trước đó, chúng ta sẽ có thể xác định quá trình đó là phân phối và sẽ đến lúc tìm kiếm vị thế bán để tận dụng xu hướng giảm tiếp theo.

Dời xa vùng giá trị

Chúng ta có thể bắt đầu phân tích một biểu đồ trong đó giá đã nằm ngoài một vùng giá trị nhất định và đang di chuyển để tìm kiếm một vùng cân bằng mới. Trong bối cảnh của chuyển động có xu hướng này, tốt nhất là chờ giá test một trong các mốc hoạt động mà chúng ta xác định.

Về điểm này, hãy nhớ tới lời dạy của Richard Wyckoff về cách thị trường vận động. Ai cũng biết rằng thị trường di chuyển theo mô hình sóng tăng và giảm: do đó, kịch bản được đề xuất nhất thiết liên quan đến việc chờ sóng đó điều chỉnh trước khi tiếp tục di chuyển theo xu hướng mất cân bằng.

Chìa khóa bây giờ là xác định các khu vực có thể có để kỳ vọng giá sẽ hình thành một sự điều chỉnh như vậy. Theo phương pháp Wyckoff, vấn đề cần làm là tìm kiếm vị thế để mở lệnh thuận theo xu hướng ở bên ngoài trading range, trong Phase E. Đó là một bối cảnh phức tạp vì dựa theo phương pháp này thì cần tìm kiếm các cây nến mới có chủ đích (SOS / SOW bar), các cấu trúc nhỏ và các cú sốc mới (thường là shake out hoặc upthrust), nhưng nó không gợi ý vị trí mà chúng ta mong đợi sự phát triển của các hành vi đó.

Ở đây, chúng ta thấy tầm quan trọng của việc làm việc với các mức và vùng hoạt động dựa trên khối lượng. Chúng giúp chúng ta xác định các vị trí rõ ràng hơn, nơi mức giá phù hợp cũng như cung cấp cho chúng ta thêm một dấu vết để đánh giá tình trạng của xu hướng. Ví dụ, kịch bản lý tưởng sẽ là chờ sự hình thành của một cấu trúc nhỏ hơn ở các mốc hoạt động ví dụ như VWAP tuần hoặc bất kỳ mốc hoạt động nào khác.

Một khái niệm rất thú vị là chúng ta sẽ tiếp tục giao dịch thuận theo hướng của sự tích lũy hoặc phân phối cuối cùng cho đến khi thị trường phát triển cấu trúc theo hướng ngược lại hoặc cho đến khi vùng giá trị xác định cuối cùng bị phá vỡ.

Trong bối cảnh giá đang trong một xu hướng, chúng ta sẽ chỉ ra vùng khối lượng lớn cuối cùng hỗ trợ xu hướng đó. Có nghĩa là, nếu chúng ta đang trong xu hướng tăng, chúng ta sẽ có HVN cuối cùng nằm thấp hơn giá hiện tại rất nhiều và nếu chúng ta đang trong xu hướng giảm, chúng ta sẽ có HVN cuối cùng nằm ngay trên mức giá hiện tại. Các nút này sẽ quyết định sự thay đổi trong quyền kiểm soát thị trường. Do đó, chúng ta sẽ chỉ đề xuất một kịch bản ngược xu hướng khi vùng này bị phá vỡ. Để đi sâu hơn vào khái niệm này, chúng ta sẽ xem xét lại việc xác bias thông qua việc phân tích các vùng giao dịch trong phản ứng dụng Volume Profile.

7.2 Xác Định Các Vùng Và Mốc Hoạt Động

Một khi chúng ta biết bối cảnh và đã xác định được những gì chúng ta muốn làm (mua hoặc bán), điều tiếp theo là xác định vị trí thực hiện. Đó là về việc xác định vị trí chính xác mà dự kiến giá sẽ kích hoạt vị thế vào lệnh của chúng ta.

Logic hoạt động hoàn toàn giống nhau đối với tất cả các bối cảnh, hồ sơ và khung thời gian: xác định các vùng và mốc hoạt động sau đó chờ xác nhận sự mất cân bằng rồi mở lệnh.

Tùy thuộc vào kiểu trading của bạn, bạn có thể điều chỉnh các concepts tương tự này cho hoạt động của mình:

- Nếu bạn là một day trader, bạn có thể chủ yếu sử dụng hồ sơ của phiên trước đó làm cơ sở để thiết lập các kịch bản và hồ sơ của phiên hiện tại để thêm thông tin hỗ trợ.
- Nếu bạn là một longer term trader, bạn có thể thấy hứng thú khi phân tích hồ sơ của tuần trước làm cơ sở để xác định các vùng giao dịch; hoặc một hồ sơ tổng hợp bao trùm nhiều tuần hoặc tháng để xác định các khu vực HVN hoặc LVN; cũng như xem xét VWAP của các khung thời gian cao hơn như khung tuần và khung tháng.
- Nếu bạn là một trader giao dịch theo cấu trúc, bạn có thể vẽ ra một fixed profile của cấu trúc và đưa ra các kịch bản dựa trên các vùng hoạt động của profile (cấu trúc) đó.

Hoặc có thể điều tốt nhất nên làm là kết hợp tất cả những điều trên. Cuối cùng, mỗi nhà giao dịch sẽ tự mình xác định cách anh ta cảm thấy thoải mái nhất vì không có quy tắc chung cho việc loại Volume Profile nào sẽ được dùng. Điều quan trọng là các concepts vẫn hoàn toàn giống nhau dù các bối cảnh khác nhau.

Lúc này, ta nên xác định rõ là các profile đã hoàn thiện sẽ xác đáng hơn các profile đang trong quá trình phát triển. Theo logic, một profile vẫn đang trong quá trình phát triển sẽ dễ bị biến đổi ở các mốc của nó và do đó chúng ta đánh giá tầm quan trọng của chúng thấp đi. Mặt khác, các hồ sơ đã được hoàn thiện rõ ràng thể hiện sự đồng thuận cuối cùng của thị trường và các mốc của chúng trở lên xác đáng hơn.

Không có quy tắc chung về việc một hồ sơ tổng hợp nên bao gồm bao nhiêu thời gian. Bạn có thể muốn xem xét tuần trước, tuần hiện tại, tháng trước, tháng hiện tại hoặc năm hiện tại. Ở đây bạn nhất thiết phải tự quyết. Không có hồ sơ nào tốt hồ sơ khác và đó là lý do tại sao công việc của nhà giao dịch là xác định xem anh ta sẽ sử dụng hồ sơ nào. Điều cần biết là các cấu hình này phải bao trùm đủ hành động giá, cả ở trên và dưới mức giá hiện tại để có thể xác định các khu vực giao dịch chính, chủ yếu là các nút HVN và LVN.

Do đó, việc tìm kiếm cơ hội cho vị thế vào lệnh sẽ được thực hiện chỉ trên các khu vực đã được chỉ ra, phân biệt theo các tiêu chí:

- Vùng hoạt động của cấu trúc theo phương pháp Wyckoff.
- Vùng giao dịch: HVN và LVN.
- Các mốc hoạt động: VAH, VAL, VPOC và VWAP.

Tùy thuộc vào bối cảnh hoạt động, chúng ta sẽ ưu tiên chờ đợi ở mốc này hoặc mốc khác:

1. Tại vùng cực trị của Trading Range: Đây là hoạt động Wyckoff cổ điển trong khu vực của đỉnh hoặc đáy tiềm năng của một cấu trúc shaking. Bản thân sự rung lắc có thể được hoạt động như là tín hiệu táo bạo nhất và cú test rung lắc như là tín hiệu thận trọng nhất.

- VAH / VAL: Nhắc tới các mốc hoạt động của volume profile, chúng ta sẽ tìm kiếm sự đảo chiều ở các điểm kết thúc của vùng giá trị, đôi khi sẽ trùng với các điểm kết thúc của cấu trúc. Nguyên tắc trong phạm vi giao dịch.

2. Bên trong Trading Range: Luôn lưu ý rằng chúng ta nên ưu tiên chú ý tới HVN và với khoảng cách đủ lớn cho giá tiếp tục di chuyển sau đó chúng ta sẽ chờ giá vượt qua nút đó.

- LVN (Low-volume nodes): Về bản chất Các LVN tạo nên các khu vực lý tưởng để tìm kiếm các cơ hội tiềm năng. Trong bối cảnh này, ta nên xác định các khu vực như vậy thông qua một Volume Profile bao trùm toàn bộ Trading Range.

- VWAP và VPOC: Đối với các day trader sử dụng một trong hai mốc VWAP hoặc VPOC của phiên hiện tại sẽ phù hợp hơn, còn đối với các trader giao dịch theo cấu trúc thì sử dụng VPOC hoặc VWAP của một profile bao trùm toàn bộ cấu trúc sẽ phù hợp hơn.

Đây là những mốc xác định quyền kiểm soát của thị trường, vì vậy chúng ta sẽ đợi giá tạo ra sự phá vỡ hoàn toàn đối với VWAP và VPOC và tìm kiếm điểm entry đầu tiên khi giá test chúng.

Cú test này chỉ có thể được xác định ở mốc gần nhất, mặc dù đúng là sự hợp lưu của cả hai sẽ tăng thêm sự chắc chắn cho kịch bản.

Đôi khi sau khi giá tạo ra sự phá vỡ mà không để lại bất kỳ cú test nào và động lượng sẽ làm giá di chuyển nhanh chóng, do đó một entry khác là mở một lệnh chủ động khi mà giá có hành vi phá vỡ các mốc này một cách có chủ đích.

3. Trong một xu hướng tiếp xúc với vùng giá trị: Sau khi sự mất cân bằng được bắt đầu và đã đánh giá khả năng tiếp diễn của xu hướng, chúng ta sẽ đợi giá hồi lại để tìm kiếm cơ hội vào lệnh:

- a. Tại mốc mà cấu trúc bị phá vỡ: Đối với nhà giao dịch theo cấu trúc, đây là một trong những vị thế vào lệnh cổ điển khác của Wyckoff: Vào lệnh ở cú test sau khi break. Đầu tiên chúng ta sẽ chờ đợi giá ở các cạnh của cấu trúc, về bản chất của nó sẽ là một LVN. Chúng ta cũng sẽ đề phòng ở các mốc hoạt động gần đó để không bỏ lỡ vị thế vào lệnh trong trường hợp giá sẽ tiến đến bất kỳ mốc nào trong số này, chủ yếu là ở phần cuối của vùng giá trị.

- b. Tại Các vùng cực trị của vùng giá trị: Day trader đơn giản là không giao dịch theo cách sử dụng các cấu trúc có thể ước tính vị thế vào lệnh sau khi giá rời khỏi một vùng giá trị nhất định (ví dụ: phiên hiện tại) và đợi giá thực hiện cú test ở phần cuối của Vùng giá trị của phiên đó để vào lệnh. Đây là nguyên tắc của sự tiếp diễn.
- c. Tại VPOC của Trading Range: Đây sẽ là mốc hoạt động cuối cùng để mong đợi sự đảo chiều sau khi phá vỡ. Nếu giá ở rất xa so với điểm kết thúc của sự phá vỡ, điều tốt nhất nên làm là đợi kích bản tiếp diễn sang một bên vì lúc đó giá sẽ vào lại vùng giá trị với một độ sâu nhất định. Trong trường hợp này, và theo các nguyên tắc hoạt động của Volume Profile, ta cần phải kích hoạt kích bản rằng sự đảo chiều đã thất bại và giá sẽ quay lại phần cuối của vùng giá trị.

4. Trong bối cảnh giá đi xa khỏi vùng giá trị: Đây là bối cảnh không cân bằng nên chúng ta sẽ ưu tiên HVN (tích lũy / phân phối).

- a. Chúng ta nên mong đợi một số sóng hồi ở bất kỳ mốc hoạt động nào mà giá đang có. Nếu mốc đầu tiên ở quá gần, nhiều khả năng giá sẽ tìm kiếm mốc tiếp theo để hình thành sóng hồi với tỷ lệ nhất định liên quan đến động lực trước đó.
- b. Các mốc của hồ sơ phiên trước: Nói chung, bởi vì chúng ta đang ở trong bối cảnh giá đi trong xu hướng, các mốc mà bạn cần tìm sẽ chính là các mốc của các phiên trước (Vùng Cực Trị, VWAP và VPOC). Ngoài ra chúng ta cũng có thể đưa ra một số kích bản về các mốc của phiên hiện tại.
- c. VWAP tuần: Chúng ta sẽ luôn chú ý đến vị trí của VWAP tuần vì nó đặc biệt hữu ích trong những bối cảnh này để tìm kiếm điểm cuối của sóng hồi và điểm bắt đầu của một sóng đẩy mới.
- d. VPOC của sóng đẩy trước đó: Ngoài ra, chúng ta có thể vẽ ra một fixed profile của sóng đẩy gần nhất và xác định vị trí của VPOC, vì chúng ta đã biết rằng đó cũng là một vùng rất hấp dẫn để chờ đợi.
- e. LVN: Thật thú vị khi xác định các vùng LVN trong bối cảnh chúng ta đang hoạt động. Trong trường hợp này, chúng ta có thể sử dụng các profiles khác nhau: profile tổng hợp để xác định bối cảnh chung, profile của sóng đầu trước và profile của phiên trước.

Đối với tất cả các bối cảnh, chúng ta sẽ muốn được càng nhiều mức hoạt động ủng hộ càng tốt. Thật thú vị khi chỉ ra rằng các khu vực hợp lưu của các mức hoạt động là những điểm rất được khuyến khích để tìm kiếm entry, một trong số đó là sự kết hợp giữa VPOC và VWAP.

7.3 Xây Dựng Các Kịch Bản

Khi chúng ta đã có bối cảnh rõ ràng, chúng ta biết loại chiến lược nên thực hiện và chúng ta đã xác định được vị trí cho việc vào lệnh, đây là lúc chúng ta vạch ra kịch bản.

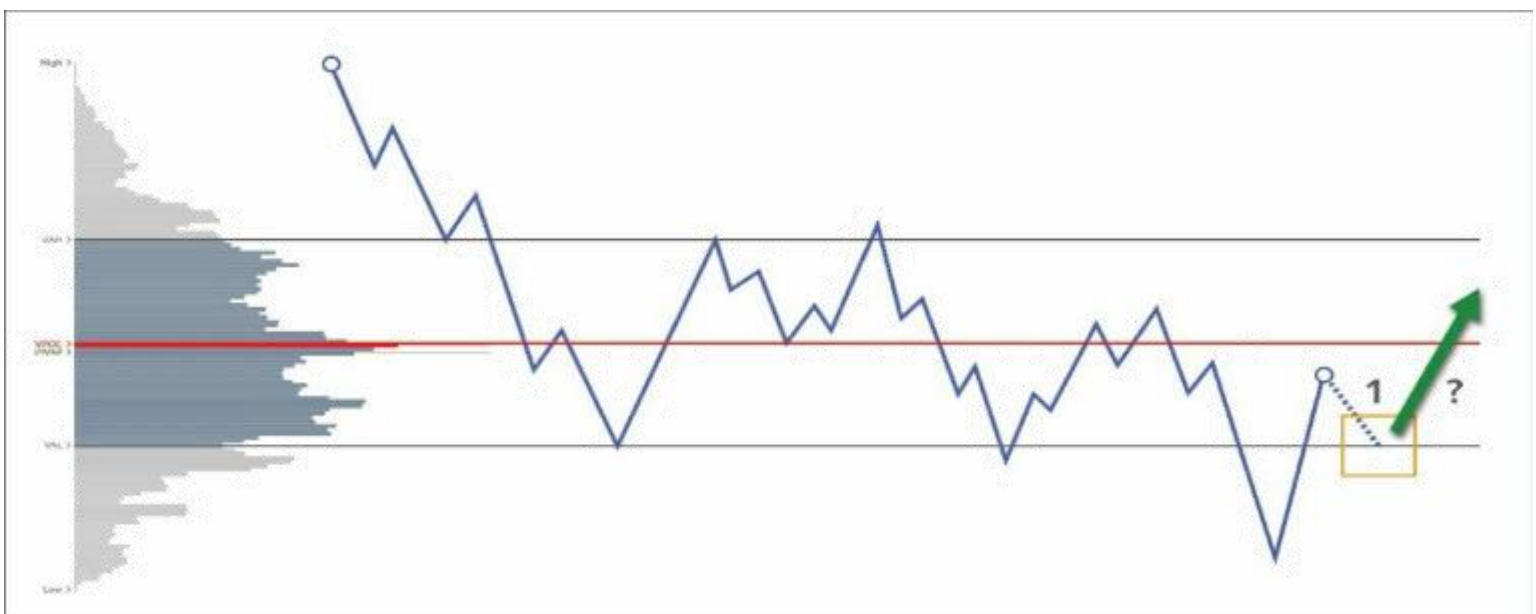
Thông thường, kịch bản để tìm kiếm điểm vào lệnh sẽ bao gồm một hoặc hai chuyển động:

Một chuyển động:

Giá sẽ ở vị trí có lợi cho ý tưởng của chúng ta và do đó chúng ta chỉ nên chờ đợi một chuyển động đơn giản (sóng hồi) khiến giá đi đến vùng hoạt động.

Nếu dựa trên bối cảnh mà chúng ta muốn mua, chúng ta sẽ xác định các mức hoạt động bên dưới, nơi giá có thể sẽ tăng.

Mặt khác, nếu khi đã phân tích bối cảnh, chúng ta xác định rằng điều tốt nhất cần làm là bán, chúng ta sẽ xác định các mức hoạt động tức thì nhất mà trên đó chúng ta sẽ tìm kiếm điểm vào cho lệnh short sell.

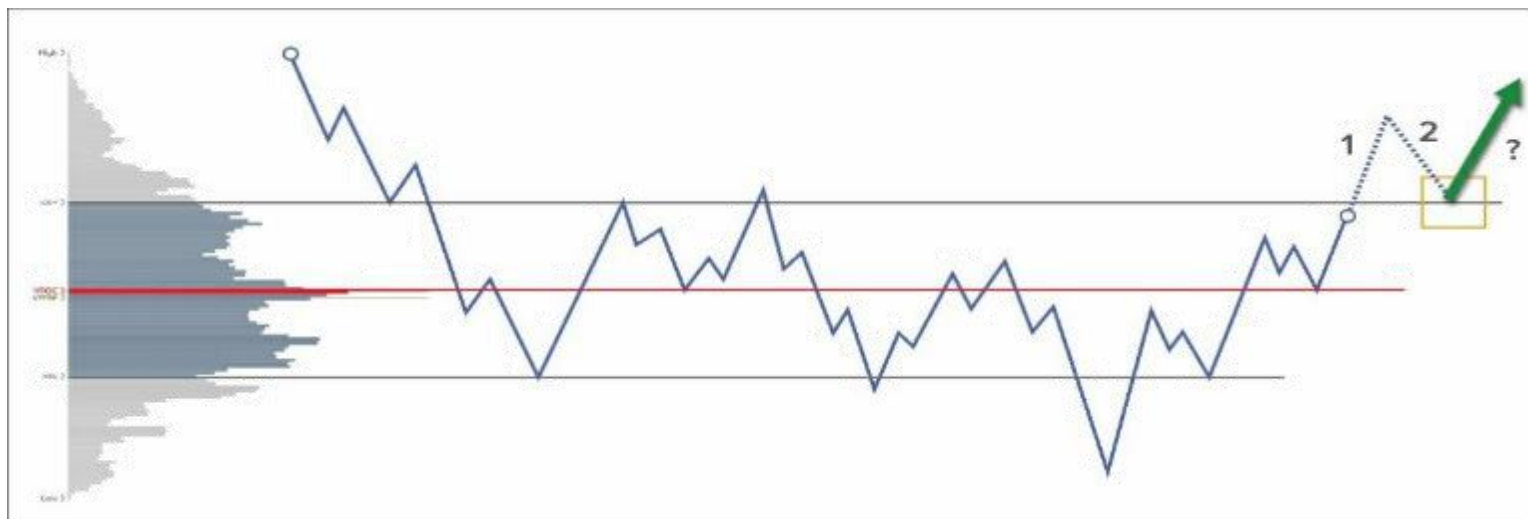


Hai chuyển động:

Chúng ta có thể chỉ muốn mua hoặc bán khi một hđ giá nhất định xảy ra.

Nếu dựa trên việc phân tích bối cảnh mà chúng ta muốn mua, nhưng giá nằm dưới vùng hoạt động, chúng ta nên mong đợi chuyển động đầu tiên đưa giá breakout khỏi vùng đó và sau đó, chuyển động thứ hai đưa giá quay trở lại test. Bây giờ chúng ta sẽ tìm kiếm entry cho lệnh mua.

Điều tương tự cũng sẽ xảy ra nếu những gì chúng ta muốn là bán nhưng giá đang ở cao hơn vùng hoạt động; trong trường hợp này, chúng ta nên đợi một chuyển động đầu tiên khiến giá break down vùng đó và sau đó là chuyển động thứ hai đưa giá quay trở lại test. Lúc này ta sẽ tìm kiếm entry cho lệnh short.



Trong ví dụ khác, chúng ta đang ở trong bối cảnh có một Trading Range, trong đó giá đang ở trong sự hình thành phát triển Spring tiềm năng và có khả năng rõ ràng rằng đó là một cấu trúc tích lũy.

Tại thời điểm chính xác đó và nhờ phương pháp đã cung cấp cho chúng ta biết được lộ trình mà giá sẽ di chuyển được, chúng ta có thể chờ đợi lệnh mua sau khi nhìn thấy sự phá vỡ (1) cộng với thử nghiệm/ kiểm tra tiếp theo (2). Đối với bối cảnh chúng ta muốn mua nhưng giá không nằm trong vùng hoạt động hấp dẫn (vì nó sẽ đối diện với key area), chúng ta nên đưa ra kịch bản gồm hai chuyển động.

Như chúng ta đã biết, giá có thể rời khỏi vùng rung lắc (Upthrust) và quay trở lại vùng cân bằng, nhưng ngay từ ban đầu chúng ta nên dự trù bias tăng sau khi thấy một cú shakeout giảm(Spring) và chuyển động phá vỡ đặc trưng.

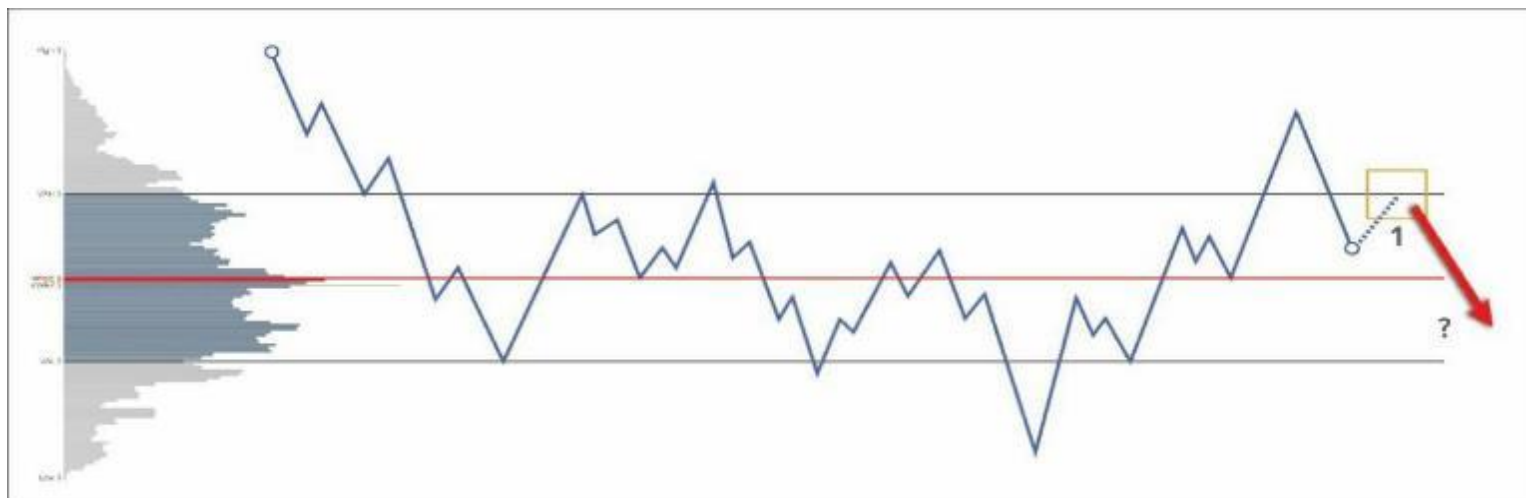
Rõ ràng không phải lúc nào Thị trường cũng đúng theo phân tích của chúng ta. Rất nhiều lần chúng ta buộc phải thay đổi cảm nhận của mình dựa theo sự vận động của giá. Đây là chìa khóa để phân tích liên tục phản ứng của những người tham gia khi thông tin mới xuất hiện trên thị trường.

Cách tốt nhất để thiết lập kịch bản là thông qua một quy trình xác nhận liên tục. Đó là về việc tích cực phản ứng với những gì thị trường làm (Nếu nguyên nhân là X, thì kết quả có thể là Y). Có nghĩa là " Nếu giá thực hiện điều này, thì chúng ta sẽ chờ đợi kết quả như thế này ". Đây là một cách tiếp cận tối ưu để luôn biết mình mong đợi những gì giá sẽ làm và sẵn sàng hành động với tốc độ cần thiết.

“Nếu giá breakout ở creek, thì tôi sẽ đợi cú test để vào lệnh mua. Nếu ngược lại, nếu đó là một phá vỡ giả, thì tôi sẽ đợi một thử nghiệm ở hướng ngược lại để vào lệnh bán”.

Chìa khóa ở đây là đánh giá khả năng xảy ra của tất cả kịch bản mà thị trường có thể phát triển tới, ngay cả khi ban đầu chúng ta thiên về một kịch bản, chúng ta cũng nên xem xét một kịch bản thay thế theo hướng ngược lại cho phép chúng ta nhanh chóng thay đổi quan điểm nếu cần.

Một ví dụ là khi thị trường đang ở đỉnh của một cấu trúc. Chúng ta đang ở trong khu vực hoạt động, kịch bản là đó có thể là breakout hoặc Upthrust. Có thể do bối cảnh mà chúng ta thiên về sự breakout và do đó chúng ta đang tìm lệnh mua ở cú test; nhưng khi đến thời điểm, những gì chúng ta quan sát được là giá quay trở lại vùng trước đó, dứt khoát từ chối tăng và tỏ ra là một upthrust. Tại thời điểm đó, chúng ta có đủ năng lực để hiểu tình huống thực tế và thay đổi cách kịch bản và tìm kiếm vùng để vào lệnh short sell.



7.4 Quản Lý Vị Thế

Mặc dù yếu tố quan trọng nhất của sự kết hợp này chắc chắn là mọi thứ mà phương pháp Wyckoff cung cấp cho chúng ta, nhưng chúng ta đã thấy rằng cả Volume Profile và Order Flow hiển nhiên hữu dụng để cải thiện các kịch bản và hoạt động của chúng ta.

Nhờ các nguyên tắc của phương pháp Wyckoff, chúng ta có thể vạch ra các kịch bản; nhờ vào việc xác định các khu vực và mốc hoạt động bằng volume profile, chúng ta sẽ có thể tinh chỉnh với độ chính xác cao hơn ở những nơi có khả năng giá sẽ di chuyển nhất; và nhờ vào độ chính xác của Order Flow, nó sẽ cho phép chúng ta xác nhận và hiệu chỉnh hiệu quả vị thế vào lệnh của mình.

7.4.1 Entry

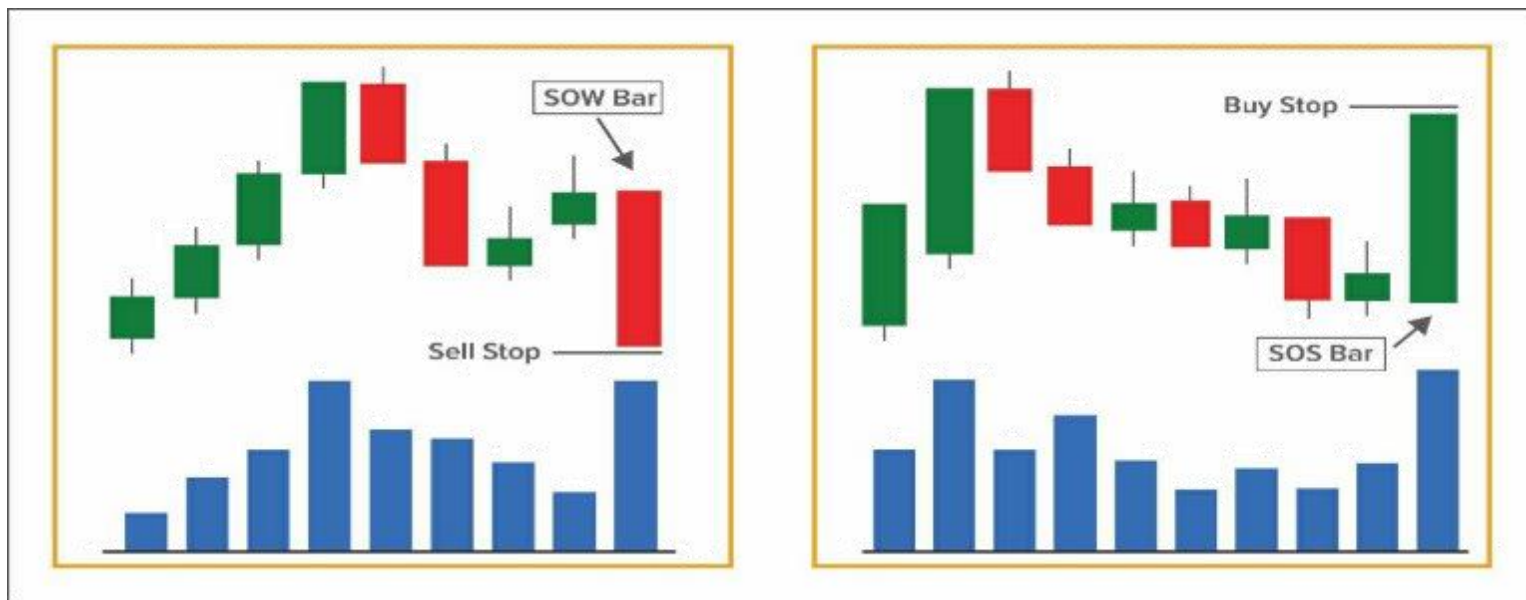
Bất kể bối cảnh hoạt động như thế nào, vị thế vào lệnh sẽ luôn là một hành động thể hiện ý định của một bộ phận các nhà giao dịch lớn nghiêng theo định hướng của chúng ta.

Bằng cách phân tích hành động giá đơn thuần, chúng ta sẽ tiếp tục làm việc với các cây nến quan trọng :

- Dấu hiệu của SOS bar: Một cây nến tăng có biên độ lớn đóng cửa ở một phần ba phía trên của và khối lượng giao dịch cao.(nến pinbar tăng).
- Dấu hiệu của SOW bar: Một cây nến giảm biên độ lớn đóng cửa ở một phần ba phía dưới và có khối lượng giao dịch cao. (pinbar giảm).

Đối với những người muốn quan sát Order Flow, chỉ nên làm việc với các khái niệm đã được giải thích rõ ràng :

- Mô hình đảo chiều: sự hấp thụ và sự khởi sinh.
- Mô hình tiếp diễn: sự kiểm soát và test.



Về bản chất, những gì chúng ta tìm kiếm trong mô hình đảo chiều sẽ là xác nhận rằng SOS / SOWbar có sự khởi sinh; và trong trường hợp lỡ mất vị thế vào ban đầu, chúng ta có thể chờ đợi một vị thế vào trong mô hình tiếp diễn.

Entry Order

Như chúng ta đã thấy trong phần về các loại lệnh, các trader có thể tham gia thị trường theo nhiều cách khác nhau, về cơ bản là các lệnh Market, lệnh Stop (tiếp tục) hoặc lệnh Limit (giới hạn).

Trong trường hợp này, chúng ta sẽ sử dụng lệnh Stop. Hãy nhớ rằng những lệnh Stop này đặt mức giá cao hơn giá hiện tại nếu bạn muốn mua; và thấp hơn giá hiện tại nếu bạn muốn bán.

Với sự hình thành của cây nến quan trọng, chúng ta có một dấu hiệu rõ ràng về sự hứng thú của các nhà giao dịch, nhưng thật thú vị khi sử dụng các lệnh Stop như một bộ lọc gợi ý cho một sự nhất quán trong xu hướng khởi sinh từ cây nến kích hoạt lệnh vào.

Đôi khi chúng ta sẽ thấy sự phát triển ban đầu trông giống như một hình nến có chủ ý và ngay sau khi nó đóng cửa, giá sẽ đảo ngược mạnh theo hướng ngược lại. Điều đã xảy ra là trong khi quá trình hấp thụ diễn ra ở các mức giá đó thì có một số nhà giao dịch lớn hơn tự đặt mình ở vị thế ngược lại. Khi sử dụng lệnh stop mặc dù đúng là chúng ta không thể thoát khỏi rủi ro tiềm ẩn này, nhưng trong nhiều trường

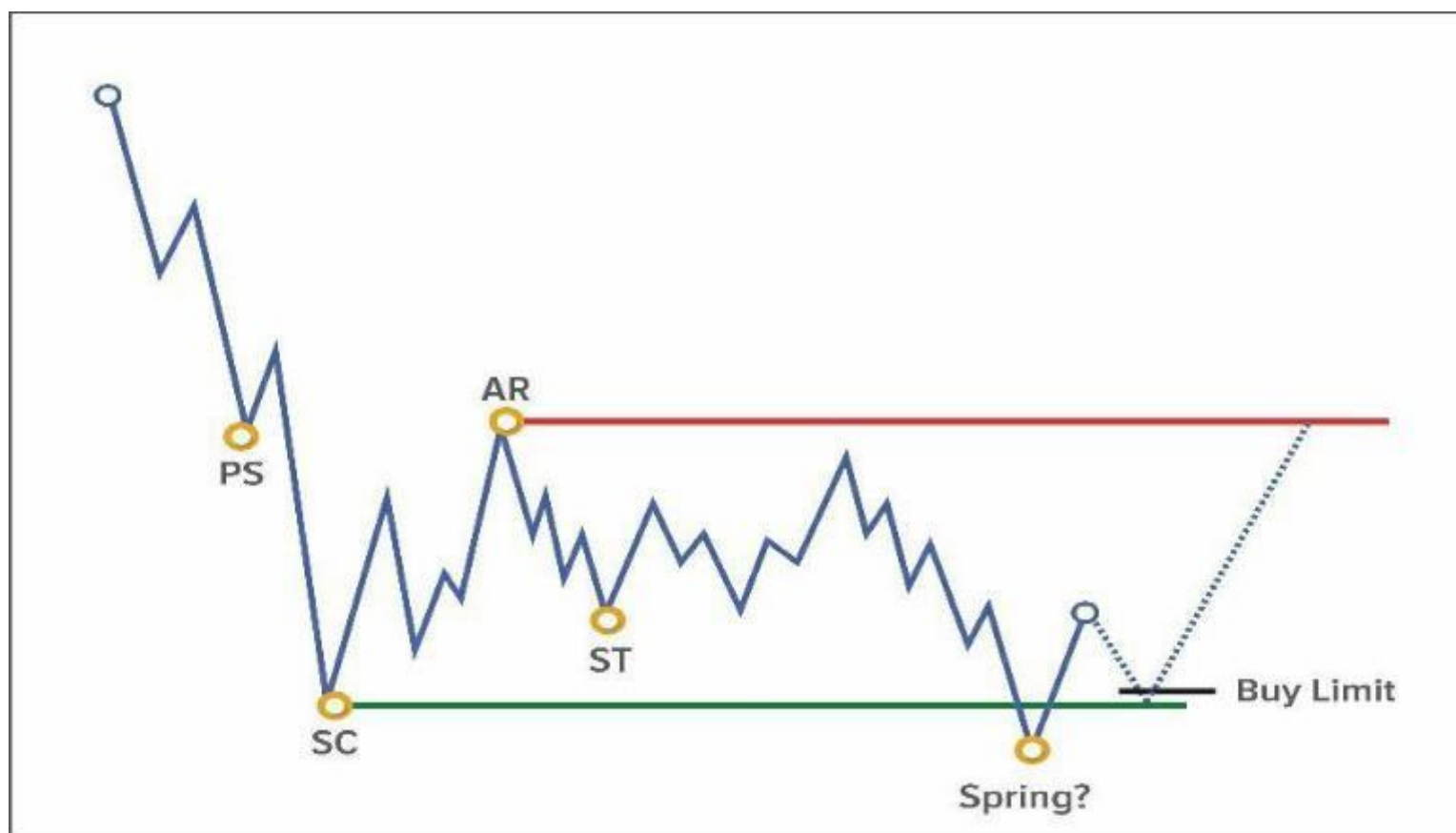
hợp khi điều này đang xảy ra, nó sẽ ngăn cản việc ta tham gia vào thị trường bằng một lệnh market.

Nếu giá đang trong một chuyển động không cân bằng (trong một xu hướng), nó sẽ có một momentum mạnh mẽ, nơi mà chúng ta sẽ tiếp tục giao dịch thuận theo xu hướng đó. Với loại lệnh limit này, chúng ta sẽ giao dịch thuận theo động lực của xu hướng mất cân bằng.

Trong mọi trường hợp, phần này nên được nhà giao dịch đánh giá sâu hơn. Bạn có thể muốn giao dịch bằng một lệnh market sau khi cây nến trigger đóng cửa, hoặc giao dịch mà không cần đợi thân nến đóng lại sau khi thấy sự hưng hân trong footprint hoặc thậm chí sử dụng một lệnh limit để tham gia một đợt đảo chiều có thể xảy ra. Lựa chọn nào cũng hợp lý cả.

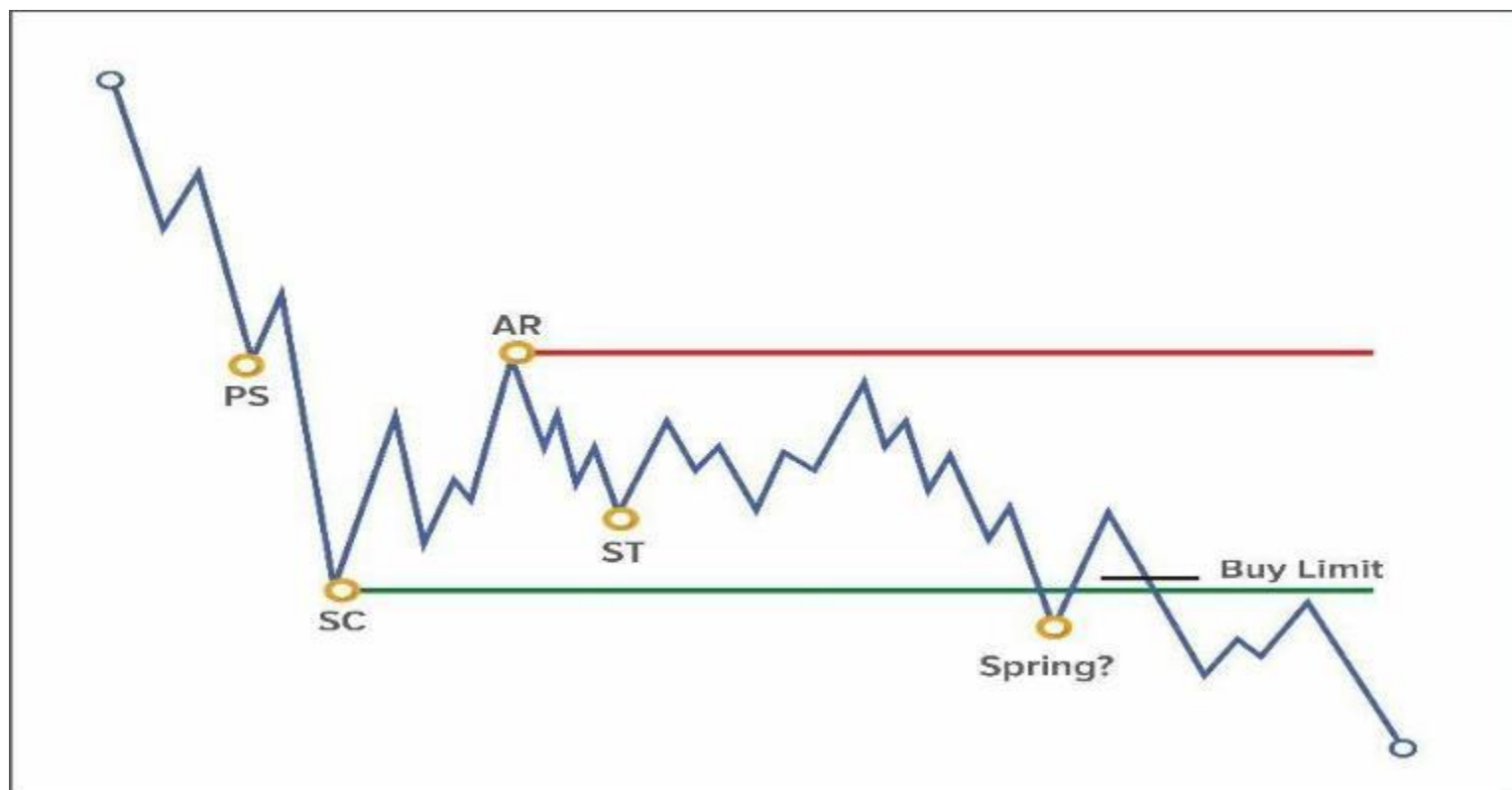
Tại sao bạn không nên tham gia thị trường bằng các lệnh limit ?

Đơn giản bởi vì bạn đang đặt cược rằng chuyển động mà bạn chờ đợi sẽ xảy ra, và nếu bạn nhớ, chúng ta đang đối phó với một thị trường hoàn toàn không bất định nên chúng ta không biết chắc chắn điều gì sẽ xảy ra.



Ví dụ, bạn có thể thấy một Spring tiềm năng. Nếu sự phân tích chính xác, chúng ta biết rằng lộ trình do phương pháp Wyckoff đưa ra là tìm kiếm ít nhất là ở phần trên của cấu trúc; vì vậy bạn có thể nghĩ rằng lựa chọn tốt là đặt một lệnh limit buy trong khi chờ đợi sự hình thành của cú test ở Spring.

Nhưng một cú test như vậy có thể không bao giờ xảy ra và thay vào đó giá sẽ tiếp tục giảm và xác nhận rằng phân tích của chúng ta là không chính xác, điều này sẽ dẫn đến thua lỗ. Vấn đề không nằm ở việc giả định khoản lỗ đó, vì nó là một phần của hoạt động kinh doanh, mà ở chỗ, cách tiếp cận cơ bản không phải là cách tiếp cận vững chắc nhất.



Tại thời điểm bạn nhìn thấy Spring tiềm năng và đặt lệnh limit buy, bạn đang đặt cược rằng giá sẽ phát triển hai bước: xu hướng giảm để tạo ra cú test và xu hướng tăng sẽ đưa giá lên phần cao của trading range. Và điều quan trọng là chúng ta chỉ có thể đề xuất sự phát triển của MỘT sự thay đổi để hành động.

Trong trường hợp này, ban đầu chúng ta có thể đề xuất xu hướng giảm như một cú test vì chúng ta đang ở Spring tiềm năng; và một khi giá đạt đến khu vực mà nó "nên" quay đầu, chúng ta phải phân tích lại hành động giá và khối lượng giao dịch để xem liệu sự mất cân bằng đó có tạo ra xu hướng tăng hay không và sau đó chúng

ta có thể đề xuất xu hướng tăng tiếp theo với đích đến là creek (cạnh đối diện của cấu trúc).

Ý tưởng cơ bản là chúng ta phải liên tục phân tích sự tương tác giữa người mua và người bán; và ngay cả khi chúng ta thiên về phía người mua hoặc phía người bán tùy theo bối cảnh, chúng ta phải xác nhận vào thời điểm đó rằng cách tiếp cận đó là vững chắc và chính thị trường cũng cho thấy rõ điều đó.

Nếu tại cú test của Spring tiềm năng, chúng ta thấy những người “mua chủ động” xuất hiện và đẩy giá lên, thì đây là footprint mà chúng ta cần thấy để xác nhận rằng phân tích của chúng ta có vẻ đúng và trong trường hợp đó, nó sẽ mang lại cho chúng ta cơ hội giao dịch. Chúng ta cũng phải nhớ rằng việc nhìn thấy vị thế vào của mình trên vùng được đề xuất không liên quan gì đến việc liệu giao dịch có sinh lời hay không. Như chúng ta đã thấy, thông tin mới liên tục xuất hiện trên thị trường và điều này có thể thay đổi nhận thức về giá trị của những người tham gia bất cứ lúc nào.

7.4.2 Stop Loss

Từ quan điểm của phương pháp Wyckoff thuần túy, chúng ta sẽ tiếp tục đề xuất vị trí cắt lỗ ở phía bên kia của các cây nến quan trọng (SOS / SOW) và của cấu trúc. Logic là nếu các nhà giao dịch lớn đã tích cực tham gia vào sự phát triển này, họ sẽ bảo vệ vị thế của mình trong trường hợp giá đi ngược lại gây bất lợi cho họ.

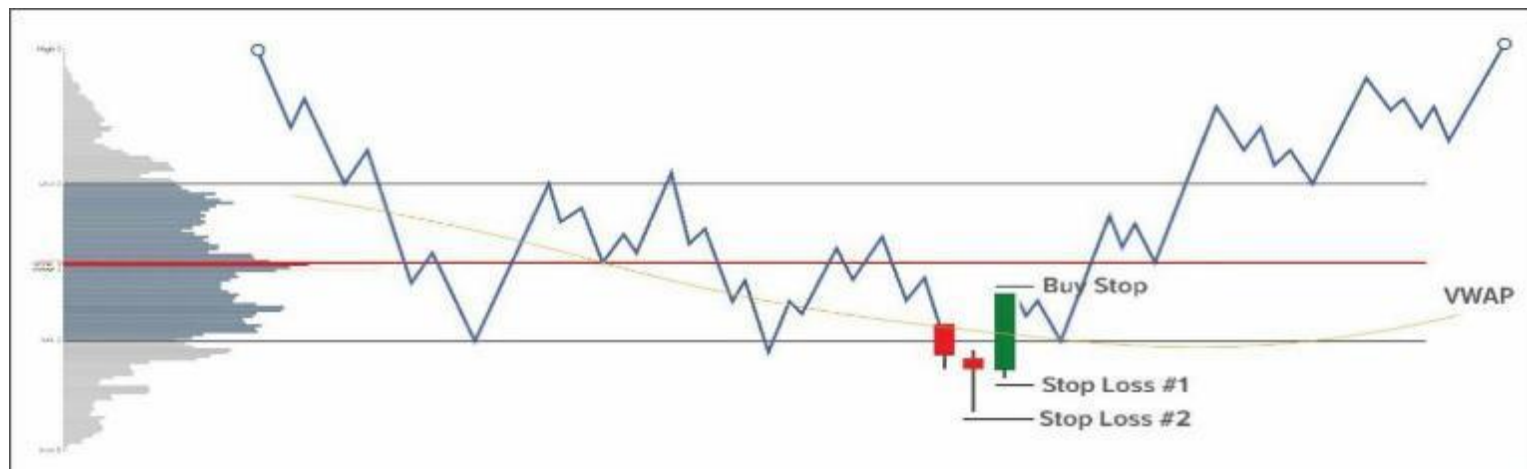
Ngoài ra, chúng ta sẽ luôn muốn đặt lệnh cắt lỗ ở phía bên kia của càng nhiều mốc và vùng hoạt động càng tốt.

Vùng đầu tiên chúng ta sẽ tìm kiếm sẽ là một nút khối lượng thấp (LVN). Như chúng ta đã bàn, về bản chất của nó, vùng giao dịch thấp này có thể hoạt động như một sự từ chối và đó chính xác là những gì chúng ta đang tìm kiếm: rằng trong trường hợp giá đạt đến vùng này, một cú đảo chiều chữ V sẽ hình thành và sự từ chối này bảo vệ vị thế của chúng ta.

Cần lưu ý rằng hình thức khác của sự từ chối là giá nhanh chóng vượt qua các mức giá này. Nếu đúng như vậy, nó chắc chắn sẽ tiếp cận và kích hoạt lệnh stoploss. Vì chúng ta không biết điều gì có thể xảy ra, nên chúng ta bắt buộc phải sử dụng

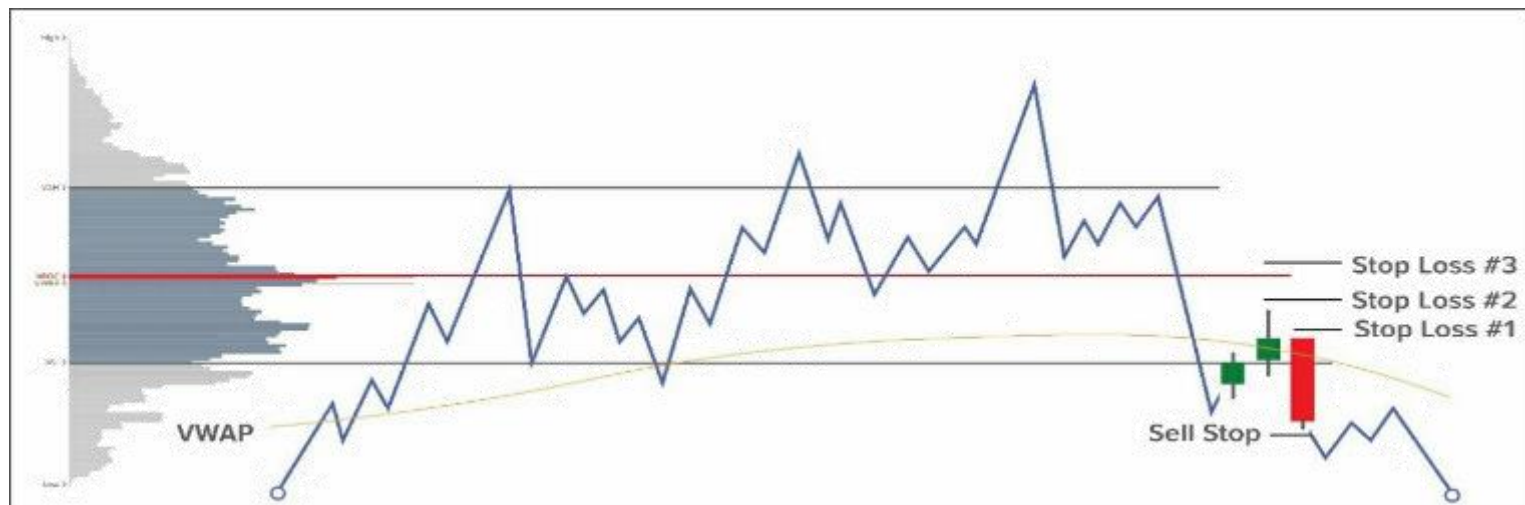
loại vùng này với tiền đề ban đầu là sự từ chối của giá có thể xảy ra trong tương lai là một cú đảo chiều chữ V.

Logic của việc sử dụng phần còn lại của các mốc hoạt động để bảo vệ vị thế về cơ bản nằm ở chỗ, một khối lượng giao dịch lớn sẽ được chốt tại đó và cũng có thể hoạt động như đòn bẩy đẩy giá quay đầu. Một số người có thể nghĩ rằng nếu các mốc này hoạt động như nam châm do sự thanh khoản đối với chúng, tại sao lại sử dụng chúng để bảo vệ vị thế? Nếu chúng ta đã mua và các mốc hoạt động đang ở bên dưới mức giá chúng ta mua, dựa trên nguyên tắc rằng chúng hoạt động như nam châm, sẽ không hợp lý khi nghĩ rằng vì chúng mà giá sẽ di chuyển? Logic ở đây là tại thời điểm tham gia thị trường (mở lệnh), chúng ta đang hướng tới sự mất cân bằng của giá bằng cách tìm kiếm tính liên tục của nó (xu hướng). Và do đó, đó là thời điểm mà giá sẽ di chuyển khỏi các mốc như vậy, nói chung việc này thể hiện sự cân bằng và sự chấp nhận. Nếu tại thời điểm thực sự không có sự mất cân bằng, chúng ta vẫn có khả năng cứu chữa tình hình nếu tại đó, những người có khả năng xoay chuyển thị trường tái gia nhập thị trường.



Nếu chúng ta đang có Spring tiềm năng và chúng ta thấy sự xuất hiện của một cây nến SOS, chúng ta sẽ có thể tham gia thị trường với lệnh Buy Stop ở điểm phá vỡ phía trên thanh nến, Stop Loss ở bên dưới cây nến trigger (# 1) hoặc bên dưới toàn bộ cấu trúc (# 2).

Tại một trong hai điểm này, lệnh Stop Loss trước tiên sẽ được bảo vệ bởi sự mất cân bằng được tạo ra trong cây nến trigger; bởi bất kỳ VWAP nào đã được tạo ra và bởi VAL của cấu trúc mà về bản chất là LVN.



Trong ví dụ xu hướng giảm này, nếu thanh SOWbar xuất hiện cung cấp cho chúng ta vị thế vào lệnh short sell, chúng ta sẽ đặt lệnh Sell stop dưới đáy cây nến và chúng ta cũng sẽ có một số vị trí cho lệnh Stop loss: ngay trên đỉnh (# 1), tại mức cao nhất mà giá đạt được (# 2) và ở phía bên kia của VPOC của hồ sơ (# 3).

Chúng ta sẽ được bảo vệ bởi chính cây nến, bởi một số VWAP và bởi VAL của hồ sơ mà nay cạnh đó là LVN trong trường hợp này trùng với ICE (hỗ trợ) của cấu trúc.

Một mốc liên quan đến hồ sơ cần chú ý đó là VPOC: Trong ví dụ này, nó hơi xa (xa entry) một chút nhưng nó vẫn là một mốc phù hợp cần xem xét. Nhà giao dịch nên phân tích xem nếu đặt stop loss ở mốc đó thì Risk/Reward có còn chấp nhận được được không.

Đây là một trong những đặc thù của cách tiếp cận theo ý của từng cá nhân và chúng ta phải thích ứng với hành vi của thị trường. Đôi khi tất cả các mốc sẽ hội tụ trong một trading range rất hẹp giúp chúng ta thêm tự tin; trong khi những nơi khác chắc chắn sẽ bị tách ra và chúng ta sẽ phải đánh giá xem vị trí nào là tối ưu hơn và đáng để chịu rủi ro không.

7.4.3 Take Profit

Trong cuốn sách đầu tiên của tôi "The Wyckoff Methodology in Depth", tôi đã liệt kê những hành động khả thi mà chúng ta có thể sử dụng để chốt lời. Các nội dung chính :

1. Bằng chứng của cây nến cực đại: Đặc biệt hữu ích khi chúng ta không có bất kỳ tham chiếu nào ở phía bên trái của biểu đồ.
2. Sau khi phát triển Phase A của việc dùng xu hướng trước đó.
3. Trong các vùng thanh khoản được tạo ra bởi sự thay đổi giá có liên quan (đỉnh đáy trước đó).

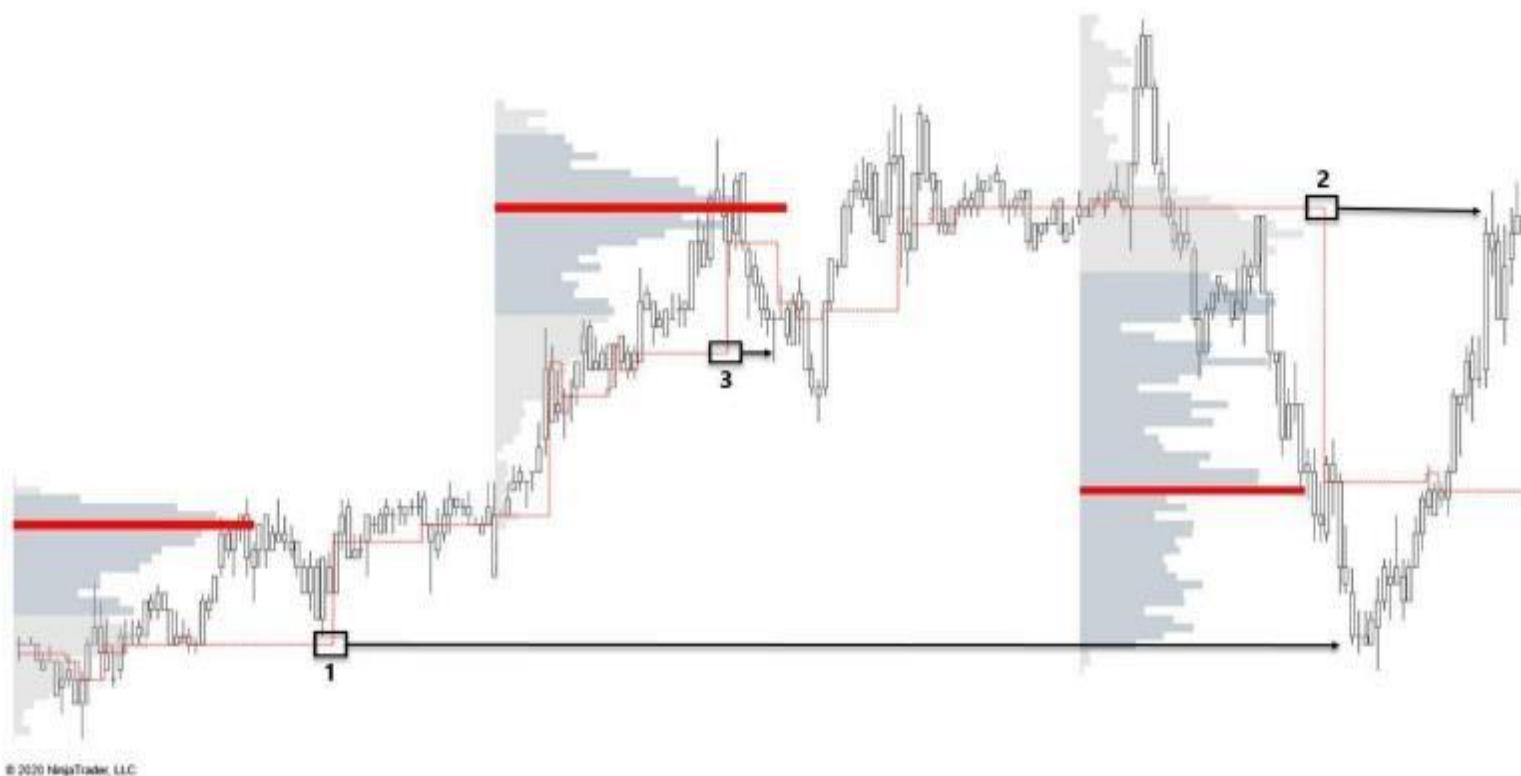
4. Nhờ việc kết hợp với volume profile, chúng ta có thể thêm một mục tiêu mới khả thi hơn khi chúng ta đàm phán giá theo hướng mà chúng ta muốn chốt lời. Tại các vùng đàm phán hiệu quả trước đó: Ý tưởng là sử dụng các HVN mà chúng ta có trong xu hướng. Chúng ta đã biết những khu vực như vậy có vai trò như một thời nam châm hút giá và chính vì vậy chúng mang lại cho chúng ta sự tự tin khi sử dụng làm mục tiêu. Được hỗ trợ bởi thuyết đấu giá, sau khi mất cân bằng, thị trường sẽ tìm kiếm những nhà giao dịch có bias ngược lại, những người sẵn sàng giao dịch trở lại. Đó là lý do tại sao giá sẽ di chuyển đến những khu vực mà trước đó đã có một lượng giao dịch lớn vì dự kiến điều tương tự sẽ xảy ra một lần nữa.

Điều tối quan trọng là phải nhớ tính chất ngắn hạn của thị trường nơi các khu vực đàm phán cuối cùng sẽ có mức giá hấp dẫn hơn so với các khu vực trước đó.

Khái niệm về HVN khi thiết lập mục tiêu TP có thể hơi mơ hồ. HVN là một vùng, và lệnh chốt lời là một mức giá cụ thể, chính xác thì nó nên được đặt ở đâu? Vì mục đích này, rất thú vị khi xem xét VPOC của vùng giá trị cụ thể đó. HVN giúp chúng ta xác định vùng giá có khả năng xảy ra và VPOC của nó để biết vị trí chính xác của mục tiêu.

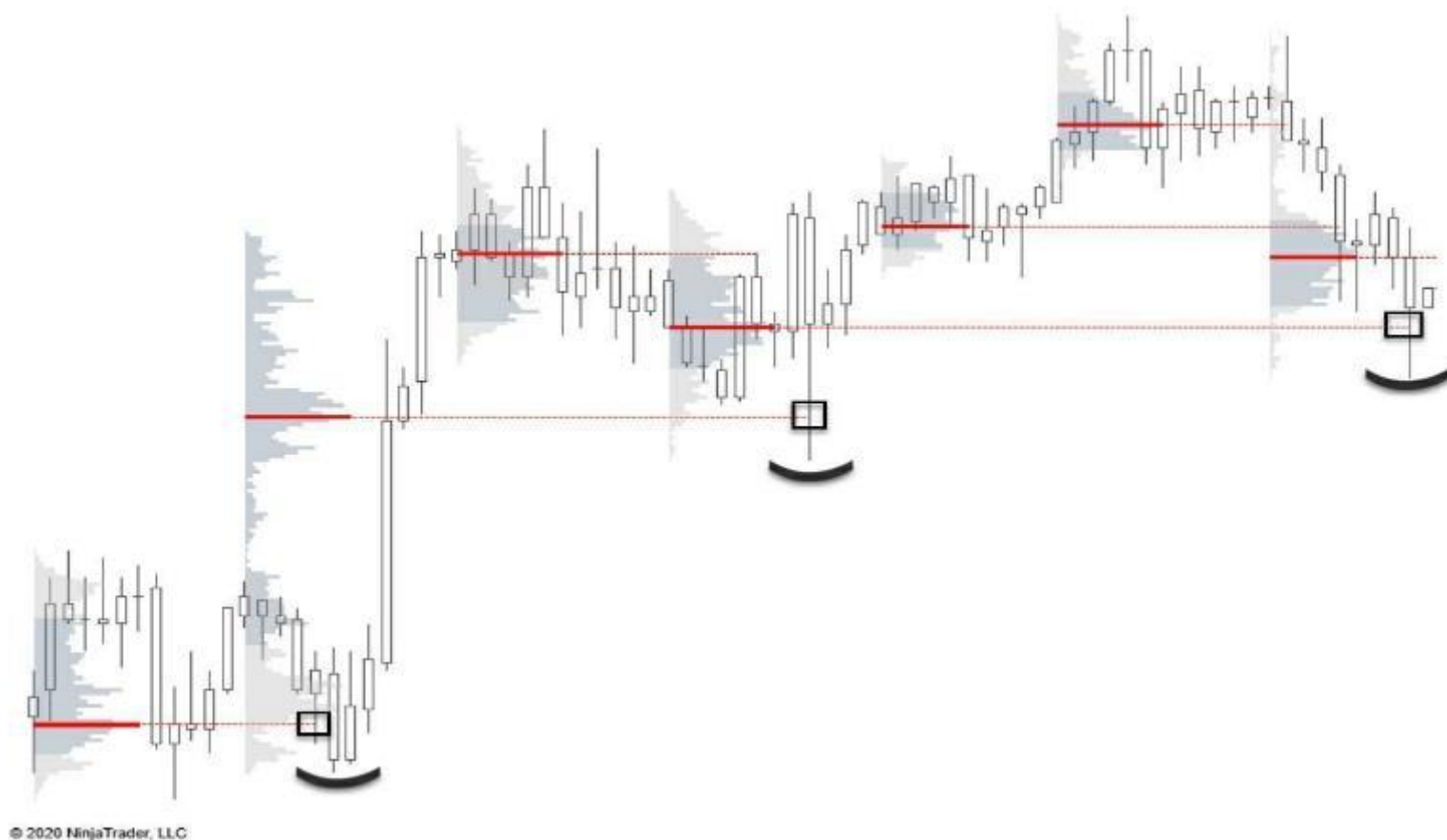
Đối với một Day Trader, có thể rất hữu ích khi xác định được đường Developing Volume Point of Control - DVPOC. Đây là các mức giá tại một thời điểm trong quá khứ, nó đã từng là VPOC của một phiên, cho dù chúng có phải là VPOC cuối cùng của phiên đó hay không. Như chúng ta đã biết, phiên VPOC thay đổi dựa trên sự đàm phán và cấp độ này thể hiện bằng sự thay đổi Footprint. Tóm lại, đó là một

mức có khối lượng giao dịch cao và do đó có thể nó có tính chất như một nam châm hút giá.



Trong ví dụ này, chúng ta thấy cách giá được phân phối trong hồ sơ có dạng P shape và sự di chuyển đi xuống sẽ tìm kiếm một DVPOC cũ ở bên dưới (1) và từ đó đảo chiều ở mô hình chữ V để đi kiểm tra lại một DVPOC khác của phiên hiện tại ở phía trên (2).

Cần lưu ý rằng chúng ta chỉ xem xét những DVPOC chưa được test. Trong ví dụ này, chúng ta thấy các VWAP khác đã được thử nghiệm và do đó sẽ không hợp lệ để thiết lập mục tiêu, vì nó là trường hợp (3).



Điều này cũng đúng với Naked VPOC đơn thuần. Chúng ta chưa nói về mốc này trước đây vì nó hầu như chỉ hữu dụng để xác định mục tiêu khả thi. Naked VPOC là VPOC từ các phiên trước nhưng chưa được Test. Không giống như DVPOC, naked VPOC là VPOC cuối cùng của phiên. Số liệu thống kê cho thấy xác suất cao naked VPOC từ các phiên trước sẽ được kiểm tra ở những phiên tiếp theo. Đó là điểm thú vị cần ghi nhớ của chúng.

Trong ví dụ trước, chúng ta thấy lực hấp dẫn mà các mốc này thu hút giá và thậm chí tạo ra sự đảo chiều sau đó.

Trong cả hai biểu đồ, các cấu hình khác nhau đã được sử dụng để hiển thị một cấp hoặc nhiều mốc cụ thể (DVPOC và naked VPOC). Chúng ta nên sử dụng cả hai vì bản chất của chúng đều đại diện cho các khu vực giao dịch cao trước đó.

7.4.4 Phải Làm Gì Khi Giá Rời Đi Mà Chưa Kịp Vào Lệnh ?

Đôi khi, ngay cả khi chúng ta đã lập lên được một kịch bản tốt và giá bắt đầu chuyển động theo đúng cách mà chúng ta mong đợi nhưng không có cơ hội nào cho chúng ta tham gia thị trường.

Lúc này, điều chắc chắn không nên làm là cho phép những cảm xúc tiêu cực sinh ra do sự bỏ lỡ cơ hội thôi thúc ta tham gia vào thị trường. Nhập cuộc trong tâm thế tuyệt vọng thường không phải là một chiến lược tốt về lâu dài. Nếu giá đã rời đi mà không có chúng ta thì cũng ko sao cả, đó là một phần của trò chơi cũng như các lần giá chạm tới stop loss. Nếu bias không thay đổi, chúng ta vẫn có thể tiếp tục tìm kiếm một lệnh thuận theo xu hướng ở các mốc hoạt động mới.

Do đã tạo được một phân tích tốt, trong tình huống này, sẽ thú vị hơn nhiều nếu bạn phân tích cấu trúc theo một kiểu khác.

Mặc dù đúng là chúng ta tiếp cận thị trường với mục đích cuối cùng là thu được lợi nhuận từ các chuyển động của nó, nhưng thực tế việc phân tích đúng chắc cũng sẽ khiến ta hài lòng.

“Phân tích” ở đây có nghĩa là đánh giá xem ai là người kiểm soát thị trường và chuyển động nào sẽ có khả năng xảy ra cao nhất. Điều này cực kỳ quan trọng như một ví dụ rằng cuối cùng kiến thức đã được nội tại hóa và nếu đi theo lộ trình đó thì chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi gặt hái được kết quả.

Điều duy nhất không thành công là chuyển thăm của giá tới chính xác khu vực mà bạn đã mong đợi, hoặc giá không tạo ra một trigger thực sự để ta có thể vào lệnh. Trong mọi trường hợp, cần nhớ rằng chúng ta hoàn toàn không kiểm soát được thị trường và nhiệm vụ của chúng ta là đưa ra các kịch bản với xác suất cao nhất có thể, biết rằng những tình huống như vậy sẽ xảy ra.

Ngoài ra, chúng ta cũng phải tính đến rằng, dựa vào một trong những quy tắc chính của việc bảo toàn vốn, bạn có thể đã không tận dụng được sự dịch chuyển mà bạn mong đợi nhưng ít nhất bạn đã không bị vào lệnh sai và do đó bạn không có thêm bất kỳ mất mát, tổn thất gì.

Chương 8, Case Studies

Trong phần cuối cùng này, chúng ta sẽ xem xét chi tiết một số ví dụ thực tế cho các khái niệm lý thuyết đã trình bày trước đây.

Như tôi luôn nói, điều thực sự thú vị về kiểu ví dụ này là quan sát cách các thị trường có xu hướng đưa ra các kế hoạch giống nhau nhưng theo những cách khác nhau tùy thuộc vào từng thời điểm. Đây những gì chúng tôi muốn ám chỉ khi nói rằng chúng ta phải "linh hoạt" khi phân tích thị trường trong quá trình phát triển cấu trúc.

Tại thời điểm này, Đây là thứ mà bạn nên lĩnh hội thành kiến thức của mình. Phương pháp Wyckoff không phải là đặt tên cho hầu hết mọi chuyển động như một rô bốt. Việc này không có ý nghĩa gì cả và chúng ta đã giải thích lý do tại sao. Đó là về việc phân tích các hành động của thị trường (cả những hành động nó đã thực hiện và những hành động nó không thực hiện) một cách khách quan nhất có thể để mang lại khả năng kiểm soát tốt hơn cho người mua hoặc người bán.

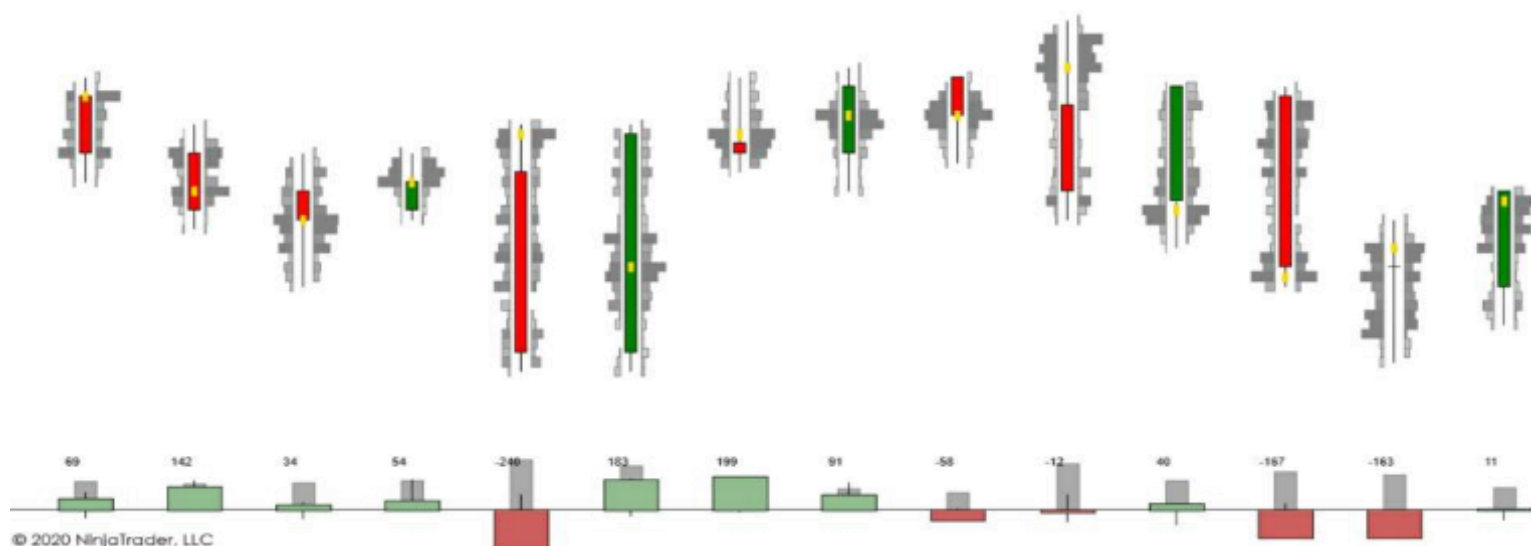
8.1 Cặp Euro/Dollar (\$6E)

Biểu đồ gồm ngày mùng 2, mùng 3 và mùng 6 tháng 7 năm 2020. Bối cảnh giá trong trading range, vùng cực trị hoạt động; nhiều bối cảnh giá trong xu hướng, Giao dịch ở xa vùng giá trị.



Ví dụ này đại diện cho hầu hết mọi thứ đã học vì nó có đầy đủ các chi tiết thú vị.

Đầu tiên chúng ta thấy điểm dừng của xu hướng giảm (SC, AR, ST) bắt đầu từ đó xuất hiện sự cân bằng. UA đã gợi ý cho chúng ta về ý định mua ở Phase B khi có một cú test ở vùng cực đại của cấu trúc. Vùng cực đại của cấu trúc bản chất là một LVN như được phản ánh trong profile của ngày đầu tiên. LVN hoạt động lặp đi lặp lại như một vùng từ chối khiến giá quay đầu cho đến khi cuối cùng nó bị vượt qua với tốc độ nhanh. Spring và cú test của nó châm ngòi cho sự mất cân bằng trong xu hướng tăng một cách tương đối dễ dàng.



Bằng cách xem xét kỹ Spring tiềm năng đó trong biểu đồ foot print, chúng ta thấy cách mô hình đảo chiều nghiêng về phía người mua được thể hiện bằng cách đảo chiều trong Delta (-240 thành +183). Trong hành động đầu tiên này, cần phải nhấn mạnh rằng trong cây nến giảm, quá trình hấp thụ diễn ra không hề rõ ràng, như chúng ta dự đoán; nhưng đây là thực tế của thị trường. Không phải lúc nào chúng ta cũng thấy các mô hình lý thuyết được thể hiện theo cùng một cách và trường hợp này minh chứng hoàn hảo cho sự cần thiết phải linh hoạt khi phân tích thị trường và chuẩn bị cho bất cứ điều gì.

Ngoài việc không nhìn thấy quá trình hấp thụ tiềm năng này, mục tiêu là sau giá giảm một khoảng lớn và cây nến khối có lượng giao dịch lớn, giá không tiếp tục giảm mà đảo chiều bằng một chuyển động quyết liệt (phân kỳ nỗ lực/kết quả).

Rất rõ ràng hành động sau đây được trình bày như một mô hình tiếp diễn với việc tạo ra sự kiểm soát cộng với cú test. Sự kiểm soát sẽ được phản ánh trong tam giác tăng ở vùng cạnh trên của trading range. Chúng ta thấy cách giá hình thành cú test khi vừa chạm đến khu vực đó và từ đó tiếp tục sự mất cân bằng theo hướng tăng.

Ngoài các động thái giá đã được đề cập bên trong phạm vi giao dịch, chúng ta cũng có thể quan sát các tín hiệu khác trong khối lượng như sự sụt giảm trong toàn bộ quá trình phát triển của nó, sự xuất hiện nhiều hơn của buyer Weis; cũng như việc phân tích phiên đầu giá hoàn thành của ngày 3. Thực tế là khối lượng đại diện cho một phiên đầu giá hoàn thành tiềm năng hợp lưu với một Sping tiềm năng là một tín hiệu rất hấp dẫn để giả định rằng sự thiếu quan tâm tiếp tục giảm.

Một điểm rất thú vị khác là tính tiếp diễn xảy ra khi giá ra khỏi vùng giá trị bằng xu hướng tăng. Ở đây, xuất hiện concept VPOC dịch chuyển để hỗ trợ các vị thế vào lệnh tiềm năng. Chúng ta thấy làm thế nào sau khi VPOC dịch chuyển, giá tiếp tục phát triển đi lên (C1 và C2) gần như ngay lập tức. Đây là dữ liệu rất hữu ích cho loại ngữ cảnh này. Trong sự tiếp diễn thứ ba (C3), thị trường sẽ ghé thăm một trong những mốc hoạt động quan trọng nhất, VWAP tuần, để từ đó phát triển một sóng đẩy mới theo hướng tăng.

Đối với các mục tiêu, mục tiêu đầu tiên (tp1) cần xem xét sẽ là vùng giao dịch cao trong quá khứ (HVN) nó cũng để lại một Developing VPOC. Và nếu không than chiếu thêm các khối lượng ở bên trái, các mục tiêu tiếp theo sẽ là xác định các vùng thanh khoản là các đỉnh cũ (tp2).

8.2 Cặp Pound/Dollar (\$6B)

Biểu đồ hồ sơ hoạt động tuần từ ngày 29 tháng 6 đến ngày 3 tháng 7 năm 2020. Bối cảnh bên trong trading range; thêm bối cảnh xu hướng khác, Giao dịch khi giá tiếp xúc vùng giá trị.



Trong trường hợp này, hồ sơ hoạt động được sử dụng là cấu hình được định theo khối lượng giao dịch trong tuần trước. Như đã đề cập ở trên, không có hồ sơ nào tốt hơn hồ sơ nào và do đó, nhà giao dịch sẽ lựa chọn phong cách giao dịch nào để sử dụng. Điều quan trọng là hồ sơ bạn chọn được hoàn thiện để tránh nhầm lẫn khi sửa đổi các mốc hiện tại.

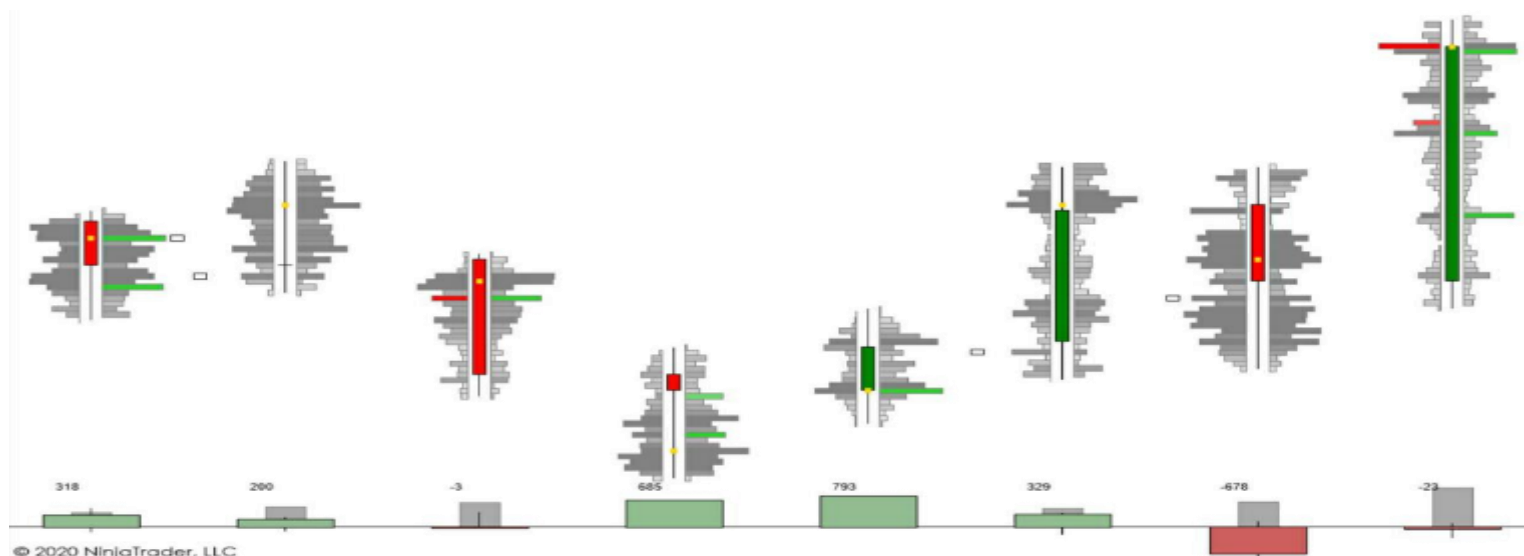
Trong hộp màu đỏ đầu tiên, chúng ta sẽ ở vị trí hoạt động chờ giá kích hoạt vị thế vào lệnh của chúng ta. Chúng ta đang ở bên trong vùng giá trị nhưng tương tác ngay trên VPOC của hồ sơ, vì vậy bias của chúng ta ở điểm đó, ở trên VPOC, sẽ ủng hộ cho việc tiếp diễn xu hướng tăng.

Giá phát triển một cấu trúc nhỏ và ở vị trí của Spring tiềm năng trùng với một cú test ở mức hoạt động. Từ đó, sự mất cân bằng theo xu hướng tăng đầu tiên được tạo ra, làm cho hồ sơ bị phá vỡ ở đỉnh. Cách Weis đang nổi lên rất rõ ràng chỉ ra rằng sự tham gia sâu vào chuyển động phá vỡ; và hành động theo sau biểu thị sự thiếu quan tâm đến chuyển động như thế nào.

Ngay chính tại thời điểm đó, khi chuyển động phá vỡ kết thúc, các nhà giao dịch sử dụng các công cụ đã được đề xuất trong phương pháp luận này sẽ cảm thấy cần phải nghiêng hẳn về phía chuyển động tăng sẽ tiếp diễn. Về cơ bản, bởi vì chúng ta vừa quan sát thấy một cấu trúc tích lũy nhỏ đã cố gắng để phá vỡ theo hướng tăng, cho thấy rằng quyền kiểm soát dường như nằm trong tay người mua.

Như đã đề xuất trong checklist giao dịch, chúng ta đã giải quyết xong điểm đầu tiên đó là: chúng ta muốn làm gì, mua hay bán. Trong trường hợp này và như chúng ta vừa tranh luận, chúng ta muốn ưu tiên mua. Bây giờ chúng ta cần trả lời điểm số hai trong danh sách, đó là: nơi chúng ta muốn mua. Chúng ta cần xác định mức giá mà chúng ta sẽ chờ đợi. Trong ví dụ này, chúng ta có một vùng hợp lưu rất quan trọng: Vùng HVN của profile tuần vừa bị phá vỡ, VWAP tuần (đường màu xanh lá cây) và đỉnh của cấu trúc tích lũy trước đó (creek).

Việc xác định xong điểm thứ hai của danh sách ngay lập tức dẫn chúng ta đến điểm thứ ba, đó là việc thiết lập kịch bản. Trong trường hợp này, vì chúng ta đã có mốc hoạt động, chúng ta sẽ chờ đợi một chuyển động duy nhất sẽ đưa giá vào vùng hoạt động của chúng ta.



Khi giá đã ở đó, cuối cùng chúng ta sẽ phải đợi sự hình thành của entry trigger, đó là một phần của bước số bốn trong checklist. Trong ví dụ này, chúng ta đã sử dụng foot print để hiển thị order flow và nó cho phép chúng ta thấy sự tham gia của các người mua chủ động, thể hiện trên hai cây nến có delta dương là 685 và 793 đã để lại sự mất cân bằng trong cột ASK. Chúng ta đã hoàn thành danh sách checklist của mình và do đó đã sẵn sàng để đặt lệnh vào thị trường.

8.3 Cặp S&P500 Index (\$ES)

Biểu đồ ngày 17 tháng 7 năm 2020. Bối cảnh giao dịch trong Trading Range.

Giao dịch khi đảo chiều tăng.



Trước tiên, quan sát chart M15, chúng ta thấy giá ở dưới vùng giá trị của ngày hôm trước và bắt đầu hình thành một vùng giá trị mới ở khu vực đó.

Ban đầu ta nghiêng về hướng giao dịch theo hướng xu hướng giảm sẽ tiếp diễn, trừ khi bối cảnh dài hạn hơn lại có bias khác, chúng ta nên sẵn sàng ưu tiên lệnh short trong một cú test tiềm năng đối với VAL của phiên trước.

Thay vào đó, những gì chúng ta thấy là giá cố gắng quay lại vùng giá trị đó sau đó rung chuyển xuống mức thấp và hình thành nguyên nhân cho một sóng tăng. Điều này phản ánh tầm quan trọng của việc xử lý các kịch bản khác nhau tùy thuộc vào cách giá hành xử và sự đánh giá liên tục các chuyển động.

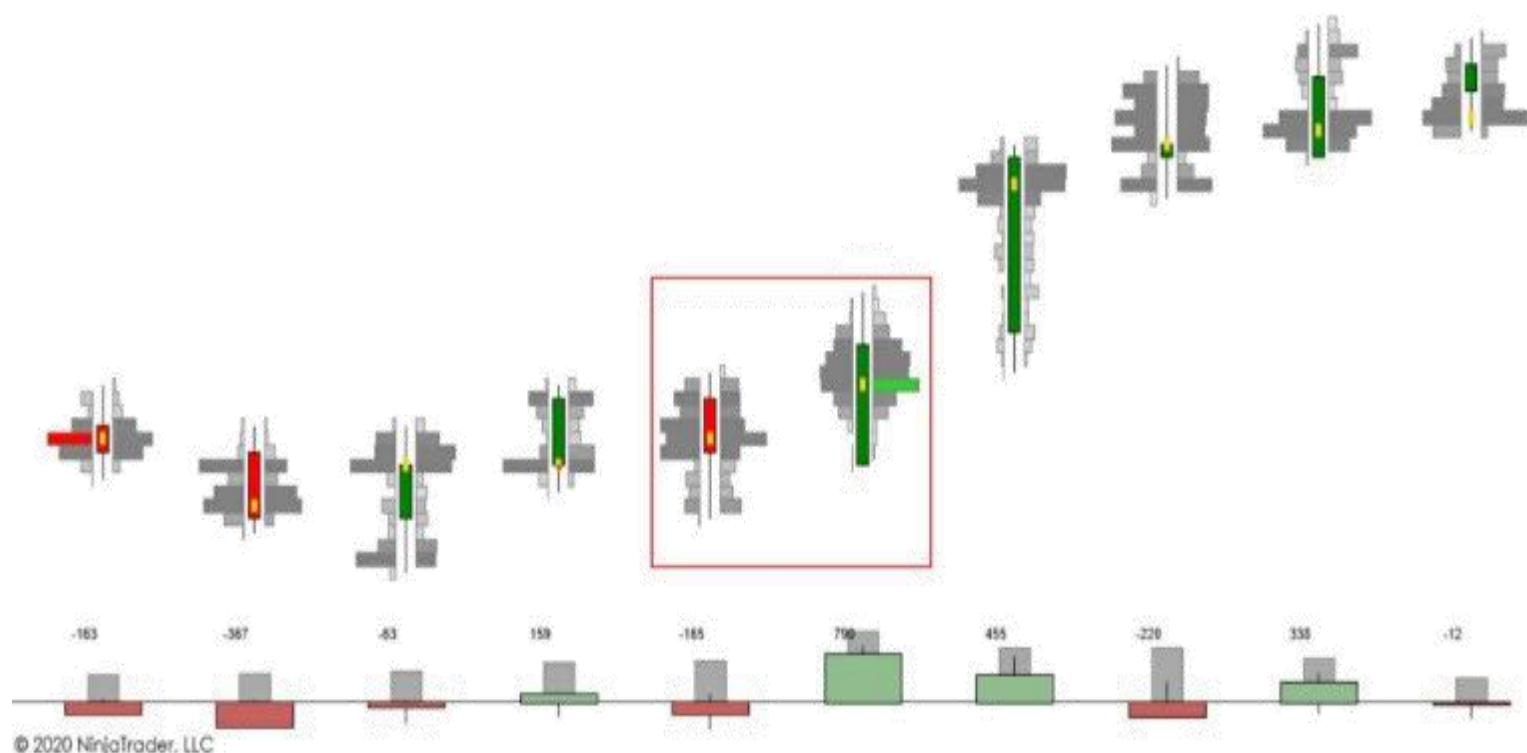
Nếu chúng ta quan sát kỹ biểu đồ, sau khi vào lại Vùng giá trị, giá sẽ giảm xuống để test vùng mà VWAPs hội tụ. Có thể cú test này sẽ không cho chúng ta đủ sự tự tin để vào lệnh mua ngay bởi vì nó thấp hơn một chút so với VAL; nhưng cơ hội xuất hiện khi giá quay trở lại VA và bây giờ nó để lại một cú test bên trong vùng giá trị.

Trong chart M5 (5 phút), chúng ta thấy hành động này chi tiết hơn. Ở đây, cấu trúc theo phương pháp Wyckoff dễ nhận biết hơn. Mặc dù điểm dừng của xu hướng giảm là không chính xác lắm, nhưng chúng ta thấy một số quá trình dừng lại và các cú test ở spring trở thành nguyên nhân của sự phá vỡ đi lên. Một lần nữa, việc quan sát chỉ báo sóng Weis rất hữu ích, cho thấy sự hỗ trợ của các nhà đầu tư tổ chức đối với xu hướng. Sau khi phá vỡ, giá không vào lại phạm vi giao dịch bằng cách chấp nhận các mức giá đó.

Khi đến thời điểm mà chúng ta đang ở trong một tình huống BUEC có khả năng gây ra sự mất cân bằng theo hướng đi lên, chúng ta đã chờ đợi sự xuất hiện của entry trigger cho phép chúng ta thực hiện các lệnh mua.



Do đó, đã đến lúc bắt đầu quan sát biểu đồ footprint để tìm kiếm mô hình đảo chiều cảnh báo chúng ta về sự mất cân bằng có lợi cho các nhà đầu cơ đang giữ vị thế mua.



Thực tế là rất dễ để quan sát thấy sự hấp thụ và mất cân bằng tiềm năng trong hộp trên, sự mất cân bằng đã được phản ánh trong cây nến tăng, thông qua việc nó có khối lượng giao dịch lớn và delta dương. Sau khi xuất hiện điều này, chắc chắn đó sẽ là thời điểm tốt để vào lệnh mua.

TP đầu tiên chúng ta sẽ là điểm đối diện của vùng giá trị, trong trường hợp này là VAH.

8.4 Cặp US Dollar/Canadian Dollar (\$6C)

Biểu đồ của ngày 22 tháng 7 năm 2020. Bối cảnh trading range, giao dịch ở vùng cực trị.



Giá mở cửa của ngày hôm sau nằm trong vùng giá trị của ngày hôm trước, nơi nó bắt đầu dừng lại gợi ý cho sự cân bằng giữa người mua và người bán. Các nhà giao dịch đang hoạt động tại thời điểm đó đang có mức định giá rất giống nhau, điều này gây ra sự đảo chiều liên tiếp ở quanh khu vực trung tâm.

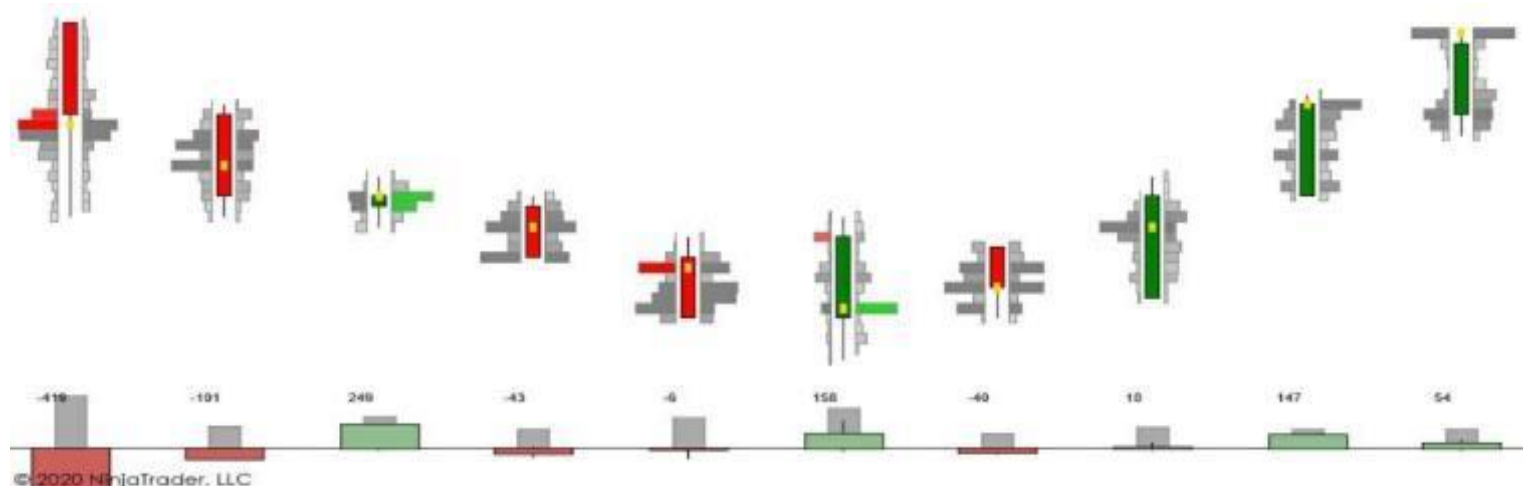
Với bối cảnh cơ bản này; và theo giả thuyết rằng thị trường sẽ tiếp tục ở trạng thái cân bằng này, không có thông tin mới nào xuất hiện khiến các bên tham gia thay đổi sự định giá, thì nguyên tắc hoạt động cần thực hiện là tìm kiếm sự đảo chiều ở các vùng cực trị để vào lệnh; nghĩa là, vào lệnh mua khi giá chạm tới VAL và bán khi giá chạm tới VAH.

Do đó, chúng ta đã sẵn sàng để đề xuất các kịch bản. Chúng ta biết chúng ta muốn làm gì (mua hoặc bán) và chúng ta biết vị trí chính xác nơi chúng ta sẽ đợi giá để vào lệnh. Điều này có nghĩa là phải có kế hoạch hành động rõ ràng và không được fomo theo giá.

Như được hiển thị trong biểu đồ, giá cuối cùng sẽ ghé thăm đáy của vùng giá trị. Nó thực hiện một cú test và từ đó nó đi thẳng sang phía đối diện. Theo phương pháp Wyckoff, chúng ta có đặt tên cho chuyển động này là một Spring tiềm năng.

Vào chính thời điểm đó, quan sát Order Flow có thể sẽ hữu để xác nhận có hay không nên kích hoạt lệnh mua của chúng ta. Chúng ta đang ở đúng vị trí và vì chúng

ta biết rằng giá có thể mở rộng thêm một chút trước khi quay đầu hoặc thậm chí tiếp tục xu hướng giảm, chúng ta cần xem lệnh mua chủ động trên khu vực đó để xác định thời điểm bắt đầu tiềm năng của sự mất cân bằng theo xu hướng tăng.



Và ngay tại vị trí của Spring tiềm năng, chúng ta thấy sự xuất hiện của sự mất cân bằng đó trên cột ASK, điều này có thể gợi ý sự gia tăng của phe mua. Đây sẽ là tín hiệu mà chúng ta đang tìm kiếm trước khi tiến hành vào lệnh.

Như chúng ta có thể thấy, giá sau đó được phóng về phía đối diện, vượt qua toàn bộ vùng giá trị. Đây là một ví dụ về hoạt động theo nguyên tắc 80% Market Profile. Nguyên tắc này gợi ý rằng trong trường hợp giá cố gắng thoát ra khỏi vùng giá trị và không thành công, nhập lại vùng giá trị đó một lần nữa, thì giá có 80% cơ hội đạt đến điểm cuối đối diện của vùng giá trị đó. Mặc dù chiến lược này được tạo ra cho Market Profile, nhưng nguyên tắc tương tự có thể được sử dụng khi áp dụng Volume profile nhờ vào những điểm tương đồng về lý thuyết của chúng.

Do đó, việc chốt lời sẽ rất rõ ràng trong trường hợp này: bằng cách test VAH. Trong trường hợp giá đạt đến mức như vậy, tình hình sẽ rất thú vị bởi vì chúng ta sẽ đến từ Spring; mà như chúng ta đều biết, đó là sự kiện làm mất cân bằng sự kiểm soát của cấu trúc đi lên. Do đó, phân tích của chúng ta là đúng, sẽ vẫn phải phát triển thêm ít nhất một sóng tăng nữa.

Đó sẽ là lộ trình mà chúng ta sẽ xử lý, nhưng chắc chắn rằng thử nghiệm đối với VAH là khu vực quản lý đầu tiên của chúng ta. Ở đây bạn có thể quyết định đóng toàn bộ lệnh hoặc rời khỏi một số giao dịch, nhưng những gì chúng ta nên làm ít nhất là để bảo vệ vị thế đó; nghĩa là, để chuyển mức giá chốt lỗ đến mức giá vào lệnh (điểm hòa vốn).

8.5 Cặp Pound/Dollar Cross (\$6B)

Ngày 03 tháng 8 năm 2020. Bối cảnh giá trong xu hướng, giao dịch khi giá tiếp xúc với vùng giá trị.



Ví dụ về intraday trading thiên về bối cảnh ngắn hạn, trong trường hợp này, sử dụng volume profile của phiên trước.

Thực tế là việc sử dụng các hồ sơ từ các phiên trước để làm cơ sở cho hoạt động của chúng ta không có nghĩa là bỏ qua các nguyên tắc của phương pháp Wyckoff. Như chúng ta thấy, về cơ bản nó giống nhau, khác biệt duy nhất là về khung thời gian được sử dụng.

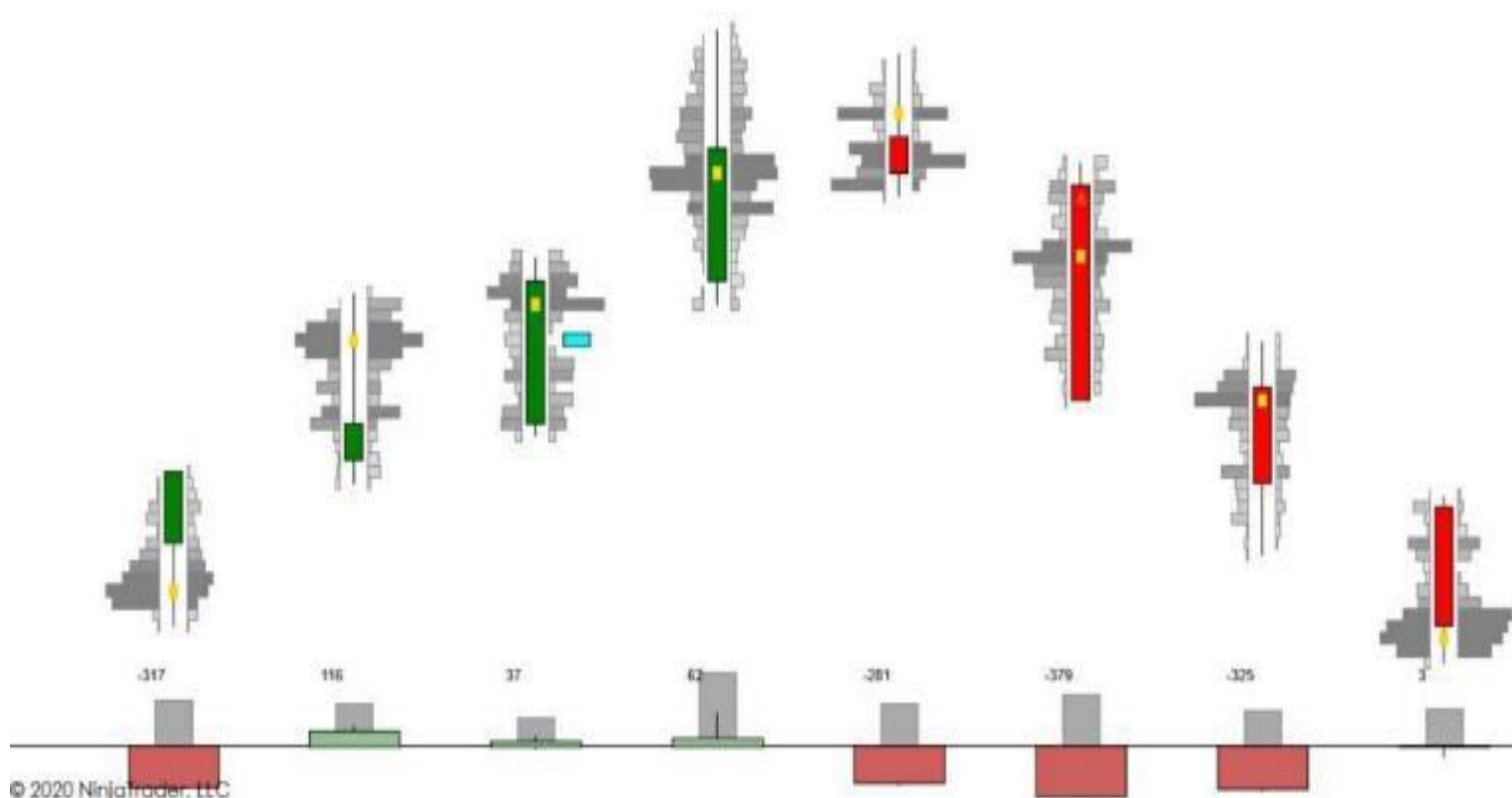
Bất kỳ nhà khai thác Wyckoff nào với một số kinh nghiệm đều có thể xác định một cấu trúc và gọi tên tất cả các sự kiện mà phương pháp đó dạy cho chúng ta trong hồ sơ đó. Hơn nữa, vào thời điểm nó được chỉ ra là khu vực cần tìm vị trí kích hoạt, các nhà phân tích sắc sảo nhất sẽ có thể xác định một cấu trúc mới. Đây là điều quan trọng, bối cảnh, những gì bạn ưu tiên (mua hoặc bán) dựa trên cơ sở của hành động giá.

Trong ví dụ này, sau khi thấy rằng giá đến từ một cấu trúc phân phối, ban đầu chúng ta sẽ ủng hộ việc mở lệnh short. Bước tiếp theo sẽ là xác định thời điểm chúng ta chờ đợi giá để tiến hành tìm kiếm entry trigger. Ở đây, khu vực tiềm năng đầu tiên là VAL của phiên trước.

Trong phiên hiện tại, thị trường bắt đầu dừng lại để tạo ra vùng giá trị mới. Đây là một dấu hiệu của sự chấp nhận sự phân phối trước đó, vì vậy chúng ta có thể thêm một entry nữa nghiêng về kịch bản xu hướng giảm.

Khi giá được tìm thấy trong vùng hoạt động được đề xuất, chúng ta có một hợp lưu các sự kiện quan trọng vì một mặt giá sẽ phát triển một cú test đối với vùng giá trị bị phá vỡ cũ; mặt khác chuyển động như vậy có thể là một phần của sự rung lắc của cấu trúc mới đang hình thành.

Đây sẽ là thời điểm lý tưởng để phân tích biểu đồ Order flow và xem điều gì đang xảy ra bên trong các cây nến và liệu trong thời gian ngắn nhất, trigger của chúng ta có được xác nhận không.



Và đây là những gì diễn ra tại ngay vị trí đó. Một đợt giảm giá với lệnh bán chủ động xuất hiện. Với những gì đã diễn ra trong cây nến tăng giá cuối cùng, chúng ta có thể gợi ý cho một sự hấp thụ lực mua, nó được chứng minh bằng việc khối lượng giao dịch lớn, số lượng lớn các lần khớp lệnh diễn ra trong cột ASK và độ dài của râu nến trên cho thấy xu hướng tăng đã không thể tiếp tục.

Những ví dụ này rất hữu ích để thấy được vô số cách của cùng một hành động, như trong trường hợp này là xu hướng giảm, có thể xuất hiện trên biểu đồ. Đôi khi cả quá trình hấp thụ và khởi sinh đều rất dễ thấy; và đôi khi nó sẽ không như vậy. Giả sử chúng ta đang ở trong một khu vực hoạt động cụ thể và chúng ta có sự hỗ trợ của bồi cảnh, sẽ thú vị hơn nếu ưu tiên sự xuất hiện sự khởi sinh nghiêng về hướng chúng ta mong đợi thị trường sẽ di chuyển, thay vì quan sát xem có hay không có diễn ra quá trình hấp thụ trước đó, vì như chúng ta thấy không phải lúc nào nó cũng dễ thấy.

Không giống như quá trình hấp thụ, sự khởi sinh thực sự sẽ là một hành động không thể thiếu (đối với những nhà giao dịch quyết định phân tích order flow), vì cuối cùng chúng ta đang chờ đợi những nhà đầu cơ đó xuất hiện để tạo ra sự mất cân bằng hoàn toàn.

Cuối cùng, trong hoạt động này, TP có thể sẽ được đặt ở mức VPOC cũ và về bản chất, mức này đại diện cho một khu vực giao dịch cao ngay cả trong ngắn hạn.

8.6 Cặp Euro/Dollar (\$6E)

Ngày 31 tháng 8 năm 2020. Bối cảnh Trading range, Giá đang trong range, nguyên tắc đảo chiều không thành công.



Ban đầu chúng ta ưu tiên kịch bản đảo chiều và sau đó thay đổi bias vì vậy nên cách hành động này thường gây ra vấn đề về sự tự tin của các trader.

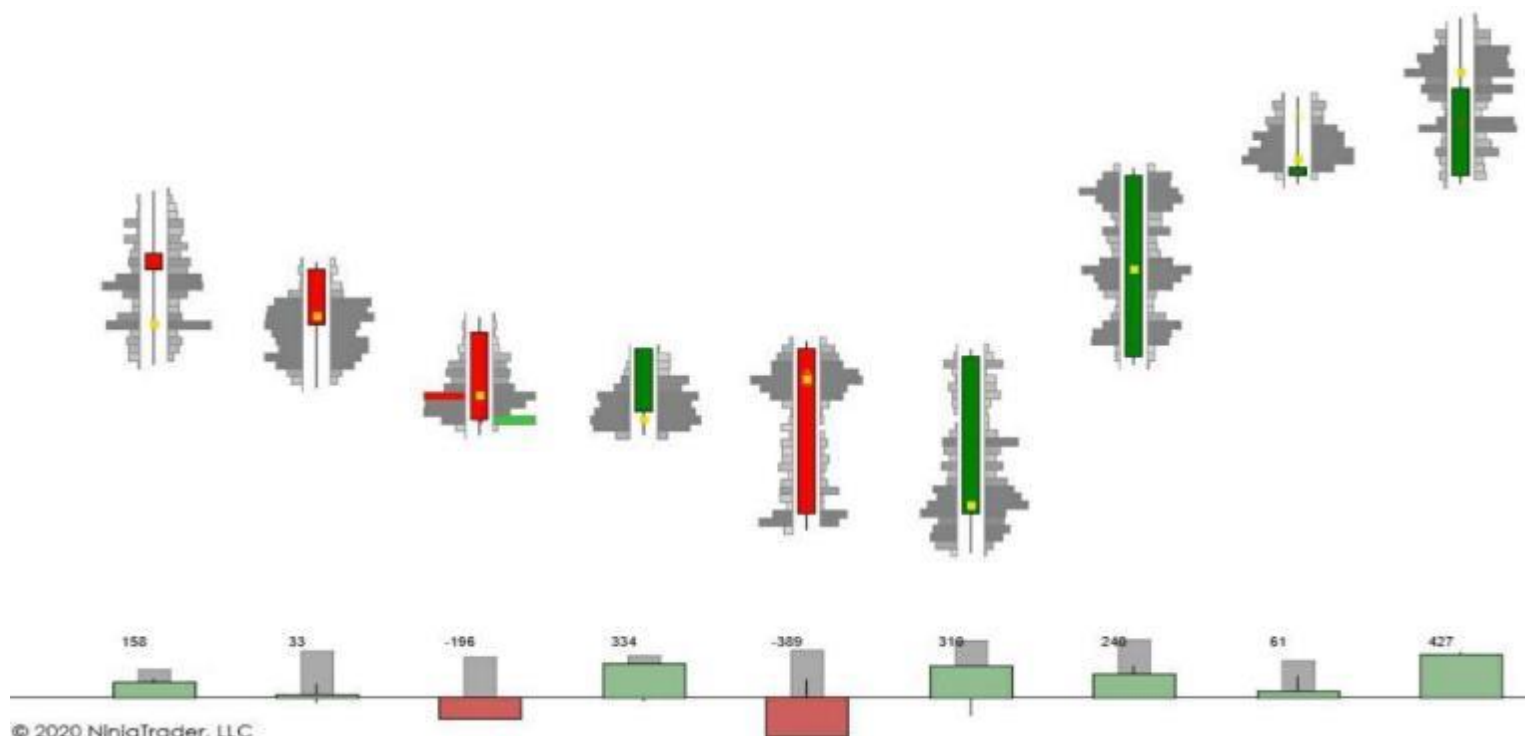
Cũng sử dụng VP của ngày hôm trước để làm cơ sở hoạt động, chúng ta thấy rằng vào ngày cuối cùng, giá cố gắng tăng lên để đi ra khỏi vùng giá trị, nhưng bị từ chối và quay trở lại trading range. Tại thời điểm đó, chúng ta bắt đầu tìm kiếm sự lệnh short sell do nguyên tắc đảo chiều.

Đảo chiều không thành công là một ví dụ hoàn hảo về lý do tại sao nên sử dụng các mốc hoạt động để quản lý vị thế khi giá tương tác với chúng. Đây là những vùng mang tính quyết định và chúng ta không biết điều gì sẽ xảy ra, do đó, điều duy nhất nằm trong tầm kiểm soát của chúng ta là giảm thiểu rủi ro cho các hoạt động của mình.

Nếu giá chỉ vừa đi qua vùng hoạt động đã xác định, chúng ta thấy sự đảo chiều thể hiện trong biểu đồ footprint, ít nhất hai quyết định có thể được đưa ra kịp thời.

Đầu tiên, nếu chúng ta đang ở vị thế short, chúng ta có thể muốn đóng vị thế và tránh chạm vào Stop Loss ngay cả khi nó đã được rời đến điểm hòa vốn. Loại quản lý tích cực này, trong những thời điểm như thế này là rất quan trọng vì nó sẽ cho phép chúng ta giảm thiểu rủi ro hơn nữa, có thể tạo thêm một vài điểm cho thị trường. Mặt khác, nếu xem xét kèm theo bối cảnh dài hạn hơn, bạn có thể muốn vào lệnh mua thiên về nguyên tắc đảo chiều thất bại này.

Trong trường hợp bạn đề xuất lệnh mua, có một chi tiết thú vị cần tính đến. Vì entry trigger nằm dưới VWAP tuần, nên tốt nhất là dùng ít đòn bẩy thôi, chẳng hạn như trong thị trường CFD. Đây là một ví dụ hoàn hảo để đánh giá khả năng giao dịch cùng một loại tài sản trên các thị trường khác nhau tùy thuộc vào sự chắc chắn mà giao dịch được đề cập mang lại cho chúng ta. Nếu chúng ta thấy mình ở trong một tình huống như thế này, trong đó chúng ta quan sát thấy các yếu tố như vậy đi ngược lại với kịch bản đã đề xuất, điều tốt nhất nên làm là không thực hiện giao dịch trong một thị trường đòn bẩy như thị trường tương lai (future market), và ngược lại, hãy đến một thị trường cung cấp cho chúng ta loại giao dịch ít đòn bẩy hơn, chẳng hạn như CFD.



Đi sâu hơn vào khái niệm làm việc với các broker và thị trường khác nhau, điều quan trọng cần nhớ là bạn không nhất thiết phải tự trói buộc trong bất kỳ loại hoạt động cụ thể nào. Bạn có thể muốn thực hiện các giao dịch đầu cơ ngắn hạn hơn bằng cách giao dịch trên thị trường futures; hoặc trung hạn trên thị trường CFD, và cũng có thể thực hiện các giao dịch dài hạn hơn với cổ phiếu giao ngay hoặc quỹ giao dịch trao đổi (ETF) chẳng hạn.

Đây là một trong những lợi ích của phương pháp Wyckoff - tính bao quát của nó. Dựa trên động cơ thực tế của thị trường, sự tương tác liên tục giữa người mua và người bán, đều có giá trị như nhau bất kể loại tài sản giao dịch gì và khung thời gian bao lâu, yêu cầu cơ bản duy nhất là tài sản cụ thể đó phải có đủ tính thanh khoản.

THE END.